



HỒ KHẮC VŨ

**285 ĐỀ THI**  
**HỌC KỲ 2**  
*Sachhoc.com*  
**MÔN TOÁN LỚP 5**

(CÓ ĐÁP ÁN)

TỦ SÁCH LUYỆN THI



**HỒ KHẮC VŨ**

**285 ĐỀ THI HỌC KỲ 2  
MÔN TOÁN LỚP 5**

**CÓ ĐÁP ÁN**

**TỦ SÁCH LUYỆN THI**

LỚP 1

ĐỀ SỐ 031

Phần 1: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất .(3 đ)

1) Một tuần lễ em nghỉ học mấy ngày ?

- a. 4 ngày      b. 3 ngày      c. 2 ngày      d. 1 ngày

2) 75 gồm:

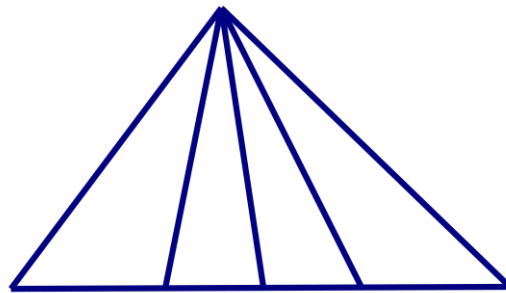
- a. 70 chục và 5 đơn vị      c. 7 và 5  
b. 5 chục và 7 đơn vị      d. 7 chục và 5 đơn vị

3) 25 đọc là :

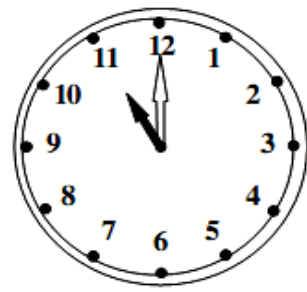
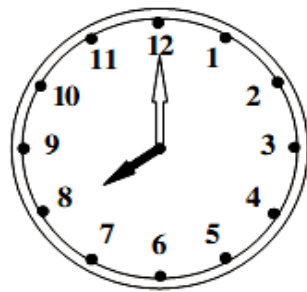
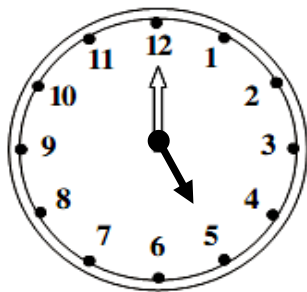
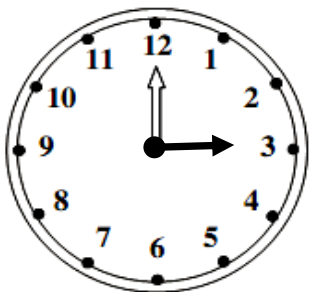
- a. hai mươi năm      c. hai mươi lăm  
b. hai năm      d. hai lăm

4) Hình bên gồm :

- a. 4 hình tam giác  
b. 5 hình tam giác  
c. 6 hình tam giác  
d. 7 hình tam giác  
e. 10 tam giác



5) Nối đồng hồ với số giờ đúng:



8 giờ

3 giờ

5 giờ

11 giờ

Phần 2: (7 đ)

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

1) Đặt tính rồi tính:

$46 + 43$

$87 - 35$

$7 + 32$

$69 - 5$

2) Điền dấu  $<$ ,  $>$ ,  $=$  vào chỗ chấm (2 đ) :

a.  $47\text{cm} - 21\text{cm} \dots\dots 18\text{cm}$

c.  $35\text{cm} + 50\text{cm} \dots\dots 50\text{cm} + 35\text{cm}$

b.  $41\text{cm} + 8\text{cm} \dots\dots 42\text{cm}$

d.  $17\text{cm} + 41\text{cm} \dots\dots 40\text{cm} + 17\text{cm}$

3) Viết số (1 đ)

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
|               | 90         |             |
|               | 59         |             |
|               | 99         |             |
|               | 51         |             |

4) Lớp 1A có 34 bạn trong đó có 10 bạn nam. Hỏi có bao nhiêu bạn nữ ? (2 đ)

Bài giải

.....  
 .....  
 .....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 031**

## I. TRẮC NGHIỆM

1.C    2.D    3.C    4.E    5.Học sinh tự nói

Phân II.

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$46 + 43 = 89$        $87 - 35 = 52$        $7 + 32 = 39$        $69 - 5 = 64$

2) Điền dấu  $> = <$

a)  $47\text{ cm} - 21\text{ cm} > 18\text{ cm}$

c)  $35\text{ cm} + 50\text{ cm} = 50\text{ cm} + 35\text{ cm}$

b)  $41\text{ cm} + 8\text{ cm} > 42\text{ cm}$

d)  $17\text{ cm} + 41\text{ cm} > 40\text{ cm} + 17\text{ cm}$

3)

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| 89            | 90         | 91          |
| 58            | 59         | 60          |
| 98            | 99         | 100         |
| 50            | 51         | 52          |

4) Số bạn học sinh nữ lớp 1A có là :  $34 - 10 = 24$  (bạn)      Đáp số: 24 bạn

**ĐỀ SỐ 032**

**Bài 1:** a) Khoanh vào số lớn nhất:

72

96

85

47

b) Khoanh tròn vào số bé nhất:

50

61

48

58

**Bài 2:** Khoanh vào chữ đặt trước kết quả trả lời đúng.

a) Số liền trước của số 70 là:

A. 71

B. 69

C. 60

D. 80

b) Số liền sau của số 99 là:

A. 98

B. 90

C. 89

D. 100

**Bài 3:** Đúng ghi đ, sai ghi s vào ô trống:

a)  $77 - 7 - 0 = 77$  ☐

c)  $65 - 33 < 33$  ☐

b)  $90 + 5 > 94$  ☐

d)  $63 = 36$  ☐

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

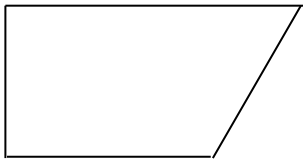
**Bài 4:** Đặt tính rồi tính:

|           |           |           |           |           |           |
|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| $52 + 37$ | $26 + 63$ | $76 + 20$ | $68 - 31$ | $75 - 45$ | $87 - 50$ |
| .....     | .....     | .....     | .....     | .....     | .....     |
| .....     | .....     | .....     | .....     | .....     | .....     |
| .....     | .....     | .....     | .....     | .....     | .....     |

**Bài 5:** Một cuốn truyện có 37 trang, Lan đã đọc được 12 trang. Hỏi còn bao nhiêu trang Lan chưa đọc?

Bài giải:

**Bài 6:** Kẻ thêm một đoạn thẳng để có 2 hình tam giác:



**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 032**

1) a) 96      b) 48

2) a) B      b) D

3) a) S      b) Đ      c) Đ      d) S

Bài 4. Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

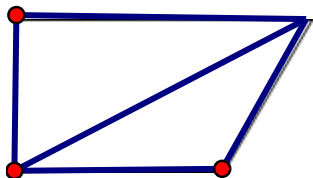
|                |                |                |
|----------------|----------------|----------------|
| $52 + 37 = 89$ | $26 + 63 = 89$ | $76 + 20 = 96$ |
| $68 - 31 = 37$ | $75 - 45 = 30$ | $87 - 50 = 37$ |

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Bài 5. Số trang Lan còn phải đọc là :  $37 - 12 = 25$  (trang)

Đáp số: 25 trang

Bài 6.



### ĐỀ SỐ 033

BÀI 1:

a. Viết các số sau :

- Sáu mươi chín.....
- Tám mươi ba .....

b. Viết số thích hợp vào ô trống

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
|               | 60         |             |
|               | 98         |             |

BÀI 2. a. Viết đúng các số sau : 34 ; 29 ; 81 ; 63

- Theo thứ tự từ bé đến lớn .....
- Theo thứ tự từ lớn đến bé .....

b. Điền dấu vào ô trống  $<$  ,  $>$  ,  $=$

-  $41 + 32 \square 70 + 3$

$25 - 5 \square 45 - 23$

BÀI 3 : Đặt tính rồi tính

$39 - 23$

$56 - 14$

$47 + 52$

$42 + 34$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 4 : Tính :

a.  $12 + 5 - 3 = \dots\dots\dots$

$29 - 4 + 5 = \dots\dots\dots$

b.  $38\text{cm} - 6\text{cm} + 20\text{cm} = \dots\dots\dots$

$40\text{ cm} + 7\text{cm} - 47\text{cm} = \dots\dots\dots$

BÀI 5 :

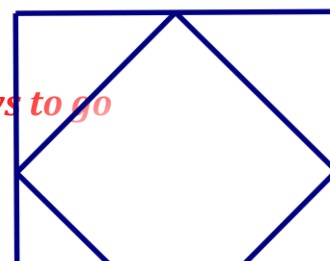
a/ Nhà em có nuôi 24 con gà và 15 con vịt . Hỏi nhà em có tất cả bao nhiêu con gà và con vịt.

.....  
.....  
.....  
.....

b/ Lan có sợi dây dài 76cm, Lan cắt đi 40cm . Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu xăngtimet?

.....  
.....  
.....

BÀI 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm hình vẽ bên có ?



*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

- .....hình tam giác ?
- .....hình vuông ?

### **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 033**

**Bài 1.** a) Sáu mươi chín: 69

Tám mươi ba : 83

b)

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| 59            | 60         | 61          |
| 97            | 98         | 99          |

**Bài 2.** a) bé đến lớn: 29;34;63;81

Lớn đến bé: 81;63;34;29

b)  $> = <$   $41+32=70+3$

$25-5 < 45-23$

**Bài 3.** Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$39-23=16$$

$$56-14=42$$

$$47+52=99$$

$$42+34=76$$

**Bài 4.**

$$a) 12+5-3=14$$

$$29-4+5=30$$

$$b) 38cm-6cm+20cm=52cm$$

$$40cm+7cm-47cm=0$$

**Bài 5.a)** Số con gà và vịt nhà em nuôi là :  $24+15=39(con)$

Đáp số: 39 con

b) Số xăng ti mét sợi dây còn lại là :  $76-40=36(cm)$

Đáp số: 36 cm

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

bài 6. Có 4 hình tam giác, có 2 hình vuông.

**ĐỀ SỐ 034**

Câu 1: Viết số thích hợp vào ô trống

a, 

|    |
|----|
| 40 |
|----|

|  |
|--|
|  |
|--|

|  |
|--|
|  |
|--|

|    |
|----|
| 43 |
|----|

|  |
|--|
|  |
|--|

|  |
|--|
|  |
|--|

|  |
|--|
|  |
|--|

|  |
|--|
|  |
|--|

|    |
|----|
| 48 |
|----|

|  |
|--|
|  |
|--|

b, 

|    |
|----|
| 60 |
|----|

|  |
|--|
|  |
|--|

|  |
|--|
|  |
|--|

|  |
|--|
|  |
|--|

|    |
|----|
| 64 |
|----|

|  |
|--|
|  |
|--|

|  |
|--|
|  |
|--|

|    |
|----|
| 67 |
|----|

|  |
|--|
|  |
|--|

|  |
|--|
|  |
|--|

Câu 2: Tính

$$22 \text{ cm} + 32 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$80 \text{ cm} - 50 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$40 \text{ cm} + 50 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$62 \text{ cm} - 12 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

Câu 3: Đặt tính rồi tính:

$$35 + 23$$

$$89 - 41$$

$$37 + 21$$

$$82 + 6$$

.....

.....

.....

Câu 4: Có 8 con chim đậu trên cây, sau đó bay đi 2 con chim. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu con chim?

.....

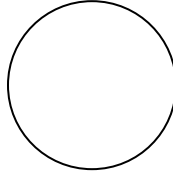
.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

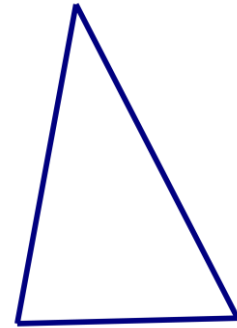
Câu 5: Viết tên mỗi hình vào chỗ chấm:



Hình .....



Hình .....



Hình .....

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 034

1) a) 40; 41; 42; 43; 44; 45; 46; 47; 48; 49

b) 60; 61; 62; 63; 64; 65; 66; 67; 68; 69

2) Tính  $22\text{ cm} + 32\text{ cm} = 54\text{ cm}$        $80\text{ cm} - 50\text{ cm} = 30\text{ cm}$   
 $40\text{ cm} + 50\text{ cm} = 90\text{ cm}$        $62\text{ cm} - 12\text{ cm} = 50\text{ cm}$

3) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$35 + 23 = 58 \qquad 89 - 41 = 48$$

$$37 + 21 = 58 \qquad 82 + 6 = 88$$

Câu 4. Số con chim trên cây còn lại là :  $8 - 2 = 6$  (con)      Đáp số: 6 con

Câu 5. Từ trái qua phải: hình vuông ; hình tròn ; hình tam giác

### ĐỀ SỐ 035

Câu 1: a. Khoanh tròn vào chữ số lớn nhất:

12 , 25 , 53 , 67 , 34 .

b. Khoanh tròn vào chữ cái bé nhất

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

85 , 56 , 24, 12 , 25.

**Câu 2:** Tính nhẩm:

$$25 + 0 = \dots$$

$$45 - 12 = \dots$$

$$12 + 23 = \dots$$

$$89 - 34 = \dots$$

**Câu 3:** Đặt tính rồi tính:

$$45 + 21$$

$$58 - 35$$

$$64 - 42.$$

**Câu 4:**

a. Đo độ dài của đoạn thẳng MN

M N  
\_\_\_\_\_

b. Vẽ đoạn thẳng theo những kích thước sau: 8cm, 12 cm

**Câu 5:** Bạn Linh có 15 quyển vở, Bạn Vĩ có ít hơn bạn Linh 3 quyển vở. Hỏi bạn Vĩ có bao nhiêu quyển vở?

.....

.....

.....

.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Câu 6: Một cửa hàng bán vải. buổi sáng cửa hàng bán được 45 m vải, buổi chiều cửa hàng bán được 12 m vải nữa. Hỏi cả ngày cửa hàng bán bao nhiêu m vải?

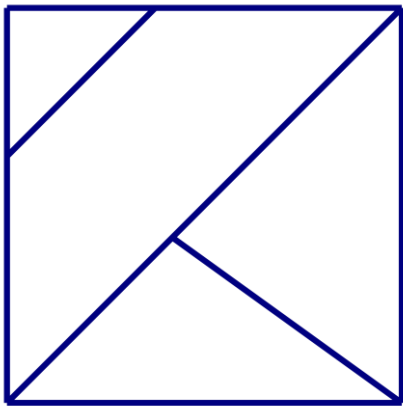
.....

.....

.....

.....

Câu 7: cho hình vẽ



- a. Trong hình có bao nhiêu hình vuông?  
Có.....Hình vuông
- b. Trong hình có bao nhiêu hình tam giác?  
Có.....Hình tam giác

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 036**

Câu 1. a) số lớn nhất: 67      Số bé nhất: 12

2) Tính nhẩm       $25 + 0 = 25$        $45 - 12 = 33$        $12 + 23 = 35$        $89 - 34 = 55$

3) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$45 + 21 = 66$        $58 - 35 = 23$        $64 - 42 = 22$

4) a)  $MN = 10$  cm

b)

**8 cm**

---

**12 cm**

---

- 5) Số quyển vở bạn Vĩ có là :  $15 - 3 = 12$  (quyển vở)      Đáp số: 12 quyển vở
- 6) Số mét vải cả ngày cửa hàng bán là :  $45 + 12 = 57$  (m vải)      Đáp số: 57 m vải
- 7) Có 1 hình vuông; có 5 hình tam giác

### ĐỀ SỐ 036

#### **Bài 1:**

**a / Viết số :**

Ba mươi chín : .....

Sáu mươi hai : .....

Năm mươi lăm : .....

Bốn mươi tám : .....

Tám mươi tám : .....

Chín mươi bảy : .....

**b/ Viết các số ; 25 , 58 , 72 , 36 , 90 , 54 theo thứ tự :**

-Từ lớn đến bé : .....

-Từ bé đến lớn : .....

**c /**

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
|               | 40         |             |

|  |    |  |
|--|----|--|
|  | 75 |  |
|  | 99 |  |

**Bài 2**

**a / Tính nhẩm :**

$15 + 4 - 8 = \dots\dots\dots$

$80 \text{ cm} - 50 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$18 - 6 + 3 = \dots\dots\dots$

$40 \text{ cm} + 20 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

**b / Đặt tính và tính :**

$35 + 12$

$85 - 43$

$60 + 15$

$78 - 38$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 3 : Điền dấu : < > = vào chỗ chấm**

$19 - 4 \dots\dots\dots 25$

$30 + 40 \dots\dots\dots 60 + 20$

$40 + 15 \dots\dots\dots 58$

$42 + 5 \dots\dots\dots 58 - 8$

**Bài 4 :**

Đàn gà nhà em có 35 con gà mái và 12 con gà trống . Hỏi đàn gà nhà em có tất cả bao nhiêu con gà ? .

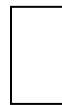
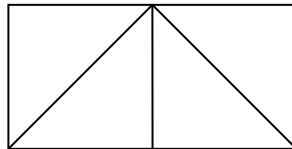
Bài giải :

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

.....  
 .....  
 .....

**Bài 5 : Hình bên có:**

- ..... hình vuông
- ..... hình tam giác



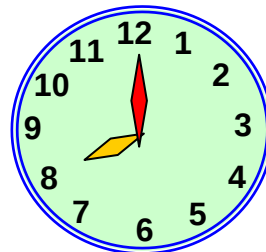
**Bài 6 : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng**

a/ Số 62 gồm:

- A, 60 chục và 2 đơn vị
- B, 6 chục và 2 đơn vị
- C, 2 chục và 6 đơn vị

b/ Đồng hồ chỉ

- A, 12 giờ
- B, 8 giờ
- C, 4 giờ



**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 036**

- 1) Ba mươi chín: 39                      Sáu mươi hai : 62
- Năm mươi lăm: 55                      Bốn mươi tám : 48

b) lớn đến bé : 90; 72; 58; 54; 36; 25

bé đến lớn: 25; 36; 54; 58; 72; 90

| Số liền trước | Số đã biết | Số liền sau |
|---------------|------------|-------------|
| 39            | 40         | 41          |
| 74            | 75         | 76          |

|    |    |     |
|----|----|-----|
| 98 | 99 | 100 |
|----|----|-----|

Bài 2.

a)  $15 + 4 - 8 = 11$        $80\text{ cm} - 50\text{ cm} = 30\text{ cm}$   
 $18 - 6 + 3 = 15$        $40\text{ cm} + 20\text{ cm} = 60\text{ cm}$

b) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$35 + 12 = 47$      $85 - 43 = 42$      $60 + 15 = 75$      $78 - 38 = 40$

Bài 3.       $> < =$

$19 - 4 < 25$        $30 + 40 < 60 + 20$   
 $40 + 15 < 58$        $42 + 5 < 58 - 8$

Bài 4. Số con gà đàn gà nhà em có là :  $35 + 12 = 47$  (con)    Đáp số: 47 con

Bài 5. Có 2 hình vuông, 5 hình tam giác

Bài 6.      a) B      b) B

ĐỀ SỐ 037

**Bài 1.** (2 điểm)

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

70 ; ..... ; ..... ; 73 ; ..... ; ..... ; .....

..... ; ..... ; 50 ; ..... ; ..... ; ..... ; 54

b) Viết các số :

Ba mươi tư : .....

Năm mươi ba : .....

Hai mươi lăm : .....

Một trăm : .....

c) Viết số theo thứ tự từ lớn đến bé : 78 ; 87 ; 94 ; 49

.....

**Bài 2.** (2 điểm) Đặt tính rồi tính :

$$20 + 40$$

$$34 - 12$$

$$23 + 32$$

$$58 - 48$$

**Bài 3.** (2 điểm) Tính :

$$13 + 4 - 5 = \dots\dots\dots$$

$$24 \text{ cm} - 4 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$26 - 5 + 8 = \dots\dots\dots$$

$$40 \text{ cm} + 7 \text{ cm} - 37 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

**Bài 4.** (1 điểm) Điền số thích hợp vào ô trống :

$$\square + 43 = 43$$

$$56 - \square = 56$$

$$22 + \square = 27$$

$$35 - \square = 31$$

**Bài 5. (2điểm)**

a) Viết tiếp vào bài giải :

Bà có 36 quả trứng, bà đã bán 24 quả. Hỏi bà còn bao nhiêu quả trứng ?

*Bài giải*

Bà còn lại số quả trứng là :

.....

Đáp số : .....

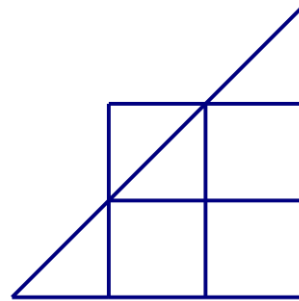
b) An có 12 viên bi màu xanh và 7 viên bi màu đỏ. Hỏi An có tất cả bao nhiêu viên bi ?

*Bài giải*

**Bài 6. (1điểm)** Hình vẽ bên có :

a) Có ..... hình tam giác

b) Có .....vuông



**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 037**

1) a) 70; 71; 72; 73; 74; 75; 76

48; 49; 50; 51; 52; 53; 54

b) Ba mươi tư: 34

Năm mươi ba: 53

Hai mươi lăm: 25

Một trăm : 100

c) Từ lớn đến bé: 94; 87; 78; 49

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$20 + 40 = 60$

$23 + 32 = 55$

$34 - 12 = 22$

$58 - 48 = 10$

Câu 3

$13 + 4 - 5 = 12$

$24\text{ cm} - 4\text{ cm} = 20\text{ cm}$

$26 - 5 + 8 = 29$

$40\text{ cm} + 7\text{ cm} - 37\text{ cm} = 10\text{ cm}$

Câu 4.  $0 + 43 = 43$        $56 - 0 = 56$   
 $22 + 5 = 27$        $35 - 4 = 31$

Câu 5. a) Bà còn lại số quả trứng là :  $36 - 24 = 12$  (quả)      Đáp số: 12 quả

b) Số viên bi An có tất cả là :  $12 + 7 = 19$  (viên bi)      Đáp số: 19 viên bi

6) Có 5 hình tam giác, 5 hình vuông

**ĐỀ SỐ 038**

**Bài 1: Viết các số 36, 63, 69, 84 theo thứ tự:**

A, Từ bé đến lớn:.....

B, Từ lớn đến bé: .....

**Bài 2: Đặt tính rồi tính:**

$63 + 35$

$31 + 46$

$87 - 24$

$79 - 27$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 3: Tính:**

$50 + 30 = \dots\dots\dots$

$90 - 40 = \dots\dots\dots$

$29 - 5 = \dots\dots\dots$

$27 + 2 = \dots\dots\dots$

$15 + 2 - 3 = \dots\dots\dots$

$87 - 2 - 4 = \dots\dots\dots$

**Bài 4 :** Nga hái được 23 bông hoa , Hồng hái được 26 bông hoa . Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa ?

**.Giải**

.....

.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 038

1) A. bé đến lớn: 36;63;69;84                      B. lớn đến bé: 84;69;63;36

2) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$63 + 35 = 98$$

$$31 + 46 = 77$$

$$87 - 24 = 63$$

$$79 - 27 = 52$$

3) Tính:

$$50 + 30 = 80$$

$$90 - 40 = 50$$

$$29 - 5 = 24$$

$$27 + 2 = 29$$

$$15 + 2 - 3 = 14$$

$$87 - 2 - 4 = 81$$

4) Số bông hoa cả hai bạn hái được là :  $23 + 26 = 49$  (bông hoa)    Đáp số: 49 bông hoa

ĐỀ SỐ 039

1/- Điền số vào chỗ chấm : (1 đ) .

a- 79, ..... , 81 ,....., ..... , 85 , ..... , ..... , ..... , 89 , ..... , .....

b- 10, 20,....., ..... , 50,....., 70,.....,90

2/- Đúng ghi Đ , sai ghi S : ( 1 đ) .

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 35 \\ \hline 52 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 66 \\ - 21 \\ \hline 34 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 13 \\ \hline 48 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ + 12 \\ \hline 72 \end{array} \quad \square$$

3/- Khoanh vào trước số nào em cho là đúng : (1đ)

Số liền sau của 46 là :

a - 45

b - 47

c - 48

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

4/- Viết các số : 72, 38, 64 ( 1 đ)

a- Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b- Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

5/- Tính nhẩm : (1,5 đ)      $75 - 4 = \dots\dots\dots$  ;      $51 + 37 = \dots\dots\dots$

$$40 + 30 + 4 = \dots\dots\dots$$

6/-Điền dấu  $>$  ,  $<$  ,  $=$  vào ô trống: (1,5 đ)

$$60 - 20 \square 10 + 30 ; \quad 53 + 4 \square 53 - 4 \quad ; \quad 75 - 5 \square 75 - 4$$

7/-Đặt tính rồi tính: ( 1 đ)

$$53 + 14 \quad ; \quad 85 - 64$$

.....  
.....  
.....  
.....

8/- Một thanh gỗ dài 97 cm, bố em cưa bớt đi 22 cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu xăng ti mét? (2 đ)

.....  
.....  
.....  
.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 039**

1) a) 79; 80; 81; 82; 83; 84; 85; 86; 87; 88; 89; 90; 91

b) 10; 20; 30; 40; 50; 60; 70; 80; 90

2)  $78 - 35 = 52$  S                       $35 + 13 = 48$  D

$66 - 21 = 34$  S                       $84 + 12 = 72$  S

**3) B**

4) a) từ bé đến lớn: 38; 64; 72

b) từ lớn đến bé: 72; 64; 38

5)  $75 - 4 = 71$                        $51 + 37 = 88$                        $40 + 30 + 4 = 74$

6)  $60 - 20 = 10 + 30$      $53 + 4 > 53 - 4$                        $75 - 5 < 75 - 4$

7) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$53 + 14 = 67$                        $85 - 64 = 21$

8) Số xăng ti mét thanh gỗ còn lại là :  $97 - 22 = 75(cm)$                       Đáp số: 75cm

**ĐỀ SỐ 040**

**Bài 1:**

a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm

35 ; 36 ; ... ; ... ; ... ; ... ; 41 ; 42 ; ... ; .... ; ...

66 ; ... ; ... ; ... ; ... ; 71 ; ... ; ... ; ... ; ... ; ... ; 77.

b) Viết các số :

Hai mươi tư: .....

Ba mươi bảy: .....

Bốn mươi ba: .....

Chín mươi chín : .....

Tám mươi sáu: .....

Ba mươi lăm: .....

Hai mươi: .....

Năm mươi tư: .....

**Bài 2:** Đặt tính rồi tính:

$43 + 26$

$35 + 12$

$86 - 36$

$74 - 21$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 3:** Điền dấu ( $>$ ,  $<$ ,  $=$ ) vào chỗ chấm :

$37 + 42 \dots\dots\dots 81$

$67 - 23 \dots\dots\dots 21 + 15$

$86 - 24 \dots\dots\dots 60 + 2$

$40 + 8 \dots\dots\dots 25 + 24$

**Bài 4:** Vẽ đoạn thẳng có độ dài 6 cm

.....

**Bài 5:** Nhà em trồng 25 cây cam và 21 cây táo. Hỏi nhà em trồng được tất cả bao nhiêu cây cam và táo

Bài giải

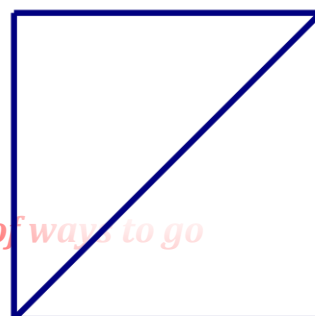
.....

.....

.....

**Bài 6:**Viết số thích hợp vào chỗ chấm

Hình vẽ bên có :



*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

- ..... hình tam giác .
- ..... hình vuông.

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 040

1) a) 35; 36; 37; 38; 39; 40; 41; 42; 43; 44; 45  
66; 67; 68; 69; 70; 71; 72; 73; 74; 75; 76; 77

b) Viết các số :

Hai mươi tư: 24

Ba mươi bảy: 37

Bốn mươi ba: 43

Chín mươi chín : 99

Tám mươi sáu: 86

Ba mươi lăm: 35

Hai mươi: 20

Năm mươi tư: 54

2) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$43 + 26 = 69$$

$$35 + 12 = 47$$

$$86 - 36 = 50$$

$$74 - 21 = 53$$

3)  $>, =, <$

$$37 + 42 < 81$$

$$67 - 23 > 21 + 15$$

$$86 - 24 = 60 + 2$$

$$40 + 8 < 25 + 24$$

4) 

5) Số cây nhà em trồng tất cả là :  $25 + 21 = 46$  (cây)

Đáp số: 46 cây

6) 1 hình vuông, 2 hình tam giác.

**ĐỀ SỐ 041**

**Bài 1:** Khoanh vào số lớn nhất: 16 ; 12 ; 20 ; 18 ; 30.

Khoanh vào số bé nhất: 14 ; 16 ; 30 ; 12 ; 19.

**Bài 2:** Điền số tròn chục thích hợp vào chỗ chấm?

10 ; ..... ; ..... ; 40 ; 50 ; ..... ; ..... ; 90.

90 ; ..... ; ..... ; ..... ; 50 ; ..... ; ..... ; 10.

**Bài 3:** Tính.

$16 + 2 + 1 = \dots$  ;  $20 + 20 + 10 = \dots$  ;  $30 + 20 - 10 = \dots$  ;  $90 - 50 - 20 = \dots$

|       |       |       |       |
|-------|-------|-------|-------|
| 20    | 30    | 17    | 18    |
| +     | +     | +     | -     |
| 50    | 40    | 2     | 4     |
| —     | —     | —     | —     |
| ..... | ..... | ..... | ..... |

**Bài 4:** Điền dấu thích hợp (>;<;=) vào chỗ chấm:

60 .... 90

10 .... 80

20 + 30 .... 50

20 + 20 .... 40

30 .... 20 + 30

50 .... 10 + 20

**Bài 5:** Tổ một gấp được 20 cái thuyền, tổ hai gấp được 30 cái thuyền. Hỏi cả hai tổ gấp được bao nhiêu cái thuyền?

.....

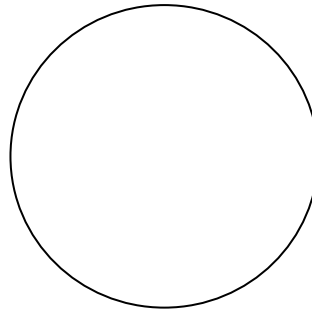
.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....

**Bài 6:** Vẽ 3 điểm ở trong hình tròn

Vẽ 4 điểm ở ngoài hình tròn



**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 041**

1) Số lớn nhất: 30              Số bé nhất : 12

2) 10; 20; 30; 40; 50; 60; 70; 80; 90  
90; 80; 70; 60; 50; 40; 30; 20; 10

3)

$$\begin{array}{ll} 16 + 2 + 1 = 19 & 20 + 20 + 10 = 50 \\ 30 + 20 - 10 = 40 & 90 - 50 - 20 = 20 \end{array}$$

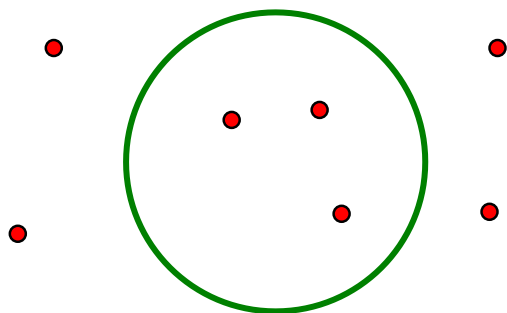
Đặt tính đúng được điểm tối đa

$$\begin{array}{ll} 20 + 50 = 70 & 30 + 40 = 70 \\ 17 + 2 = 19 & 18 - 4 = 14 \end{array}$$

4) Điền dấu  $> < =$

$$\begin{array}{lll} 60 < 90 & 10 < 80 & 20 + 30 = 50 \\ 20 + 20 = 40 & 30 < 20 + 30 & 50 < 10 + 20 \end{array}$$

5) Số cái thuyền cả hai tổ gấp là :  $20 + 30 = 50$  (cái thuyền)              Đáp số: 50 cái thuyền



6)

## ĐỀ SỐ 042

**Bài 1 :** (1 điểm) **Viết số và đọc số vào chỗ chấm :**

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Tám mươi bảy : .....  | 89 : ..... |
| Sáu mươi chín : ..... | 93 : ..... |

**Bài 2:** (1 điểm) **Viết các số :**

2; 4; .....; .....; 10

**Bài 3 :** (2 điểm). **Đặt tính rồi tính.**

$$20 + 40$$

$$70 - 20$$

$$19 - 6$$

$$11 + 8$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 4:** (1 điểm). **Tính**

$$19 \text{ cm} - 9 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$20 \text{ cm} + 40 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

**Bài 5 :** (2 điểm) : **Điền dấu < ; > ; = vào chỗ chấm.**

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

$12 + 3 \dots\dots 14$

$16 + 3 \dots\dots 18$

$16 - 7 \dots\dots 10$

$19 - 9 \dots\dots 10$

**Bài 6 (2 điểm)**

Trong vườn có 10 cây cam và 5 cây bưởi. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây?

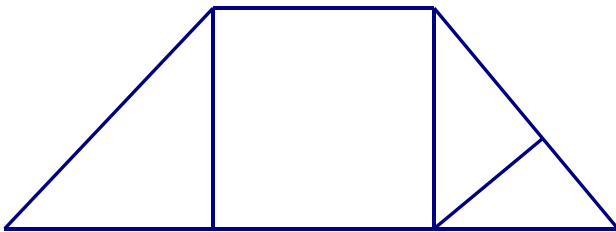
**Tóm tắt**

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....

.....  
.....  
.....  
.....

**Bài 7 :** (1 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm ?



*Hình trên có.....hình vuông*

*Hình trên có..... hình tam giác*

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 042**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

1)

|                   |                   |
|-------------------|-------------------|
| Tám mươi bảy :87  | 89 :Tám mươi chín |
| Sáu mươi chín :69 | 93 : Chín mươi ba |

2) 2;4;6;8;10

3) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$20+40=60 \quad 19-6=13 \quad 70-20=50 \quad 11+8=19$$

$$4) 19\text{ cm} - 9\text{ cm} = 10\text{ cm} \quad 20\text{ cm} + 40\text{ cm} = 60\text{ cm}$$

$$\text{Bài 5) } 12+3>14 \quad 16+3>18 \quad 16-7<10 \quad 19-9=10$$

Bài 6. Số cây trong vườn có tất cả là :  $10+5=15$ (cây )

Đáp số: 15 cây

Bài 7. Có 1 hình vuông, 4 hình tam giác

**ĐỀ SỐ 043**

Bài 1 : Điền số :

76;.....; 78 ; 79;.....; 81; .....83; .....;.....;  
86;.....; .....;89; 90

Bài 2 : Viết số, đọc số

Viết : Năm mươi một :.....

Đọc: 45 :.....

Bảy mươi lăm :.....

Đọc 80 :.....

Chín mươi tư :.....

Đọc 99 :.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Bài 3: Viết các số : 69 ; 60 ; 55 ; 72 ; 81

Theo thứ tự từ bé đến lớn :

.....

Theo thứ tự từ lớn đến bé

.....

Bài 4. Đặt tính rồi tính

$$62 + 35 ; \quad 58 - 25 ; \quad 46 + 42 ; \quad 79 - 5 ;$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Tính nhẩm :

$$45 \text{ cm} + 23 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$79 - 20 - 5 = \dots\dots\dots$$

$$87 \text{ cm} - 7 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$52 + 30 + 6 = \dots\dots\dots$$

Bài 6 : Lớp 1A có 22 bạn; Lớp 1B có 23 bạn. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu bạn?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 7. Điền vào chỗ chấm

Nếu hôm nay là thứ tư thì:

- Ngày mai là thứ.....
- Hôm qua là thứ .....
- Ngày kia là thứ .....
- Hôm kia là thứ .....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 043**

1) 76; 77; 78; 79; 80; 81; 82; 83; 84; 85; 86; 87; 88; 89; 90

2) Năm mươi một : 51                      Bảy mươi lăm: 75

45: Bốn mươi lăm                      80: Tám mươi

Chín mươi tư : 94                      99: Chín mươi chín

3) bé đến lớn: 55; 60; 69; 72; 81      lớn đến bé : 81; 72; 69; 60; 55

4) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$62 + 35 = 97 \qquad 58 - 25 = 33 \qquad 46 + 42 = 88 \qquad 79 - 5 = 74$$

$$5) 45\text{ cm} + 23\text{ cm} = 68\text{ cm} \qquad 87\text{ cm} - 7\text{ cm} = 80\text{ cm}$$

$$79 - 20 - 5 = 54 \qquad 52 + 30 + 6 = 88$$

6) Số học sinh cả hai lớp có là :  $22 + 23 = 45$  (học sinh)      Đáp số: 45 học sinh

7) – Ngày mai là thứ năm                      - Hôm qua là thứ ba

- Ngày kia là thứ sáu                      - Hôm kia là thứ hai

ĐỀ SỐ 044

1-Viết các số 71 ,54 , 89 , 29 , 98 , 92 , 17 , 45 theo thứ tự : (1đ)

- Từ lớn đến bé : .....
- Từ bé đến lớn : .....

2-Đặt tính rồi tính : (3đ)

$$75 + 23$$

$$49 - 27$$

$$87 - 40$$

.....  
.....  
.....  
.....

3-Tính : (2đ)

$$43 + 36 - 17 =$$

$$46 \text{ cm} - 34 \text{ cm} + 15 \text{ cm} =$$

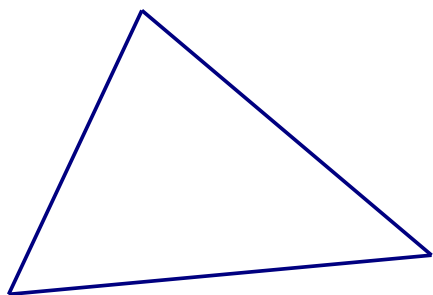
4- Một cái dây dài 85 cm . Cắt bớt đi 30 cm. Hỏi cái dây còn lại dài bao nhiêu xăngtimet ? (2đ)

Giải: .....

.....

.....

5- Vẽ 2 điểm ở trong hình tam giác và 3 điểm ở ngoài hình tam giác (2đ)



ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 044

1) lớn đến bé: 98;92;89;71;54;45;29;17

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Bé đến lớn: 17; 29; 45; 54; 71; 89; 92; 98

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 1đ

$$75 + 23 = 98$$

$$49 - 27 = 22$$

$$87 - 40 = 47$$

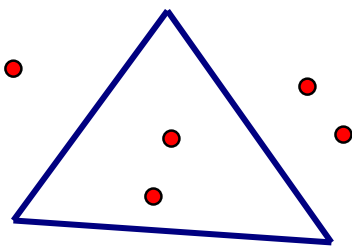
$$3) 43 + 36 - 17 = 62$$

$$46\text{ cm} - 34\text{ cm} + 15\text{ cm} = 27\text{ cm}$$

4) Số xăng ti mét sợi dây còn lại là :  $85 - 30 = 55(\text{cm})$

Đáp số: 55 cm

Câu 5



### ĐỀ SỐ 045

#### Bài 1:

a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

60; ...; ...; ..., 64; 65; ...; 67; ...; ...; 70

71; ...; 73; ...; ...; 76; 77; ...; ...; 80

b) Viết thành các số:

Bốn mươi ba: .....

Ba mươi hai: .....

Chín mươi bảy: .....

Hai mươi tám: .....

Sáu mươi chín: .....

Tám mươi tư: .....

#### Bài 2: Đặt tính rồi tính:

a)

$$45 + 34$$

$$56 - 20$$

$$18 + 71$$

$$74 - 3$$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

.....  
.....  
.....

b)  $58\text{cm} + 40\text{cm} = \dots$

$57 + 2 - 4 = \dots$

**Bài 3.**

$63 \square 60$

$65 \square 48$

$88 - 45 \square 63 - 20$

$19 \square 17$

$54 \square 72$

$49 - 2 \square 94 - 2$

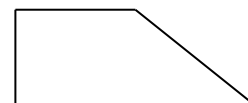
**Bài 4:** Mẹ hái được 85 quả hồng, mẹ đã bán 60 quả hồng. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả hồng ?

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....

**Bài 5:** Vẽ thêm một đoạn thẳng để có:

- Một hình vuông và một hình tam giác ?



**Bài 6:** Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 8 cm?

---

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 045**

1) a) 60; 61; 62; 63; 64; 65; 66; 67; 68; 69; 70  
71; 72; 73; 74; 75; 76; 77; 78; 79; 80

b) Bốn mươi ba: 43                                      Ba mươi hai: 32

Chín mươi bảy: 97                                      Hai mươi tám: 28

Sáu mươi chín: 69                                      Tám mươi tư: 84

2) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

a)  $45 + 34 = 79$                        $56 - 20 = 36$

$18 + 71 = 89$                        $74 - 3 = 71$

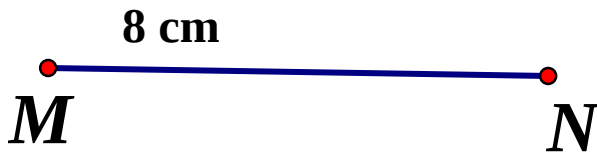
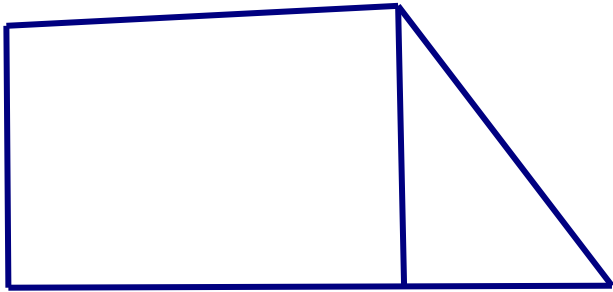
b)  $58\text{ cm} + 40\text{ cm} = 98\text{ cm}$                        $57 + 2 - 4 = 55$

3)  $63 > 60$      $65 > 48$      $88 - 45 = 63 - 20$

$19 > 17$      $54 < 72$      $49 - 2 < 94 - 2$

4) Số quả hồng mẹ còn lại là :  $85 - 60 = 25$  (quả hồng)                      Đáp số: 25 quả hồng

5)



6)

### ĐỀ SỐ 046

#### Bài 1. Điền số, viết số:

a. Điền số ?

|    |  |  |    |  |    |  |  |  |    |
|----|--|--|----|--|----|--|--|--|----|
| 65 |  |  | 68 |  | 70 |  |  |  | 74 |
|----|--|--|----|--|----|--|--|--|----|

b. Viết( theo mẫu):

53: Năm mươi ba                      30 :.....                      60:.....

Tám mươi bốn: 84                      Bảy mươi ba:.....                      Hai mươi mốt:.....

c. Viết các số 27 ; 63; 55; 20

- Theo thứ tự từ bé đến lớn :.....

- Theo thứ tự từ lớn đến bé :.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Bài 2. Tính :**

a/  $15 + 3 - 4 = \dots\dots\dots$

$50 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$80 - 40 + 20 = \dots\dots\dots$

$13 \text{ cm} + 5 \text{ cm} - 7 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

b/ Đặt tính rồi tính:

$52 + 13$

$87 - 45$

$41 + 17$

$59 - 19$

**Bài 3 : Điền dấu?**

|   |
|---|
| > |
| < |
| = |

$75 \dots\dots 23 + 34$

$20 + 35 \dots\dots 56$

$86 - 25 \dots\dots 51$

$67 - 7 \dots\dots 90 - 30$

**Bài 4: Điền số ?**

$\square + 10 > 20$

$35 - \square = 35$

$\square + 30 < 50$

$20 + \square > 20$

**Bài 5 :** Nhà An nuôi được 38 con gà và con thỏ, trong đó có 12 con thỏ. Hỏi nhà An nuôi được bao nhiêu con gà?

Bài giải:

---

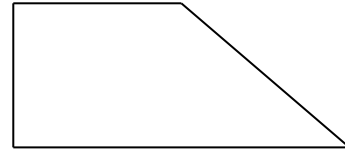
---

---

---

---

**Bài 6:** Vẽ thêm một đoạn thẳng vào hình bên để được một hình chữ nhật và một hình tam giác.



**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 046**

1) a) 65; 66; 67; 68; 69; 70; 71; 72; 73; 74 53:

|                  |                 |                  |
|------------------|-----------------|------------------|
| b) Năm mươi ba   | 30 : Ba mươi    | 60: Sáu mươi     |
| Tám mươi bốn: 84 | Bảy mươi ba: 73 | Hai mươi một: 21 |

c) Bé đến lớn: 20; 27; 55; 63      Lớn đến bé : 63; 55; 27; 20

2) Tính

|                      |                                                           |
|----------------------|-----------------------------------------------------------|
| a) $15 + 3 - 4 = 14$ | $50\text{ cm} + 30\text{ cm} = 80\text{ cm}$              |
| $80 - 40 + 20 = 60$  | $13\text{ cm} + 5\text{ cm} - 7\text{ cm} = 11\text{ cm}$ |

b) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

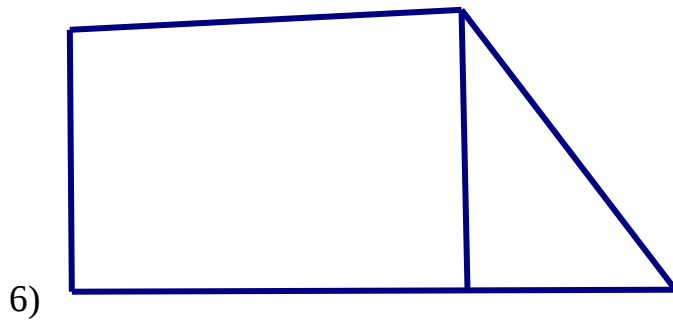
|                |                |                |                |
|----------------|----------------|----------------|----------------|
| $52 + 13 = 65$ | $87 - 45 = 42$ | $41 + 17 = 58$ | $59 - 19 = 40$ |
|----------------|----------------|----------------|----------------|

3) >; =; <

|                |                |                |                    |
|----------------|----------------|----------------|--------------------|
| $75 > 23 + 34$ | $20 + 35 < 56$ | $86 - 25 > 51$ | $67 - 7 = 90 - 30$ |
|----------------|----------------|----------------|--------------------|

4)  $30 + 10 > 20$      $35 - 0 = 35$      $8 + 30 < 50$      $20 + 3 > 20$

5) Số con gà nhà bạn An nuôi là :  $38 - 12 = 26$  (con)      Đáp số: 26 con



**ĐỀ SỐ 047**

**Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:**

a) Số “ tám mươi chín” viết là:

A. 98

B. 89

C. 809

b) Số nào dưới đây lớn hơn 78?

A. 69

B. 77

C. 79

c) Kết quả của phép cộng  $34 + 45$  là:

A. 79

B. 78

C. 97

d) Kết quả của phép trừ  $89 - 76$  là:

A. 12

B. 13

C. 14

e) Kết quả tính  $79 - 25 + 20$  là:

A. 34

B. 54

C. 74

f) Một cửa hàng có 37 cái ăm siêu tốc. Hỏi sau khi bán đi 12 cái ăm đó thì cửa hàng còn lại bao nhiêu cái ăm siêu tốc?

A. 25 cái ăm

B. 49 cái ăm

C. 24 cái ăm

**Bài 2:** Nhà Lan có 1 đôi gà. Nhà Hà có 2 con gà.

A. Số gà nhà Lan ít hơn số gà nhà Hà.

B. Số gà nhà Lan nhiều hơn số gà nhà Hà.

C. Số gà nhà Lan và nhà Hà bằng nhau.

**Bài 3:** Khoanh vào số lớn nhất:

27

39

46

44

Khoanh vào số bé nhất:

85

58

60

59

**Bài 4:** Lớp 1A có 35 học sinh, lớp 1B có 3 chục học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 047

1) a) B    b) C    c) A    d) B    e) C    f) A

2) C

3. số lớn nhất : 46                      Số bé nhất: 58

4) 3 chục = 30

Số học sinh cả hai lớp có là :  $35 + 30 = 65$  (học sinh)                      Đáp số: 65 học sinh

### ĐỀ SỐ 048

Câu 1: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

a) Trong các số: 65, 78, 94, 37 số nào lớn nhất

A. 92                      B. 78                      C. 94                      D. 65

b) Trong các số: 65, 78, 94, 37 số nào bé nhất

A. 32                      B. 35                      C. 31                      D. 37

Câu 2: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

a) Số liền sau của 54 là:

A. 52                      B. 55                      C. 53                      D. 51

b) Số liền trước của 70 là:

A. 72                      B. 68                      C. 69                      D. 74

Câu 3: Tính  $32 + 50 = ?$

A. 62                      B. 72                      C. 82                      D. 52

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Câu 4: Tính M2

$$14 + 3 - 7 = \dots\dots\dots$$

$$40 \text{ cm} + 38 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

Câu 5: Đặt tính rồi tính:

$$30 + 40$$

$$19 - 7$$

$$3 + 81$$

$$65 - 65$$

.....

.....

.....

.....

Câu 6: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

Trong các số 15; 66; 40; 09; 70. Số tròn chục là

- A: 15; 40      B: 66; 40      C: 40; 70      D: 09; 70

Câu 7: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

"Số 55" đọc là:

- A. năm năm      B. năm mươi lăm  
C. năm mươi năm      D. lăm mươi lăm

Câu 8: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

$$84 + 5 - 9 = \dots\dots\dots$$

- A: 80      B: 85      C: 83      D: 81

Câu 9: Hà có 23 que tính, Lan có 36 que tính. Hỏi hai bạn có tất cả bao nhiêu que tính?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10:

a) Vẽ đoạn thẳng KY có độ dài 10 cm:

.....

b) Điền số vào ô trống

$$78 - 5 = 62 + \square$$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 048**

1) a)C   b)D

2) a)B   b)C

3)C

4)  $14 + 3 - 7 = 10$        $40\text{ cm} + 38\text{ cm} = 78\text{ cm}$

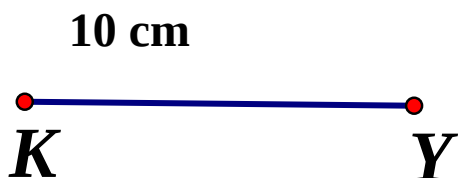
**Câu 5.** Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$30 + 40 = 70 \qquad 19 - 7 = 12$$

$$3 + 81 = 84 \qquad 65 - 65 = 0$$

6)C    7)B    8)A

9) Số que tính cả hai bạn có tất cả là :  $23 + 36 = 59$  (que tính)      Đáp số: 59 que tính



10) a)

b)  $78 - 5 = 62 + 11$

**ĐỀ SỐ 049**

1. Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: 93, 17, 8, 24, 51, 30, 76, 42, 89, 65

.....

2. Tính:

$$6 + 3 = \dots \quad 10 - 6 = \dots \quad 1 + 7 = \dots \quad 25 + 2 = \dots$$

$$8 - 4 = \dots \quad 5 + 2 = \dots \quad 9 - 9 = \dots \quad 78 - 8 = \dots$$

3. Đặt tính rồi tính:

$32 + 24$

$86 - 33$

$30 + 49$

$57 - 4$

.....

.....

.....

.....

4. Một đoạn dây dài 85 cm, em cắt đi một đoạn dài 32 cm. Hỏi đoạn dây còn lại dài bao nhiêu xăng - ti - mét?

Bài giải

.....

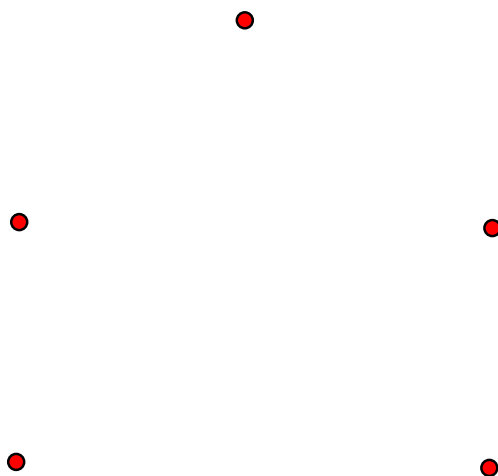
.....

.....

.....

.....

5. Dùng thước và bút nối các điểm để có 1 hình chữ nhật và 1 hình tam giác?



**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 049**

1. Lớn đến bé: 93;89; 76;65;51;42;30;24;17;8

2) Tính:

$$6+3=9 \quad 10-6=4 \quad 1+7=8 \quad 25+2=27$$

$$8-4=4 \quad 5+2=7 \quad 9-9=0 \quad 78-8=70$$

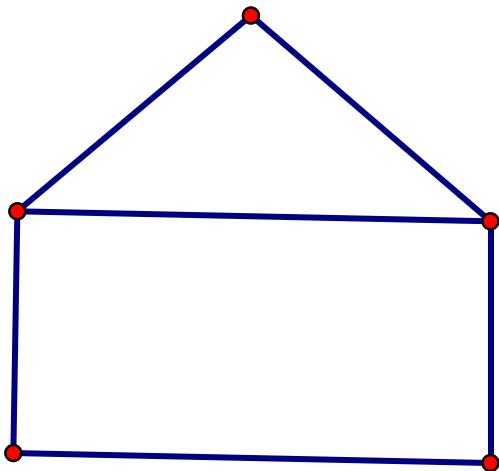
3) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$32+24=56 \quad 86-33=53$$

$$30+49=79 \quad 57-4=53$$

4) Số xentimet đoạn dây còn lại là :  $85-32=53(cm)$       Đáp số: 53cm

5)



**ĐỀ SỐ 050**

**Câu 1:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:M1

a. Số liền sau của 99 là .....

b. Số liền trước của 80 là.....

**Câu 2:** Viết các số tròn chục từ 1 đến 100      M1

.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

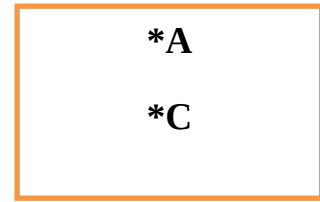
Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

**Câu 3:** Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: M1

\*B

- ☐ a. Điểm A ở trong hình chữ nhật
- ☐ b. Điểm M nằm ở trong hình chữ nhật
- ☐ c. Điểm B nằm ở trong hình chữ nhật
- ☐ d. Điểm N nằm ở ngoài hình chữ nhật

\*M



\*N

**Câu 4:** Khoanh vào số lớn nhất: M2

a. 20 ; 40 ; 70 ; 10

b. 70 ; 50 ; 80 ; 30

**Câu 5:** Khoanh tròn chữ cái đặt trước kết quả đúng: M2

Em nghỉ 1 tuần lễ và ba ngày. Vậy em nghỉ được:

A. 7 ngày

B. 8 ngày

C. 9 ngày

D. 10 ngày

**Câu 6:** Đặt tính rồi tính M2

$$30 + 40$$

$$79 - 69$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 7:** Hãy so sánh 56 và 76

.....

**Câu 8:** Một sợi dây dài 79 cm. Bó cắt đi 50 cm. Sợi dây còn lại là:

A. 19cm

B. 29cm

C. 20cm

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

D. 9cm

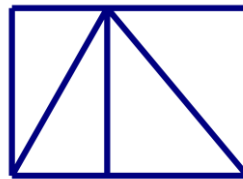
**Câu 9:** Lan có 20 cái kẹo, mẹ cho Lan thêm 20 cái kẹo nữa. Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu cái kẹo? **M3**

Bài giải

.....  
.....  
.....

**Câu 10:** Số hình tam giác có ở hình bên là: **M4**

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6



### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 050

- 1) a) Số liền sau 99: 100                      b) Số liền trước 80: 79
- 2) Các số tròn chục từ 1 đến 100: 10; 20; 30; 40; 50; 60; 70; 80; 90
- 3) a) Đ                      b) S                      c) S                      d) Đ
- 4) a) 70                      b) 80                      5) D
- 6) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa       $30 + 40 = 70$                        $79 - 69 = 10$
- 7)  $56 < 76$                       8) B
- 9) Số kẹo Lan có tất cả là :  $20 + 20 = 40$  (cái kẹo)      Đáp số: 40 cái kẹo
- 10) C

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

ĐỀ SỐ 051

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng trong các câu sau:

Bài 1(0,5 điểm): Số liền sau của 44 là:

- A. 40      B. 41      C. 43      D. 45

Bài 2(0,5 điểm): Số liền trước của 70 là:

- A. 71      B. 88      C. 69      D. 64

Bài 3(0,5 điểm): Các số 3, 5, 7, 2 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 3, 5, 2, 7      B. 2, 3, 5, 7      C. 5, 3, 2, 7      D. 2, 5, 3, 7

Bài 4(0,5 điểm): Trong các số 33, 34, 45, 54 số lớn nhất là số:

- A. 54      B. 34      C. 33      D. 45

Bài 5(0,5 điểm):: Số lớn nhất có một chữ số là số:

- A. 3      B. 8      C. 7      D. 9

Bài 6(0,5 điểm): Một tuần lễ có mấy ngày

- A. 10      B. 9      C. 7      D. 8

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1 (2 điểm): Đặt tính rồi tính:

- a)  $23 + 34$       b)  $7 + 31$       c)  $67 - 40$       d)  $19 - 8$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

7cm-

**Bài 3** (1,5 điểm): Nhà An có 20 con gà , mẹ An mua thêm 1 chục con gà nữa . Hỏi nhà An có tất cả bao nhiêu con gà?

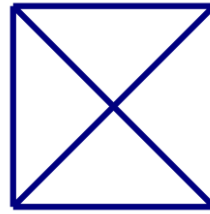
27

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Bài 5 (1 điểm):

Hình bên có ... hình tam giác

Hình bên có ....hình vuông



### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 051

#### I. TRẮC NGHIỆM

1.D 2.C 3.B 4.A 5.D 6.C

#### II. Tự luận

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5 đ

- a)  $23 + 34 = 57$                       b)  $7 + 31 = 38$   
c)  $67 - 40 = 27$                       d)  $19 - 8 = 11$

2) Tính: a)  $43cm + 4cm - 7cm = 40cm$                       b)  $7cm - 6cm + 2cm = 3cm$

3) 1 chục = 10

Số con gà nhà An có tất cả là :  $20 + 10 = 30$  (con gà )                      Đáp số: 30 con gà

4)  $>$ ;  $=$ ;  $<$        $68 < 60 + 10$        $45 + 4 = 4 + 45$        $20 + 13 > 27$

5) Hình bên có 8 tam giác , 1 hình vuông

### ĐỀ SỐ 052

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng( hoặc làm theo yêu cầu)

Câu 1: (1 điểm ):

a) Số 54 đọc như thế nào?

- A. năm tư                      B. lăm mươi tư                      C. năm mươi tư                      D. bốn mươi năm

b) Dãy số nào được xếp từ bé đến lớn?

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A . 39, 45, 93, 68      B. 39, 45, 68, 93      C. 39, 93, 68, 45      D. 93, 68, 45, 39

**Câu 2 : (1 điểm ):**

**a) số liền trước của 79 là số nào ?**

A . 78                      B . 80                      C . 77                      D . 81

**b) Phép tính  $56 - 31$  có kết quả bằng bao nhiêu ?**

A . 43                      B . 34                      C . 25                      D . 52

**Câu 3: (1 điểm):**

**a)  $16 + \square = 49$  Điền số nào vào ô trống?**

A . 12                      B . 13                      C . 33                      D . 31

**b)  $87 - \square = 57$  Điền số nào vào ô trống ?**

A . 30                      B . 20                      C . 17                      D . 03

**Câu 4: (1 điểm): Nếu hôm nay là thứ ba ngày 10 thì thứ năm trong tuần là ngày:**

A. ngày 11                      B. ngày 9                      C. ngày 8                      D. ngày 12

**Câu 5: ( 1điểm)**

A . >                      B . <                      C . =                      D . +

**a)**

**48.....**

**80 Dấu nào điền vào chỗ chấm?**

**b)  $75 - 5$  .....  $42 + 32$  Dấu nào điền vào chỗ chấm ?**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

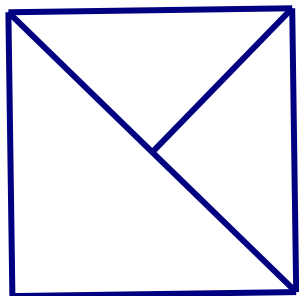
A . <

B . =

C . >

D . –

**Câu 6:** ( 1điểm) Hình dưới đây



a) Có mấy đoạn thẳng?

A . 6 đoạn

B . 7 đoạn

C . 8 đoạn

D . 9 đoạn

b) Có mấy hình tam giác?

A . 5 tam giác

B 4 tam giác

C . 3 tam giác

D. 2 tam giác

**Câu 7:** (1 điểm) Tính

a)  $45 - 23 = \dots\dots\dots$

b)  $30\text{cm} - 10\text{cm} + 6\text{cm} = \dots\dots\dots$

**Câu 8 :** (1 điểm) Đặt tính rồi tính :

$$48 - 22$$

$$5 + 24$$

$$66 - 31$$

$$52 + 34$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 9 :** (1 điểm) Nhà Lan có 46 con gà mái và 23 con gà trống. Hỏi nhà Lan có tất cả bao nhiêu con gà?

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

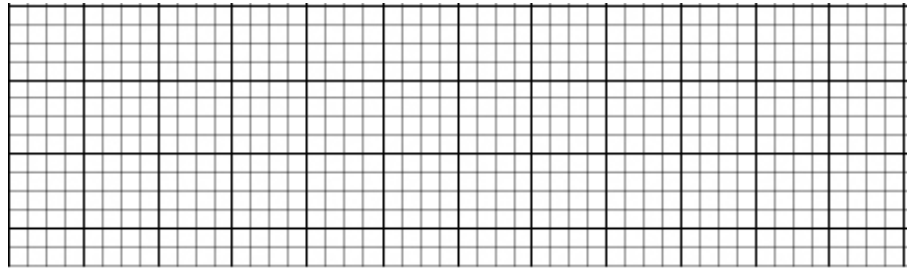
Tóm tắt

Bài giải

Gà mái : ..... con

Gà trống : ..... con

Có tất cả : ..... con gà?



**Câu 10 : (1 điểm)**

Năm nay chị của Mai có số tuổi bằng số nhỏ nhất có hai chữ số cộng thêm 5. Hỏi năm nay chị của Mai bao nhiêu tuổi?

Trả lời: .....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 052**

1) a) C   b) B   2) a) A   b) C

3) a) C   b) A   4) D   5) a) B   b) A   6) a) C   b) B

7) a)  $45 - 23 = 22$    b)  $30\text{ cm} - 10\text{ cm} + 6\text{ cm} = 26\text{ cm}$

8) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,25 đ

$$48 - 26 = 22$$

$$5 + 24 = 29$$

$$66 - 31 = 35$$

$$52 + 34 = 86$$

Câu 9. Số con gà nhà Lan có là :  $46 + 23 = 69$  (con)

Đáp số: 69 con

10) Chị của Mai năm nay 15 tuổi

**ĐỀ SỐ 053**

**Câu 1: (1 điểm) M1** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

70; .....; .....; .....; .....; .....; .....; .....; .....; .....; 80.

**Câu 2 : (1 điểm) M1** Khoanh vào chữ trước câu trả lời đúng.

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
"Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi"

a) Số liền trước số 70 là:

- A. 69                      B. 71                      C. 50                      D. 60

b) Số liền sau của 49 là:

- A. 48                      B. 50                      C. 40                      D. 59

**Câu 3:** ( 1điểm) **M1** Tính :

|       |       |       |       |
|-------|-------|-------|-------|
| 22    | 50    | 35    | 89    |
| +     | -     | +     | -     |
| 45    | 20    | 51    | 9     |
| _____ | _____ | _____ | _____ |
| ..... | ..... | ..... | ..... |

**Câu 4 :** ( 1điểm) **M2** khoanh vào chữ trước câu trả lời đúng.

Một tuần lễ và 1 ngày có:

- A: 5 ngày              B: 6 ngày              C: 7 ngày              D: 8 ngày

**Câu 5 :** ( 2điểm) **M2** Đặt tính rồi tính

|         |         |         |        |
|---------|---------|---------|--------|
| 43 + 24 | 56 + 33 | 59 - 20 | 89 - 7 |
| .....   | .....   | .....   | .....  |
| .....   | .....   | .....   | .....  |
| .....   | .....   | .....   | .....  |

**Câu 6:** Kết quả của phép cộng số bé nhất có một chữ số với số bé nhất có hai chữ số là:

- A. 10                      B. 0                      C. 99                      D. 1

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Câu 7:** Cho dãy số 0; 2; 4; ...; ....; 10. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 6;8                      B. 5;6                      C. 8;9                      D. 4;5

**Câu 8:** Trong các số: 18; 7; 21; 4; 6; 13; 9 có bao nhiêu số có hai chữ số:

- A. 3                      B. 4                      C. 2                      D. 5

**Câu 9:**  $23 > \dots\dots > \dots\dots > 20$  số cần điền là:

- A. 23 và 24                      B. 24 và 25                      C. 21 và 22                      D. 19 và 20

**Câu 10:** ( 2điểm) **M3** Điền số vào chỗ chấm rồi giải bài toán:

Lớp 1A có 24 học sinh, lớp 1B có 22 học sinh.

- a. Hỏi cả hai lớp có tất cả bao nhiêu học sinh ?  
b. Cô giáo có 40 vé xem xiếc. Hỏi có đủ vé phân phát cho học sinh của cả hai lớp không?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 11:** Tính

$23 + 5 =$                        $18 - 8 =$                        $7 + 21 =$                        $35 + 11 =$

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
"Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi"

$$15 - \dots = 12 \qquad 17 - \dots = 10 \qquad \dots + 2 = 19 \qquad \dots - 21 = 20$$

**Câu 12:** Điền dấu  $>$ ,  $<$ ,  $=$ ?

$$25 + 12 \dots\dots\dots 25 - 12 \qquad 69 \dots\dots 96 \qquad 23 + 11 \dots\dots\dots 11 + 23$$

**Câu 13:** Vẽ đoạn thẳng có độ dài 9cm

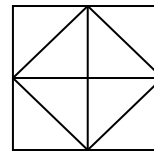
**Câu 14:** ( 1 điểm) M3 Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có:

- ..... điểm

- ..... hình vuông.

- ..... đoạn thẳng



### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 053

1) 70; 71; 72; 73; 74; 75; 76; 77; 78; 79; 80

2) a) A    b) B

3) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,25đ

$$22 + 45 = 67 \qquad 50 - 20 = 30 \qquad 35 + 51 = 86 \qquad 89 - 9 = 80$$

4) D    5) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$43 + 24 = 67 \qquad 56 + 33 = 89 \qquad 59 - 20 = 39 \qquad 89 - 7 = 82$$

6A    7A    8A    9C

10) a) Số học sinh cả hai lớp có là :  $24 + 22 = 46$  (học sinh)

b) Cô giáo phát không đủ 40 vé cho học sinh 2 lớp

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Đáp số: a) 46 học sinh b) Không đủ

11)  $23 + 5 = 28$        $18 - 8 = 10$        $7 + 21 = 28$        $35 + 11 = 46$

$15 - 3 = 12$        $17 - 7 = 10$        $17 + 2 = 19$        $41 - 21 = 20$

12)  $> = <$   $25 + 12 > 25 - 12$        $69 < 96$        $23 + 11 = 11 + 23$

13)  **9 cm**

14) có 9 điểm , 6 hình vuông, 18 đoạn thẳng

**ĐỀ SỐ 054**

Bài 1: Đọc, viết các số sau: (2 điểm)

a) 54: ..... Bốn mươi lăm: .....

60: ..... Mười chín: .....

b) Số liền trước của 70 là: .....

Số liền sau của 99 là: .....

Bài 2: Xếp các số: 25, 62, 81, 47, 53 (1 điểm)

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

Bài 3: (4 điểm)

a) Tính:  $23 + 14 - 5 = \dots\dots\dots$        $30 + 20 + 10 = \dots\dots\dots$

$33 + 3 - 5 = \dots\dots\dots$        $76 - 20 - 4 = \dots\dots\dots$

b) Đặt tính rồi tính:

$25 + 24$

$35 - 3$

$49 - 25$

$76 + 20$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

.....

.....

.....

Bài 4 : (1 điểm)

a) Đo độ dài của đoạn thẳng: A |—————| B

Đoạn thẳng AB dài ..... cm

b) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 6 cm.

.....

Bài 6: (2 điểm)

a) Lớp 1A trồng được 42 cây xanh, lớp 1B trồng được 50 cây xanh. Hỏi cả hai lớp trồng được tất cả bao nhiêu cây xanh?

Bài giải:

.....

.....

b) Nhà Mai nuôi 65 con cả gà và vịt, trong đó có 5 con gà. Hỏi nhà Mai có bao nhiêu con vịt

Bài giải:

.....

.....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 054**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

1) a) 54: Năm mươi bốn                      Bốn mươi lăm: 45

60 : Sáu mươi                                  Mười chín: 19

b) Số liền trước 70: 69                      Số liền sau 99 là 100

2) a) Từ bé đến lớn : 25;47;53;62;81                      b) lớn đến bé : 81;62;53;47;25

Bài 3. a)  $23+14-5=32$        $30+20+10=60$        $33+3-5=31$        $76-20-4=52$

b) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$25+24=49$                        $35-3=32$                        $49-25=24$                        $76+20=96$

Bài 4. a)  $AB=10\text{ cm}$

b) 

bài 6. Số cây xanh 2 lớp trồng được là :  $42+50=92$  (cây xanh)      Đáp số: 92 cây xanh

b) Số con vịt nhà Mai nuôi là :  $65-5=60$  (con)      Đáp số: 60 con

**ĐỀ SỐ 055**

**Bài 1 : Đặt tính rồi tính**

$16+3$                        $55+33$                        $76+14$                        $27-9$

$38+63$                        $100-80$                        $75-48$

**Bài 2: Tính : (1.5 đ)**

$18+21=....$        $82+12=....$        $19-5+4=....$        $16-7=.....$

$53+14+1=....$        $66-2-23=....$        $78-35+4=....$        $47+2-37=....$

**Bài 3 : Viết phép tính thích hợp vào ô trống : (1 đ)**

Có : 25 viên bi

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

Cho : 8 viên bi

Còn lại : ... viên bi?

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

**Bài 4 : Viết đề toán và giải theo tóm tắt sau: (2 đ)**

Có : 42 quả cam

Thêm : 12 quả

Cho : 9 quả

Còn lại: ... quả?

**Bài 5**

|   |   |   |
|---|---|---|
| > | < | = |
|---|---|---|

? ( 0.5 đ)

a 76.....67

b 99-33-12 ....82

c 11+31....78-53

d ,74-43+11....31+11

**Bài 6: (1 điểm)**

Vẽ đoạn thẳng có độ dài 15cm.

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 055**

**Bài 1.** Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$16 + 3 = 19$$

$$55 + 33 = 88$$

$$76 + 14 = 90$$

$$27 - 9 = 18$$

$$38 + 63 = 101$$

$$100 - 80 = 20$$

$$75 - 48 = 27$$

**Bài 2.** Tính

$$18 + 21 = 39$$

$$82 + 12 = 94$$

$$19 - 5 + 4 = 18$$

$$16 - 7 = 9$$

$$53 + 14 + 1 = 68$$

$$66 - 2 - 23 = 41$$

$$78 - 35 + 4 = 47$$

$$47 + 2 - 37 = 12$$

**Bài 3.**  $25 - 8 = 17$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Bài 4. Mẹ có 42 quả cam, bà cho mẹ thêm 12 quả cam. Sau đó mẹ cho em 9 quả cam. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả cam

Giải: Số quả cam mẹ còn lại là:  $42 + 12 - 9 = 45$  (quả)      Đáp số : 45 quả

- 5) a)  $76 > 67$     b)  $99 - 33 - 12 < 82$   
c)  $11 + 31 > 78 - 53$     d)  $74 - 43 + 11 = 31 + 11$

Bài 6: 

## LỚP 2

### ĐỀ SỐ 031

Câu 1:  Số ? (1 điểm)

- a) 462 ; ... ; ... ; 465 ; 466 ; ... ; ... ; ... ; 470  
b) 991 ; ... ; 993 ; ... ; ... ; 996 ; ... ; 998 ; ...

Câu 2: (1 điểm)

- a) Viết các số 543 , 345 , 453 , 534 theo thứ tự từ bé đến lớn.  
b) Viết các số 610 , 478 , 461 , 915 theo thứ tự từ lớn đến bé.

Câu 3: (1 điểm)

|                                                                                                                                               |                                                   |                                                   |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--|
| <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"><div style="text-align: center;">&gt;<br/>&lt;<br/>=</div></div> ? | 368 <input style="width: 40px;" type="text"/> 468 | 708 <input style="width: 40px;" type="text"/> 708 |  |
|                                                                                                                                               | 512 <input style="width: 40px;" type="text"/> 215 | 493 <input style="width: 40px;" type="text"/> 489 |  |
|                                                                                                                                               |                                                   |                                                   |  |

Câu 4: Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

|          |           |          |          |
|----------|-----------|----------|----------|
| 53 + 714 | 896 - 622 | 773 - 61 | 121 + 58 |
| .....    | .....     | .....    | .....    |
| .....    | .....     | .....    | .....    |

Câu 5: Tính nhẩm: (2 điểm)

|          |              |
|----------|--------------|
| 90 : 3 = | 4 × 6 : 3 =  |
| 20 × 2 = | 40 : 4 × 5 = |
| 80 : 2 = | 4 × 9 + 7 =  |
| 7 × 5 =  | 21 : 3 × 2 = |

Câu 6: Viết số thích hợp vào chỗ ô chấm: (1 điểm)

6cm = ... mm      80dm = ... m

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$5\text{m} = \dots \text{dm}$

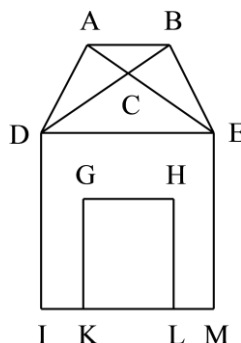
$1000\text{mm} = \dots \text{m}$

**Câu 7:** Bố cao 172cm, mẹ thấp hơn bố 11cm. Hỏi mẹ cao bao nhiêu xăng-ti-mét? (1 điểm)

**Câu 8:** Hình vẽ bên có: (1 điểm)

a) ... hình tam giác

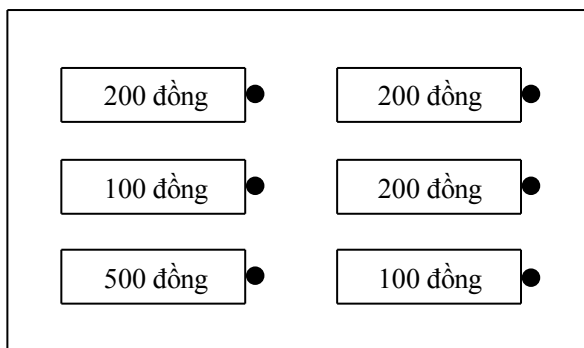
b) ... hình tứ giác



**Câu 9:** Nối các tờ giấy bạc ở bên trái cho đúng với số tiền ở bên phải:

Các tờ giấy bạc

Số tiền



● 700 đồng

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 31**

**Câu 1:**

- a) 462 ; 463 ; 464 ; 465 ; 466 ; 467 ; 468 ; 469 ; 470  
b) 991 ; 992 ; 993 ; 994 ; 995 ; 996 ; 997 ; 998 ; 999

**Câu 2:**

- a) 345, 453, 534, 543.  
b) 915, 610, 478, 461.

**Câu 3:**

$$368 \boxed{<} 468$$

$$708 \boxed{=} 708$$

$$512 \boxed{>} 215$$

$$493 \boxed{>} 489$$

**Câu 4:**

$$\begin{array}{r} + \quad 53 \\ 714 \\ \hline 767 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} - \quad 896 \\ 622 \\ \hline 274 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} - \quad 773 \\ 61 \\ \hline 712 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \quad 121 \\ 58 \\ \hline 179 \end{array}$$

**Câu 5:**

$$\begin{array}{l} 90 : 3 = 30 \\ 20 \times 2 = 40 \\ 80 : 2 = 40 \\ 7 \times 5 = 35 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 4 \times 6 : 3 = 8 \\ 40 : 4 \times 5 = 50 \\ 4 \times 9 + 7 = 43 \\ 21 : 3 \times 2 = 14 \end{array}$$

**Câu 6:**

$$\begin{array}{l} 6\text{cm} = 60 \text{ mm} \\ 5\text{m} = 50 \text{ dm} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 80\text{dm} = 8 \text{ m} \\ 1000\text{mm} = 1 \text{ m} \end{array}$$

**Câu 7:**

Bài giải

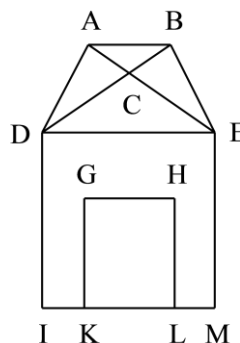
Mẹ cao số cm là :

$$172 - 11 = 161(\text{cm})$$

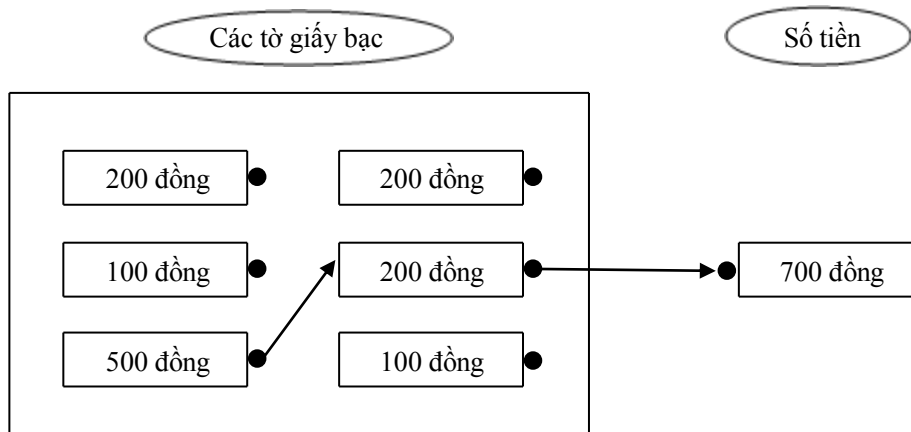
Đáp số : 161cm

**Câu 8:**

- a) Có 8 hình tam giác  
b) Có 3 hình tứ giác



**Câu 9:**



**ĐỀ SỐ 032**

**Câu 1:(1 điểm)**

- a) Viết các số tròn trăm thích hợp vào chỗ chấm:  
 ...; 200; 300; ...; ...; 600; ...; 800; ...; 1000  
 b) Viết các số từ 819 đến 830:

**Câu 2:(1 điểm)**

|                                                                                                                                      |     |                      |                |  |              |                      |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|----------------|--|--------------|----------------------|-----|
|                                                                                                                                      | 173 | <input type="text"/> | 181            |  | 934          | <input type="text"/> | 927 |
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;">                 &gt;<br/>&lt;<br/>=             </div> ? | 549 | <input type="text"/> | $500 + 40 + 9$ |  | 456          | <input type="text"/> | 393 |
|                                                                                                                                      | 603 | <input type="text"/> | $602 + 2$      |  | $1000 - 100$ | <input type="text"/> | 900 |

**Câu 3:(2 điểm)**

- a) Đặt tính rồi tính:  
 $886 - 340$        $311 + 58$        $765 - 300$        $41 + 127$
- b) Tính nhẩm:  
 $10 : 2 =$        $10 \times 5 =$   
 $24 : 3 =$        $90 : 3 =$   
 $30 : 5 =$        $6 \times 1 =$   
 $6 \times 4 =$        $12 : 4 =$

**Câu 4:** Anh Bảo có 400 đồng, chị Mai có nhiều hơn anh Bảo 600 đồng. Hỏi chị Mai có bao nhiêu tiền? (1 điểm)

**Câu 5:** Viết các số đo sau đây theo thứ tự từ lớn đến bé: (1 điểm)

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

186m, 679mm, 1km, 410cm, 70dm

**Câu 6:** Tính: (1 điểm)

$$53\text{mm} - 8\text{mm} =$$

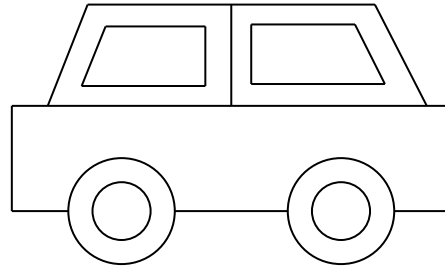
$$75\text{dm} - 28\text{dm} =$$

$$3\text{km} \times 4 =$$

$$28\text{m} : 4 =$$

**Câu 7:** Trên hình vẽ bên có: (1 điểm)

a) ... hình tròn



b) ... hình tứ giác

**Câu 8:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

a) 700 đồng gồm một tờ giấy bạc ... đồng và một tờ giấy bạc ... đồng

b) 600 đồng gồm ba tờ giấy bạc ... đồng

c) 1000 đồng gồm hai tờ giấy bạc .... đồng

d) 800 đồng gồm tám tờ giấy bạc ... đồng

**Câu 9:** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng: (1 điểm)

$$968 - x = 142 + 403$$

A.  $x = 324$

B.  $x = 432$

C.  $x = 423$

D.  $x = 342$

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 032**

**Câu 1:**

a) 100; 200; 300; 400; 500; 600; 700; 800; 900; 1000.

b) 819; 820; 821; 822; 823; 824; 825; 826; 827; 828; 829; 830.

**Câu 2:**

$$173 \boxed{<} 181$$

$$934 \boxed{>} 927$$

$$549 \boxed{=} 500 + 40 + 9$$

$$456 \boxed{>} 393$$

$$603 \boxed{<} 602 + 2$$

$$1000 - 100 \boxed{=} 900$$

**Câu 3:**

a)

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$$\begin{array}{r} 886 \\ - 340 \\ \hline 546 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 311 \\ + 58 \\ \hline 369 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 765 \\ - 300 \\ \hline 465 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ + 127 \\ \hline 168 \end{array}$$

b)

$$10 : 2 = 5$$

$$24 : 3 = 8$$

$$30 : 5 = 6$$

$$6 \times 4 = 24$$

$$10 \times 5 = 50$$

$$90 : 3 = 30$$

$$6 \times 1 = 6$$

$$12 : 4 = 3$$

**Câu 4:**

Bài giải

Số tiền chị Mai có là:

$$400 + 600 = 1000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 1000 đồng

**Câu 5:** 1km, 186m, 70dm, 410cm, 679mm.

**Câu 6:**

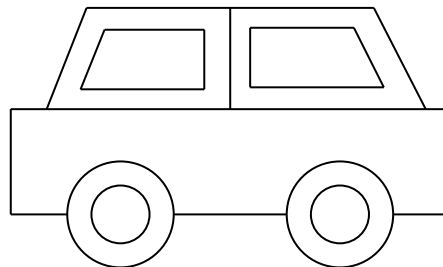
$$53\text{mm} - 8\text{mm} = 45\text{mm}$$

$$75\text{dm} - 28\text{dm} = 47\text{dm}$$

$$3\text{km} \times 4 = 12\text{km}$$

$$28\text{m} : 4 = 7\text{m}$$

**Câu 7:**



a) Có 4 hình tròn

b) Có 5 hình tứ giác

**Câu 8:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

886 700 đồng gồm một tờ giấy bạc ... đồng và một tờ giấy bạc ... đồng

887 600 đồng gồm ba tờ giấy bạc ... đồng

888 1000 đồng gồm hai tờ giấy bạc .... đồng

889 800 đồng gồm tám tờ giấy bạc ... đồng

**Câu 9:** C.  $x = 423$

**ĐỀ SỐ 033**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**1. Tính:**

a)  $5 \times 4 = \dots$

b)  $3 \times 7 = \dots$

c)  $36 : 4 = \dots$

d)  $45 : 5 = \dots$

**2. Viết (theo mẫu):**

| Viết số | Đọc số                          |
|---------|---------------------------------|
| 685     | Sáu trăm tám mươi lăm.          |
| 502     |                                 |
|         | Bốn trăm hai mươi .             |
| 118     |                                 |
|         | Chín trăm chín mươi chín nghìn. |

**3. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:**

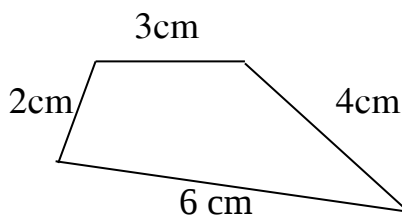
Chu vi hình tứ giác sau là:

A. 10 cm

B. 15 cm

C. 14cm

D. 15 dm



**4. Đặt tính rồi tính:**

a)  $45 + 38$

b)  $51 - 37$

c)  $235 + 43$

d)  $897 - 462$

.....  
 .....  
 .....  
 .....

**5. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:**

a) Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để  $1\text{m} = \dots\text{cm}$  là:

A. 10

B. 100

C. 100mm

D. 1dm

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

b) Số 456 được viết thành tổng các trăm, chục, đơn vị là:

- A.  $400 + 50$       B.  $400 + 50 + 6$       C.  $400 + 5 + 6$       D.  $400 + 56$

6. Có 35 quyển vở, chia đều cho 5 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy quyển vở?

- A. 5 quyển      B. 40 quyển      C. 30 quyển      D. 7 quyển

7. Viết các số 501; 674; 764; 510 theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

8. Thùng bé đựng 125l dầu, thùng to đựng nhiều hơn thùng bé 32l dầu. Hỏi thùng to đựng bao nhiêu lít dầu?

.....

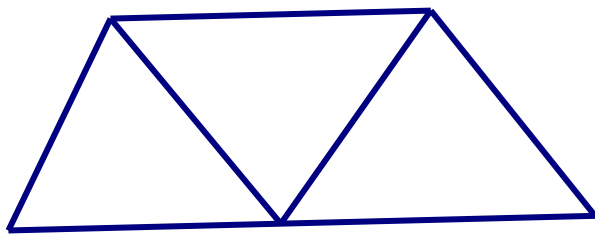
.....

.....

.....

9. Hình bên có ..... hình tứ giác

Hình bên có ..... hình tam giác



10. Tìm x

a)  $325 - 105 + x = 574$

b)  $x - 15 = 18 : 3$

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 033**

1) Tính:  $a) 5 \times 4 = 20$        $b) 3 \times 7 = 21$   
 $c) 36 : 4 = 9$        $d) 45 : 5 = 9$

2) 502: Năm trăm linh hai      Bốn trăm hai mươi: 420

118: Một trăm mười tám      Chín trăm chín mươi chín: 999

3) B

4) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$a) 43 + 38 = 83$        $b) 51 - 37 = 14$   
 $c) 235 + 43 = 278$        $d) 897 - 462 = 435$

5) a) B      b) B      6) D

7) bé đến lớn: 501; 510; 674; 764

8) Số lít dầu thùng to đựng là :  $125 + 32 = 157$  (l dầu)

9) có 3 tứ giác , 3 tam giác

|                             |                   |
|-----------------------------|-------------------|
| $10 a) 325 - 105 + x = 574$ | $x - 15 = 18 : 3$ |
| $220 + x = 574$             | $x - 15 = 6$      |
| $x = 574 - 220$             | $x = 6 + 15$      |
| $x = 354$                   | $x = 21$          |

**ĐỀ SỐ 034**

**Bài 1: (1 điểm) Viết các số thích hợp vào chỗ trống.**

a) 216; 217; 218; .....; .....

b) 310; 320; 330; .....; .....

**2/ (1 điểm) Các số : 28, 81, 37, 72, 39, 93 viết các số sau từ bé đến lớn:**

A. 37, 28, 39, 72, 93, 81

C. 28, 37, 39, 72, 81, 93

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

B. 93, 81, 72, 39, 37, 28

D. 39, 93, 37, 72, 28, 81

**Bài 3: (1 điểm) Hoàn thành bảng sau:**

| Đọc số             | Viết số | Trăm | Chục | Đơn vị |
|--------------------|---------|------|------|--------|
| Bảy trăm chín mươi | 790     |      |      |        |
| .....              | 935     |      |      |        |

**Bài 4: (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

1m = .....dm

519cm = .....m.....cm

2m 6 dm = .....dm

14m - 8m = .....

**Bài 5: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:**

$$84 + 19$$

$$62 - 25$$

$$536 + 243$$

$$879 - 356$$

.....

.....

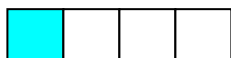
.....

.....

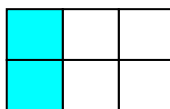
**Bài 6. (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái dưới hình được tô màu  $\frac{1}{3}$  số ô vuông.**



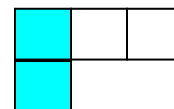
A



B



C



D

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Bài 7) Tìm  $x$ : (1 điểm)

a)  $x : 4 = 8$

b)  $4 \times x = 12 + 8$

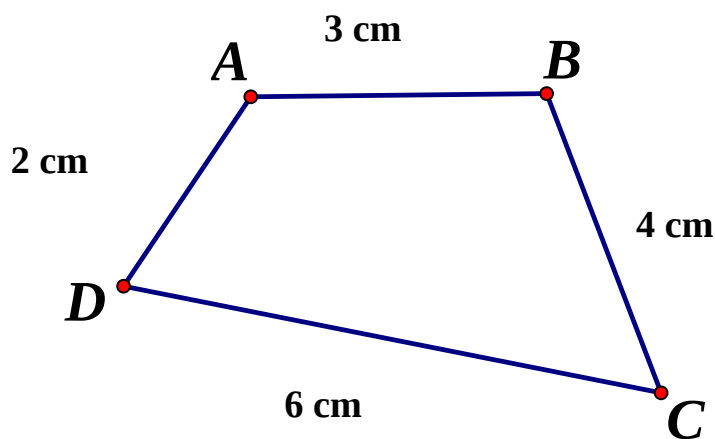
.....

.....

.....

.....

Bài 8: (1 điểm) Cho hình tứ giác ABCD như hình vẽ:



Tính chu vi của hình tứ giác ABCD.

B ài giải

.....

.....

.....

**Bài 9: (1,5 điểm) Đội Một trồng được 350 cây, đội Hai trồng được ít hơn đội Một 140 cây.  
Hỏi đội Hai trồng được bao nhiêu cây ?**

**Bài giải**

.....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 034**

1) a) 216; 217; 218; 219; 220

b) 310; 320; 330; 340; 350

2) C

3)

| Đọc số                | Viết số | Trăm | Chục | Đơn vị |
|-----------------------|---------|------|------|--------|
| Bảy trăm chín mươi    | 790     | 7    | 9    | 0      |
| Chín trăm ba mươi lăm | 935     | 9    | 3    | 5      |

4)  $1m = 10dm$        $519cm = 5m19cm$

$2m6dm = 26dm$        $14m - 8m = 6m$

5) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$84 + 19 = 103$        $62 - 25 = 37$

$536 + 243 = 779$        $879 - 356 = 523$

6) C

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

7) a)  $x : 4 = 8$

$$x = 8 \times 4$$

$$x = 32$$

b)  $4 \times x = 12 + 8$

$$4 \times x = 20$$

$$x = 20 : 4$$

$$x = 5$$

Bài 8. Chu vi hình tứ giác ABCD là :  $3 + 4 + 6 + 2 = 15(cm)$  Đáp số: 15 cm

Bài 9) Số cây đội Hai trồng được là :  $350 - 140 = 210 (cây)$  Đáp số: 210 cây

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

ĐỀ SỐ 035

Bài 1:Tính nhẩm(2đ)

$2 \times 6 = \dots$

$3 \times 6 = \dots$

$27 : 3 = \dots$

$20 : 4 = \dots$

$15 : 3 = \dots$

$24 : 4 = \dots$

$4 \times 7 = \dots$

$5 \times 5 = \dots$

Bài 2:Đặt tính rồi tính(2đ)

$356 + 212$

$857 - 443$

$96 - 48$

$59 + 27$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3:Tính(2đ)

$5 \times 4 + 15 = \dots$

$30 : 5 : 3 = \dots$

$7 \text{ giờ} + 8 \text{ giờ} = \dots$

$24 \text{ km} : 4 = \dots$

Bài 4: Tìm x (1đ)

$x \times 5 = 35$

$x + 15 = 74$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Có 24 bút chì màu ,chia đều cho 3 nhóm .Hỏi mỗi nhóm có mấy bút chì màu?(2điểm)

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Bài 6: Mỗi chuồng có 4 con thỏ. Hỏi 5 chuồng như thế có bao nhiêu con thỏ ?

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....

Bài 7: Điền số ?

$1\text{dm} = \dots\dots\text{cm}$

$1\text{m} = \dots\dots\text{dm}$

$1\text{km} = \dots\dots\text{m}$

$1\text{m} = \dots\dots\text{mm}$

$1\text{cm} = \dots\dots\text{mm}$

$10\text{cm} = \dots\dots\text{dm}$

$10\text{dm} = \dots\dots\text{m}$

$1000\text{m} = \dots\dots\text{km}$

$1000\text{mm} = \dots\dots\text{m}$

$10\text{mm} = \dots\dots\text{cm}$

Bài 8: Điền dấu (+, -, x, :) vào ô trống để được phép tính đúng:

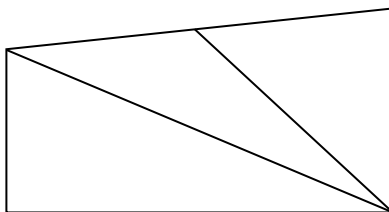
|   |  |   |  |   |   |    |
|---|--|---|--|---|---|----|
| 4 |  | 5 |  | 2 | = | 10 |
|---|--|---|--|---|---|----|

|   |  |   |  |    |   |    |
|---|--|---|--|----|---|----|
| 3 |  | 5 |  | 15 | = | 30 |
|---|--|---|--|----|---|----|

Bài 9: Hình bên có bao nhiêu hình:

a) ..... tứ giác.

b) ..... tam giác



**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 035**

$1) 2 \times 6 = 12$

$3 \times 6 = 18$

$27 : 3 = 9$

$20 : 4 = 5$

$15 : 3 = 5$

$24 : 4 = 6$

$4 \times 7 = 28$

$5 \times 5 = 25$

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$356 + 212 = 568$

$857 - 443 = 414$

$96 - 48 = 48$

$59 + 27 = 86$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

3)  $5 \times 4 + 15 = 20 + 15 = 35$                        $30 : 5 : 3 = 6 : 3 = 2$

7 giờ + 8 giờ = 15 giờ                       $24 \text{ km} : 4 = 6 \text{ km}$

4)  $x \times 5 = 35$

$x = 35 : 5$

$x = 7$

$x + 15 = 74$

$x = 74 - 15$

$x = 59$

5) Số bút chì màu mỗi nhóm có là :  $24 : 3 = 8$  (bút chì màu)                      Đáp số: 8 bút chì màu

6) Số con thỏ 5 chuồng như thế có là :  $4 \times 5 = 20$  (con)                      Đáp số: 20 con

7)  $1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$                        $1 \text{ m} = 10 \text{ dm}$

$1 \text{ km} = 1000 \text{ m}$                        $1 \text{ m} = 1000 \text{ dm}$                        $1 \text{ cm} = 10 \text{ mm}$

$10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$                        $10 \text{ dm} = 1 \text{ m}$

$1000 \text{ m} = 1 \text{ km}$                        $1000 \text{ mm} = 1 \text{ m}$                        $10 \text{ mm} = 1 \text{ cm}$

8)  $4 \times 5 : 2 = 10$                        $3 \times 5 + 15 = 30$

9) a) có 2 tứ giác ; b) có 4 tam giác

**ĐỀ SỐ 036**

**Câu 1:** Kết quả của phép tính:  $245 - 59 = ?$  (M1- 0.5)

a. 304

b. 186

c. 168

d. 286

**Câu 2:** 1 m = ..... cm ? Số thích hợp cần điền vào chỗ trống là: (M2- 0.5)

a . 10 cm

b. 100 cm

c. 1000 cm

d . 1 cm

**Câu 3:**  $0 : 4 = ?$  Kết quả của phép tính là: (M1- 0,5)

a. 0

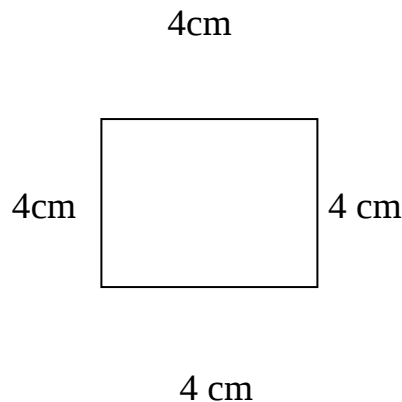
b. 1

c. 4

d. 40

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Câu 4:** (0,5đ) Độ dài đường gấp khúc sau là: (M1- 0.5)



- a. 16 cm      b. 20 cm      c. 15 cm      d. 12 cm

**Câu 5:**  $30 + 50$    $20 + 60$ . Dấu cần điền vào ô trống là: ( M1- 0.5)

- a. <      b. >      c. =      d. không có dấu nào

**Câu 6 :** Đặt tính rồi tính ( M2- 1)

- a)  $465 + 213$       b)  $857 - 432$       c)  $456 - 19$       d)  $234 + 296$

**Câu 7:** Tính ( M1- 0.5)

$5 \times 0 = \dots\dots\dots$        $32 : 4 = \dots\dots\dots$        $21 : 3 = \dots\dots\dots$

$45 : 5 = \dots\dots\dots$        $5 \times 8 = \dots\dots\dots$

**Câu 8:** Tính (M2- 1)

a)  $10 \text{ kg} + 36 \text{ kg} - 21 \text{ kg} = \dots\dots\dots$

b)  $18 \text{ cm} : 2 + 45 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

Câu 9: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp ( M3- 1)

Lớp 2 C có 21 học sinh nữ. Số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là 6 em. Hỏi lớp 2 C có bao nhiêu học sinh nam ?

Trả lời: Lớp 2C có số học sinh nam là: .....

Câu 10: Bài toán: ( M3- 2)

Một bác thợ may dùng 16 m vải để may 4 bộ quần áo giống nhau. Hỏi để may một bộ quần áo như thế cần bao nhiêu mét vải?

**Bài giải**

.....  
.....  
.....

Câu 11: Tìm hiệu của số tròn chục lớn nhất với số chẵn lớn nhất có một chữ số  
(M4- 1)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 036**

1.B    2.B    3.A    4.A    5.C

6) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

a)  $465 + 213 = 678$

b)  $857 - 432 = 425$

c)  $456 - 19 = 437$

d)  $234 + 296 = 530$

7) Tính

$5 \times 0 = 0$

$32 : 4 = 8$

$21 : 3 = 7$

$45 : 5 = 9$

$5 \times 8 = 40$

8) a)  $10\text{kg} + 36\text{kg} - 21\text{kg} = 25\text{kg}$

b)  $18\text{cm} : 2 + 45\text{cm} = 54\text{cm}$

Câu 9. Số học sinh nam lớp 2C có là :  $21 - 6 = 15$  (học sinh)

Đáp số: 15 học sinh

Câu 10. Số mét vải 1 bộ quần áo may là :  $16 : 4 = 4$  (m vải)

Đáp số: 4 m vải

Câu 11.  $90 - 8 = 82$

**ĐỀ SỐ 037**

**Phần I:** Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng ở các bài tập sau:

1. Số gồm 7 đơn vị, 4 chục, 9 trăm là số:

A. 947;

B. 749;

C. 479;

D. 974;

2.  $30 \text{ phút} \times 2$   1 giờ; Dấu cần điền vào ô trống là:

A. < ;

B. > ;

C. = ;

D. Không có dấu nào;

**Phần II:**

1. Đặt tính rồi tính:

$603 + 35;$

$347 - 37;$

.....

.....

.....

.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....  
.....

2. Một xí nghiệp có 478 công nhân. Trong đó có 235 công nhân là nữ. Hỏi có bao nhiêu công nhân nam?

.....  
.....  
.....  
.....

3. Tìm chu vi hình tứ giác MNPQ có:  $MN = 7\text{cm}$ ,  $NP = 7\text{cm}$ ,  $MQ = 9\text{cm}$ ;  $PQ = 10\text{cm}$ .

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 037**

I. trắc nghiệm      1.A      2.C

II. tự luận

- 1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$603 + 35 = 638 \qquad 347 - 37 = 310$$

- 2) Số công nhân nam của xí nghiệp là:  $478 - 235 = 243$  (công nhân)

Đáp số: 243 công nhân

- 3) Chu vi tứ giác MNPQ là :  $7 + 7 + 9 + 10 = 33(\text{cm})$       Đáp số: 33 cm

**ĐỀ SỐ 038**

**I/ Phần trắc nghiệm: (6 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái có câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1:** (1 điểm) Số lớn nhất trong các số: 989; 199; 879; 950 là:

- A. 989                      B. 199                      C. 879                      D. 950

**Câu 2:** (1 điểm) Kết quả của phép tính:  $243 + 716 = ?$

- A. 969                      B. 959                      C. 559.                      D. 569

**Câu 3:** (1 điểm) Số bị chia và số chia lần lượt là 36 và 4. Vậy thương là:

- A. 40                      B. 32                      C. 9                      D. 8

**Câu 4:** (1 điểm) Số liền sau của số lớn nhất có ba chữ số là:

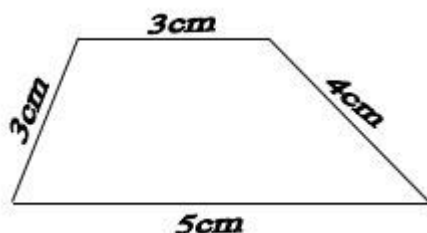
- A. 100                      B. 111                      C. 999                      D. 1000

**Câu 5:** (1 điểm)  $1\text{km} = \dots\text{m}$ ?

- A. 10m                      B. 20m                      C. 100m                      D. 1000m

**Câu 6:** (1 điểm) Hình tứ giác bên có chu vi là:

- A. 15cm                      B. 10cm



- C. 11cm                      D. 12cm

**II/ Phần tự luận: (4 điểm)**

**Câu 7:** (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$532 + 245$$

.....

.....

.....

$$351 + 46$$

.....

.....

.....

$$972 - 430$$

.....

.....

.....

**Câu 8:** (2 điểm). Lớp em có 32 bạn, cô giáo chia đều thành 4 tổ. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu bạn?

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 038**

**I. TRẮC NGHIỆM**

- 1.A      2.B      3.C      4.D      5.D      6.A

## II.TỰ LUẬN

7) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$532 + 245 = 777$$

$$351 + 46 = 397$$

$$972 - 430 = 542$$

Câu 8. Số bạn mỗi tổ có là :  $32 : 4 = 8$  (bạn)

Đáp số: 8 bạn

### ĐỀ SỐ 039

**Bài 1:** Đặt tính rồi tính (2 điểm)

a/  $257 + 312$

b/  $629 + 40$

c/  $318 - 106$

d/  $795 - 58$

**Bài 2:** Số (1 điểm)

| Đọc số                | Viết số |
|-----------------------|---------|
| Một trăm linh chín    |         |
|                       | 321     |
|                       | 906     |
| Hai trăm hai mươi hai |         |
| Sáu trăm bốn mươi     |         |

**Bài 3:** Tính (2 điểm)

a/  $3 \times 6 + 41 =$

c/  $4 \times 7 - 16 =$

b/  $45 : 5 - 5 =$

d/  $16 : 2 + 37 =$

**Bài 4:** Giải bài toán (2 điểm)

Nhà bác Hùng thu hoạch được 259 kg mận. Nhà bác Thoại thu hoạch nhiều hơn nhà bác Hùng 140 kg. Hỏi nhà bác Thoại thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam mận?

**Bài 5:** Tìm x (1 điểm)

a/  $X : 4 = 5$

b)  $3 \times X = 24$

x = .....

x = .....

x = .....

x = .....

**Bài 6:** Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng (2 điểm)

a/ Tam giác ABC có các cạnh lần lượt là 120 mm, 300 mm và 240 mm. Chu vi của tam giác ABC là:

A. 606 mm

B. 660 mm

C. 660 cm

D. 606 cm

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

b/ Lúc 8 giờ đúng,

- A. Kim ngắn chỉ số 8, kim dài chỉ số 6
- B. Kim ngắn chỉ số 12, kim dài chỉ số 6
- C. Kim ngắn chỉ số 8, kim dài chỉ số 12
- D. Kim ngắn chỉ số 8, kim dài chỉ số 3

c/ Các số 456; 623 và 142 được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 456; 623; 142
- B. 623; 456; 142
- C. 142; 623; 456
- D. 142; 456; 623

d/  $x : 2 = 0$  ; x là:

- A.  $x = 1$
- B.  $x = 2$
- C.  $x = 0$
- D.  $x = 4$

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 039**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

- a)  $257 + 312 = 569$
- b)  $629 + 40 = 669$
- c)  $318 - 106 = 212$
- d)  $795 - 58 = 737$

2) Một trăm linh chín: 109      321: Ba trăm hai mươi mốt

906: Chín trăm linh sáu      Hai trăm hai mươi hai : 222

Sáu trăm bốn mươi: 640

- 3) a)  $3 \times 6 + 41 = 18 + 41 = 59$
- b)  $45 : 5 - 5 = 9 - 5 = 4$
- c)  $4 \times 7 - 16 = 28 - 16 = 12$
- d)  $16 : 2 + 37 = 8 + 37 = 45$

4) Số kilogram mận nhà bác Thoại thu hoạch là :  $259 + 140 = 399$  (kg mận)

Đáp số: 399 kg mận

- 5) a)  $x : 4 = 5$   
 $x = 5 \times 4$   
 $x = 20$
- b)  $3 \times x = 24$   
 $x = 24 : 3$   
 $x = 8$

6) a) B    b) C    c) D    d) C

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**ĐỀ SỐ 040**

**Câu 1:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm để đúng thứ tự là: (M1) 1đ

100; 200; 300;.....;.....;.....; 700; 800; 900; 1000

A. 400; 600; 500

B. 400; 500; 600

C. 600; 700; 500

**Câu 2.** Số điền vào chỗ chấm trong biểu thức  $36 : 4 + 20 = \dots\dots\dots$  là : (M2= 1đ)

A. 29

B. 39

C. 32

**Câu 3.** Đặt tính rồi tính: (M1) 1đ

$$356 + 232$$

.....

.....

.....

$$979 - 438$$

.....

.....

.....

**Câu 4.** Đồng hồ chỉ mấy giờ ? (M1) 1đ

A. 4 giờ

B. 4 giờ 15 phút

C. 4 giờ 30 phút



**Câu 5.** (M2) 1đ

$$8 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

A. 90

B. 100

C. 80

**Câu 6.** Tìm  $x$ : (M3) 1đ

$$x \times x \times 2 = 18$$

$$x : 3 = 5$$

**Câu 7.**  $\square \times 4 = 12$  Số cần điền vào ô trống là: (M3) 1đ

A. 3

B. 4

C. 2

**Câu 8.** Một hình tam giác có độ dài các cạnh là 12 cm, 13cm, 14cm. Chu vi hình tam giác là:  
(M3) 1đ

A. 54 cm

B. 50 cm

C. 39 cm

**Câu 9.** Mẹ mua 32 cái bánh xếp đều vào 4 đĩa. Hỏi mỗi đĩa có bao nhiêu cái bánh? (M3) 1đ

Bài giải

**Câu 10:**(M4) 1đ Xếp các số sau: 347 ; 629 ; 532 ; 450.

Theo thứ tự từ bé đến lớn.....

Theo thứ tự từ lớn đến bé.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 040**

1)B      2)A

3) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$356 + 232 = 588$$

$$979 - 438 = 541$$

4)B      5)C

$$6) x \times 2 = 18$$

$$x = 18 : 2$$

$$x = 9$$

$$x : 3 = 5$$

$$x = 5 \times 3$$

$$x = 15$$

7)A      8)C

9) Số cái bánh mỗi đĩa có là:  $32 : 4 = 8$  (cái bánh)      Đáp số: 8 cái bánh

10) bé đến lớn: 347; 450; 532; 629      lớn đến bé : 629; 532; 450; 347

**ĐỀ SỐ 041**

**Bài 1:** Số liền sau của số 499 là:

A. 497

B. 498

C. 500

**Bài 2:** Điền dấu  $> < =$

$$457 \dots\dots\dots 467$$

$$650 \dots\dots\dots 650$$

$$299 \dots\dots\dots 399$$

$$401 \dots\dots\dots 397$$

**Bài 3:** Giá trị của biểu thức  $20 : 2 - 5$  là:

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

A. 7

B. 4

C. 5

**Bài 4:** Giá trị của  $x$  trong biểu thức  $x \times 3 = 12$  là:

A. 6

B. 4

C. 5

**Bài 5:** Đặt tính rồi tính

$$738 + 241$$

$$846 - 734$$

$$48 + 37$$

$$92 - 19$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 6:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$$1\text{m} = \dots\dots\text{dm}$$

$$100\text{cm} = \dots\dots\text{m}$$

$$1\text{m} = \dots\dots\text{cm}$$

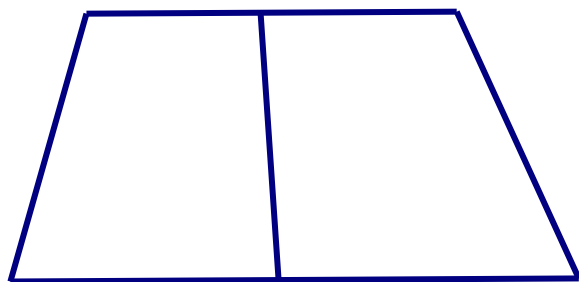
$$10\text{dm} = \dots\dots\text{m}$$

**Bài 7:** Số hình tứ giác trong hình bên là:

A. 1

B. 3

C. 4



**Bài 8.** Tính chu vi hình tam giác ABC biết độ dài các cạnh là:

$$AB = 20\text{cm}.$$

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

$$BC = 30 \text{ cm.}$$

$$CA = 40 \text{ cm}$$

.....  
.....  
.....  
.....

**Bài 9:** Đội một trồng được 350 cây, đội hai trồng được nhiều hơn đội một 120 cây. Hỏi đội hai trồng được bao nhiêu cây ?

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 041**

1.C

2.  $457 < 467$        $650 = 650$        $299 < 399$        $401 > 397$

3.C    4.B

5) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$738 + 241 = 979 \quad 846 - 734 = 112 \quad 48 + 37 = 85 \quad 92 - 19 = 73$$

$$6) 1m = 10dm \quad 100cm = 1m \quad 1m = 100cm \quad 10dm = 1m$$

7)B

8) Chu vi tam giác ABC là :  $20 + 30 + 40 = 90(cm)$       Đáp số:  $90cm$

9) Số cây đội hai trồng được là :  $350 + 120 = 470$  (cây)      Đáp số: 470 cây

**ĐỀ SỐ 042**

**Bài 1 (1 điểm):**

a) Đọc, viết các số thích hợp vào ở bảng sau :

| Đọc số                | Viết số |
|-----------------------|---------|
| Chín trăm ba mươi hai |         |
| Bốn trăm mười tám     |         |
|                       | 502     |
|                       | 600     |

b) Điền dấu  $>$ ,  $<$ ,  $=$  ?

819  $\square$  828      512  $\square$  521      908  $\square$  809      693  $\square$  693

**Bài 2 (1 điểm):**

Khoanh vào chữ cái câu trả lời đúng:

a)  $0 : 4 = ?$

a. 0      b. 1      c. 4      d. 40

b)  $4 : 1 = ?$

a. 0      b. 1      c. 4      d. 40

**Bài 3: Đặt tính rồi tính (1 điểm):**

537 + 85      100 – 65      8 x 3      36 : 4

**Bài 4: Tính: (1 điểm):**

36 : 4 + 56 =      4 x 8 – 17 =

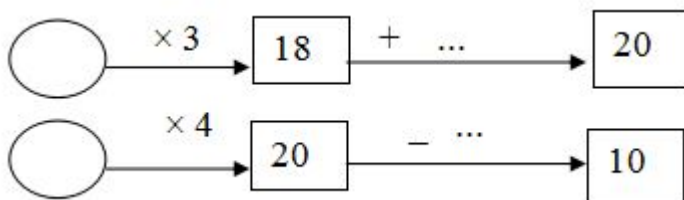
**Bài 5 (1 điểm):** Viết số thích hợp vào ô trống:

a) ..... = 1000m      b) 5m = .....cm

c) 40dm + 10dm = .....dm      d) 39m – 20m = .....m.

**Bài 6 (2 điểm):** Lớp 2A trồng được 250 cây hoa, lớp 2B trồng được ít hơn lớp 2A 50 cây hoa.  
Hỏi lớp 2B trồng được bao nhiêu cây hoa?

**Bài 7 (1 điểm):**



**Bài 8 (1 điểm):** Tìm x:

a)  $x + 78 = 582$       b)  $45 : x = 5$

**Bài 9:** Tìm hiệu của số tròn chục lớn nhất và số chẵn lớn nhất có một chữ số?

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 042**

1) a) Chín trăm ba mươi hai: 932      Bốn trăm mười tám : 418

502: Năm trăm linh hai      600: Sáu trăm

b)  $819 < 828$        $512 < 521$        $908 > 809$        $693 = 693$

2) a)A      b)C

3) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,25đ

$537 + 85 = 622$        $100 - 65 = 35$        $8 \times 3 = 24$        $36 : 4 = 9$

4)  $36 : 4 + 56 = 9 + 56 = 65$        $4 \times 8 - 17 = 32 - 17 = 15$

6) Số cây hoa lớp 2B trồng là :  $250 - 50 = 200$  (cây hoa)      Đáp số: 200 cây hoa

7)  $6 \times 3 = 18 + 2 = 20$  ;  $5 \times 4 = 20 - 10 = 10$

8) a)  $x + 78 = 582$

$$x = 582 - 78$$

$$x = 504$$

b)  $45 : x = 5$

$$x = 45 : 5$$

$$x = 9$$

9)  $90 - 8 = 82$

**ĐỀ SỐ 043**

**I. TRẮC NGHIỆM:** (6 điểm) Khoanh vào đáp án

1. Số 456 được viết thành tổng các trăm, chục, đơn vị là: ( 1 điểm)

a.  $400 + 60 + 5$       b.  $400 + 50 + 6$       c.  $500 + 40$

2 : Chọn dấu  $>, <, =$  điền vào ô trống cho phù hợp: (1 điểm)

631.....642      372.....299

3: Kết quả đúng của phép nhân :  $3 \times 9$  là : 1 điểm

a. 25      b. 26      c. 27

4 : Kết quả của phép tính :  $256 - 144$  là (1 điểm )

a. 112      b. 113      c. 114

5 : Số liền trước của 100 là : ( 1 điểm )

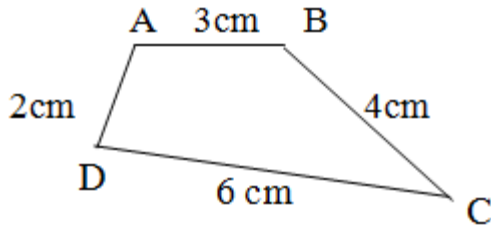
a. 97      b. 98      c. 99

**II. TỰ LUẬN ( 4 điểm )**

7 : Đặt tính rồi tính : (1 điểm )

a.  $27 + 35$       b.  $503 + 304$

8: (1 điểm) Cho hình tứ giác như hình vẽ. Tính chu vi của hình tứ giác ABCD.



9: Cây dừa cao 8m, cây thông cao hơn cây dừa 5 m. Hỏi cây thông cao bao nhiêu mét ?

10 : Mảnh vải màu xanh dài 20 cm. Mảnh vải màu đỏ dài 3dm. Hỏi cả hai mảnh vải dài bao nhiêu xăng – ti mét ?

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 043

#### I. TRẮC NGHIỆM

1.B    2.  $631 < 642$     372 > 299    3.C    4.A    5.C

#### II. TỰ LUẬN

7) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a)  $27 + 35 = 62$                       b)  $503 + 304 = 807$

8) Chu vi tứ giác ABCD là :  $2 + 3 + 4 + 6 = 15(cm)$       Đáp số: 15 cm

9) Số mét cây thông cao là :  $8 + 5 = 13(cm)$                       Đáp số: 13cm

10 )  $3dm = 30cm$

Số xăng ti mét cả hai mảnh vải dài là:  $20 + 30 = 50 (cm)$                       Đáp số: 50cm

### ĐỀ SỐ 044

Bài 1 : Tính

$453 + 246 = \dots\dots\dots$                        $146 + 725 = \dots\dots\dots$

$752 - 569 = \dots\dots\dots$                        $972 - 146 = \dots\dots\dots$

Bài 2 : Đặt tính rồi tính

$575 - 128$                        $492 - 215$                        $143 + 279$

.....  
.....  
.....

Bài 3 : Tìm X

a,  $X - 428 = 176$                        $X + 215 = 772$

.....  
.....

Bài 4: Một cửa hàng bán đường trong ngày hôm nay bán được 453 kg đường

Buổi sáng bán được 236 kg đường . Hỏi buổi chiều bán được bao nhiêu kg đường ?

Bài giải

.....  
.....  
.....

Bài 5 : Tìm các số có hai chữ số mà tổng các chữ số là 13 , tích là 36

.....  
.....  
.....

Bài 6 : Trường tiểu học Hòa Bình có 214 học sinh lớp 3 và 4 . Biết số học sinh lớp 3 là 119 bạn . Hỏi trường tiểu học Hòa Bình có bao nhiêu học sinh lớp 4 ?

Bài giải

.....  
.....  
.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 044**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$453 + 246 = 699$$

$$146 + 725 = 871$$

$$752 - 569 = 183$$

$$972 - 146 = 826$$

2) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$575 - 128 = 447$$

$$492 - 215 = 277$$

$$143 + 279 = 422$$

$$3) x - 428 = 176$$

$$x + 215 = 772$$

$$x = 176 + 428$$

$$x = 772 - 215$$

$$x = 604$$

$$x = 557$$

4) Số kilogam đường buổi chiều bán là :  $453 - 236 = 217$  (kg đường)

Đáp số: 217 kg đường

5) Các số cần tìm là : 49;94

6) Số học sinh lớp 4 của trường Hòa Bình là :  $214 - 119 = 95$  (học sinh) Đáp số: 95 học sinh

**ĐỀ SỐ 045**

Bài 1 : a, Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần : 724 , 192 , 853 , 358 , 446

.....

b, Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$$235; 237; .....; .....; 243.$$

$$426; 436; .....; .....; .....$$

Bài 2 : Điền dấu >, <, =

$$428 ..... 482$$

$$596 ..... 612$$

$$129 ..... 129$$

$$215 + 25 ..... 240$$

Bài 3 : Đặt tính rồi tính

$$238 + 527$$

$$963 - 377$$

$$125 + 356$$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

.....  
.....  
.....  
Bài 4 : Một trường tiểu học có 561 học sinh . Trong đó số học sinh nam là 277 . Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nữ ?

Bài giải

.....  
.....  
.....  
Bài 5: Tìm các số có 2 chữ số . Biết Tổng 2 số là 11 tích là 30 . Tìm 2 số đó

.....  
.....  
.....  
Bài 6 : Tìm y

a,  $y + 256 = 123 + 336$

b,  $y - 112 = 338 - 221$

.....  
.....  
**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 045**

1) a) Sắp xếp tăng dần : 192; 358; 446; 724; 853

b) 235; 237; 239; 241; 243

426; 436; 446; 456; 466

2)  $428 < 482$

$596 < 612$

$129 = 129$

$215 + 25 = 240$

3) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$238 + 527 = 765$

$936 - 377 = 586$

$125 + 356 = 481$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

4) Số học sinh nữ trường đó có là :  $561 - 277 = 284$  (học sinh)      Đáp số: 284

5) Hai số phải tìm là : 56; 65

|                                                                          |                                                                             |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| $y + 256 = 123 + 336$<br>$y + 256 = 459$<br>$y = 459 - 256$<br>$y = 203$ | $b) y - 112 = 338 - 221$<br>$y - 112 = 117$<br>$y = 117 + 112$<br>$y = 229$ |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|

## ĐỀ SỐ 046

### PHẦN I. Trắc nghiệm (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

#### Bài 1.

a) Chín trăm hai mươi một viết là:

A. 921

B. 912

C. 920

b) Số liền trước số 342 là:

A. 343

B. 341

C. 340

Bài 2. Giá trị của chữ số 8 trong 287 là:

A. 800

B. 8

C. 80

#### Bài 3.

a) Trong hình vẽ bên có mấy hình tam giác

A. 2

B. 3

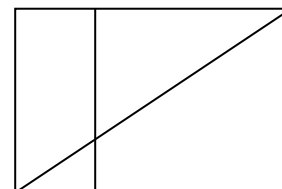
C. 4

b) Trong hình bên có mấy hình chữ nhật

A. 4

B. 3

C. 2



Bài 4. Thứ 3 tuần này là ngày 5 tháng 4, thứ 3 tuần sau là ngày mấy ?

A. 12

B. 9

C. 11

Bài 5. Số ?

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

a) 910, 920, 930, ....., ....., 960

b) 212, 213, 214, ....., ....., 217, 218

**Bài 6. Điền dấu thích hợp vào ô trống >, <, =.**

a) 16kg + 9kg  33kg - 8kg

b) 200cm + 30cm  203cm

**PHẦN 2. Tự luận (7điểm)**

**Bài 7. Đặt tính rồi tính.**

a) 973 – 251

b) 342 + 251

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 8. Tìm x biết**

a)  $X \times 3 = 12$

b)  $X : 5 = 8$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 9. Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là :13cm, 17cm, 24cm**

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

.....  
.....  
.....

**Bài 10.** Lớp 2A có 32 học sinh xếp thành 4 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh ?

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 046

#### I. TRẮC NGHIỆM

1) a)A      b)B    2)C    3) a)B    b)B    4)A

5) a) 910; 920; 930; 940; 950; 960.

b) 212; 213; 214; 215; 216; 217; 218

6) a)  $16\text{ kg} + 9\text{ kg} = 33\text{ kg} - 8\text{ kg}$

b)  $200\text{ cm} + 30\text{ cm} > 203\text{ cm}$

#### II. TỰ LUẬN

7) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

a)  $973 - 251 = 722$

b)  $342 + 251 = 593$

8) a)  $x \times 3 = 12$

b)  $x : 5 = 8$

$x = 12 : 3$

$x = 8 \times 5$

$x = 4$

$x = 40$

9) Chu vi hình tam giác là :  $13 + 17 + 24 = 54(\text{cm})$

Đáp số:  $54\text{ cm}$

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

10) Số học sinh mỗi hàng xếp là :  $32:4=8$  (học sinh)      Đáp số: 8 học sinh

**ĐỀ SỐ 047**

1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

A) Các số 562; 625; 652 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- a. 562; 625; 652      b. 625; 562; 652      c. 652; 625; 562

B) Trong các số 265; 279; 257; 297; số lớn hơn 279 là:

- a. 265      b. 257      c. 297

2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a.  $38m + 27m = 55m$  ☐      b.  $1m = 10dm$  ☐  
c.  $16cm : 4 = 3cm$  ☐      d.  $1000m = 1km$  ☐

3. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

- a. 211; 212; 213; .....; .....; 216; .....; 218; 219; .....  
b. 510; 515; .....; 525; 530; .....; .....

4. Nối mỗi số với cách đọc của số đó:

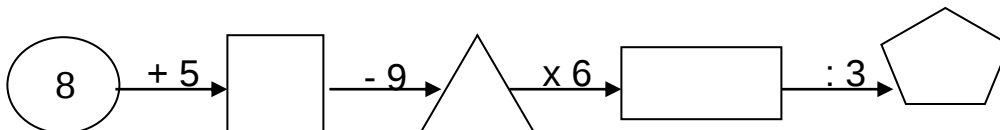
|                       |     |
|-----------------------|-----|
| Tám trăm bảy mươi lăm | 400 |
| Năm trăm bảy mươi tám | 404 |
| Bốn trăm linh bốn     | 875 |

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Bốn trăm

578

5. Số ?



6. Điền dấu  $>$ ,  $<$ ,  $=$  vào ô trống:

a.  $600 + 30 + 2$   $\square$  632

c. 100  $\square$  1000

b.  $30 : 5 : 3$   $\square$  12

d.  $400 \times 2$   $\square$   $600 + 200$

7. Đặt tính rồi tính:

a.  $400 + 99$   
 .....  
 .....  
 .....

b.  $764 - 353$   
 .....  
 .....  
 .....

8. Tìm  $x$ : a.  $400 + x = 200 \times 4$

b.  $295 - x = 180$

.....  
 .....  
 .....

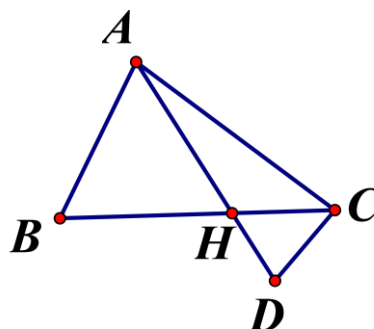
.....  
 .....  
 .....

9. Hình bên có ..... hình tam giác

Viết tên các hình tam giác đó: .....

.....

.....



10. Đàn gà nhà Lan có 86 con, đã bán đi 29 con. Hỏi nhà Lan còn lại bao nhiêu con gà?

Giải

.....

.....

.....

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 047

1) A)A    B)C    2) a)S    b)Đ    c)S    d)Đ

3) a) 211; 212; 213; 214; 215; 216; 217; 218; 219; 220

b) 510; 515; 520; 525; 530; 535; 540

4) Tám trăm bảy mươi lăm: 875

Năm trăm bảy mươi tám: 578

Bốn trăm linh bốn: 404

Bốn trăm: 400

5)  $8+5=13-9=4\times 6=24:3=8$

6) a)  $600+30+2=632$

c)  $100 < 1000$

b)  $30:5:3 < 12$

d)  $400\times 2 = 600+200$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

7) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

a)  $400 + 99 = 499$

b)  $764 - 353 = 411$

8) a)  $400 + x = 200 \times 4$

b)  $295 - x = 180$

$400 + x = 800$

$x = 295 - 180$

$x = 800 - 400$

$x = 115$

$x = 400$

9) Hình bên có 5 tam giác đó là:  $ABH$  ;  $ABC$  ;  $AHC$  ;  $HCD$  ;  $ADC$

10) Số con gà nhà Lan còn lại là :  $86 - 29 = 57$  (con)      Đáp số: 57 con

### **ĐỀ SỐ 048**

#### **Bài 1:** (2 điểm)

a) Viết các số sau:

- Một trăm linh bảy .....; Bốn trăm mười lăm.....

- Chín trăm ba mươi tư.....; Tám trăm tám mươi lăm.....

b) Xếp các số sau: 807, 870 , 846 , 864 , 886

- Theo thứ tự từ bé đến lớn.....

- Theo thứ tự từ lớn đến bé.....

#### **Bài 2:** Tính nhẩm(2 điểm)

$3 \times 7 = \dots\dots\dots$ ;  $4 \times 8 = \dots\dots\dots$ ;  $20 : 2 = \dots\dots\dots$ ;  $400 + 300 = \dots\dots\dots$

$28 : 4 = \dots\dots\dots$ ;  $15 : 5 = \dots\dots\dots$ ;  $5 \times 6 = \dots\dots\dots$ ;  $800 - 500 = \dots\dots\dots$

#### **Bài 3:** Đặt tính rồi tính : (2 điểm)

$64 + 28$       ;  $94 - 36$       ;  $318 + 141$       ;  $784 - 403$

.....

.....

.....

**Bài 4 :** Tính : (1 điểm)

$$24 + 16 - 18 = \dots\dots\dots$$

$$25 : 5 \times 6 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

**Bài 5 :** (2 điểm) Bao ngô cân nặng 47 kg, bao gạo cân nặng hơn bao ngô 9kg.

Hỏi bao gạo cân nặng bao nhiêu kg ?

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 6 :** Tính tổng số bé nhất có 3 chữ số với số lớn nhất có 2 chữ số

.....

.....

.....

.....

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 048

1)a) Một trăm linh bảy: 107

Bốn trăm mười lăm: 415

Chín trăm ba mươi tư: 934

Tám trăm tám mươi lăm: 885

b) bé đến lớn: 807;846;864;870;886

lớn đến bé: 886;870;864;846;807

2) Tính nhẩm:

$$3 \times 7 = 21$$

$$4 \times 8 = 32$$

$$20 : 2 = 10$$

$$400 + 300 = 700$$

$$28 : 4 = 7$$

$$15 : 5 = 3$$

$$5 \times 6 = 30$$

$$800 - 500 = 300$$

3) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$$64 + 28 = 92$$

$$94 - 36 = 58$$

$$318 + 141 = 459$$

$$784 - 403 = 381$$

$$4) a) 24 + 16 - 18$$

$$= 40 - 18$$

$$= 22$$

$$b) 25 : 5 \times 6$$

$$= 5 \times 6$$

$$= 30$$

5) Số kilogram gạo cân nặng là :  $47 + 9 = 56$  (kg gạo)      Đáp số: 56 kg gạo

$$6) 100 + 99 = 199$$

### ĐỀ SỐ 049

#### I- PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 3 điểm)

**Bài 1** ( 1 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng

a) Trong rổ có 35 quả cam,  $\frac{1}{5}$  số cam trong rổ là:

A. 5 quả

B. 7 quả

C. 6 quả

D. 8 quả

b) Bề dày của quyển sách khoảng 5..... Tên đơn vị cần điền vào chỗ chấm là:

A. cm

B. mm

C. dm

D. m

**Bài 2** ( 1 điểm) Số gồm: 5 trăm, 1 chục và 0 đơn vị được viết là:

A. 510

B. 501

C. 105

D. 150

**Bài 3** (1 điểm)  $5 \times 7 + 25 =$

A. 50

B. 40

C. 60

D. 70

#### II- PHẦN TỰ LUẬN ( 7 điểm)

**Bài 1:** ( 2 điểm) Đặt tính rồi tính

$$59 + 31 \quad ; \quad 345 + 244 \quad ; \quad 100 - 72 \quad ; \quad 674 - 353$$

.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

.....  
**Bài 2:** ( 1 điểm)

$$4 \times 6 + 16$$

$$20 : 4 \times 6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 3:** ( 1 điểm) Tìm X

$$X \times 5 = 45 + 5$$

$$X - 18 = 24$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 4:** ( 1 điểm) Tính chu vi hình tam giác ABC biết độ dài các cạnh là:

$$AB = 30 \text{ cm} ; BC = 15 \text{ cm} ; AC = 35 \text{ cm}$$

.....

.....

**Bài 5:** ( 2 điểm) Bể nước thứ nhất chứa 865 lít nước. Bể thứ hai chứa ít hơn bể thứ nhất 300 lít nước. Hỏi bể nước thứ hai chứa bao nhiêu lít nước?

.....

.....

.....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 049**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

1) a)B          b)A          2)A          3)C

## **II. tự luận**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$\begin{array}{r} 59 + 31 = 90 \\ 100 - 72 = 28 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 345 + 244 = 589 \\ 674 - 353 = 321 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 2) 4 \times 6 + 16 \\ = 24 + 16 \\ = 40 \\ 3) x \times 5 = 45 + 5 \\ x \times 5 = 50 \\ x = 50 : 5 \\ x = 10 \end{array} \qquad \begin{array}{l} 20 : 4 \times 6 \\ = 5 \times 6 \\ = 30 \\ x - 18 = 24 \\ x = 24 + 18 \\ x = 42 \end{array}$$

4) Chu vi tam giác ABC là :  $30 + 15 + 35 = 80 (cm)$       Đáp số: 80 cm

5) Số lít nước bể thứ hai chứa là :  $865 - 300 = 565$  ( l nước)      Đáp số: 565 l nước

## **ĐỀ SỐ 050**

### **I - Phần trắc nghiệm**

**Hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng (3 điểm)**

*(Mỗi câu trả lời đúng được 0,75 điểm)*

**Câu 1:** Khoanh tròn vào số bé nhất trong các số sau:

583; 538; 588; 885; 385; 358

**Câu 2:** 9 trăm + 3 chục + 6 đơn vị = .....

Cần điền vào chỗ chấm số:

A. 963                      B. 693                      C. 396                      D. 936

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Câu 3:** Cho biết số bị trừ là 485, số trừ là 72. Hiệu của hai số đó là:

- A. 417                      B. 413                      C. 457                      D. 557

**Câu 4:** Chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 9cm là:

- A. 18 cm                      B. 27 cm                      C. 24 cm                      D. 9 dm

## II - Phần tự luận (7 điểm)

**Câu 5:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1,0đ)

707; .....; 709; .....; .....; 712; .....; .....; 715

**Câu 6** (2,0đ)

a/. Đặt tính rồi tính:

$$495 - 251$$

$$465 + 172$$

.....

.....

.....

.....

b/. Tính:

$$4 \times 3 + 152$$

$$20 \times 3 : 2$$

.....

.....

.....

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

**Câu 7:** Một cửa hàng buổi sáng bán được 475l dầu, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 124l dầu. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít dầu?

(1,5đ)

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 8:** Giải bài toán theo tóm tắt sau:

(1,5đ)

Đoạn dây dài: 362 cm

Cắt đi: : 25 cm

Còn lại : ... cm ?

.....

.....

.....

.....

**Câu 9:** Trong hình bên:

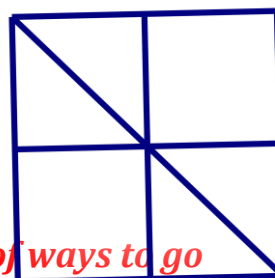
(1,0đ)

a. Có bao nhiêu hình vuông?

.....

.....

b. Có bao nhiêu hình tam giác?



Success has only one destination, but has a lot of ways to go

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

.....  
.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 050**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1) 385; 2) D 3) B 4) B

**II. TỰ LUẬN**

5) 707; 708; 709; 710; 711; 712; 713; 714; 715

6) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$495 - 251 = 244$$

$$465 + 172 = 637$$

$$b) 4 \times 3 + 152$$

$$20 \times 3 : 2$$

$$= 12 + 152$$

$$= 60 : 2$$

$$= 164$$

$$= 30$$

7) Số lít dầu buổi chiều cửa hàng đó bán là :  $475 + 124 = 599$  (l dầu)      Đáp số: 599 l dầu

8) Số xăng ti mét đoạn dây còn lại là :  $362 - 25 = 337$  (cm)      Đáp số: 337 cm

9) Có 5 hình vuông, có 6 hình tam giác

**ĐỀ SỐ 051**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** (3 đ)

Khoanh vào chữ cái (A, B, C, D) đặt trước kết quả đúng.

**Câu 1:** Sáu trăm, bốn chục, bảy đơn vị hợp thành số nào?

A. 467

B. 674

C. 647

**Câu 2:** Số liền sau số 539 là số nào?

A. 538

B. 540

C. 541

**Câu 3:** Câu nào đúng?

A. Muốn tìm số bị chia ta lấy thương cộng với số chia.

B. Muốn tìm số bị chia ta lấy thương trừ đi số chia.

C. Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

**Câu 4:** Tìm đáp số của bài toán:

Lớp 2A có 36 học sinh chia đều thành 4 tổ học tập. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu học sinh?

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A. 7 học sinh

B. 8 học sinh

C. 9 học sinh

**Câu 5:** Câu nói nào đúng giờ trong ngày?

A. 18 giờ sáng

B. 17 giờ chiều

B. C. 9 giờ tối

D. 10 giờ tối

**Câu 6:** Câu nào thích hợp?

A. Chiếc bàn học sinh cao 3 m

B. Quãng đường dài 20dm

C. Chiếc bút bi dài khoảng 15cm

D. Chiếc thước kẻ dài khoảng 1km

**Câu 7:** Đồng hồ chỉ:

A. 3 giờ 10 phút

B. 9 giờ 15 phút

C. 10 giờ 15 phút

D. 3 giờ 30 phút



**Câu 8:** Tờ giấy bạc 1000 đồng có thể đổi được mấy tờ giấy bạc 500 đồng?

A. 2 tờ

B. 3 tờ

C. 4 tờ

D. 5 tờ

**Câu 9:** .....cm = 1m . Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 10

B. 100

C. 1000

**Câu 10:** Viết số sau thành tổng các trăm, chục, đơn vị:

580 = .....

**Câu 11:**Viết số sau theo thứ tự từ lớn đến bé : 807 ; 870 ; 846 ; 864 ; 888 ; 880

**B.Phần tự luận:** (7 điểm)

**Câu 1:** Đặt tính rồi tính (2điểm):

46 + 20

43 + 34

85 - 42

98 - 48

.....

.....

.....

.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

100 cm = .....m      1m = .....mm

$24\text{cm} - 4\text{cm} + 30\text{cm} = \dots\dots\dots$        $30\text{cm} + 7\text{cm} - 37\text{cm} = \dots\dots\dots$

a)  $x - 34 = 49$                       b)  $x \cdot 4 = 36$

**Câu 5:** Tính chu vi hình tam giác ABC, biết độ dài các cạnh là : AB = 35cm, BC = 15 cm, AC = 45cm. (1 điểm)

## I. TRẮC NGHIỆM

## II. TỰ LUẬN

$$\begin{array}{rcl} 46 + 20 & = & 66 \\ 85 - 42 & = & 43 \end{array} \qquad \begin{array}{rcl} 43 + 34 & = & 77 \\ 98 - 48 & = & 50 \end{array}$$

|                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>3) a) <math>x - 34 = 49</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x = 49 + 34</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x = 83</math></p> | <p>b) <math>x \times 4 = 36</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x = 36 : 4</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x = 9</math></p> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Câu 5. Chu vi tam giác ABC là :  $35+15+45=95(cm)$

Đáp số: 95 cm

## **ĐỀ SỐ 052**

### **I. Phần trắc nghiệm ( 3 điểm)**

***Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng***

**Câu 1.** Số 251 đọc là:

- A. Hai trăm lăm mươi một.
- B. Hai trăm năm mươi một.
- C. Hai trăm năm một.

**Câu 2.** Số *Bảy trăm linh tư* viết là:

- A. 74
- B. 740
- C. 704

**Câu 3.** Chữ số 9 trong số 190 có giá trị bằng:

- A. 90
- B. 900
- C. 9

**Câu 4.** Số lớn nhất trong các số 938; 983; 839; 893 là:

- A. 983
- B. 938
- C. 893

**Câu 5.** Con lợn nặng 74kg. Con dê nhẹ hơn con lợn 19kg. Vậy con dê nặng:

- A. 93kg
- B. 55kg
- C. 65kg

### **II. Phần tự luận (7 điểm)**

**Câu 7 (3 điểm).** Đặt tính rồi tính:

$$65 + 18$$

$$487 - 43$$

$$413 + 241$$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Câu 8** (1 điểm). Tính chu vi hình tam giác biết mỗi cạnh của tam giác đều bằng 5cm.

**Bài giải**

|  |
|--|
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Câu 9** (2 điểm). Quãng đường AB dài 167km. Quãng đường CD ngắn hơn quãng đường AB 15km. Hỏi quãng đường CD dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

**Bài giải**

|  |
|--|
|  |
|  |

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....

.....

.....

.....

**Câu 10** (1 điểm). Tìm số có hai chữ số biết hiệu của chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 5 và tích của hai chữ số bằng 24.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

### ĐỀ SỐ 053

Bài 1:Tính nhẩm(2đ)

|                      |                      |                      |                      |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| $2 \times 6 = \dots$ | $3 \times 6 = \dots$ | $27 : 3 = \dots$     | $20 : 4 = \dots$     |
| $15 : 3 = \dots$     | $24 : 4 = \dots$     | $4 \times 7 = \dots$ | $5 \times 5 = \dots$ |

Bài 2:Đặt tính rồi tính(2đ)

|         |         |       |       |
|---------|---------|-------|-------|
| 356+212 | 857-443 | 96-48 | 59+27 |
| .....   | .....   | ..... | ..... |
| .....   | .....   | ..... | ..... |

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

.....

Bài 3:Tính(2đ)

$$5 \times 4 + 15 = \dots\dots\dots 30 : 5 : 3 = \dots\dots\dots$$

$$7 \text{ giờ} + 8 \text{ giờ} = \dots\dots\dots 24\text{km} : 4 = \dots\dots\dots$$

Bài 4: Tìm x (1đ)

$$X \times 5 = 35$$

$$x + 15 = 74$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Có 24 bút chì màu ,chia đều cho 3 nhóm .Hỏi mỗi nhóm có mấy bút chì màu?(2điểm)

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....

.....

.....

Bài 6: Tìm một số biết khi lấy số đó nhân với 5 thì bằng 18 cộng 2.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

ĐỀ SỐ 054

Bài 1: Tính nhẩm (2đ)

$$\begin{array}{llll} 5 \times 9 = \dots\dots\dots & 28 : 4 = \dots\dots\dots & 3 \times 7 = \dots\dots\dots & 400 + 500 = \dots\dots\dots \\ 3 \times 8 = \dots\dots\dots & 35 : 5 = \dots\dots\dots & 32 : 4 = \dots\dots\dots & 800 - 200 = \dots\dots\dots \end{array}$$

Bài 2:(2đ)

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$2\text{m} = \dots\dots\text{dm} \quad ; \quad 1\text{m} = \dots\dots\dots\text{cm} \quad ; \quad 1\text{km} = \dots\dots\dots\text{m} \quad ; \quad 8\text{cm} = \dots\dots\dots\text{mm}$$

b) Xếp các số sau : 348 , 843 , 328 , 238, 838 theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

Bài 3: Đặt tính rồi tính (2đ)

|             |               |             |             |
|-------------|---------------|-------------|-------------|
| $47 + 39$ ; | $975 - 352$ ; | $82 - 35$ ; | $243 + 526$ |
| .....       | .....         | .....       | .....       |
| .....       | .....         | .....       | .....       |
| .....       | .....         | .....       | .....       |
| .....       | .....         | .....       | .....       |

Bài 4: Điền dấu  $>$ ,  $<$ ,  $=$  (1đ)

$$492 \dots\dots 429 \quad ; \quad 376 \dots\dots 673 \quad ; \quad 4 \times 7 \dots\dots 32 \quad ; \quad 654 \dots\dots 600 + 54$$

Bài 5: (2đ) Hoa cân nặng 32kg, Mỹ cân nặng hơn Hoa 9kg. Hỏi Mỹ cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Bài 6: Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE, biết mỗi đoạn thẳng trong đường gấp khúc đều dài bằng nhau và bằng 5cm.

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....

.....

**ĐỀ SỐ 055**

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng

a.  $7 \times 4 = \dots\dots\dots$  (0,5 điểm)

A. 20

B. 28

C. 23

b. Lớp em có 40 bạn ,xếp đều thành 4 hàng .Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu bạn?(1 điểm)

A. 10 bạn

B. 9 bạn

C. 8 bạn

c. Tìm x, biết :  $x : 4 = 9$  (1 điểm)

A. 12

B. 4

C. 36

d. Kết quả của phép tính  $183 + 302$  là: (0,5 điểm)

A. 190

B. 485

C. 100

II TỰ LUẬN: 7 điểm

1. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$453 + 42$$

$$246 + 410$$

$$744 - 44$$

$$675 - 564$$

.....  
.....  
.....  
.....

.....

.....

a.  $5 \times 4 : 2 = \dots\dots\dots$       b.  $56 + 34 - 20 = \dots\dots\dots$   
 $= \dots\dots\dots$        $= \dots\dots\dots$

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

.....

...

.....

...

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

# TUYỂN TẬP

55 ĐỀ THI HỌC KỲ II LỚP 3 - MÔN TOÁN

Tập 02: 031-055



*hokhaulu*

Tam Kỳ-Quảng Nam, tháng 02-2019

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

LỚP 3

ĐỀ SỐ 031

Bài 1 (3đ) Đặt tính rồi tính:

$$35047 - 2870 \quad ; 54065 + 4889 + 798 \quad ; 5494 \times 8 \quad ; 4289 : 7$$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Bài 2 (2đ) Tính giá trị biểu thức:

$$239 + 1267 \times 3 = \quad \quad \quad 2505 : (403 - 398) =$$

.....  
.....  
.....

Bài 3 (2,5đ) Một người đi ô tô trong 2 giờ đi được 74 km . Hỏi trong 5 giờ người đi ô tô đó đi được bao nhiêu km? (Quãng đường đi trong mỗi giờ đều như nhau)

Giải:.....  
.....  
.....  
.....

Bài 4 (2,5đ) Tính diện tích và chu vi hình chữ nhật có chiều dài là 3dm, chiều rộng là 9cm

Giải:.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 031**

1) Đặt tính đúng được điểm tối đa

$$35047 - 2870 = 32177$$

$$54065 + 4889 + 798 = 59752$$

$$5494 \times 8 = 43952$$

$$4289 : 7 = 612 (\text{du } 5)$$

$$2) 239 + 1267 \times 3$$

$$2505 : (403 - 398)$$

$$= 239 + 3801$$

$$= 2505 : 5$$

$$= 4040$$

$$= 501$$

Bài 3. Số kilomet 1 giờ ô tô đi được là :  $74 : 2 = 37 (km)$

Số kilomet trong 5 giờ ô tô đi là :  $37 \times 5 = 185 (km)$

Đáp số:  $185 km$

Bài 4.  $3dm = 30cm$

Diện tích hình chữ nhật là :  $30 \times 9 = 270 (cm^2)$

Chu vi hình chữ nhật là :  $(30 + 9) \times 2 = 78 (cm)$

Đáp số: diện tích:  $270 cm^2$  ; chu vi:  $78 cm$

**ĐỀ SỐ 032**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2đ)**

***Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.***

Bài 1: A.  $4083 : 4 = 102$  (dư 5)

B.  $4083 : 4 = 120$  (dư 3)

C.  $4083 : 4 = 1020$  (dư 3)

D.  $4083 : 4 = 12$  (dư 3)

Bài 2: Số tháng có 31 ngày trong một năm là :

A. 7

B. 6

C. 8

D. 5

Bài 3: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120 m, chiều rộng bằng  $\frac{1}{3}$  chiều dài. Chu vi của thửa ruộng là :

A. 580 m

B. 320 m

C. 360 m

D. 1160 m

Bài 4:  $306 + 93 : 3 = \dots\dots$

A. 133

B. 337

C. 399

D. 733

**I. PHẦN TỰ LUẬN: (8đ)**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Bài 1: Đặt tính rồi tính (2đ )

$$4629 \times 2$$

$$7482 - 946$$

$$1877 : 3$$

$$2414 : 6$$

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức: (1,5 đ)

$$253 + 14 \times 3$$

$$123 \times (42 - 40)$$

Bài 3: (1,5 đ)

Một cửa hàng nhận về 2050 kg gạo . Người ta đã bán  $\frac{1}{5}$  số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kg gạo ?

**Giải**

Bài 4: (2đ)

Có 30 kg đồ đựng đều vào 6 túi . Hỏi 4 túi như vậy có bao nhiêu kg đồ ?

**Giải**

Bài 5: (1đ)

Có 9 hộp kẹo như nhau đựng 144 viên kẹo. Người ta chia cho các em thiếu nhi, mỗi em 4 viên kẹo thì hết 8 hộp. Hỏi có bao nhiêu em thiếu nhi được chia kẹo ?

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Giải

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 032**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1C      2A      3B      4B

**II. TỰ LUẬN**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$\begin{array}{ll} 4629 \times 2 = 9258 & 7482 - 946 = 6536 \\ 1877 : 3 = 625 (\text{du } 2) & 2414 : 6 = 402 (\text{du } 2) \end{array}$$

$$\begin{array}{ll} \text{Bài 2) } 253 + 14 \times 3 & 123 \times (42 - 40) \\ = 253 + 42 & = 123 \times 2 \\ = 295 & = 246 \end{array}$$

3) Số gạo cửa hàng đã bán là :  $2050 : 5 = 410$  (kg gạo)

Số gạo cửa hàng còn lại là :  $2050 - 410 = 1640$  (kg gạo)      Đáp số: 1640 kg gạo

Bài 4) Số kilogram đỗ 1 túi đựng là:  $30 : 6 = 5$  (kg đỗ)

Số kilogram đỗ 4 túi đựng là :  $5 \times 4 = 20$  (kg đỗ)      Đáp số: 20 kg đỗ

Bài 5) Số viên kẹo 1 hộp đựng là :  $144 : 9 = 16$  (viên kẹo)

Số viên kẹo 8 hộp đựng là :  $16 \times 8 = 128$  (viên kẹo)

Số em thiếu nhi được chia kẹo là :  $128 : 4 = 32$  (em)      Đáp số: 32 em

**ĐỀ SỐ 033**

**I: TRẮC NGHIỆM ( 4 điểm)**

*Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng*

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**1. (0,5đ) Bảy mươi sáu nghìn không trăm năm mươi một viết là:**

- a. 76 510                      b. 76501                      c. 76 051                      d. 76 551

**2. (0,5đ) Giá trị của chữ số 9 trong số 39 205 là:**

- a. 90                      b. 900                      c. 9000                      d. 90 000

**3. (0,5đ) Diện tích miếng bìa hình vuông có cạnh 9 cm là:**

- a. 81 cm<sup>2</sup>                      b. 18 cm<sup>2</sup>                      c. 36 cm<sup>2</sup>                      d. 81 cm

**4. (0,5đ) 2m9cm = .....cm. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:**

- a. 29                      b. 290                      c. 200                      d. 209

**5. (0,5đ) Trong cùng một năm, ngày 27 tháng 1 là thứ năm thì ngày 1 tháng 2 là:**

- a. thứ hai                      b. thứ ba                      c. thứ tư                      d. thứ năm

**6. (0,5đ) Số lớn nhất có 5 chữ số là:**

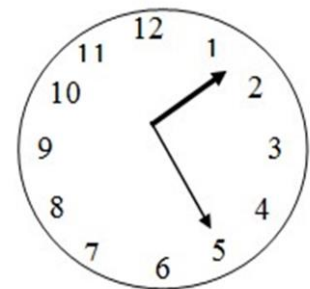
- a. 99 999                      b. 98 999                      c. 99 000                      d. 99 998

**7. (0,5đ) Chu vi hình chữ nhật có chiều dài là 10 cm, chiều rộng 5 cm là:**

- a. 15 cm                      b. 25 cm                      c. 30 cm                      d. 35 cm

**8. (0,5đ) Đồng hồ chỉ mấy giờ?**

- a. 1 giờ 5 phút  
b. 1 giờ 25 phút  
c. 2 giờ 5 phút  
d. 2 giờ 25 phút



Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

**II: TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Bài 1:**(1,5đ)**Đặt tính rồi tính:**

$$37425 + 28107$$

.....

.....

.....

$$92685 - 45236$$

.....

.....

.....

$$4635 \times 6$$

.....

.....

.....

$$64290 : 6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2:**(1đ)**Tìm K:**

$$K \times 8 = 2864$$

.....

.....

$$K : 5 = 1232$$

.....

.....

**Bài 3:**(1đ)**Tính giá trị của biểu thức**

$$46702 - 6720 : 5 = \dots\dots\dots$$

.....

.....

$$89189 - 926 \times 4 = \dots\dots\dots$$

.....

.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

**Bài 4(2đ)** 7 bạn học sinh giỏi được thưởng 56 quyển vở. Biết mỗi học sinh đều được thưởng bằng nhau. Hỏi 23 bạn học sinh giỏi thì được thưởng bao nhiêu quyển vở?

**Bài giải**

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 5(0,5đ)**

Với các chữ số 8, 0, 1, 9, 2. Hãy lập một số nhỏ nhất gồm năm chữ số trên.

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 033**

**PHẦN I.** (4 điểm) – Ghi đúng mỗi kết quả được 0,5 điểm.

| TT | Kết quả              |
|----|----------------------|
| 1  | c. 76 051            |
| 2  | c. 9000              |
| 3  | a.81 cm <sup>2</sup> |
| 4  | d. 209               |

| TT | Kết quả         |
|----|-----------------|
| 5  | b. thứ ba       |
| 6  | a.99 999        |
| 7  | c. 30 cm        |
| 8  | b.1 giờ 25 phút |

**PHẦN II.** (6 điểm)

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
"Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi"

**Bài 1** 1,5 điểm

(Đặt tính rồi tính đúng giá trị mỗi phép tính a,b được 0,25 điểm, mỗi phép tính c, d được 0,5 điểm)

$$37425 + 28107$$

$$\begin{array}{r} 37425 \\ + 28107 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37425 \\ + 28107 \\ \hline 65532 \end{array}$$

$$65532$$

$$92685 - 45236$$

$$\begin{array}{r} 92685 \\ - 45236 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 92685 \\ - 45236 \\ \hline 47449 \end{array}$$

$$47449$$

$$4635 \times 6$$

$$\begin{array}{r} 4635 \\ \times 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4635 \\ \times 6 \\ \hline 27810 \end{array}$$

$$27810$$

$$64290 : 6$$

$$\begin{array}{r} 64290 \\ \overline{) 6} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64290 \\ \overline{) 6} \\ 04 \end{array}$$

$$42$$

$$09$$

$$30$$

$$0$$

**Bài 2:**(1 đ)Tìm **K**: ( mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm)

$$\mathbf{K} \times 8 = 2864$$

$$\mathbf{x} = 2864 : 8$$

$$\mathbf{x} = 358$$

$$\mathbf{K} : 5 = 1232$$

$$\mathbf{x} = 1232 \times 5$$

$$\mathbf{x} = 6160$$

**Bài 3:**(1đ)Tính giá trị của biểu thức ( mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm)

$$46702 - 6720 : 5$$

$$= 46702 - 1344$$

$$= 45358$$

$$89189 - 926 \times 4$$

$$= 89189 - 3704$$

$$= 85485$$

**Bài 4:**(2đ)Mỗi bước tính đúng được 0,5 điểm. thiếu đáp số trừ 0,25 điểm

Bài giải

Mỗi bạn học sinh giỏi được thưởng số quyển vở là:

$$56 : 7 = 8 \text{ ( quyển)}$$

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

23 bạn học sinh giỏi được thưởng số quyển vở là:

$$8 \times 23 = 184 \text{ ( quyển)}$$

Đáp số : 184 quyển vở

**Bài 5**(0,5đ) ghi đúng số được 0,5 điểm

10289

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

ĐỀ SỐ 034

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM :

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

1, Trong các số: 42 078, 42 075, 42 090, 42 100, 42 099, 42 109, 43 000. Số lớn nhất là:

A. 42 099                      B. 43 000                      C. 42 075                      D. 42 090

2. Giá trị của biểu thức  $2342 + 403 \times 6$  là:

A. 4660                      B. 4760                      C. 4860                      D. 4960

3. Hình vuông có cạnh 3cm. Diện tích hình vuông là:

A.  $6\text{cm}^2$                       B. 9cm                      C.  $9\text{cm}^2$                       D. 12cm

4. Mua 2kg gạo hết 18 000 đồng. Vậy mua 5 kg gạo hết số tiền là:

A. 35 000 đồng      B. 40 000 đồng      C. 45 000 đồng      D. 50 000 đồng

5. Ngày 25 tháng 8 là ngày thứ 7. Ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là ngày thứ:

A. Thứ sáu                      B. Thứ bảy                      C. Chủ nhật                      D. Thứ hai

II. PHẦN TỰ LUẬN

1. Đặt tính rồi tính:

$14\,754 + 23\,680$                        $15\,840 - 8795$                        $12\,936 \times 3$                        $45678 : 3$

.....  
.....  
.....  
.....

2. Tính giá trị của biểu thức:

$15\,840 + 7932 \times 5$                        $(15\,786 - 13\,982) \times 3$

3. Tìm x:

$$X : 8 = 3721$$

$$24\,860 : x = 5$$

4. Một ô tô đi trong 5 giờ thì được 225 km. Hỏi ô tô đó đi trong 3 giờ được bao nhiêu ki - lô - mét?

5. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 8 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích thửa ruộng đó?

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 034

#### I. TRẮC NGHIỆM

1B 2B 3C 4C 5C

#### II. TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$14\,754 + 23\,680 = 38\,434$$

$$15\,840 - 8\,795 = 7\,045$$

$$12\,936 \times 3 = 38\,808$$

$$45\,678 : 3 = 15\,226$$

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$$\begin{aligned}2) & 15840 + 7932 \times 5 \\ & = 15840 + 39660 \\ & = 55500\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}& (15786 - 13982) \times 3 \\ & = 1804 \times 3 \\ & = 5412\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}3) & x : 8 = 3721 \\ & x = 3721 \times 8 \\ & x = 29768\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}24860 : x & = 5 \\ x & = 24860 : 5 \\ x & = 4972\end{aligned}$$

4) Số kilomet 1 giờ ô tô đó đi là :  $225 : 5 = 45(km)$

Số kilomet 3 giờ ô tô đó đi là :  $45 \times 3 = 135(km)$       Đáp số: 135km

5) Chiều dài thửa ruộng là :  $8 \times 3 = 24(m)$

Diện tích thửa ruộng là :  $24 \times 8 = 192(m^2)$       Đáp số:  $192m^2$

### **ĐỀ SỐ 035**

#### **I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

1, Trong các số: 62 078, 82 075, 82 090, 82 100, 82 099, 92 109, 93 000. Số lớn nhất là:

A. 92 109      B. 82 075      C. 82 090      D. 93 000

2. Giá trị của biểu thức  $7892 + 403 \times 9$  là:

A. 3627      B. 11519      C. 11591      D. 11520

3. Hình vuông có cạnh 9cm. Diện tích hình vuông là:

A.  $72cm^2$       B. 81cm      C.  $81cm^2$       D. 72cm

4. Mua 4kg gạo hết 14 000 đồng. Vậy mua 5 kg gạo hết số tiền là:

A. 35 00 đồng      B. 17500 đồng      C. 14500 đồng      D. 10500 đồng

5. Ngày 25 tháng 8 là ngày thứ 7. Ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là ngày thứ:

A. Thứ sáu      B. Thứ bảy      C. Chủ nhật      D. Thứ hai

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

## II. PHẦN TỰ LUẬN

1. Đặt tính rồi tính:

$$65\,754 + 23\,480$$

$$19\,880 - 8795$$

$$68\,936 \times 3$$

$$12784 : 8$$

.....

.....

.....

.....

2. Tính giá trị của biểu thức:

$$15\,879 + 7987 \times 7$$

$$(97\,786 - 87\,982) \times 3$$

.....

.....

.....

.....

3. Tìm x:

$$X : 8 = 7890$$

$$42534 : x = 6$$

.....

.....

.....

.....

4. Một ô tô đi trong 8 giờ thì được 32624 km. Hỏi ô tô đó đi trong 3 giờ được bao nhiêu ki - lô - mét?

.....

.....

.....

.....

5. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 15m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích thửa ruộng đó?

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 035**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1.D    2.B    3.C    4.B    5.C

**II. TỰ LUẬN**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$65754 + 23480 = 89234$$

$$19880 - 8795 = 11085$$

$$68936 \times 3 = 206808$$

$$12784 : 8 = 1598$$

$$2) 15879 + 7987 \times 7$$

$$= 15879 + 55909$$

$$= 71788$$

$$(97786 - 87982) \times 3$$

$$= 9804 \times 3$$

$$= 29412$$

$$3) x : 8 = 7890$$

$$x = 7890 \times 8$$

$$x = 63120$$

$$42534 : x = 6$$

$$x = 42534 : 6$$

$$x = 7089$$

4) Số kilomet 1 giờ ô tô đi là :  $32624 : 8 = 4078(km)$

Số kilomet 3 giờ ô tô đó đi là :  $4078 \times 3 = 12234(km)$       Đáp số:  $12234km$

5) Chiều dài thửa ruộng là :  $15 \times 3 = 45(m)$

Diện tích thửa ruộng là :  $45 \times 15 = 675(m^2)$       Đáp số:  $675m^2$

**ĐỀ SỐ 036**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

1, Trong các số: 98 078, 98 075, 98 090, 98 100, 98 099, 98 109, 99 000. Số lớn nhất là:

A. 98 078

B. 98 100

C. 98 109

D. 99 000

2. Giá trị của biểu thức  $2342 + 21168 : 7$  là:

A. 5366

B. 5367

C. 5766

D. 6751

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

3. Hình vuông có cạnh 7cm. Diện tích hình vuông là:

- A.  $49\text{cm}^2$       B. 49cm      C.  $28\text{cm}^2$       D 28cm

4. Mua 8kg gạo hết 32456 đồng. Vậy mua 5 kg gạo hết số tiền là:

- A. 20285 đồng      B. 20258 đồng      C. 20259 đồng      D. 20528 đồng

5. Ngày 25 tháng 8 là ngày thứ 7. Ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là ngày thứ:

- A. Thứ sáu      B. Thứ bảy      C. Chủ nhật      D. Thứ hai

## II. PHẦN TỰ LUẬN

1. Đặt tính rồi tính:

$$78\,244 + 89\,660 \qquad 78\,840 - 18\,795 \qquad 65\,236 \times 9 \qquad 468\,120 : 6$$

.....  
.....  
.....  
.....

2. Tính giá trị của biểu thức:

$$15\,840 + 32046 : 7 \qquad 32\,464 : 8 - 3956$$

.....  
.....  
.....  
.....

3. Tìm x:

$$X : 5 = 3721 \qquad 18\,315 : x = 9$$

.....

.....  
.....  
.....  
4. Một ô tô đi trong 9 giờ thì được 4 914 km. Hỏi ô tô đó đi trong 3 giờ được bao nhiêu ki - lô - mét?

.....  
.....  
.....  
5. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 8m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Tính diện tích thửa ruộng đó?

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 036

#### I. TRẮC NGHIỆM

1D      2A      3A 4A      5C

#### II. TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$78244 + 89660 = 167904$$

$$78840 - 18795 = 60045$$

$$65236 \times 9 = 587124$$

$$468120 : 6 = 78020$$

$$2) 15840 + 32046 : 7$$

$$32464 : 8 - 3956$$

$$= 15840 + 4578$$

$$= 4058 - 3956$$

$$= 20418$$

$$= 102$$

3) Tìm x

$$x : 5 = 3721$$

$$18315 : x = 9$$

$$x = 3721 \times 5$$

$$x = 18315 : 9$$

$$x = 18605$$

$$x = 2035$$

4) Số kilomet 1 giờ ô tô đó đi là :  $4914 : 9 = 546(km)$

Số kilomet 3 giờ ô tô đó đi là :  $546 \times 3 = 1638(km)$       Đáp số: 1638km

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

5) Chiều dài thửa ruộng là :  $8 \times 4 = 32(m)$

Diện tích thửa ruộng là :  $32 \times 8 = 256(m^2)$       Đáp số:  $256m^2$

### **ĐỀ SỐ 037**

Bài 1- (3đ) Đặt tính rồi tính:

$$35047 - 2870$$

$$54065 + 4889 + 798$$

$$4289 : 7$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2-(2đ) Tính giá trị biểu thức:

$$239 + 1267 \times 3 =$$

$$2505 : (403 - 398) =$$

.....

.....

.....

Bài 3-(2,5đ) Một người đi ô tô trong 2 giờ đi được 74 km . Hỏi trong 5 giờ người đi ô tô đó đi được bao nhiêu km ? (Quãng đường đi trong mỗi giờ đều như nhau)

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Giải:.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Bài 4- (2,5đ) Tính diện tích và chu vi hình chữ nhật có chiều dài là 3dm, chiều rộng là 9cm

Giải:.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

### **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 037**

1) Đặt tính đúng được điểm tối đa

$$35047 - 2870 = 32177 \qquad 54065 + 4889 + 798 = 59752$$
$$4289 : 7 = 612(\text{du } 5)$$

|                                        |                      |
|----------------------------------------|----------------------|
| $\text{Bài 2. } 2.239 + 1267 \times 3$ | $2505 : (403 - 398)$ |
| $= 239 + 3801$                         | $= 2505 : 5$         |
| $= 4040$                               | $= 501$              |

Bài 3. Số kilomet 1 giờ ô tô đi là :  $74 : 2 = 37(\text{km})$

Số kilomet 5 giờ ô tô đi là :  $37 \times 5 = 185(\text{km})$       Đáp số: 185km

Bài 4. 3 dm = 30 cm

Diện tích hình chữ nhật là :  $30 \times 9 = 270(\text{cm}^2)$

Chu vi hình chữ nhật là :  $(30 + 9) \times 2 = 78(\text{cm})$       Đáp số:  $270\text{cm}^2$  ; 78cm

### **ĐỀ SỐ 038**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Bài 1:** (1đ) Đọc số, viết số vào chỗ trống:

| Viết số        | Đọc số                             |
|----------------|------------------------------------|
| 50002          | .....<br>.....                     |
| .....<br>..... | Tám mươi bảy nghìn không trăm mười |

**Bài 2:** (1đ) Khoanh vào câu trả lời đúng:

- a. Số 92806 có chữ số hàng chục nghìn là:  
 A. 2                                      B. 0                                      C. 8                                      D. 9
- b. Giá trị của biểu thức :  $3000 + 9000 : 3$  là:  
 A. 4000                                      B. 6000                                      C. 3300                                      D. 12000

**Bài 3:** (1đ) Ghi đúng (Đ) , sai (S) vào ô trống:

- a. Dãy số liệu: 100 , 90 , 80 , 70 , 60 , 50 , 40 , 30 có số thứ năm là 50 ☐
- b. Số liền sau của 99999 là 100000. ☐
- c. Chu vi hình chữ nhật 412 m thì nửa chu vi hình chữ nhật đó là 106m ☐
- d. Một người đi bộ mỗi giờ đi được 4 km thì 5 giờ đi được 16 km. ☐

**PHẦN 2:** (7đ)

**Bài 1:** (1,5) Đặt tính rồi tính:

$$30475 + 61806 \qquad 11506 \times 5 \qquad 26736 : 3$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2:** (2đ) a) Tìm x:  $5 \times x = 30475$

b) Tính:  $26351 - 2850 : 6$

.....

.....

.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Bài 3: (2đ) Có 3408 kg đường được chia đều vào 8 bao. Hỏi 5 túi có bao nhiêu ki-lô-gam đường?

Giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

---

Bài 4: (1,5đ) Tìm hiệu của số nhỏ nhất có sáu chữ số và số lớn nhất có năm chữ số:

.....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 038**

1) 50 002: Năm mươi nghìn hai đơn vị

Tám mươi bảy nghìn không trăm mười: 87 010

Bài 2) a)D      b)B

Bài 3)      a) S      b)Đ      c)S      d)S

**Phần 2**

- 1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa
- |                         |                          |
|-------------------------|--------------------------|
| $30475 + 61806 = 92281$ | $11506 \times 5 = 57530$ |
| $26736 : 3 = 8912$      |                          |

2)a)  $5 \times x = 30475$

$x = 30475 : 5$

$x = 6095$

b)  $26351 - 2850 : 6$

$= 26351 - 475$

$= 25876$

Bài 03. Số kilogram đường 1 bao đựng là :  $3408 : 8 = 426 (kg \text{ đường})$

Số kilogram đường 5 túi đựng là :  $426 \times 5 = 2130 (kg \text{ đường})$

Đáp số: 2130 kg đường

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐỀ SỐ 039**

**I. Trắc nghiệm:** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (3đ)

**Câu 1:** (0.5đ) Số liền sau của 78999 là:

- a- 78901                  b- 78991                  c- 79000                  d- 78100

**Câu 2 :** (0.5đ) Ngày 28 tháng 4 là thứ sáu. Ngày 4 tháng 5 là thứ mấy?

- a- Thứ tư                  b- Thứ sáu                  c- Thứ năm                  d- Chủ nhật

**Câu 3:** (0.5đ)  $9\text{m } 6\text{dm} = \dots \text{ cm}$ :

- a- 9600cm                  b- 96cm                  c- 906cm                  d- 960cm

**Câu 4:** (0.5đ) Chu vi hình vuông là 96cm, cạnh của hình vuông là

- a- 86cm                  b- 43cm                  c- 128cm                  d- 24cm

**Câu 5:** (0.5đ) Cạnh hình vuông có chu vi 96cm là

- a- 48 cm                  b- 8 cm                  c- 6 cm                  d- 24 cm

**Câu 6:** (0.5đ) Giá trị biểu thức  $700 : 5 \times 4$  là:

- a - 35                  b- 560                  c- 7500                  d- 150.

**Câu 7 :** Tìm số tròn nghìn ở giữa 9068 và 11982 :

- A. 10000 và 12000                  B. 10000 và 11000  
C. 9000 và 11000                  D. 12000 và 11000

**Câu 8 :**  $3\text{km } 12\text{m} = \dots \text{ m}$ . Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 312                  B. 3012                  C. 36                  D. 15

**Câu 9:** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 10m. Chu vi của mảnh đất đó là:

- A, 15m                  B. 10m                  C. 50m                  D. 150m

**Câu 10:** Dãy số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn:

- A. 64900 ; 46900 ; 96400 ; 94600                  B. 46900 ; 94600 ; 96400 , 64900  
C. 64900 ; 69400 ; 94600 ; 96400                  D. 64900 ; 69400 ; 96400 ; 94600

Câu 11: Số thích hợp để viết vào chỗ chấm (.....) của  $9m15cm = \dots\dots\dots cm$  là:

- A. 9015                      B. 915                      C. 9150                      D. 9105

Câu 12: Thứ tư tuần này là ngày 9. Vậy thứ tư tuần sau là ngày:

- A. 15                      B. 16                      C. 17                      D. 18

## II. Tự luận (7đ)

**Câu 1:** Đặt tính rồi tính (2 đ)

|               |               |                 |            |
|---------------|---------------|-----------------|------------|
| $7386 + 9548$ | $6732 - 4528$ | $4635 \times 6$ | $6336 : 9$ |
| .....         | .....         | .....           | .....      |
| .....         | .....         | .....           | .....      |
| .....         | .....         | .....           | .....      |

**Câu 2:** Tìm x (1.5 đ)

a/.  $x \times 8 = 2864$

b/.  $x : 5 = 1232$

.....  
 .....

**Câu 3:** (1đ) Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài là 13 cm ,chiều rộng là 9cm

Bài giải

.....  
 ...  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**Câu 4:** (2 đ) Mua 9 bút chì hết 5400 đồng.Hỏi mua 6 bút chì như thế hết bao nhiêu tiền ?

Bài giải :

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

.....  
.....

Câu 5: (0.5đ)

An nghĩ ra một số, nếu lấy số đó chia cho 5 thì được thương là 4 và số dư là số dư lớn nhất. Hãy tìm số đó.

---

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 039**

1) Đặt tính đúng mỗi câu được 0,5đ

$$7386 + 9548 = 16934$$

$$6732 - 4528 = 2204$$

$$4635 \times 6 = 27810$$

$$6336 : 9 = 704$$

Câu 2

$$a) x \times 8 = 2864$$

$$x = 2864 : 8$$

$$x = 358$$

$$b) x : 5 = 1232$$

$$x = 1232 \times 5$$

$$x = 6160$$

Câu 3. Diện tích hình chữ nhật là :  $13 \times 9 = 117 (cm^2)$

Đáp số:  $117 cm^2$

Câu 4. Số tiền mua 1 cây bút chì là :  $5400 : 9 = 600$  (đồng)

Số tiền mua 6 cây bút chì là:  $600 \times 6 = 3600$  (đồng)

Đáp số: 3600 đồng

Câu 5. Vì chia cho 5 nên số dư lớn nhất là 4

Số cần tìm là :  $4 \times 5 + 4 = 24$

Đáp số: 24

**ĐỀ SỐ 040**

**Phần I:** (3 đ) Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số 17934 đọc là:

A. Mười bảy nghìn chín trăm ba tư

B. Mười bảy nghìn chín trăm ba mươi tư.

C. Mười bảy nghìn chín trăm ba chục bốn đơn vị.

2. Số **Bảy mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi lăm** được viết là:

A. 76245

B. 7645

C. 760245

D. 706245

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

- 4 . Số liền trước của số 38080 là:  
A. 38081                      B. 37999                      C. 38079                      D. 37979
5. Dãy số: **2005, 2010, 2015, 2020, ... , ... , ...** , 3 số thích hợp điền vào chỗ chấm là:  
A. 2030, 2035, 2040      B. 2025, 2030, 2035      D. 2030, 2035, 2025      C. 2035, 2030, 2025
6. Đoạn thẳng AB dài 26 cm, M là trung điểm của AB. AM có độ dài là:  
A. 52 cm                      B. 13 cm                      C. 12 cm                      A. 10 cm
7. (1đ) Ghi đúng (Đ) , sai (S) vào chỗ trống:  
a.  $10\text{ km} = 10\,000\text{ km}$  ☐  
b. 12 tuần lễ có 84 ngày ☐  
c. Chu vi hình vuông là 36 cm thì cạnh hình vuông là 9 cm ☐  
d.  $5\text{ m } 14\text{ cm} = 5140\text{ cm}$ . ☐
8. (0,5đ) Trong các số 45 389 ; 45 938 ; 43 999 ; 45 983. Số nào là số lớn nhất?  
A. 43 999                      B. 45 389                      C. 45 938                      D. 45 983
9. (0,5đ) Diện tích hình chữ có cạnh 8 cm là:  
A,  $32\text{ cm}^2$                       B. 64 cm                      C.  $64\text{ cm}^2$                       D. 32 cm

**II. Phần II (7 điểm )**

Bài 1: (2đ) Đặt tính rồi tính:

$$3165 + 24927$$

$$18732 - 5917$$

$$20342 \times 4$$

$$47287 : 6$$

Bài 2: (2đ) a) Tính giá trị của các biểu thức:

$$4 \times (7358 - 6419) = \dots\dots\dots$$

b) Tìm x:

$$x : 8 = 1137$$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

.....  
.....  
**Bài 4:** (2đ) Có 45 kg đậu xanh đựng trong 9 túi. Hỏi có 2085 kg đậu xanh thì đựng trong mấy túi như thế?

Giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
**Bài 5 :** (1đ) Tìm tích của số lớn nhất có bốn chữ số và số lớn nhất có một chữ số.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 040**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1B 2A 4C 5B 6B

7) a)Đ b)Đ c)Đ d)S 8)D 9.C

**II. TỰ LUẬN**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$3165 + 24927 = 28092$$

$$18732 - 5917 = 12815$$

$$20342 \times 4 = 81368$$

$$47287 : 6 = 7881(\text{du } 6)$$

$$2) a) 4 \times (7358 - 6419)$$

$$x : 8 = 1137$$

$$= 4 \times 939$$

$$x = 1137 \times 8$$

$$= 3756$$

$$x = 9096$$

4) Số kilogram đậu xanh 1 túi đựng là :  $45 : 9 = 5(kg)$

Số túi 2085 kg đậu xanh đựng là :  $2085 : 5 = 417(\text{túi})$       Đáp số: 417túi

$$5) 9999 \times 9 = 89991$$

**ĐỀ SỐ 041**

**PHẦN 1** (2điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả đúng.

1. Số bé nhất trong các số: 21011 ; 21110 ; 21101 ; 21001

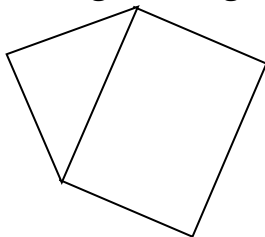
A. 21110

B. 21001

C. 21011

D. 21101

2. Số góc vuông có trong hình vẽ là:



A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

3. Trong cùng một năm, ngày 27 tháng 5 là thứ sáu thì ngày 1 tháng 6 là:

A. Thứ ba

B. Thứ năm

C. Thứ tư

D. Thứ sáu

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

4.  $30m\ 6cm = \dots\dots\dots cm$ . Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:  
A. 36                      B. 360                      C. 3006                      D. 306
5. Số 2345 được viết thành tổng các số tròn nghìn, tròn trăm, tròn chục và đơn vị là:  
A.  $2000 + 300 + 45$                       B.  $1000 + 1300 + 45 + 0$   
C.  $2000 + 300 + 40 + 5$                       D.  $2000 + 340 + 5$
6. Cho dãy số liệu sau: 20 ; 18 ; 16 ; 14 ; 12 ; 10 ; 8. Số thứ ba trong dãy là số:  
A. 10                      B. 16                      C. 12                      D. 8
7. Hằng ngày em đi ngủ lúc 10 giờ và thức dậy lúc 6 giờ sáng hôm sau. Mỗi ngày em ngủ được:  
A. 16 giờ                      B. 7 giờ                      C. 6 giờ                      D. 8 giờ
8.  $8dam\ 6cm = \dots\dots\dots cm$ . Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:  
A. 86                      B. 806                      C. 860                      D. 8006

**PHẦN 2** (8 điểm)

**Bài 1:** (3 đ)      a) Tính nhẩm:

$$4000 + 6000 = \dots\dots\dots$$
$$100000 - 70000 = \dots\dots\dots$$
$$14000 \times 3 = \dots\dots\dots$$
$$48000 : 8 = \dots\dots\dots$$

b) Đặt tính rồi tính:

$$21725 + 34558 \qquad 91752 - 6328 \qquad 5143 \times 3 \qquad 7016 : 7$$

**Bài 2:** (2đ) a) Tính giá biểu thức:

$$64575 - 10021 \times 5$$

b) Tìm x

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

$$x - 9723 = 1408$$

.....  
.....  
.....

**Bài 3:** (2đ) 7 bạn học sinh giỏi được thưởng 63 quyển vở. Hỏi có 3708 quyển vở thì thưởng được bao nhiêu bạn, biết mỗi bạn được thưởng số vở như nhau.

**Giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Bài 4:** ( 1đ) Viết 2 phép chia có thương bằng số chia.

a).....

b).....

### **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 041**

#### **Phần I**

1B 2C 3C 4C 5C 6B 7D 8D

#### **Phần II**

1) a)  $4000 + 6000 = 10000$   $100000 - 70000 = 30000$

$14000 \times 3 = 42000$   $48000 : 8 = 6000$

b) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$21725 + 34558 = 56283$   $91752 - 6328 = 85424$

$5143 \times 3 = 15429$   $7016 : 7 = 1002 (du 2)$

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

2) a)  $64575 - 10021 \times 5$

$= 64575 - 50105$

$= 14470$

$x - 9723 = 1408$

$x = 1408 + 9723$

$x = 11131$

Bài 3. Số quyển vở 1 bạn học sinh giỏi nhận là :  $63:7=9$  (quyển vở)

Số bạn học sinh được nhận thưởng là :  $3708:9=412$  (bạn)      Đáp số: 412 bạn

Bài 4. a)  $64:8=8$        $81:9=9$

**ĐỀ SỐ 042**

Bài 1. (2 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng :

a. Giá trị của chữ số 5 trong số 26573 là:

A. 50

B. 500

C. 5000

b. Bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi một viết là:

A. 42015

B. 42501

C. 42051

c. Cho  $50\text{dm } 6\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$ . Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 56

B. 506

C. 5060

d. Cạnh hình vuông có chu vi 32cm là:

A. 16cm

B. 8cm

C. 8 cm<sup>2</sup>

Bài 2 (1đ) Điền đúng (Đ), sai (S) vào ô trống

a. Hình tròn có đường kính 26 cm, bán kính hình tròn đó là 6cm.

b. Trong phép chia có dư, số chia là 7 thì số dư lớn nhất là 7.

c. Hình vuông có chu vi 40 cm, cạnh hình vuông đó là 10 cm.

d. Diện tích hình chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng 5 cm là 34 cm<sup>2</sup>.

Bài 3: ( 1 đ ) Điền dấu > , < , =

$9798 \dots\dots\dots 9890$

$8653 \dots\dots\dots 543 + 1000$  ;

$1 / 4 \text{ giờ} \dots\dots\dots 40 \text{ phút}$

$1\text{kg} \dots\dots\dots 981\text{g} + 19\text{g}$

Bài 4: (2đ) Đặt tính rồi tính:

$21567 + 42385$

$89205 - 63582$

$7138 \times 6$

$64974 : 2$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Bài 5: (2đ) a) Tính :  $(60800 - 31578) \times 2$

b) Tìm x:  $x \times x \times 4 = 16236$

Bài 6: (2đ) Một vòi nước chảy vào bể trong 5 phút được 150 lít nước. Hỏi trong 9 phút vòi nước đó chảy vào bể được bao nhiêu lít nước ? (Số lít nước chảy vào bể trong mỗi phút đều như nhau).

**Bài Giải:**

**Bài 7: (1đ) Tìm tổng của số lớn nhất có năm chữ số và số bé nhất có năm chữ số.**

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 042**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

1. a) B      b) C      c) B      d) B

2) a) S      b) S      c) Đ      d) S

3)  $9798 < 9890$        $8653 > 543 + 1000$

$\frac{1}{4}$  giờ  $< 40$  phút       $1 \text{ kg} = 981 \text{ g} + 19 \text{ g}$

4) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$21567 + 42385 = 63952$        $98205 - 63582 = 25623$

$7138 \times 6 = 42828$        $64974 : 2 = 32487$

5) a)  $(60800 - 31578) \times 2$

$= 29222 \times 2 = 58444$

$x \times 4 = 16236$

$x = 16236 : 4$

$x = 4059$

Bài 6. Số lít nước 1 phút chảy là  $150 : 5 = 30$  (l nước)

Số lít nước 9 phút chảy là :  $30 \times 9 = 270$  (l nước)      Đáp số: 270l nước.

Bài 7.  $99999 + 10000 = 109999$

### **ĐỀ SỐ 043**

phần 1:(Trắc nghiệm) Mỗi bài tập dưới đây có nêu kèm theo một câu trả lời A, B,C, D

(là đáp số , kết quả tính). Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1/ Số lớn nhất trong các số 9788; 9887; 7889; 7988 là:

A. 9788

B. 9887

C. 7889

D. 7988

2/ Số liền sau của số 9999:

A. 1000

B. 10000

C. 100000

d. 9998

3/ Ngày 27 tháng 5 năm 2016 là thứ sáu thì ngày 3 tháng 6 cùng năm đó là thứ mấy?

A. Thứ tư

B. Thứ năm

C. Thứ sáu

D. Thứ bảy

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

4/ Một hình tròn có tâm I có bán kính là 6 cm. Đường kính của hình tròn là:

- A. 10 cm                      B. 12 cm                      C. 20cm                      D. 25 cm

5/ Một hình vuông ABCD có chu vi là 40 cm. tìm cạnh hình vuông đó.

- A. 20 cm                      B. 15 cm                      C. 144 cm                      D. 10 cm

.../ 7 điểm    Phần II: (Tự luận)

Bài 1:            Đặt tính rồi tính:

.../ 2 điểm    a)  $18229 + 35754$     b)  $7982 - 3083$                       c)  $24043 \times 4$     d)  $3575 : 5$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Bài 2:            Tính:

.../ 2 điểm    a)  $99637 - 12403 \times 8$                       b)  $X \times 3 = 18726$

.....  
.....  
.....

Bài 3:

.../ 2 điểm    Các phòng học đều được lắp số quạt trần như nhau. Biết 10 phòng học lắp 40 cái quạt trần. Hỏi có 32 cái quạt trần thì lắp được mấy phòng học?

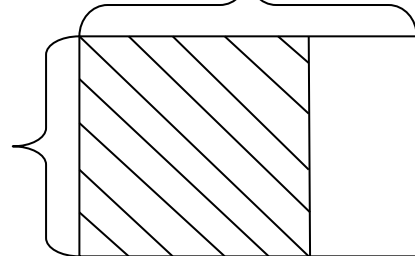
Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Bài 4:

.../ 1 điểm Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài 50 cm, chiều rộng 40 cm. người ta cắt lấy ra một hình vuông có cạnh bằng chiều rộng tấm bìa. Tính diện tích tấm bìa còn lại?



### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 043

**Phần 1.** 1B 2B 3C 4B 5D

### Phần II.

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a)  $18229 + 35754 = 53983$

b)  $7982 - 3083 = 4899$

c)  $24043 \times 4 = 96172$

d)  $3575 : 5 = 715$

2) Tính

a)  $99637 - 12403 \times 8$

$= 99637 - 99224$

$= 413$

b)  $x \times 3 = 18726$

$x = 18726 : 3$

$x = 6242$

3. Số quạt trần 1 phòng lắp là :  $40 : 10 = 4$  (quạt trần)

Số phòng học 32 quạt trần lắp là :  $32 : 4 = 8$  (phòng)

Đáp số: 8 phòng

4) Diện tích tấm bìa :  $50 \times 40 = 2000 (cm^2)$

Diện tích hình vuông được cắt ra :  $40 \times 40 = 1600 (cm^2)$

Diện tích còn lại của tấm bìa :  $2000 - 1600 = 400 (cm^2)$

Đáp số:  $400 cm^2$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

ĐỀ SỐ 044

**I. TRẮC NGHIỆM ( 3 đ):** Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

**Bài 1 (M1-0,5đ):** Số liền sau của 72 199 là:

- A. 72 200                      B. 72 198                      C. 73 199                      D. 73 200

**Bài 2 (M1-0,5đ):** Diện tích hình chữ nhật có chiều dài 23 cm và chiều rộng 6 cm là:

- A. 138 cm                      B.  $138 \text{ cm}^2$                       C.  $58 \text{ cm}^2$                       D. 58 cm

**Bài 3 (M2-0,5đ):** Từ 6 giờ 5 phút đến 6 giờ 15 phút là mấy phút?

- A. 10 phút                      B. 15 phút                      C. 5 phút                      D. 20 phút

**Bài 4 (M1-0,5đ):** Số năm nghìn hai trăm năm mươi viết là:

- A. 5200                      B. 5250                      C. 5050                      D. 5205

**Bài 5 (M2-0,5đ):** Kết quả của phép tính  $45\,658 + 25\,487$ :

- A. 71 045                      B. 61 145                      C. 70 145                      D. 71 145

**Bài 6 (M2-0,5đ):** Số lớn nhất trong các số :48 963; 47 963; 48 236; 45 669 là:

- A. 47 963                      B. 48 236                      C. 48 963                      D. 45 669

**II. TỰ LUẬN ( 7 đ):**

**Câu 1 (Mức 2- 2 đ).** Đặt tính rồi tính:

a.  $37\,215 + 11\,023$

b.  $95\,471 - 2\,367$

c.  $2154 \times 7$

d.  $3568 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 2 (Mức 3-2 đ).** Tính giá trị của biểu thức:

a.  $15\,523 + 24\,96 : 4 =$  .....

$=$  .....

b.  $(4320 - 2112) \times 6 =$  .....

$=$  .....

**Câu 3 (Mức 3-2 ):** Có 45 l nước mắm được rót đều vào 9 can. Hỏi thùng 545 l nước mắm thì rót được vào bao nhiêu can?

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....

.....

**Bài 4: (M4-1đ):** Tìm số có 2 chữ số. Nếu lấy 2 chữ số của số đó nhân với nhau ta được 54, biết rằng có 1 chữ số là 6. Vậy số cần tìm là:

.....  
.....  
.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 044**

**I. TRẮC NGHIỆM** 1.D 2.B 3.A 4.B 5.D 6.C

**II. TỰ LUẬN**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a)  $37215 + 11023 = 48238$

b)  $95471 - 2368 = 93103$

c)  $2154 \times 7 = 15078$

d)  $3568 : 4 = 892$

Câu 2

a)  $15523 + 2496 : 4$

$= 15523 + 624$

$= 16147$

b)  $(4320 - 2112) \times 6$

$= 2208 \times 6$

$= 13248$

**Câu 3.** Số lít nước mắm 1 can đựng là :  $45 : 9 = 5$  ( 1 nước mắm)

Số can 545 lít nước mắm rót là :  $545 : 5 = 109$  (can)

Đáp số: 109 can

**Câu 4.** Chữ số còn lại là :  $54 : 6 = 9$

Vậy số cần tìm là 96 và 69

**ĐỀ SỐ 045**

**Câu 1.** ( 1 điểm – M1) **Tính nhẩm:**

$7 \times 4 = \dots\dots$

$9 \times 6 = \dots\dots$

$63 : 9 = \dots\dots$

$49 : 7 = \dots\dots$

**Câu 2.** ( 1 điểm – M1) **Viết ( theo mẫu ):**

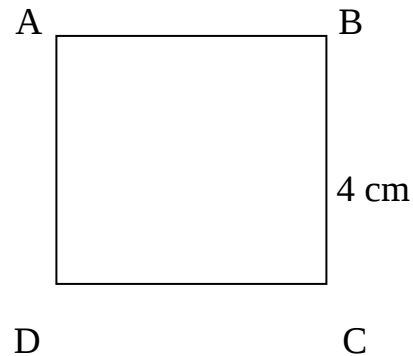
| Viết số | Đọc số                                   |
|---------|------------------------------------------|
| 19432   |                                          |
|         | Ba mươi hai nghìn không trăm hai mươi ba |
|         | Chín mươi tư nghìn một trăm linh chín    |

|       |  |
|-------|--|
| 36728 |  |
|-------|--|

**Câu 3. ( 1 điểm – M1) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:**

**Chu vi hình vuông ABCD là:**

- A. 12 cm                      B. 16 cm  
C. 20 cm                      D. 24 cm



**Câu 4. ( 1 điểm – M2 ) Đặt tính rồi tính:**

$$214 \times 4$$

$$261 \times 3$$

$$936 : 4$$

$$2614 : 3$$

.....

.....

.....

.....

**Câu 5. ( 1 điểm – M2 ) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:**

**a) Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để: 8 m 9 dm = .....dm là:**

- A. 89                      B. 809                      C. 890                      D. 89dm

**b) Có 24 bông hoa, chia đều vào 4 lọ. Hỏi mỗi lọ có bao nhiêu bông hoa?**

- A. 4                      B. 8                      C. 6                      D. 9

**Câu 6. ( 1 điểm – M2 ) Tìm Y:**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$$Y + 2361 = 4943$$

$$Y \times 3 = 2367$$

.....  
.....  
**Câu 7. ( 1 điểm – M3 )** Viết các số sau: **1923; 2943; 1932; 2436; 3274 .**

Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

**Câu 8. ( 1 điểm – M3 )** Trong kho có 3560 kg gạo tẻ và số gạo nếp bằng  $\frac{1}{4}$  số gạo tẻ. Hỏi trong kho có tất cả bao nhiêu kg gạo?

### **Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
**Câu 9. ( 1 điểm – M3 )** **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:**

Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài là 36 cm, chiều rộng bằng  $\frac{1}{4}$  chiều dài. Tính diện tích tấm bìa đó?

Trả lời: Miếng bìa có diện tích là: .....

**Câu 10. ( 1 điểm – M4 )** Có 90 viên bi trắng và bi màu được chia ra các hộp bằng nhau. Có tất cả 4 hộp bi màu và 6 hộp bi trắng. Hỏi có bao nhiêu viên bi màu? Bao nhiêu viên bi trắng?

### **Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐÁP ÁN ĐỀ 045**

**Câu 1:** 1 điểm ( Mỗi câu đúng được 0,25 điểm )

$$7 \times 4 = 28$$

$$9 \times 6 = 54$$

$$63 : 9 = 7$$

$$49 : 7 = 7$$

**Câu 2:** 1 điểm ( Mỗi câu đúng được 0,25 điểm )

| Viết số | Đọc số                                         |
|---------|------------------------------------------------|
| 19 432  | <b>Mười chín nghìn bốn trăm ba mươi hai</b>    |
| 32 023  | Ba mươi hai nghìn không trăm hai mươi ba       |
| 94 109  | Chín mươi tư nghìn một trăm linh chín          |
| 36 728  | <b>Ba mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám</b> |

**Câu 3:** 1 điểm      Đáp án : **B. 16 cm**

**Câu 4:** 1 điểm ( Mỗi câu đúng được 0,25 điểm )

$$\begin{array}{r} 214 \\ \times 4 \\ \hline 856 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 261 \\ \times 3 \\ \hline 783 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 936 & 4 \\ \hline 13 & 234 \\ 16 & \\ 0 & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 2614 & 3 \\ \hline 21 & 871 \\ 04 & \\ 1 & \end{array}$$

**Câu 5:** 1 điểm ( Mỗi câu đúng được 0,5 điểm )

a) Đáp án: **A. 89**

b) Đáp án: **C. 6**

**Câu 6:** 1 điểm ( Mỗi câu đúng được 0,5 điểm )

$$Y + 2361 = 4943$$

$$Y \times 3 = 2367$$

$$Y = 4943 - 2361$$

$$Y = 2367 : 3$$

$$Y = 2582$$

$$Y = 789$$

**Câu 7:** 1 điểm

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Theo thứ tự từ bé đến lớn là: 1923; 1932; 2436; 2643; 3274

**Câu 8:** 1 điểm

**Bài giải**

Số kg gạo nếp có trong kho là:

$$3560 : 4 = 890 \text{ ( kg )}$$

0,5 điểm

Trong kho có tất cả số kg gạo là:

$$3560 + 890 = 4450 \text{ ( kg )}$$

0,5 điểm

Đáp số: 4450 kg gạo

**Câu 9:** 1 điểm **Trả lời:** Miếng bìa có diện tích là : **324 cm<sup>2</sup>**

**Câu 10:** 1 điểm

**Bài giải**

Có tất cả số hộp bi là:

$$4 + 6 = 10 \text{ ( hộp )}$$

0,2 điểm

Mỗi hộp có số viên bi là:

$$90 : 10 = 9 \text{ ( viên )}$$

0,2 điểm

Số viên bi trắng là:

$$9 \times 6 = 54 \text{ ( viên )}$$

0,2 điểm

Số viên bi màu là:

$$9 \times 4 = 36 \text{ ( viên )}$$

0,2 điểm

Đáp số: 54 viên bi trắng;

36 viên bi màu

0,2 điểm

**ĐỀ SỐ 046**

**I/ PHẦN TỰ LUẬN:** (4 điểm)

*Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng .*

**Câu 1:** Mức 1(1 điểm )

a) Số liền sau của số 32565 là:

A. 32566

B. 32575

C. 32564

D. 32 666

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

b) kết quả của phép tính:  $10303 \times 4$  là:

- A. 69066      B. 45733      C. 41212      D. 5587

**Câu 2. Mức 1 ( 1 điểm)**

a) Số bé nhất trong các số 93680; 93860; 90386; 90368 là:

- A. 93860      B. 93680      C. 90368      D. 90386

b) Dấu lớn ( > ) ở cặp số:

- A.  $8000.....7999 + 1$       B.  $78659.....76860$       C.  $9000 + 900.....10000$

**Câu 3. Mức 2 ( 1 điểm)**

a) Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để  $8m\ 6\ cm = \dots\ cm$  là :

- A. 86      B. 806      C. 860      D. 8006

b) Từ 7 giờ kém 5 phút đến 7 giờ là :

- A. 5 phút      B. 10 phút      C. 15 phút      D. 20 phút

**Câu 4: (Mức 2) Đúng ghi Đ, sai ghi S: (1 điểm)**

$37 - 5 \times 5 = 12$       ☐       $13 \times 3 - 2 = 13$       ☐

**II. PHẦN TỰ LUẬN : (6 điểm)**

**Câu 5: (Mức 1) (1 điểm)** Tính diện tích hình vuông có cạnh là 5cm

.....

**Câu 6: (Mức 1) Đặt tính rồi tính ( 1 điểm)**

$24653 + 19274$        $40237 - 28174$        $218 \times 3$        $276 : 3$

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Câu 7: (Mức 2) Tìm x: (1 điểm)**

$x : 3 = 152$        $x \times 2 = 184$

.....

**Câu 8: (Mức 3) (1 điểm).**

Hình chữ nhật ABCD có chiều dài bằng 16cm, chiều rộng bằng  $\frac{1}{2}$  chiều dài. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

.....

.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 9: Mức 3(1 điểm)**

Có 240 viên thuốc chứa đều trong 4 vỉ. Hỏi 3 vỉ thuốc đó chứa bao nhiêu viên thuốc?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 10: Mức 4 (1 điểm).** Tổng hai số là 73 581. Tìm số thứ hai, biết số thứ nhất là 37 552.

.....  
.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 046**

**I/ Phần trắc nghiệm**

**Câu 1: Mức 1(1 điểm)**

- a) A (0,5 điểm)  
b) C (0,5 điểm)

**Câu 2: Mức 1(1 điểm)**

- a) C (0,5 điểm)  
b) B (0,5 điểm)

**Câu 3: Mức 2(1 điểm)** mỗi ý đúng 0,5 điểm

- a. B. 806  
b. A. 5 phút

**Câu 4: Mức 2(1 điểm)** mỗi phép tính được 0.5 điểm

$$37 - 5 \times 5 = 12$$



$$13 \times 3 - 2 = 13$$



**II/ Phần tự luận**

**Câu 5: Mức 1(1 điểm)**

Diện tích hình vuông là: (0,25 điểm)

$$5 \times 5 = 25(\text{cm}^2) \quad (0,75 \text{ điểm})$$

**Câu 6. Mức 1 (1 điểm)** Đặt và thực hiện đúng mỗi phép tính được 0,25 điểm

|                                                              |                                                              |                                                               |                                                                                |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| a. $\begin{array}{r} 24653 \\ + 19274 \\ \hline \end{array}$ | b. $\begin{array}{r} 40237 \\ - 28174 \\ \hline \end{array}$ | c. $\begin{array}{r} 21816 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$ | d. $\begin{array}{r} 27786 \overline{) 3} \\ 07 \overline{) 9262} \end{array}$ |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

43927

12063

65448

18

Câu 7: Mức 2 (1 điểm) Tìm x mỗi phép tính được 0,5 điểm

$$x : 3 = 1527$$

$$x \times 2 = 1846$$

$$x = 1527 \times 3$$

$$x = 1846 : 2$$

$$x = 4581$$

$$x = 923$$

Câu 8: Mức 3(1 điểm)

**Bài giải**

Chiều rộng hình chữ nhật ABCD là: (0,2 điểm)

$$16 : 2 = 8 \text{ (cm)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Diện tích hình chữ nhật ABCD là: (0,2 điểm)

$$16 \times 8 = 128 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Đáp số: 128 cm<sup>2</sup> (0,1 điểm)

Câu 9: Mức 3(1 điểm)

**Bài giải**

Số viên thuốc trong mỗi vỉ là: (0,2 điểm)

$$24 : 4 = 6 \text{ (viên)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Số viên thuốc trong 3 vỉ là: (0,2 điểm)

$$6 \times 3 = 18 \text{ (viên)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Đáp số: 18 viên thuốc. (0,1 điểm)

Câu 10: Mức 4 (1 điểm)

Số thứ hai là: (0,25 điểm)

$$73\,581 - 37\,552 = 36\,029 \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Đáp số: 36 029 (0,25 điểm)

**ĐỀ SỐ 047**

**PHẦN I: Trắc nghiệm: (5 điểm)** Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

**Câu 1. Số 54 175 đọc là:**

A. Năm tư nghìn một trăm bảy lăm.

B. Năm mươi tư nghìn bảy trăm mười lăm.

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

C. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm.

D. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy lăm.

**Câu 2. Số liền sau của số 68457 là :**

A. 68467

B. 68447

C. 68456

D. 68459

**Câu 3. Các số 48617; 47861; 48716 ; 47816 sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:**

A . 48617; 48716; 47861; 47816

B . 48716; 48617; 47861; 47816

C . 47816; 47861; 48617; 48716

D . 48617; 48716; 47816; 47861

**Câu 4. Số lẻ nhỏ nhất có 5 chữ số là:**

A. 11000

B. 10100

C. 10010

D. 10001

**Câu 5. Kết quả của phép cộng  $36528 + 49347$  là:**

A. 75865;

B. 85865

C. 75875

D. 85875

**Câu 6. Kết quả của phép trừ  $85371 - 9046$  là:**

A. 76325;

B. 86335

C. 76335

D. 86325

**Câu 7. Mẹ mua 12 quả cam. Mẹ biếu bà 3 quả, mẹ để phân bố  $\frac{1}{4}$  số cam. Số còn lại mẹ chia đều cho 2 anh em. Hỏi mỗi anh em được bao nhiêu quả cam?**

A. 4 quả

B. 1 quả

C. 3 quả

D. 2 quả

**Câu 8. Diện tích một hình vuông là  $9 \text{ cm}^2$ . Hỏi chu vi hình vuông đó là bao nhiêu?**

A. 3 cm

B. 12 cm

C. 4 cm

D. 36 cm

**PHẦN II: Trình bày bài giải các bài toán: (5 điểm)**

**Câu 1. Đặt tính rồi tính :**

$$21628 \times 3$$

$$15250 : 5$$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

[illegible]

**Câu 2.** Điền dấu  $> < =$ ?

1km ... 985 m

60 phút ... 1 giờ

797 mm ... 1 m

987 g ... 1 kg

**Câu 3.** Một người đi bộ trong 6 phút đi được 480 m. Hỏi trong 9 phút người đó đi được bao nhiêu mét đường? (Quãng đường trong mỗi phút đi đều như nhau)

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

[illegible]

**Câu 4.** Tìm số có 2 chữ số. Nếu lấy 2 chữ số của số đó nhân với nhau ta được 54, biết rằng có 1 chữ số là 6. Vậy số cần tìm là: .....

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 047

## I. TRẮC NGHIỆM

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

1.C    2.D    3.C    4.D    5.D    6.A    7.C    8.B

## **II. TỰ LUẬN**

1)  $21628 \times 3 = 64884$                        $15250 : 5 = 3050$

2)  $1km > 985m$                        $60 \text{ phút} = 1 \text{ giờ}$

$797mm < 1m$                        $987g < 1kg$

Câu 3. Số mét 1 phút người đó đi là :  $480 : 6 = 80(m)$

Số mét 9 phút người đó đi là :  $80 \times 9 = 720(m)$                       Đáp số: 720 m

Câu 4. Số cần tìm là 96 và 69

### **ĐỀ SỐ 048**

#### **PHẦN I: PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.**

**Câu 1:** Trong các số: **4278; 4210; 4209; 4275** . Số lớn nhất là:

A. 4278                      B. 4210                      C. 4209                      D. 4275

**Câu 2:** Giá trị của biểu thức  $300 + 150 \times 2$  là:

A. 450                      B. 900                      C. 600                      D. 700

**Câu 3:** Hình vuông có cạnh 3cm. Diện tích hình vuông là:

A.  $6cm^2$                       B. 9cm                      C.  $9cm^2$                       D. 12cm

**Câu 4:** Ngày 25 tháng 8 là ngày thứ hai. Ngày 28 tháng 8 cùng năm đó là ngày thứ:

A. Thứ tư                      B. Thứ năm                      C. Thứ sáu                      D. Thứ bảy

#### **PHẦN II : PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Bài 1 (2 điểm):** Đặt tính rồi tính

$$6548 + 1256$$

$$7581 - 6029$$

$$2178 \times 4$$

$$3426 : 3$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2 (2 điểm):** Tính giá trị biểu thức:

a,  $2157 \times 3 - 1799$

b,  $8025 - 1071 \times 6$

.....

.....

**Bài 3 (1 điểm):** Tìm X:

$$X : 6 = 876$$

$$8\,026 - X = 4237$$

.....

.....

.....

.....

**Bài 4 (2 điểm)** Một cửa hàng có 1245 cái áo, cửa hàng đã bán  $\frac{1}{3}$  số áo. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu cái áo?

**Bài giải**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 5 (1 điểm).** Em hãy viết tiếp vào dãy số sau 3 số nữa và giải thích cách viết.

8, 10, 13, 17, 22....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 048**

**I. TRẮC NGHIỆM**      1.A    2.C      3.C      4.B

**II. TỰ LUẬN**

- 1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$$6548 + 1256 = 7804$$

$$7581 - 6029 = 1552$$

$$2178 \times 4 = 8712$$

$$3426 : 3 = 1142$$

Bài 2

$$a) 2157 \times 3 - 1799$$

$$= 6471 - 1799$$

$$= 4672$$

$$b) 8025 - 1071 \times 6$$

$$= 8025 - 6426$$

$$= 1599$$

Bài 3.

$$x : 6 = 876$$

$$x = 876 \times 6$$

$$x = 5256$$

$$8026 - x = 4237$$

$$x = 8026 - 4237$$

$$x = 3789$$

Bài 4. Số cái áo cửa hàng đã bán là :  $1245 : 3 = 415$  (cái áo)

Số cái áo cửa hàng còn lại là :  $1245 - 415 = 830$  (cái áo)      Đáp số: 830 cái áo

Bài 5: 8;10;13;17;22;28;35;43

Khoảng cách 2 số đầu là 2, sau đó mỗi số viết tiếp khoảng cách sẽ tăng dần từng 1 đơn vị

**ĐỀ SỐ 049**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM** (4 điểm)

( Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng )

Câu 1. Số 54 175 đọc là:(M1-0,5 điểm)

- A. Năm tư nghìn một trăm bảy lăm.
- B. Năm mươi tư nghìn bảy trăm mười lăm.
- C. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm.
- D. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy lăm.

Câu 2. Kết quả của phép cộng  $36528 + 49347$  là:(M2-0,5 điểm)

- A. 75865                      B. 85865                      C. 75875                      D. 85875

Câu 3. Số 12 được viết bằng chữ số La Mã là: (M2-0,5 điểm)

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A. XI

B. XII

C. XVII

D. XIX

Câu 4. Thứ hai tuần này là ngày 26, thứ hai tuần trước là ngày:... (M2-0,5 điểm)

A. 19

B. 18

C. 16

D. 17

Câu 5. Có 40 học sinh xếp thành 8 hàng đều nhau. Hỏi có 15 học sinh thì xếp được bao nhiêu hàng? (M3-1 điểm)

A. 5 hàng

B. 45 hàng

C. 3 hàng

D. 75 hàng

Câu 6. Diện tích một hình vuông là  $9 \text{ cm}^2$ . Hỏi chu vi hình vuông đó là bao nhiêu? (M4-1 điểm)

A. 3 cm

B. 12 cm

C. 4 cm

D. 36 cm

PHẦN II : TỰ LUẬN: ( 6 điểm )

Câu 1. Đặt tính rồi tính: (M1-1 điểm)

$$21628 \times 3$$

$$45603 + 12908$$

$$15250 : 5$$

$$67013 - 23114$$

Câu 2. Một hình chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng dài 4 cm.

a, Tính chu vi hình chữ nhật đó.

b, Tính diện tích hình chữ nhật đó. (M2 – 2 điểm)

Bài giải

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

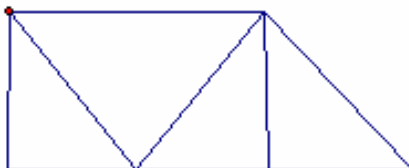
.....  
...

Câu 3. Có 120 cái bánh được xếp đều vào 5 hộp. Hỏi 8 hộp bánh như thế có bao nhiêu cái bánh?( M3 – 2 điểm)

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Câu 4: Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác?  
(M3-1điểm)



- a,.....hình tam giác  
b,.....hình tứ giác

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 49**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4điểm)**

- Câu 1.(M1 – 0,5 điểm) C. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm.  
Câu 2.(M2 – 0,5 điểm) D. 85875  
Câu 3.(M2 – 0,5 điểm) B. XII  
Câu 4.(M2 – 0,5 điểm) A. 19  
Câu 5.(M3 – 1 điểm) C. 3 hàng  
Câu 6.(M4 – 1 điểm) B. 12 cm

**PHẦN II: TỰ LUẬN**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Câu 1.(M1 – 1 điểm) HS đặt tính và tính đúng mỗi câu (0,25 điểm)

a,  $21628 \times 3 = 64884$

b,  $45603 + 12908 = 58511$

c,  $15250 : 5 = 3050$

d,  $67013 - 23114 = 43899$

Câu 2.(M2 – 2 điểm)

Bài giải

Chu vi hình chữ nhật là (0,25 đ)

$$(8+4) \times 2 = 24 \text{ (cm)} \text{ (0,5 đ)}$$

Diện tích hình chữ nhật là (0,25 đ)

$$(8 \times 4) = 32 \text{ (cm}^2\text{)} \text{ (0,5 đ)}$$

Đáp số: 24 cm

32 cm<sup>2</sup> (0,5 đ)

Câu 3.(M3 – 2 điểm)

Bài giải

Mỗi hộp có số cái bánh là (0,25 điểm)

$$120 : 5 = 60 \text{ (cái bánh)} \text{ (0,75 điểm)}$$

8 hộp bánh có số cái bánh là: (0,25 điểm)

$$8 \times 60 = 420 \text{ (cái bánh)} \text{ (0,5 điểm)}$$

Đáp số : 420 Cái bánh .(0,25 điểm)

Câu 4.(M3 – 1 điểm)

a, 5 hình tam giác (0,5 đ)

b, 5 hình tứ giác (0,5 đ)

**ĐỀ SỐ 050**

**Em thực hiện các yêu cầu câu hỏi bên dưới theo sự hướng dẫn của thầy (cô):**

1. (0,5 điểm) Số liền sau của số 6842 là:

A. 6841.

B. 6842.

C. 6843.

D. 6844.

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

2. (0,5 điểm) Số liền sau của số 52 368 là:

- A. 52 366.                      B. 52 367.                      C. 52 368.                      D. 52 369.

3. (0,5 điểm) Số bé nhất trong các số: 3689; 3699; 3690; 3609 là:

- A. 3689.                      B. 3699.                      C. 3690.                      D. 3609.

4. (0,5 điểm) Số lớn nhất trong các số: 26 878; 26 787; 26 877; 26 778 là:

- A. 26 878.                      B. 26 787.                      C. 26 877.                      D. 26 778.

5. (1 điểm) Kết quả của phép chia  $1273 : 6$  là:

- A. 212.                      B. 212 dư 1.                      C. 212 dư 2.                      D. 212 dư 3.

6. (1 điểm) Hình chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 5cm. Diện tích hình chữ nhật là:

- A.  $13 \text{ cm}^2$ .                      B.  $30 \text{ cm}^2$ .                      C.  $40 \text{ cm}^2$ .                      D.  $50 \text{ cm}^2$ .

7. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a)  $4824 + 2416$

b)  $87050 - 3912$

c)  $1317 \times 5$

d)  $1284 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

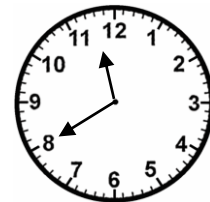
8. (0,5 điểm) Đồng hồ bên chỉ mấy giờ ?

A. 11 giờ 8 phút.

B. 11 giờ 30 phút.

C. 11 giờ 35 phút

D. 11 giờ 40 phút.



9. (1 điểm) Một cái sân dạng hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 6m. Tính chu vi cái sân đó ?

           Bài giải

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

.....  
.....  
.....  
.....

10. (2,5 điểm) Một đội công nhân trong 4 ngày làm được 124 sản phẩm. Hỏi trong 7 ngày đội công nhân làm được bao nhiêu sản phẩm ?

           Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 050

Câu 1. C      2.D      3.D      4.A      5.B      6.C

Câu 7. Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

|                           |                           |
|---------------------------|---------------------------|
| a) $4284 + 2416 = 7240$   | b) $87050 - 3912 = 83138$ |
| c) $1317 \times 5 = 6585$ | d) $1284 : 4 = 321$       |

8)D

9) Chu vi cái sân là :  $(12 + 6) \times 2 = 36(m)$       Đáp số: 36m

Câu 10. Số sản phẩm 1 ngày đội công nhân làm là :  $124 : 4 = 31(\text{sản phẩm})$

Số sản phẩm 7 ngày đội công nhân làm là :  $31 \times 7 = 217(\text{sản phẩm})$

Đáp số: 217 sản phẩm

### ĐỀ SỐ 051

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng.**

**Câu 1:(0,5đ)** Số liền sau của 5346 là:

- A. 5364                                      B. 5347                                      C. 5345

**Câu 2:(0,5đ )** Điền dấu  $< > =$  vào chỗ chấm 6787 ..... 7542 :

- A.  $>$                                       B.  $<$                                       C.  $=$

**Câu 3:(1đ )** Một hình chữ nhật có chiều dài 6cm, chiều rộng 5cm .Diện tích hình chữ nhật là :

- A. 20 cm                                      B. 30cm                                      C. 40cm

**Câu 4: (1đ)**  $1\text{km} = \text{.....m}$

- A. 100m                                      B. 1000m                                      C. 700m

$1\text{cm} = \text{.....mm}$

- A. 10mm                                      B. 100mm                                      C. 20mm

**Câu 5: ( 1đ)** Viết số thích hợp vào chỗ chấm đồng hồ chỉ mấy giờ,mấy phút:



..... giờ ..... phút



..... giờ ..... phút

**Câu 6:( 1đ)** Một con lợn cân nặng 35kg, một con ngỗng cân nặng 5kg. Con lợn cân nặng gấp số lần con ngỗng là:

- A. 7                                      B.5                                      C . 6

**Câu 7:( 1đ)** Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 40cm, chiều rộng 8cm là:

- A. 86cm                                      B. 69 cm                                      C. 96 cm

**Câu 8: ( 1đ )** Đặt tính rồi tính :

$$45603 + 12908$$

$$67013 - 23114$$

**Câu 9 : ( 2đ)** Có 2135 quyển vở được xếp đều vào 7 thùng. Hỏi 6 thùng đó có bao nhiêu quyển vở?

**Câu 10:( 1đ)** Khoanh vào trước chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích một hình vuông là  $9\text{ cm}^2$ . Hỏi chu vi hình vuông đó là bao nhiêu?

- A. 4cm                                      B. 9cm                                      C. 12cm

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 051**

Câu 1. (0,5đ) ý B

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Câu 2.(0,5đ ) - B

Câu 3.(1đ ) - B

Câu 4: (1đ)

B - A

Câu 5: (1đ) Mỗi ý đúng được 0,5 điểm.

...3... giờ ...20... phút

...6... giờ ...30..... phút

Câu 6: ( 1đ) A. 7

Câu 7: ( 1đ) -C

Câu 8. ( 1đ ) Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm

Câu 9 :( 2đ)

**Bài giải**

Số quyển vở được xếp vào một thùng là: ( 0,25)

$2135 : 7 = 305$  ( quyển vở) (0,5)

Số quyển vở 5 thùng có là: (0,25)

$305 \times 6 = 1830$  (quyển vở)( 0,5)

Đáp số: 1830 quyển vở(0,5)

**Câu 10:** 1 đ- C

**ĐỀ SỐ 052**

Khoanh vào chữ cái trước đáp án đúng trong câu 1;2;3;4 và hoàn thành các bài tập sau:

**Câu 1.** (0,5 điểm) Trong các số: 43 078; 42 075; 42 090; 42 999, Số lớn nhất là:

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A. 42 999

B. 43 078

C. 42 075

D. 42 090

**Câu 2.** (0,5 điểm) Số liền sau của 78999 là:

A. 78901

B. 78991

C. 79000

D. 78100

**Câu 3.** (0,5 điểm) Cho dãy số liệu: 9; 1999; 199; 2009; 1000; 79768; 9999; 17.

Dãy trên có tất cả:

A. 8 số

B. 9 số

C. 10 số

D. 11 số

**Câu 4.** (0,5 điểm) Giá trị của số 5 trong số 65 478 là:

A. 50000

B. 5000

C. 500

D. 50

**Câu 5.** (1 điểm) Nối phép tính với kết quả đúng

|                    |
|--------------------|
| $4 + 16 \times 5$  |
| $99 : (999 - 990)$ |

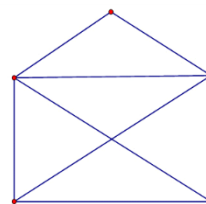
|     |
|-----|
| 11  |
| 100 |
| 84  |

**Câu 6.** (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

a,  $7m3cm = 703\text{ cm}$  ☐

b, Chu vi hình vuông cạnh 5 cm là 25 cm. ☐

**Câu 7.** (1 điểm) Hình bên có ..... hình tam giác, có ..... hình tứ giác



**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 8.** ( 2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a.  $14\,754 + 23\,680$

b.  $15\,840 - 8795$

c.  $12\,936 \times 3$ ;

d.  $68325 : 8$

**Câu 9:** ( 2 điểm) Một miếng bìa hình chữ nhật có chiều dài là 12 cm, chiều rộng bằng  $\frac{1}{3}$  chiều dài. Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật đó là:

**Câu 10.** ( 1 điểm) Mua 2kg gạo hết 18 000 đồng. Hỏi:

a, Mua 5 kg gạo hết số tiền là bao nhiêu?

b, Nếu người mua có 100 000 đồng thì có đủ mua 10 kg gạo không?

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 052**

1.B    2.C    3.A    4.B

$$5.4 + 16 \times 5 = 84 \quad 99 : (999 - 990) = 99 : 9 = 11$$

Câu 6.        A)Đ        b) S

Câu 7. Hình bên có 9 hình tam giác, có 4 hình tứ giác.

Câu 8. Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$\begin{array}{ll} a) 14754 + 23680 = 38434 & b) 15840 - 8795 = 7045 \\ c) 12936 \times 3 = 38808 & d) 68325 : 8 = 8540 (\text{du } 5) \end{array}$$

Câu 9. Chiều rộng miếng bìa là :  $12 : 3 = 4 (cm)$

Chu vi miếng bìa là :  $(12 + 4) \times 2 = 32 (cm)$

Diện tích miếng bìa :  $12 \times 4 = 48 (cm^2)$

Đáp số: chu vi: 32cm                      Diện tích:  $48 cm^2$

Câu 10. a) Số tiền 1 kg gạo mua là :  $18000 : 2 = 9000 (\text{đồng})$

Số tiền để mua 5 kg gạo mua là :  $9000 \times 5 = 45000 (\text{đồng})$

b) Số tiền mua 10 kg gạo là :  $9000 \times 10 = 90000 (\text{đồng})$

Vì  $90000 < 100000$  nên người đó mua đủ

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Đáp số: a) 45000 đồng                      b) Mua đủ

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐỀ SỐ 053**

**PHẦN I : Trắc nghiệm : ( 7 điểm )**

***Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng :***

**Câu 1. Số gồm 7 chục nghìn, 8 nghìn, 3 trăm, 4 chục, 2 đơn vị được viết là:**

**(M1- 0, 5 điểm)**

- A. 75242                      B. 78342                      C. 57242                      D. 73842

**Câu 2. Kết quả của phép chia  $40050: 5$  là: (M1- 0, 5 điểm)**

- A. 810                      B. 81                      C. 801                      D. 8010

**Câu 3. Giá trị của biểu thức  $(4536 + 73845): 9$  là: (M1- 0, 5 điểm)**

- A. 9709                      B. 12741                      C. 8709                      D. 8719

**Câu 4. Tìm số tròn nghìn ở giữa số 9068 và 11982 là: (M1- 0, 5 điểm)**

- A. 10000 và 11000                      B. 10000 và 12000

- C. 11000 và 9000                      D. 12000 và 11000

**Câu 5.  $3\text{km } 12\text{m} = \dots\dots\dots\text{m}$  (M2- 0, 5 điểm)**

- A. 312                      B. 3012                      C. 36                      D. 15

**Câu 6.  $4\text{ giờ } 9\text{ phút} = \dots\dots\dots\text{phút}$  (M2- 0, 5 điểm)**

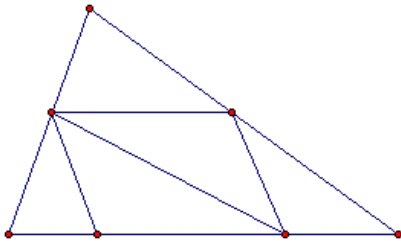
- A. 49 phút                      B. 36 phút                      C. 249 phút                      D. 13 phút

**Câu 7. Số 21 được viết bằng chữ số La Mã là: (M2- 0, 5 điểm)**

- A. XI                      B. XII                      C. XXI                      D. IXX

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Câu 8. Hình trên có số hình tam giác và tứ giác là: (M2- 0, 5 điểm)



A. 7 tam giác, 6 tứ giác.

B. 7 tam giác, 5 tứ giác.

C. 6 tam giác, 5 tứ giác

D. 7 tam giác, 7 tứ giác.

Câu 9. Tìm X: (M3- 1 điểm)

$$X: 4 = 1020 \text{ (dư 3)}$$

• 4083

B. 4038

C. 4080

D. 4008

Câu 10. Mẹ đem 100 000 đồng đi chợ; mẹ mua cho Mai một đôi giày hết 36500 đồng và mua một áo phông hết 26500 đồng. Số tiền còn lại mẹ dùng để mua thức ăn. Hỏi mẹ đã dùng bao nhiêu tiền để mua thức ăn?

• 33000

B. 35000

C. 36000

D. 37000

Câu 11. Một hình chữ nhật có chiều dài 42m, chiều rộng bằng  $\frac{1}{3}$  chiều dài. Tính chu vi và diện tích của nó.

• 112

B. 122

C. 56

D. 65

II: TỰ LUẬN (3 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính : (M2- 1 điểm)

$$2\ 289 \times 4$$

$$63\ 750 : 5$$

$$63\ 740 + 3759$$

$$100\ 000 - 73\ 783$$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bài 2: Một đội thủy lợi đào được 132 m mương trong 4 ngày . Hỏi đội đó đào được bao nhiêu m mương trong 7 ngày? (M3- 2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 053**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1.B    2.D    3.C    4.A    5.B    6.C    7.C    8.B    9.B    10.D    11.A

**II. TỰ LUẬN**

1) Học sinh đặt tính đúng được điểm tối đa

$$2289 \times 4 = 9156$$

$$63750 : 5 = 12750$$

$$63740 + 3759 = 67499$$

$$100\,000 - 73\,783 = 26\,217$$

Bài 2.

Số mét nương mỗi ngày đào là :  $132 : 4 = 33$  (m nương)

Số mét nương 7 ngày đào là :  $33 \times 7 = 231$  (m nương)      Đáp số: 231 m nương

**ĐỀ SỐ 054**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM : ( 2đ )**

*Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Bài 1 :    A.  $4083 : 4 = 102$  ( dư 5 )                      B.  $4083 : 4 = 120$  ( dư 3 )

            C.  $4083 : 4 = 1020$  ( dư 3 )                      D.  $4083 : 4 = 12$  ( dư 3 )

Bài 2 : Số tháng có 31 ngày trong một năm là :

            A. 7                      B. 6                      C. 8                      D. 5

Bài 3: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120 m, chiều rộng bằng  $\frac{1}{3}$  chiều dài. Chu vi của thửa ruộng là :

            A. 580 m              B. 320 m              C. 360 m              D. 1160 m

Bài 4 :     $306 + 93 : 3 = \dots\dots\dots$

            A. 133                      B. 337                      C. 399                      D. 733

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**I. PHẦN TỰ LUẬN : ( 8đ )**

Bài 1 : Đặt tính rồi tính ( 2đ )

$$4629 \times 2$$

$$7482 - 946$$

$$1877 : 3$$

$$2414 : 6$$

.....

.....

.....

.....

Bài 2 : Tính giá trị của biểu thức: ( 1,5 đ )

$$253 + 14 \times 3$$

$$123 \times ( 42 - 40 )$$

.....

.....

.....

.....

Bài 3 : ( 1,5 đ )

Một cửa hàng nhận về 2050 kg gạo . Người ta đã bán  $\frac{1}{5}$  số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kg gạo ?

**Giải**

.....

.....

.....

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sdt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Bài 4 : ( 2đ )

Có 30 kg đồ đựng đều vào 6 túi . Hỏi 4 túi như vậy có bao nhiêu kg đồ ?

**Giải**

Bài 5 : ( 1đ )

Có 9 hộp kẹo như nhau đựng 144 viên kẹo. Người ta chia cho các em thiếu nhi, mỗi em 4 viên kẹo thì hết 8 hộp. Hỏi có bao nhiêu em thiếu nhi được chia kẹo ?

**Giải**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 054**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1.C    2.A    3.B    4.B

**II. TỰ LUẬN**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$$\begin{array}{ll} 4629 \times 2 = 9258 & 7482 - 946 = 6536 \\ 1877 : 3 = 625 (\text{du } 2) & 2414 : 6 = 402 (\text{du } 2) \end{array}$$

$$\begin{array}{ll} \text{Bài 2) } 253 + 14 \times 3 & 123 \times (42 - 40) \\ = 253 + 42 & = 123 \times 2 \\ = 295 & = 246 \end{array}$$

3) Số gạo cửa hàng đã bán là :  $2050 : 5 = 410$  (kg gạo)

Số gạo cửa hàng còn lại là :  $2050 - 410 = 1640$  (kg gạo)      Đáp số: 1640 kg gạo

Bài 4) Số kilogram đỗ 1 túi đựng là:  $30 : 6 = 5$  (kg đỗ)

Số kilogram đỗ 4 túi đựng là :  $5 \times 4 = 20$  (kg đỗ)      Đáp số: 20 kg đỗ

Bài 5) Số viên kẹo 1 hộp đựng là :  $144 : 9 = 16$  (viên kẹo)

Số viên kẹo 8 hộp đựng là :  $16 \times 8 = 128$  (viên kẹo)

Số em thiếu nhi được chia kẹo là :  $128 : 4 = 32$  (em)      Đáp số: 32 em

**ĐỀ SỐ 055**

**I. TRẮC NGHIỆM :**

*Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng (3 điểm).*

**Bài 1 (1 điểm).**

1) Số 54 175 đọc là:

A. Năm mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi năm.

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

B. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm.

C. Năm tư nghìn một trăm bảy mươi năm.

D. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy lăm.

**2) Số liền sau của 78 409 là :**

A. 78 408

B. 78 419

C. 78 410

D. 78 400

**Bài 2 (2điểm).**

**1, Số thích hợp điền vào chỗ chấm để  $8m\ 6dm = \dots\dots dm$  là:**

A. 15

B. 806

C. 8006

D. 86

**2, Hình chữ nhật có chiều dài 9cm, chiều rộng 5cm. Chu vi hình chữ nhật đó là:**

A . 28cm

B . 14cm

C . 45cm

D. 90

**3, Diện tích của miếng bìa hình vuông có cạnh 8cm là:**

A.  $64cm^2$

B.  $16cm^2$

C.  $128\ cm^2$

D.  $32cm^2$

**4, Thảo đi từ trường về lúc 10 giờ 30 phút. Thảo về đến nhà lúc 11 giờ kém 10 phút. Hỏi Thảo đi từ trường về đến nhà hết bao nhiêu phút ?**

A. 10 phút

B. 20 phút

C. 30 phút

D. 40 phút

**II. TỰ LUẬN (7điểm).**

**Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính :**

a)  $3946 + 524$

b)  $8253 - 5739$

c)  $5807 \times 6$

d)  $40096 : 7$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin gray lines. There are four horizontal lines and three vertical lines that are slightly thicker than the others, dividing the page into five rows and four columns of larger rectangular sections. The rest of the page is filled with the standard grid pattern.

**Bài 2 (1 điểm):** Tính giá trị biểu thức

a)  $112 : (4 \times 2)$

b)  $81025 - 12071 \times 6$

[illegible]

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bài 3** (1,5 điểm): Tìm x?

a)  $6005 : X = 5$

b)  $X - 592 = 4605 \times 4$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 4:** (2đ) Mua 9 bút chì hết 54000 đồng. Hỏi mua 6 bút chì như thế hết bao nhiêu tiền?

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

[illegible]

**Câu 5: (0,5đ)** An nghĩ ra một số, nếu lấy số đó chia cho 5 thì được thương là 4 và số dư là số dư lớn nhất. Hãy tìm số đó

A blank sheet of graph paper featuring a uniform grid of small squares. The grid consists of 20 columns and 20 rows. A solid horizontal line runs across the middle of the page, separating the top half from the bottom half. The rest of the grid is formed by dotted lines.

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 055

### I. TRẮC NGHIỆM :

*Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng (2,5 điểm).*

#### Bài 1 (1điểm).

- 1) Số 54 175 đọc là: (0,5điểm)  
B. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm.
- 2) Số liền sau của 78 409 là : (0,5điểm)  
C. 78 410

#### Bài 2 (2điểm).

- 1, Số thích hợp điền vào chỗ chấm để  $8m\ 6dm = \dots\dots dm$  là:  
D. 86 (0,5điểm).
- 2, Hình chữ nhật có chiều dài 9cm, chiều rộng 5cm. Chu vi hình chữ nhật đó là:  
A . 28cm (0,5điểm).
- 3, Diện tích của miếng bìa hình vuông có cạnh 8cm là:

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

A.  $64\text{cm}^2$  (0,5điểm).

4, Thảo đi từ trường lúc 10 giờ kém 30 phút. Thảo về đến nhà lúc 11 giờ kém 10 phút.

Hỏi Thảo đi từ trường về đến nhà hết bao nhiêu phút ?

B. 20 phút (0,5điểm).

## II. TỰ LUẬN (7điểm).

**Bài 1. (2 điểm).** Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

Đáp án

|         |         |          |         |
|---------|---------|----------|---------|
| a) 4470 | b) 2514 | c) 34842 | d) 5728 |
|---------|---------|----------|---------|

**Bài 2 (1 điểm):** Tính giá trị biểu thức . ( Mỗi ý đúng được 0,5 điểm)

|                                             |                                                         |
|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| a) $112 : (4 \times 2) = 112 : 8$<br>$= 14$ | b) $81025 - 12071 \times 6 = 81025 - 72426$<br>$= 8599$ |
|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------|

**Bài 3 (1,5 điểm):** Tìm X

|                                                          |                                                                                            |
|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| a) $6005 : X = 5$<br>$X = 6005 : 5$<br>$X = 1201$ (0,5đ) | b) $X - 592 = 4605 \times 4$<br>$X - 592 = 18420$<br>$X = 18420 + 592$<br>$X = 19012$ (1đ) |
|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|

**Câu 4: (2đ)**

| Tóm tắt: (0,25đ)      | Bài giải (1,75đ)                        |
|-----------------------|-----------------------------------------|
| 9 bút chì: 54000 đồng | Mua một bút chì hết số tiền là: (0,25đ) |

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

|                        |                                     |         |
|------------------------|-------------------------------------|---------|
| 6 bút chì: .....đồng ? | $54\ 000 : 9 = 6000$ ( đồng )       | (0,5đ)  |
|                        | Mua sáu cái bút chì hết số tiền là: | (0,25đ) |
|                        | $6000 \times 6 = 36000$ ( đồng)     | (0,5đ)  |
|                        | Đáp số: 36000 đồng                  | (0,25đ) |

**Câu 5: (0,5đ)**

Gọi số bạn An nghĩ ra là X

Theo bài ra, số dư của phép chia cho 5 là số dư lớn nhất. Vậy số dư lớn nhất có thể có sẽ là 4. (0.25đ)

Ta có:  $X : 5 = 4$  dư 4

$$X = 4 \times 5 + 4$$

$$X = 24 \quad (0.25đ)$$

Vậy số An nghĩ ra là: 24 ( Thử lại ;  $5 \times 4 + 4 = 24$  ) (0.25đ)

# **TUYỂN TẬP**

## **60 ĐỀ THI HỌC KỲ II LỚP 4 - MÔN TOÁN**

### **Tập 01: 031-060**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sdt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”



**Tam Kỳ-Quảng Nam, tháng 02-2019**

**ĐỀ SỐ 031**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)**

***Khoanh tròn vào \*íp án đúng nhất cho mỗi câu sau hoặc điền vào chỗ trống cho đúng.***

**Câu 1:** Phân số  $\frac{55}{129}$  đọc là: (0,25đ)

- A. Năm lăm một trăm hai mươi chín
- B. Năm mươi lăm phần một trăm hai mươi chín
- C. Năm lăm phần một hai chín
- D. Một trăm hai mươi chín phần năm mươi lăm

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Câu 2: Phân số biểu thị phần được tô màu là? (0,25đ)**



A.  $\frac{1}{2}$

B.  $\frac{5}{10}$

C.  $\frac{10}{15}$

D. Không biểu thị được

**Câu 3: Đổi đơn vị sau: (1,5đ)**

a)  $456 \text{ dm} = \dots \text{ km}$

b)  $342 \text{ m}^2 = \dots \text{ cm}^2$

c)  $2345 \text{ m} = \dots \text{ mm}$

d)  $456 \text{ km}^2 = \dots \text{ m}^2$

e)  $4 \text{ dam} = \dots \text{ dm}$

f)  $4000 \text{ m}^2 = \dots \text{ dm}^2$

**Câu 4: Tính: (1đ)**

a)  $\frac{1}{2} + \frac{52}{4} =$

b)  $\frac{56}{5} : 4 =$

c)  $\frac{12}{56} + \frac{7}{8} =$

d)  $\frac{25}{12} \times \frac{4}{5} =$

## II. PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM).

**Câu 1: Đặt tính và tính: (2đ)**

a)  $234 + 376289$

b)  $2431 - 271$

c)  $467 \times 216$

d)  $23589 : 787$

**Câu 2: Tìm x (1đ)**

a)  $x + (5621 + 1236) \times 5 = 225690$

b)  $x - 12 \times 5 \times 9 + 567 = 1000$

c)  $x + 2 + x + 4 + x + 6 + x + 8 = 25760$

d)  $(6975 - x + 785) : 4 = 859$

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 031

### I. TRẮC NGHIỆM

1B 2A

3) a)  $456 \text{ dm} = 0,0456 \text{ km}$

f)  $4000 \text{ m}^2 = 400000 \text{ dm}^2$

b)  $342 \text{ m}^2 = 3420000 \text{ cm}^2$

c)  $2345 \text{ m} = 2345000 \text{ mm}$

d)  $456 \text{ km}^2 = 456000000 \text{ m}^2$

e)  $4 \text{ dam} = 400 \text{ dm}$

4) a)  $\frac{1}{2} + \frac{52}{4} = \frac{2}{4} + \frac{52}{4} = \frac{54}{4} = \frac{27}{2}$

b)  $\frac{56}{5} : 4 = \frac{56}{5} \times \frac{1}{4} = \frac{14 \times 1}{5 \times 1} = \frac{14}{5}$

c)  $\frac{12}{56} + \frac{7}{8} = \frac{12}{56} + \frac{49}{56} = \frac{61}{56}$

d)  $\frac{25}{12} \times \frac{4}{5} = \frac{5 \times 1}{3 \times 1} = \frac{5}{3}$

### II. TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

a)  $234 + 376289 = 376523$

b)  $2431 - 271 = 2160$

c)  $467 \times 216 = 100872$

d)  $23589 : 787 = 29 (\text{du } 766)$

|                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>2) a) <math>x + (5621 + 1236) \times 5 = 225690</math><br/> <math>x + 6857 \times 5 = 225690</math><br/> <math>x + 34285 = 225690</math><br/> <math>x = 225690 - 34285 = 191405</math></p>                                                                    | <p>b) <math>x - 12 \times 5 \times 9 + 567 = 1000</math><br/> <math>x - 540 + 567 = 1000</math><br/> <math>x = 1000 + 540 - 567</math><br/> <math>x = 973</math></p>   |
| <p>c) <math>x + 2 + x + 4 + x + 6 + x + 8 = 25760</math><br/> <math>(x + x + x + x) + (2 + 4 + 6 + 8) = 25760</math><br/> <math>4x + 20 = 25760</math><br/> <math>4x = 25760 - 20</math><br/> <math>4x = 25740</math><br/> <math>x = 25740 : 4 = 6435</math></p> | <p>d) <math>(6975 - x + 785) : 4 = 859</math><br/> <math>7760 - x = 859 \times 4</math><br/> <math>7760 - x = 3436</math><br/> <math>x = 7760 - 3436 = 4324</math></p> |

**ĐỀ SỐ 032**

**Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng từ câu 1 đến câu 7.**

**Câu 1: (1 điểm).**

a) Phân số có giá trị bằng 1 là:

A.  $\frac{3}{3}$

B.  $\frac{3}{2}$

C.  $\frac{3}{4}$

D.  $\frac{7}{2}$

b) Phân số có giá trị bé hơn 1 là:

A.  $\frac{9}{8}$

B.  $\frac{9}{9}$

C.  $\frac{8}{9}$

D.  $\frac{8}{8}$

**Câu 2: (1 điểm).**

a) Phân số  $\frac{25}{100}$  rút gọn được phân số:

A.  $\frac{5}{10}$

B.  $\frac{10}{20}$

C.  $\frac{2}{8}$

D.  $\frac{1}{4}$

b) Phân số gấp 4 lần phân số  $\frac{3}{8}$  là:

A.  $\frac{12}{32}$

B.  $\frac{12}{8}$

C.  $\frac{3}{32}$

D.  $\frac{7}{8}$

**Câu 3: (1 điểm).**

a) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của  $15\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$  là:

A. 150

B. 150 000

C. 15 000

D. 1500

b) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 3 tấn 5 tạ = ..... kg là:

A. 3500

B. 3005

C. 350

D. 305

**Câu 4: (1 điểm)** Một tổ có 12 bạn, trong đó có 5 bạn nữ. Tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ của tổ đó là:

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A.  $\frac{5}{12}$

B.  $\frac{7}{12}$

C.  $\frac{7}{5}$

D.  $\frac{5}{7}$

**Câu 5:** (1 điểm) Giá trị của biểu thức  $36576 : (4 \times 2) - 3708$  là :

A. 863

B. 864

C. 846

D. 854

**Câu 6 :** (1 điểm) Giá trị của biểu thức  $\frac{9}{16} - \frac{3}{16} : \frac{3}{8}$  là:

A.  $\frac{15}{16}$

B. 1

C.  $\frac{5}{16}$

D.  $\frac{1}{16}$

**Câu 7 :** (1 điểm) Một tấm kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 18cm và 30cm. Tính diện tích tấm kính đó.

A. 270cm<sup>2</sup>

B. 270 cm

C. 540cm<sup>2</sup>

D. 54cm<sup>2</sup>

**Câu 8:** (1 điểm) Tìm x, biết:

a)  $\frac{3}{5} : x = 3$

b)  $x : 52 = 113$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 9:** (1 điểm) Tính:

a)  $\frac{1}{5} + \frac{4}{11} + \frac{4}{5} + \frac{7}{11}$

b)  $\frac{5}{6} + (\frac{5}{9} - \frac{1}{4})$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

[illegible]

**Câu 10:** (1 điểm). Tổng hai số bằng số nhỏ nhất có ba chữ số, số bé bằng  $\frac{2}{3}$  số lớn. Tìm hai số đó.

**Bài giải.**

A blank sheet of graph paper featuring a uniform grid of squares. The grid consists of 20 columns and 20 rows, creating a total of 400 small squares. The lines are thin and black, set against a white background. There are no margins, text, or other markings on the page.

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

.....Hết.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 032**

| Câu    | 1a  | 1b  | 2a  | 2b  | 3a  | 3b  | 4   | 5   | 6   | 7   |
|--------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Đáp án | A   | C   | D   | B   | B   | A   | C   | B   | D   | A   |
| Điểm   | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 1,0 |

**Câu 8:** ( 1 điểm) Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

a)  $\frac{3}{5} : x = 3$

b)  $x : 52 = 113$

$x = \frac{3}{5} : 3$

$x = 113 \times 52$

$x = \frac{1}{5}$

$x = 5876$

**Câu 9:** ( 1 điểm) Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

a)  $\frac{1}{5} + \frac{4}{11} + \frac{4}{5} + \frac{7}{11} = (\frac{1}{5} + \frac{4}{5}) + (\frac{4}{11} + \frac{7}{11}) = 1 + 1 = 2$

b)  $\frac{5}{6} + (\frac{5}{9} - \frac{1}{4}) = \frac{5}{6} + (\frac{20}{36} - \frac{9}{36}) = \frac{5}{6} + \frac{11}{36} = \frac{30}{36} + \frac{11}{36} = \frac{41}{36}$

**Câu 10** (1 điểm).

**Bài giải.**

Số nhỏ nhất có ba chữ số là 100. Vậy tổng hai số là 100. ( 0,2 điểm)

Ta có sơ đồ:

|                                        |                         |   |           |
|----------------------------------------|-------------------------|---|-----------|
| Số bé:                                 | $\frac{2}{5}$           | } | 100       |
| Số lớn:                                | $\frac{3}{5}$           |   |           |
| Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là: |                         | } | 0,2 điểm  |
| $2 + 3 = 5$ (phần)                     |                         |   |           |
| Số bé là:                              | $100 : 5 \times 2 = 40$ | } | 0,25 điểm |
| Số lớn là:                             | $100 - 40 = 60$         |   |           |
| Đáp số: số bé: 40                      |                         | } | 0,1 điểm  |
| Số lớn: 60                             |                         |   |           |

*\*Lưu ý: Học sinh có thể vẽ sơ đồ hoặc không vẽ. HS làm cách khác hoặc lập luận, làm gộp mà đúng vẫn cho điểm tối đa.*

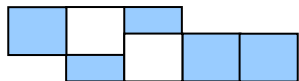
VD: Tìm số bé  $100 : (2 + 3) \times 2 = 40$

### ĐỀ SỐ 033

#### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

**Câu 1:** Phân số chỉ phần đã tô màu trong hình dưới đây là:



A.  $\frac{2}{7}$

B.  $\frac{5}{7}$

C.  $\frac{6}{7}$

**Câu 2:** Thứ tự từ bé đến lớn trong các phân số  $\frac{5}{8}$ ;  $\frac{2}{8}$ ;  $\frac{9}{8}$  là:

A.  $\frac{2}{8}$ ;  $\frac{5}{8}$ ;  $\frac{9}{8}$

B.  $\frac{2}{8}$ ;  $\frac{9}{8}$ ;  $\frac{5}{8}$

C.  $\frac{5}{8}$ ;  $\frac{2}{8}$ ;  $\frac{9}{8}$

**Câu 3:** Thương của  $6 : \frac{9}{4}$  là:

A.  $\frac{8}{9}$

B.  $\frac{8}{3}$

C.  $\frac{27}{2}$

D.  $\frac{15}{4}$

**Câu 4:** Một hình thoi có độ dài các đường chéo là 20 cm và 8cm. Diện tích hình thoi là:

A.  $140\text{cm}^2$

B.  $160\text{cm}^2$

C.  $80\text{cm}^2$

**Câu 5:** Số thích hợp điền vào chỗ chấm để  $1\text{m}^2 25\text{cm}^2 = \dots \text{cm}^2$  là :

A. 125

B. 12500

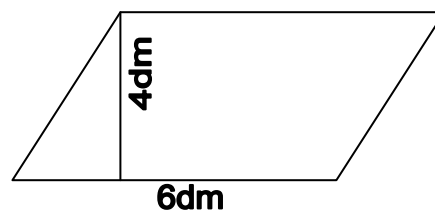
C. 1025

D. 10025

#### II. PHẦN TỰ LUẬN:

**Câu 6:.** (1 điểm) Cho hình bình hành với số đo cạnh đáy và chiều cao như hình vẽ. Tính diện tích hình bình hành đó?

Bài giải:



.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 7: (2 điểm)** Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $3000 \text{ kg} = \dots\dots\dots$  tấn

b)  $45 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

c)  $\frac{2}{10}$  thế kỷ =  $\dots\dots\dots$  năm

d)  $\frac{1}{6}$  giờ =  $\dots\dots\dots$  phút

**Câu 8: (2 điểm)** Có hai ô tô chở gạo, ô tô thứ nhất chở được 820 kg gạo. Ô tô thứ hai chở được nhiều hơn ô tô thứ nhất 130 kg gạo. Hỏi trung bình mỗi ô tô chở được bao nhiêu kg gạo ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

### ĐÁP ÁN ĐỀ 33

#### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Câu 1: Khoanh vào ý B ( 1 điểm )

Câu 2: Khoanh vào ý A ( 1 điểm )

Câu 3: Khoanh vào ý B ( 1 điểm )

Câu 4: Khoanh vào ý C ( 1 điểm )

Câu 5: Khoanh vào ý D ( 1 điểm )

#### II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)

**Câu 6: (1 điểm)**

Bài giải:

Diện tích của hình bình hành đó là:

$$6 \times 4 = 24 \text{ (dm}^2\text{)}$$

**Đáp số: 24 dm<sup>2</sup>**

**Câu 7: (2 điểm)**

a)  $3000 \text{ kg} = 3 \text{ tấn}$

b)  $45 \text{ m}^2 = 4500 \text{ dm}^2$

c)  $\frac{2}{10}$  thế kỷ = 20 năm

d)  $\frac{1}{6}$  giờ = 10 phút

**Câu 8: ( 2 điểm )**

Bài giải:

Ô tô thứ hai chở được số kg gạo là:

}

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

$$\begin{array}{l} 820 + 130 = 690 \text{ ( kg )} \\ \text{Trung bình mỗi ô tô chở được số kg gạo là:} \\ (820 + 690) : 2 = 755 \text{ ( kg )} \\ \text{Đáp số: 755 kg} \end{array} \left. \begin{array}{l} \\ \\ \\ \end{array} \right\} \begin{array}{l} 0,5 \text{ điểm} \\ 1 \text{ điểm} \\ 0,5 \text{ điểm} \end{array}$$

### ĐỀ SỐ 034

**Phần I:** Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng ở các bài tập sau:

- 12kg 45g = .....g.; Số thích hợp để viết vào ..... là:  
 A. 1245;      B. 10245;      C. 12045;      D. 12450;
- Cho  $\frac{4}{5} : \frac{\square}{5} = \frac{1}{5}$ ; Số thích hợp để viết vào  $\square$  là:  
 A. 1;      B. 4;      C. 5;      D. 20;
- Giá trị của biểu thức:  $(\frac{7}{8} - \frac{1}{3}) \times \frac{1}{2}$  là:  
 A.  $\frac{1}{6}$ ;      B.  $\frac{13}{48}$ ;      C.  $\frac{3}{8}$ ;      D.  $\frac{13}{24}$ ;

**Phần II:** 1. Đặt tính rồi tính:

|                |                |            |               |
|----------------|----------------|------------|---------------|
| 24579 + 43867; | 82604 - 35246; | 235 x 326; | 101598 : 287; |
| .....          | .....          | .....      | .....         |
| .....          | .....          | .....      | .....         |
| .....          | .....          | .....      | .....         |
| .....          | .....          | .....      | .....         |
| .....          | .....          | .....      | .....         |

- Lớp 4A có 35 học sinh và lớp 4B có 33 học sinh cùng tham gia trồng cây. Lớp 4A trồng nhiều hơn lớp 4B là 10 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây, biết rằng mỗi học sinh đều trồng được số cây như nhau?  
 .....  
 .....  
 .....

- Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 200m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài. Người ta cấy lúa ở đó, tính ra cứ 100m<sup>2</sup> thu hoạch được 55kg thóc. Hỏi đã thu hoạch ở thửa ruộng đó bao nhiêu tạ thóc.  
 .....  
 .....  
 .....

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 034

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**I. TRẮC NGHIỆM**      1.C      2.D      3.B

**Phần II.**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$24579 + 43867 = 68446 \qquad 82604 - 35246 = 47358$$

$$235 \times 326 = 76610 \qquad 101598 : 287 = 354$$

2) Hiệu số phần bằng nhau là :  $35 - 33 = 2$  (phần)

Số cây lớp 4A trồng là :  $10 : 2 \times 35 = 175$  (cây)

Số cây lớp 4B trồng là :  $175 - 10 = 165$  (cây)

Đáp số : 4A: 175 cây; 4B: 165 cây

3) Chiều rộng thửa ruộng là :  $200 \cdot \frac{3}{5} = 120(m)$

Diện tích thửa ruộng là :  $200 \times 120 = 24000(m^2)$

Số kilogram thóc thu hoạch là :  $24000 : 100 \times 55 = 13200(kg \text{ thóc})$

$13200 \text{ kg} = 132 \text{ tạ}$       Đáp số: 132 tạ thóc

**ĐỀ SỐ 035**

**Phần I: Khoanh vào đáp án đúng {4 điểm}**

**Câu 1:** {1 điểm}  $128 \times 25 = ?$

A 3100      B 3200      C 3300

**Câu 2:** {1 điểm} Một trường tiểu học có 588 học sinh. Trong đó số học sinh nữ bằng  $\frac{4}{3}$  số học sinh nam. Tính số học sinh nam của trường đó?

A 525      B 336      C 252

**Câu 3:** {1 điểm} Kết quả của phép chia:  $\frac{3}{5} : 4 = ?$

A  $\frac{12}{5}$       B  $\frac{3}{20}$       C  $\frac{5}{12}$

**Câu 4:** {1 điểm} Tổng hai số là 135. Tìm số bé biết rằng số lớn hơn số bé 45 đơn vị.

A 45      B 55      C 50

**Phần II: Trình bày lời giải {6 điểm}**

**Câu 1: Tìm x {1 điểm}**

A)  $x - \frac{3}{4} = \frac{3}{5}$       B)  $x : \frac{1}{4} = 16$

.....  
.....  
.....  
.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....  
**Câu 2:** {2 điểm} Hiện nay tuổi mẹ là 35, tuổi con là 7. Hỏi cách đây mấy năm nữa để tuổi mẹ gấp 8 lần tuổi con ?

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

.....  
**Câu 3:** {1 điểm} Một hình thoi có độ dài đường chéo lớn là 57cm, đường chéo bé là 18cm. Tính diện tích hình thoi đó?

**Bài giải**

.....  
.....  
.....

**Câu 4:** {1 điểm} Một hình bình hành có chiều cao là 9dm, đáy là 12dm. Tính diện tích hình bình hành đó?

**Bài giải**

.....  
.....  
.....

**Bài 5:** {1 điểm} Chiều dài hình chữ nhật ngoài thực tế là 70dm, chiều rộng hình chữ nhật là 50 dm. Hỏi trên bản đồ tỉ lệ 1:100 diện tích hình chữ nhật là mấy cm?

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

\*\*\*\*\*

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 035**

## Phần 1

1B      2C      3B      4A

## Phần 2

$$1.a) \quad x - \frac{3}{4} = \frac{3}{5}$$

$$b) x: \frac{1}{4} = 16$$

$$x = \frac{3}{5} + \frac{3}{4}$$

$$x = 16x \frac{1}{4}$$

$$x = \frac{27}{20}$$

$$x = 4$$

2 giải  
Hiện nay mẹ hơn con số tuổi là:  
 $35 - 7 = 28 \{ \text{tuổi} \}$   
Vì hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian nên khi tuổi mẹ gấp 8 lần tuổi con thì mẹ vẫn hơn con 28 tuổi.

Nếu ta coi tuổi mẹ khi đó là 8 phần bằng nhau thì tuổi con khi đó là 1 phần bằng nhau như thế.

Tuổi con khi tuổi mẹ gấp 8 lần tuổi con là:

$$28:\{8-1\}=4 \text{ \{tuổi\}}$$

Cách đây số năm tuổi mẹ gấp 8 lần tuổi con là:

$$7-4=3 \text{ \{năm\}}$$

Đáp số: 3 năm

3

giải

Diện tích hình thoi là:

$$\{57 \times 18\} : 2 = 513 \{ \text{cm}^2 \}$$

Đáp số:  $513\text{cm}^2$

4

giải

Diện tích hình bình hành là :

$$9 \times 12 = 108 \{ \text{dm}^2 \}$$

Đáp số:  $108\text{dm}^2$

5

giải

Đổi:  $70\text{dm} = 700\text{cm}$

$$50\text{dm}=500\text{cm}$$

Trên bản đồ tỉ lệ 1:100,chiều dài hình chữ nhật là:

$$700:100=7\{\text{cm}\}$$

Trên bản đồ tỉ lệ 1:100,chiều rộng hình chữ nhật là:

$$500:100=5\{\text{cm}\}$$

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Trên bản đồ tỉ lệ 1:100, diện tích hình chữ nhật là:

$$7 \times 5 = 35 \text{ cm}^2$$

Đáp số:  $35 \text{ cm}^2$

**ĐỀ SỐ 036**

**Phần I: Trắc nghiệm**

Chọn kết quả đúng (Hoặc điền kết quả vào chỗ chấm)

1. a)  $\frac{5}{8}$  của 40 là:

A. 5

B. 25

C. 20

D. 25

b) Bản đồ sân vận động Thạch Thát vẽ theo tỉ lệ 1: 100 000. Hỏi độ dài 1cm trên bản đồ này ứng với độ dài thật là bao nhiêu ki-lô-mét?

A. 1km

B. 100km

C. 300km

D. 300dm

c) Kết quả của phép tính  $\frac{4}{5} + \frac{3}{7}$  là....

2: Một hình vuông có diện tích  $64 \text{ cm}^2$ .

Cạnh hình vuông là đó là ..... cm.

Chu vi hình vuông đó là .....cm.

3: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a)  $7 \text{ m}^2 9 \text{ dm}^2 = 709 \text{ dm}^2$

b)  $12 \text{ dm}^2 50 \text{ cm}^2 = 12500 \text{ cm}^2$

c)  $\frac{1}{2}$  phút = 5 giây

d)  $\frac{1}{5}$  thế kỉ = 25 năm

4: Trong hai ngày cửa hàng bán được 60m vải, ngày thứ nhất bán được số mét vải bằng  $\frac{2}{3}$  số mét vải của ngày thứ hai. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được là .....m vải. Ngày thứ hai cửa hàng bán được là .....m vải.

5: a)  $X + \frac{5}{7} = \frac{12}{14}$

A.  $X = \frac{1}{7}$ ;

B.  $X = \frac{2}{7}$ ;

C.  $X = \frac{5}{7}$

b)  $\frac{2}{9} \times X = \frac{3}{9}$

A.  $X = \frac{5}{2}$ ;

B.  $X = \frac{4}{5}$ ;

C.  $X = \frac{3}{2}$

**Phần II: Tự luận**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

1. Tính:

a)  $2004 \times 21$ ;

b)  $12604 : 23$

c)  $35/45 + 2/9$

d)  $15/35 - 1/7$

2. Hai kho chứa 1560 tấn mì khô. Tìm số tấn mì của mỗi kho, biết rằng số mì của kho thứ hai bằng  $5/7$  số mì của kho thứ nhất.

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 036**

**I. TRẮC NGHIỆM**      1) a) B      b) A      c)  $\frac{43}{35}$

2. Cạnh hình vuông : 8 cm      ; Chu vi hình vuông : 32cm

3) a) Đ      b) S      c) S      d) S

4) Ngày thứ nhất : 24 m vải      , ngày thứ hai : 36 m vải

5) a) A      b) C

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

1) a)  $2004 \times 21 = 42084$       b)  $12604 : 23 = 548$

c)  $\frac{35}{45} + \frac{2}{9} = \frac{7}{9} + \frac{2}{9} = 1$       d)  $\frac{15}{35} - \frac{1}{7} = \frac{3}{7} - \frac{1}{7} = \frac{2}{7}$

2) a) Tổng số phần bằng nhau:  $5 + 7 = 12$  (phần)

Số mì kho thứ hai chứa là :  $1560 : 12 \times 5 = 650$  (tấn)

Số mì kho thứ nhất chứa là:  $1560 - 650 = 910$  (tấn)

Đáp số: Kho I : 910 tấn      ; kho II: 650 tấn

**ĐỀ SỐ 037**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.**

**Câu 1** (1điểm)

a). Trung bình cộng của các số: 150 ; 151 và 152 là :

A. 150      B. 152      C. 151      D. 453

b). Trong các số 36; 150; 180; 250. Số chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9 là:

A. 36      B. 180      C. 150      D. 250

**Câu 2** (1điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a)  $\frac{1}{6}$  ngày = ..... giờ

b) 5000 tạ = ..... tấn

c)  $2\,000\,305\text{ m}^2 = \text{..... km}^2 \text{ ..... m}^2$

d)  $\frac{1}{4}$  thế kỉ = ..... năm

**Câu 3** (1điểm):

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

a) Biểu thức  $\frac{15}{17} \times \frac{45}{33} - \frac{15}{17} \times \frac{12}{33}$  có kết quả là:

- A.  $\frac{20}{17}$                       B.  $\frac{30}{33}$                       C.  $\frac{20}{33}$                       D.  $\frac{15}{17}$

b) Tìm X:  $X + 295 = 45 \times 11$

- A. X = 200                      B. X = 495                      C. X = 790                      D. X = 350

**Câu 4** (1điểm). Hai lớp 4A và 4B thu gom được tất cả 250 ki-lô-gam giấy vụn. Lớp 4A thu gom được nhiều hơn lớp 4B là 20 ki-lô-gam giấy vụn. Hỏi lớp 4A thu gom được nhiều ki-lô-gam giấy vụn ?

- A. 125kg                      B. 135kg                      C. 230kg                      D. 270kg

**Câu 5** (0,5điểm). Một hình bình hành có chiều cao 2dm và độ dài đáy 10cm. Diện tích hình bình hành đó là:

- A. 20cm<sup>2</sup>                      B. 200cm<sup>2</sup>                      C. 20dm<sup>2</sup>                      D. 24 dm<sup>2</sup>

**Câu 6** (0,5điểm). Một hình thoi có độ dài các đường chéo là 60dm và 4m. Diện tích hình thoi là:

- A. 120 dm<sup>2</sup>                      B. 240 m<sup>2</sup>                      C. 12m<sup>2</sup>                      D. 24dm<sup>2</sup>

## II. TỰ LUẬN

**Câu 7** (1 điểm). Tính:

- a)  $15 + \frac{9}{3}$                       b)  $\frac{4}{9} - \frac{5}{18}$                       c)  $\frac{3}{5} \times \frac{5}{7}$                       d)  $\frac{4}{7} : \frac{2}{7}$

**Câu 8** (1,5điểm). Bà hơn cháu 60 tuổi. Biết tuổi cháu bằng  $\frac{1}{4}$  tuổi bà. Tính tuổi mỗi người?

**Câu 9**. (2.điểm): Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài.

Trung bình cứ 1 m<sup>2</sup> vườn đó người ta thu được 10 ki - lô - gam cà chua. Hỏi trên cả mảnh vườn đó người ta thu được bao nhiêu ki - lô - gam cà chua?

**Câu 10**. (0.5điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$(36 + 54) \times 7 + 7 \times 9 + 7$$

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 037

\*\*\*\*\*

### I. Trắc nghiệm: (5 điểm)

| <u>Câu 1</u><br>(1điểm) | <u>Câu 2</u><br>(1điểm) | <u>Câu 3</u><br>(1điểm) | <u>Câu 4</u><br>(1điểm) | <u>Câu 5</u><br>(0,5điểm) | <u>Câu 6</u><br>(0,5điểm) |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                         |                         |                         |                         |                           |                           |

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sdt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

|              |                                                  |              |         |           |           |
|--------------|--------------------------------------------------|--------------|---------|-----------|-----------|
| a). C (0,5đ) | a). 4 giờ (0,25đ)                                | a).D (0,5đ)  |         |           |           |
| b). B (0,5đ) | b). 500 (0,25đ)                                  | b). A (0,5đ) | B. (1đ) | B. (0,5đ) | C. (0,5đ) |
|              | c). 2 km <sup>2</sup> 305 m <sup>2</sup> (0,25đ) |              |         |           |           |
|              | d) 25 năm (0,25đ)                                |              |         |           |           |

**II. Tự luận: ( 5 điểm)**

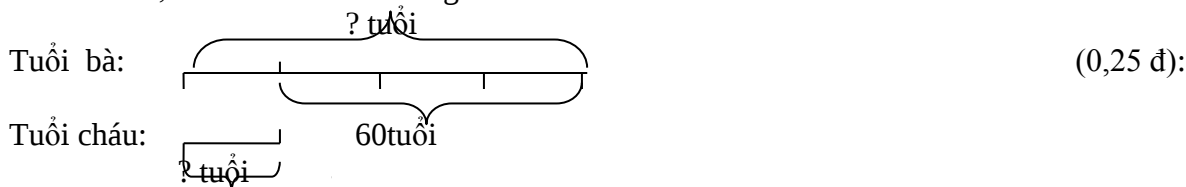
**Câu 7. Tính (1điểm) mỗi phép tính đúng ( 0,25 điểm)**

a)  $15 + \frac{9}{3} = 18$       b)  $\frac{4}{9} - \frac{5}{18} = \frac{1}{6}$       c)  $\frac{3}{5} \times \frac{5}{7} = \frac{3}{7}$       d)  $\frac{4}{7} : \frac{2}{7} = 2$

**Câu 8.(1, 5điểm)**

**Bài giải**

Ta có sơ đồ, biểu diễn tuổi của ông và tuổi của cháu như sau :



Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$4 - 1 = 3$  ( phần)

(0,25 đ)

Tuổi của ông là:

$60 : 3 \times 4 = 80$  (tuổi) :

(0,5 đ)

Tuổi của cháu là:

$80 - 60 = 20$ (tuổi)

( 0,25 đ)

Đáp số (0,25đ). Ông: 80 tuổi

Cháu: 20tuổi

**Câu 9.(2 điểm)**

Tóm tắt : (0,25đ)

**Bài giải**

Chiều rộng mảnh vườn hình chữ nhật là:

$15 \times \frac{2}{3} = 10$  (m)

Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là:

$15 \times 10 = 150$  (m<sup>2</sup> )

Số ki- lô-gam cà chua thu hoạch được trên thửa ruộng đó là:

$10 \times 150 = 1\,500$  (kg)

Đáp số: 1 500 kg cà chua

**Câu 10. (0, 5đ)**

**Tính bằng cách thuận tiện nhất.**

$(36 + 54) \times 7 + 7 \times 9 + 7$   
 $= 90 \times 7 + 7 \times 9 + 7$   
 $= (90 + 9 + 1) \times 7$   
 $= 100 \times 7$   
 $= 700$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**ĐỀ SỐ 039**

A/ Phần I: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: (0,5đ)

Trong các số sau số nào chia hết cho 3?

- a. 4712                      b. 6502                      c. 2355                      d. 2461

Câu 2: (0,5đ)

Kết quả phép tính  $\frac{3}{4} + \frac{2}{4}$  là:

- a.  $\frac{5}{4}$                       b.  $\frac{5}{8}$                       c.  $\frac{6}{16}$                       d.  $\frac{5}{16}$

Câu 3: (0,5đ)

Phân số nào chỉ số phần đã tô đen ở hình dưới đây?

- a.  $\frac{3}{4}$                       b.  $\frac{4}{3}$   
c.  $\frac{3}{7}$                       d.  $\frac{5}{6}$



Câu 4: (0,5đ)

$$65\text{m}^2 5\text{dm}^2 = \dots\dots\text{dm}^2$$

Số nào sau đây điền vào chỗ chấm trên cho thích hợp?

- a. 6505                      b. 6550                      c. 65005                      d. 65500

Câu 5: (1đ)

Diện tích bình hành có độ dài đáy 35cm, độ dài chiều cao 25cm là:

- a.  $875\text{cm}^2$                       b.  $875\text{dm}^2$                       c.  $785\text{cm}^2$                       d.  $785\text{dm}^2$

Câu 6: (1đ)

Tìm hai số biết tổng hai số đó là 50, tỉ của chúng là  $\frac{1}{4}$ . Hai số đó là:

- a. 30 và 20                      b. 15 và 35                      c. 10 và 40                      d. 45 và 5

B/ Phần II: Trình bày bài giải

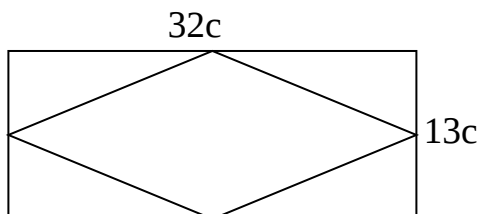
Câu 1: (1đ)

Tìm x trong các phép tính sau:

- a.  $x : 15 = 205$ ;                      b.  $283935 : x = 23$ ;

Câu 2: (2đ)

Tính diện tích hình thoi theo hình vẽ sau đây:



**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Câu 3: (2đ)

Theo thống kê của trường Tiểu học A đạt tỉ lệ học sinh xuất sắc từ năm học 2002-2003 đến năm học 2006-2007 như sau:

Năm học 2002-2003 đạt 15%

Năm học 2003-2004 đạt 25%

Năm học 2004-2005 đạt 30%

Năm học 2005-2006 đạt 40%

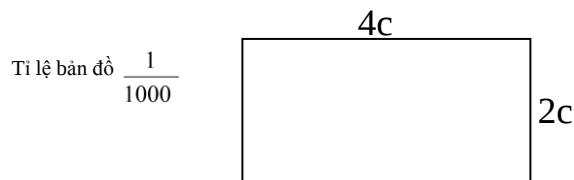
Năm học 2007-2008 đạt 45%

Hãy vẽ biểu đồ biểu diễn tỉ lệ học sinh xuất sắc theo từng năm học của trường A.

Câu 4: (1đ)

Một sân chơi hình chữ nhật có chiều dài, chiều rộng được vẽ trên bản đồ như sau:

Tính chiều dài và chiều rộng sân chơi trên đất thật.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 39**  
**MÔN: Toán lớp 4**  
**Năm học: 2008-2009**

A/ Phần I: Khoanh đúng các câu sau, mỗi câu cho 0,5 điểm

- Câu 1: c. (0,5đ);  
Câu 2: a. (0,5đ);  
Câu 3: c. (0,5đ);  
Câu 4: a. (0,5đ);  
Câu 5: a. (1đ);  
Câu 6: c. (1đ);

B/ Phần B:

Câu 1: (1đ); Giải đúng mỗi phép tính cho 0,5 điểm.

a.  $x : 15 = 205$   
 $x = 205 \times 15$   
 $x = 3075$

b.  $283935 : x = 23$   
 $x = 283935 : 23$   
 $x = 12345$

Câu 2: (2đ); Trình bày đúng lời giải và phép tính tương ứng cho điểm tối đa.

Ta thấy theo hình vẽ hai đường chéo của hình thoi bằng 32cm và 13cm.

Vậy diện tích hình thoi là:

$$32 \times 13 / 2 = 208 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 208 cm<sup>2</sup>

Câu 3. Học sinh tự vẽ

Câu 4: (1đ); Học sinh nêu đúng kết quả 40m và 20m thì cho điểm tối đa ( không cần giải thích).

Ta thấy tỉ lệ bản đồ  $\frac{1}{1000}$  có nghĩa là trên bản đồ 1cm thì trên đất thật là 1000cm.

Vậy chiều dài và chiều rộng sân chơi trên bản đồ 4cm và 2cm thì trên đất thật là 4000cm và 2000cm hay 40m và 20m.

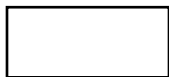
**ĐỀ SỐ 040**

**I/. Phần trắc nghiệm: (5 điểm).**

**Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:**

- 1) Giá trị số 2 trong số 342011 là:  
A. 20000                      B. 2000                      C. 200                      D. 200000
- 2) Kết quả của phép tính  $45+55+234 = \dots$   
A. 100                      B. 334                      C. 244                      D. 254
- 3) Trong các phân số sau phân số nào lớn hơn 1:  
A.  $\frac{4}{4}$                       B.  $\frac{4}{5}$                       C.  $\frac{5}{5}$                       D.  $\frac{5}{4}$
- 4) Trong các phân số dưới đây phân số nào tối giản.  
A.  $\frac{3}{4}$                       B.  $\frac{6}{4}$                       C.  $\frac{18}{24}$                       D.  $\frac{18}{24}$
- 5) Số thích hợp điền vào chỗ chấm của  $5m^2 34dm^2 = \dots dm^2$  là:  
A. 534                      B. 5034                      C. 5304                      D. 5340
- 6) Trong các số dưới đây số nào vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 3:  
A. 542                      B. 554                      C. 552                      D. 544
- 7) Tỷ lệ bản đồ 1: 10000, nếu đo trên bản đồ được 1cm thì độ dài thực là:  
A. 100cm                      B. 1000cm                      C. 10000cm                      D. 10cm
- 8) Hình thoi có hai đường chéo lần lượt là 3dm và 6dm diện tích hình thoi là:  
A.  $18 dm^2$                       B.  $9 dm^2$                       C.  $9 dm$                       D.  $18 dm$
- 9) Trong các hình dưới đây hình nào là hình bình hành:

A



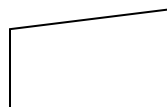
B.



C.



D.



- 10) Lớp 4A có 26 học sinh, lớp 4B có 30 học sinh : Tỷ số của lớp 4A và lớp 4B là:

A.  $\frac{30}{26}$

B.  $\frac{26}{26}$

C.  $\frac{30}{30}$

D.  $\frac{26}{30}$

**II/. Phần tự tính: (5 điểm):**

**Bài 1:Thực hiện các phép tính:**

1)  $\frac{12}{24} + \frac{10}{24} = \dots\dots\dots$

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

2)  $\frac{36}{12} - \frac{15}{12} =$  .....

3)  $\frac{7}{9} \times \frac{5}{4} =$  .....

4)  $\frac{4}{8} : \frac{3}{4} =$  .....

**Bài 2 : Tìm x :**

a)  $x : 101 = 25$

b)  $1944 : x = 162$

3/Bài toán: Bố hơn con 30 tuổi, tuổi con bằng  $\frac{2}{7}$  tuổi bố. Hỏi bố bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi ?

**Bài giải**

4/ Bài toán : Lớp 4A có 35 học sinh và lớp 4B có 33 học sinh cùng tham gia trồng cây . Lớp 4A trồng nhiều hơn lớp 4B là 10 cây . Hỏi mỗi lớp trồng bao nhiêu cây , biết rằng mỗi học sinh đều trồng số cây như nhau ?

**Bài giải**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 040

I. TRẮC NGHIỆM

1B 2B 3D 4A 5A 6C 7C 8.B 9A 10D

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính

$$1) \frac{12}{24} + \frac{10}{24} = \frac{22}{24} = \frac{11}{12}$$

$$2) \frac{36}{12} - \frac{15}{12} = \frac{21}{12} = \frac{7}{4}$$

$$3) \frac{7}{9} \times \frac{5}{4} = \frac{35}{36}$$

$$4) \frac{4}{8} : \frac{3}{4} = \frac{4}{8} \times \frac{4}{3} = \frac{16}{24} = \frac{2}{3}$$

Bài 2

$$a) x : 101 = 25$$

$$x = 25 \times 101$$

$$x = 2525$$

$$b) 1944 : x = 162$$

$$x = 1944 : 162$$

$$x = 12$$

3) Hiệu số phần bằng nhau là:  $7 - 2 = 5$  (phần)

Tuổi bố là :  $30 : 5 \times 7 = 42$  (tuổi)

Tuổi con là :  $42 - 30 = 12$  (tuổi)

Đáp số: Bố: 42 tuổi, con: 12 tuổi

4) Hiệu số phần bằng nhau là :  $35 - 33 = 2$  (phần)

Số cây lớp 4A trồng là :  $10 : 2 \times 35 = 175$  (cây)

Số cây lớp 4B trồng là :  $175 - 10 = 165$  (cây)

Đáp số: 4A: 175 cây 4B: 165 cây

ĐỀ SỐ 041

**PHẦN I : TRẮC NGHIỆM** (3 ĐIỂM)

\* Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

**Bài 1** (0,5 điểm) : Giá trị số 7 trong số 372011 là:

- A. 70000                      B. 7000                      C. 700                      D. 700000

**Bài 2** (0,5 điểm): Số thích hợp điền vào chỗ chấm của  $53\text{m } 4\text{cm} = \dots \text{cm}$  là:

- A. 534                      B. 5034                      C. 5304                      D. 5340

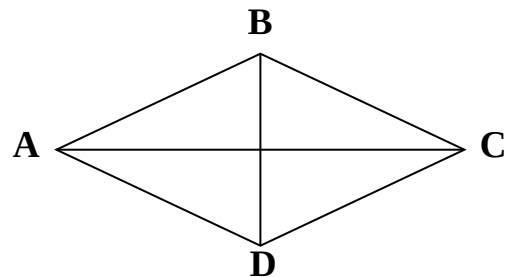
**Bài 3:** (0,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Trong hình thoi ABCD (xem hình bên):

|  |
|--|
|  |
|  |

a/ AB và DC không bằng nhau.

b/ AB không song song với AD.



**Bài 4** (0,5 điểm): Cho các số sau: 20; 30; 50; 90 số chia hết cho 2, 3, 5 và 9 là:

- A 20.                      B 30.                      C 50.                      D 90.

**Bài 5** (0,5 điểm) : Có 3 viên bi màu xanh và 7 viên bi màu đỏ vậy phân số chỉ số viên bi màu xanh so với tổng số viên bi là:

- A.  $\frac{3}{10}$                       B.  $\frac{7}{10}$                       C.  $\frac{3}{7}$                       D.  $\frac{7}{3}$

**Bài 6** (0,5 điểm): Trong các phân số sau:  $\frac{8}{9}; \frac{9}{8}; \frac{4}{2}; \frac{10}{9}$  phân số nào bé hơn 1?

- A  $\frac{9}{8}$ .                      B  $\frac{8}{9}$ .                      C  $\frac{4}{2}$ .                      D  $\frac{10}{9}$ .

**PHẦN II: TỰ LUẬN** (7 ĐIỂM)

**Bài 1:** ( 2 điểm) Tính

a/  $\frac{5}{9} + \frac{3}{9} = \dots\dots\dots$

b/  $\frac{8}{12} - \frac{1}{3} = \dots\dots\dots$

c/  $\frac{4}{7} \times \frac{5}{2} : \frac{5}{14} = \dots\dots\dots$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Bài 2:** (1 điểm) - Tìm x:

|                        |                                    |
|------------------------|------------------------------------|
| a) $x \times 105 = 25$ | b) $x : \frac{2}{7} = \frac{2}{3}$ |
| x = .....              | x = .....                          |
| x = .....              | x = .....                          |

**Bài 3:** (3 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 175m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài. Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó.

**Bài giải**

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**Bài 4.** (1 điểm) Tổng hai số bằng 500, hiệu của hai số đó bằng 50. Tìm hai số đó.

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 041**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1.A    2.C    3. a) S    b) Đ    4)D    5)A    6)D

**II. TỰ LUẬN**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

a)  $\frac{5}{9} + \frac{3}{9} = \frac{8}{9}$       b)  $\frac{8}{12} - \frac{1}{3} = \frac{2}{3} - \frac{1}{3} = \frac{1}{3}$

c)  $\frac{4}{7} \times \frac{5}{2} : \frac{5}{14} = \frac{20}{14} \times \frac{14}{5} = \frac{20}{5} = 4$

2) a)  $x \times 105 = 25$

$x = 25 : 105$

$x = \frac{5}{21}$

b)  $x : \frac{2}{7} = \frac{2}{3}$

$x = \frac{2}{3} \times \frac{2}{7}$

$x = \frac{4}{21}$

3) Tổng số phần bằng nhau :  $3 + 4 = 7$  (phần)

Chiều rộng thửa ruộng là :  $175 : 7 \times 3 = 75$  (m)

Chiều dài thửa ruộng là :  $175 - 75 = 100$  (m)

Diện tích thửa ruộng là :  $100 \times 75 = 7500$  (m<sup>2</sup>)      Đáp số: 7500 m<sup>2</sup>

Bài 4. Hai lần số lớn là :  $500 + 50 = 550$

Số lớn là :  $550 : 2 = 275$       Số bé là :  $500 - 275 = 225$

Đáp số: Số lớn: 275      Số bé : 225

**ĐỀ SỐ 042**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM. (3 điểm)**

**Khoanh vào chữ cái trước ý đúng trong mỗi câu sau:**

**Câu 1(0,5 điểm).** Số thích hợp điền vào chỗ chấm là

A. 6      B. 7      C. 8      D. 9

$$\frac{3}{7} = \frac{3x \dots}{7x \dots} = \frac{21}{49}$$

**Câu 2(0,5 điểm).** Phân số  $\frac{18}{54}$  rút gọn thành phân số tối giản là:

A.  $\frac{1}{3}$       B.  $\frac{9}{27}$       C.  $\frac{3}{9}$

**Câu 3(0,5 điểm).** Trong các phân số sau phân số nào lớn nhất?

A.  $\frac{99}{100}$       B.  $\frac{99}{99}$       C.  $\frac{99}{98}$

**Câu 4(0,5 điểm).** Phép trừ  $\frac{9}{18} - \frac{4}{18}$  có kết quả là:

A.  $\frac{5}{18}$       B. 5      C.  $\frac{13}{18}$       D.  $\frac{36}{18}$

**Câu 5(0,5 điểm).** Số thích hợp viết vào chỗ chấm để  $37\text{m}^2 9\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$  là:

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
"Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi"

A. 379

B. 3709

C. 37009

D. 3790

Câu 6 (0,5 điểm). Bác Hồ sinh năm 1890. Bác sinh vào:

A. Thế kỉ XX

B. Thế kỉ XIX

C. Thế kỉ XVIII

## II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (3 điểm).

a.  $\frac{7}{15} + \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$

b.  $\frac{5}{7} : \frac{8}{3} = \dots\dots\dots$

c.  $\frac{3}{7} \times \frac{5}{2} - \frac{5}{14} = \dots\dots\dots$

Câu 2 (1 điểm). Tìm x.

$x - \frac{11}{5} = \frac{2}{5} : \frac{2}{3}$

.....  
.....  
.....

Câu 3 (2 điểm). Lớp 4A và lớp 4B thu góp được 98 kg giấy vụn, lớp 4B thu góp được số giấy vụn bằng  $\frac{3}{4}$  số giấy vụn của lớp 4A. Hỏi mỗi lớp thu góp được bao nhiêu kilôgam giấy vụn?

**Giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Câu 4 (1 điểm). Mẹ hơn con 27 tuổi. Sau 3 năm nữa tuổi mẹ sẽ gấp 4 lần tuổi con. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 042

I. TRẮC NGHIỆM 1B 2A 3C 4A 5B 6B

II. TỰ LUẬN

1) a)  $\frac{7}{15} + \frac{4}{15} = \frac{11}{15}$  b)  $\frac{5}{7} : \frac{8}{3} = \frac{5}{7} \times \frac{3}{8} = \frac{15}{56}$

c)  $\frac{3}{7} \times \frac{5}{2} - \frac{5}{14} = \frac{15}{14} - \frac{5}{14} = \frac{10}{14} = \frac{5}{7}$

2)

$$x - \frac{11}{5} = \frac{2}{5} : \frac{2}{3}$$

$$x - \frac{11}{5} = \frac{2}{5} \times \frac{3}{2}$$

$$x - \frac{11}{5} = \frac{3}{5}$$

$$x = \frac{3}{5} + \frac{11}{5} = \frac{14}{5}$$

3) Tổng số phần bằng nhau là :  $3 + 4 = 7$  (phần)

Số kilogram giấy vụn lớp 4A thu hoạch là :  $98 : 7 \times 4 = 56$  (kg giấy vụn)

Số kilogram giấy vụn lớp 4B thu hoạch là :  $98 - 56 = 42$  (kg giấy vụn)

Đáp số: 4A: 56 kg giấy vụn 4B: 42 kg giấy vụn

4) Hiệu số phần bằng nhau là :  $4 - 1 = 3$  (phần)

Tuổi con hiện nay là :  $27 : 3 - 4 = 5$  (tuổi)

Tuổi mẹ hiện nay là :  $5 + 27 = 32$  (tuổi)

Đáp số: Con: 5 tuổi mẹ : 32 tuổi

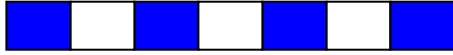
**ĐỀ SỐ 043**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM** : (3, 5 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái (a;b; c) đặt trước ý trả lời đúng :

**Bài 1** : (1 điểm)

A . **Phân số** chỉ phần đã tô đậm trong hình dưới đây là :



a.  $\frac{4}{3}$

b.  $\frac{3}{4}$

c.  $\frac{4}{7}$

d.  $\frac{3}{7}$

B. **Phân số** Năm mươi hai phần tám mươi tư **được viết là** :

a.  $\frac{52}{84}$

b.  $\frac{25}{84}$

c.  $\frac{52}{804}$

d.  $\frac{52}{408}$

**Bài 2:** (1, 5 điểm)

A . Kết quả phép trừ :  $\frac{72}{25} - \frac{4}{25}$  là :

a.  $\frac{76}{25}$

b.  $\frac{82}{25}$

c.  $\frac{68}{25}$

d.  $\frac{76}{50}$

B . Kết quả phép cộng :  $\frac{1}{3} + \frac{1}{4}$  là :

a.  $\frac{1}{12}$

b.  $\frac{7}{12}$

c.  $\frac{5}{12}$

d.  $\frac{2}{7}$

C . Kết quả phép tính :  $\frac{3}{5} : 4$  là :

a.  $\frac{12}{5}$

b.  $\frac{12}{20}$

c.  $\frac{3}{20}$

d.  $\frac{12}{15}$

**Bài 3** : (1 điểm)

A. Trong các phân số sau, phân số bé nhất là :

a.  $\frac{6}{6}$

b.  $\frac{6}{7}$

c.  $\frac{6}{8}$

d.  $\frac{6}{9}$

B. Phân số  $\frac{5}{6}$  bằng phân số nào dưới đây ?

a.  $\frac{20}{24}$

b.  $\frac{24}{20}$

c.  $\frac{20}{18}$

d.  $\frac{18}{20}$

**PHẦN TỰ LUẬN** : (6, 5 điểm)

**Bài 1** : (1 điểm) Tìm x, biết :

a.  $x - \frac{3}{4} = \frac{3}{5}$

b.  $x : \frac{1}{4} = 16$

.....  
.....  
.....  
**Bài 2 :** (1,5 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a.  $1\text{kg}30\text{ g} = \dots\dots\dots\text{g}$

b.  $1\text{ giờ }15\text{ phút} = \dots\dots\dots\text{phút}$

c.  $2\text{m}^2 49\text{ dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$  .

**Bài 3:** ( 2 điểm )

Một hình chữ nhật có nửa chu vi là  $125\text{ cm}$  . Chiều rộng bằng  $\frac{1}{4}$  chiều dài . Tính chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật đó .

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
**Bài 4 :** (1 điểm)

Hiện nay mẹ hơn con  $28$  tuổi. Sau  $3$  năm nữa tuổi mẹ gấp  $5$  lần tuổi con. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 043**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1) A.C    B.A

2) A.C    B.B    C.C

3) A.D    B.A

**II. TỰ LUẬN**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

1) a)  $x - \frac{3}{4} = \frac{3}{5}$

$$x = \frac{3}{5} + \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{12}{20} + \frac{15}{20}$$

$$x = \frac{27}{20}$$

b)  $x : \frac{1}{4} = 16$

$$x = 16 \times \frac{1}{4}$$

$$x = 4$$

2) a)  $1\text{kg } 30\text{g} = 1030\text{g}$

b) 1 giờ 15 phút = 75 phút

c)  $2\text{m}^2 49\text{dm}^2 = 249\text{dm}^2$

3) Tổng số phần bằng nhau là :  $1+4=5$  (phần)

Chiều dài hình chữ nhật là :  $125:5 \times 4 = 100(m)$

Chiều rộng hình chữ nhật là :  $125-100 = 25(m)$

Đáp số: Chiều dài: 100 m      Chiều rộng : 25 m

4) Hiệu số phần bằng nhau là :  $5 - 1 = 4$  (phần)

Tuổi con hiện nay :  $28:4-3=4$  (tuổi)

Tuổi mẹ hiện nay là :  $4+28=32$  (tuổi)

Đáp số: Mẹ: 32 tuổi Con: 4 tuổi

**ĐỀ SỐ 044**

**Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :**

1. Giá trị chữ số 6 trong số 456701 là:

A. 60

B. 600

C. 6000

D. 60000

2. Phân số nào dưới đây biểu diễn phần không tô đậm của hình bên:



A.  $\frac{8}{3}$

B.  $\frac{8}{11}$

C.  $\frac{3}{8}$

D.  $\frac{3}{11}$

3. Phân số bằng phân số  $\frac{5}{6}$  là:

A.  $\frac{24}{20}$

B.  $\frac{20}{18}$

C.  $\frac{20}{24}$

D.  $\frac{18}{20}$

4. Phân số  rút gọn được phân số nào?

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

A.

B.

C.

D.

5. Kết quả của phép tính  $1 + \frac{1}{5}$  là:

A.  $1 \frac{1}{5}$

B.  $\frac{2}{5}$

C.  $\frac{7}{5}$

D.  $1 \frac{2}{5}$

6. Trong các phân số:  $\frac{4}{5}$ ;  $\frac{3}{3}$ ;  $\frac{5}{3}$ ;  $\frac{4}{6}$  Phân số lớn nhất là:

A.  $\frac{4}{5}$

B.  $\frac{3}{3}$

C.  $\frac{5}{3}$

D.  $\frac{4}{6}$

7. Một hình thoi có độ dài các đường chéo là 14 cm và 10 cm. Diện tích hình thoi đó là:

A.  $140 \text{ cm}^2$

B.  $70 \text{ cm}^2$

C.  $1400 \text{ cm}^2$

D.  $700 \text{ cm}^2$

**Bài 2: Đúng ghi Đ, Sai ghi S vào ô trống:**

A.  $103 \text{ m}^2 = 10300 \text{ dm}^2$

B.  $2 \text{ kg } 7 \text{ hg} = 2700 \text{ g}$

C.  $3 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 195 \text{ giây}$

D.  $\frac{1}{10} \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$

**Bài 3: Tính :**

a.  $1 + \frac{3}{4} =$  .....

.....

b.  $\frac{4}{5} - \frac{3}{8} =$  .....

.....

c.  $1 : \frac{2}{3} =$  .....

.....

d.  $\frac{2}{5} \times \frac{5}{2} =$  .....

.....

**Bài 4: Tìm x :**

a.  $\frac{2}{7} \times x = \frac{2}{3}$

.....

.....

b.  $\frac{1}{3} : x = \frac{1}{3}$

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 5 :** (2 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 24 m và chiều rộng bằng  $\frac{2}{5}$  chiều dài.

- Tính chiều dài, chiều rộng của mảnh vườn.
- Tính diện tích mảnh vườn.

[illegible]

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 044**

**BÀI 1**      1C    2D    3C    4D    5A    6C    7B

2) A.Đ      B. Đ      C. S      D. S

### 3) Tính

$$a) 1 + \frac{3}{4} = \frac{4}{4} + \frac{3}{4} = \frac{7}{4} \qquad b) \frac{4}{5} - \frac{3}{8} = \frac{32}{40} - \frac{15}{40} = \frac{17}{40}$$

$$c) 1 : \frac{2}{3} = 1 \times \frac{3}{2} = \frac{3}{2} \qquad d) \frac{2}{5} \times \frac{5}{2} = \frac{10}{10} = 1$$

$$4) a) \frac{2}{7} \times x = \frac{2}{3}$$

$$x = \frac{2}{3} : \frac{2}{7}$$

$$x = \frac{2}{3} \times \frac{7}{2}$$

$$x = \frac{7}{3}$$

$$b) \frac{1}{3} : x = \frac{1}{3}$$

$$x = \frac{1}{3} : \frac{1}{3}$$

$$x = 1$$

5)a) Hiệu số phần bằng nhau :  $5 - 2 = 3$ (phần)

Chiều dài mảnh đất là :  $24 : 3 \times 5 = 40(m)$

Chiều rộng mảnh đất là :  $40 - 24 = 16(m)$

b) Diện tích mảnh vườn là :  $40 \times 16 = 640(m^2)$

Đáp số: a)  $40m ; 16m$  b)  $640m^2$

### **ĐỀ SỐ 045**

#### **Bài 1: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:**

1/ Hình bình hành có độ dài đáy 3 dm, chiều cao 23 cm có diện tích là:

- A. 690 cm      B.  $690 \text{ cm}^2$       C.  $69 \text{ dm}^2$       D.  $69 \text{ cm}^2$

2/ Điền số thích hợp vào chỗ chấm:  $\frac{15}{21} = \frac{\dots}{7}$

- A. 15      B. 21      C. 7      D. 5

3/ Giá trị của chữ số 4 trong số 240853 là:

- A. 4      B. 40      C. 40853      D. 40000

4/ Trên bản đồ tỉ lệ 1: 5000, độ dài 1 cm ứng với độ dài thật là bao nhiêu?

- A. 50000 cm      B. 5 000 000 cm      C. 5 000 cm      D. 500 000cm

#### **Bài 2: Tính giá trị của biểu thức:**

$$a/ \frac{6}{5} + \frac{1}{5} : \frac{2}{3} = \quad \quad \quad b/ 1 - \left( \frac{1}{7} \times 4 + \frac{5}{21} \right) =$$

#### **Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:**

$$a. \frac{2}{5} + \frac{3}{5} = \frac{5}{5} \quad \square \quad b. \frac{15}{25} - \frac{3}{21} = \frac{12}{4} \quad \square \quad c. \frac{3}{4} + 5 = \frac{23}{4} \quad \square \quad d. \frac{3}{2} - \frac{4}{8} = 1 \quad \square$$

**Bài 4:** Ngày thứ nhất Lan đọc được  $\frac{2}{9}$  quyển sách, ngày thứ hai Lan đọc tiếp  $\frac{7}{18}$  quyển sách.

Hỏi Lan còn phải đọc bao nhiêu phần nữa mới hết quyển sách?

**Bài 5:** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 36 m và chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài.

a. Tính chiều dài, chiều rộng mảnh vườn.

b. Tính diện tích mảnh vườn.

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 045

### Bài 1: 2đ

Câu 1: B (0,5 điểm)

Câu 2: D (0,5 điểm)

Câu 3: D (0,5 điểm)

Câu 4: C (0,5 điểm)

### Bài 2: 2 điểm (Mỗi bài đúng : 1 điểm)

a.  $\frac{6}{5} + \frac{1}{5} : \frac{2}{3} = \frac{6}{5} + \frac{3}{10} = \frac{12}{10} + \frac{3}{10} = \frac{15}{10} = \frac{3}{2}$

b.  $1 - \left( \frac{1}{7} \times 4 + \frac{5}{21} \right) = 1 - \left( \frac{4}{7} + \frac{5}{21} \right)$   
 $= 1 - \left( \frac{12}{21} + \frac{5}{21} \right) = 1 - \frac{17}{21} = \frac{4}{21}$

### Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (2đ)

Học sinh điền đúng 1 câu ghi 0.5đ

### Bài 4: 2 điểm

Số phần quyển sách Lan đọc được trong hai ngày là: (0,25 điểm)

$\frac{2}{9} + \frac{7}{18} = \frac{11}{18}$  (quyển sách) (0,5 điểm)

Số phần quyển sách còn lại Lan phải đọc là: (0,25 điểm)

$1 - \frac{11}{18} = \frac{7}{18}$  (quyển sách) (0,5 điểm)

Đáp số:  $\frac{7}{18}$  quyển sách (0,5 điểm)

### Bài 5: 2 điểm

Vẽ được sơ đồ và tính được hiệu số phần bằng nhau:  $5 - 3 = 2$  (phần) 0,5 điểm)

Chiều rộng hình chữ nhật:  $36 : 2 \times 3 = 54$  (m) (0,75 điểm)

Chiều dài hình chữ nhật :  $54 + 36 = 90$  (m) (0,75 điểm)

Diện tích hình chữ nhật:  $54 \times 90 = 4860$  (m<sup>2</sup>) (0,5 điểm)

Đáp số: 4860 m<sup>2</sup> (0,5 điểm)

## ĐỀ SỐ 046

Khoanh vào chữ cái trước đáp án đúng:

Câu 1: (1đ) Phân số nào lớn hơn 1?

- A.  $\frac{6}{19}$                       B.  $\frac{17}{13}$                       C.  $\frac{21}{19}$                       D.  $\frac{18}{18}$

Câu 2. (1đ) Phân số nào dưới đây bằng phân số  $\frac{5}{4}$ :

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A.  $\frac{3}{6}$

B.  $\frac{25}{10}$

C.  $\frac{20}{16}$

D.  $\frac{15}{20}$

**Câu 3:** (0.5đ) các phân số  $\frac{8}{9}; \frac{5}{4}; \frac{4}{4}; \frac{5}{9}$  được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A.  $\frac{5}{9}; \frac{8}{9}; \frac{4}{4}; \frac{5}{9}$

B.  $\frac{8}{9}; \frac{5}{9}; \frac{5}{4}; \frac{4}{4}$

C.  $\frac{4}{4}; \frac{5}{4}; \frac{8}{9}; \frac{5}{9}$

D.  $\frac{5}{4}; \frac{4}{4}; \frac{8}{9}; \frac{5}{9}$

**Câu 4:** (1đ) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

1 giờ 5 phút = .....phút

A. 55

B. 105

C. 150

D. 65

**Câu 5.** (0.5đ) Số thích hợp viết vào chỗ chấm để  $25m^2 6cm^2 = .... cm^2$  là:

A. 256

B. 2506

C. 250006

D. 256000

**Câu 6** (0.5đ) diện tích hình bình hành có độ dài đáy 4dm, chiều cao 23cm là:

A.  $92 cm^2$

B.  $92dm^2$

C.  $920 cm^2$

D.  $920 dm^2$

**Câu 7.** (2đ) Tính

a/  $\frac{5}{6} + \frac{1}{3} = .....$

b/  $\frac{18}{7} - \frac{3}{4} = .....$

c/  $\frac{7}{9} \times \frac{1}{6} = .....$

d/  $\frac{1}{6} : \frac{3}{9} = .....$

**Câu 8:**(1.5đ) Một khu vườn có chiều dài 125m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài. Tính diện tích khu vườn đó?

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**Câu 9:** (1 đ) Tìm x:

$x \times 42 = 5208$

$35 \times X = 7020 + 15$

.....  
 .....

**Câu 10:** (1đ) : Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$4012 \times 68 + 4012 \times 31 + 4012$

.....  
 .....  
 .....  
 .....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 046**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1.C      2.C      3.D      4.D      5.C      6.C

7

$$a) \frac{5}{6} + \frac{1}{3} = \frac{5}{6} + \frac{2}{6} = \frac{7}{6} \qquad b) \frac{18}{7} - \frac{3}{4} = \frac{72}{28} - \frac{21}{28} = \frac{51}{28}$$

$$c) \frac{7}{9} \times \frac{1}{6} = \frac{7}{54} \qquad d) \frac{1}{6} : \frac{3}{9} = \frac{1}{6} \times \frac{3}{1} = \frac{3}{6} = \frac{1}{2}$$

8) Chiều rộng mảnh vườn là :  $125 \times \frac{3}{5} = 75(m)$

Diện tích khu vườn là:  $125 \times 75 = 9375(m^2)$

Đáp số:  $9375m^2$

Câu 9

$$x \times 42 = 5208$$

$$x = 5208 : 42$$

$$x = 124$$

$$35 \times x = 7020 + 15$$

$$35 \times x = 7035$$

$$x = 7035 : 35$$

$$x = 201$$

$$10) 4012 \times 68 + 4012 \times 31 + 4012 = 4012 \times (68 + 31 + 1) = 4012 \times 100 = 401200$$

**ĐỀ SỐ 047**

**Phần I: Trắc nghiệm: 6 điểm**

**Chọn kết quả đúng (Hoặc điền kết quả vào chỗ chấm)**

**Câu 1: (1,5 điểm)**

a)  $\frac{5}{8}$  của 40 là:

A. 5      B. 25      C. 20      D. 25

b) Bản đồ sân vận động Thạch Thát vẽ theo tỉ lệ 1: 100 000. Hỏi độ dài 1cm trên bản đồ này ứng với độ dài thật là bao nhiêu ki-lô-mét ?

A. 1km      B. 100km      C. 300km      D. 300dm

c) Kết quả của phép tính  $\frac{4}{5} + \frac{3}{7}$  là....

**Câu 2: (1 điểm)** Một hình vuông có diện tích  $64cm^2$ .

Cạnh hình vuông là đó là ..... cm.

Chu vi hình vuông đó là .....cm.

**Câu 3: (1 điểm)** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a)  $7m^2 9dm^2 = 709dm^2$  ☐

b)  $12dm^2 50cm^2 = 12500cm^2$  ☐

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

c)  $\frac{1}{2}$  phút = 5 giây

d)  $\frac{1}{5}$  thế kỉ = 25 năm

**Câu 4: (1,5 điểm)** Trong hai ngày cửa hàng bán được 60m vải, ngày thứ nhất bán được số mét vải bằng  $\frac{3}{2}$  số mét vải của ngày thứ hai. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được là.....m vải.  
Ngày thứ hai cửa hàng bán được là.....m vải.

**Câu 5: (1 điểm)**

a.  $X + \frac{5}{7} = \frac{12}{14}$

A.  $X = \frac{1}{7}$                       B.  $X = \frac{2}{7}$                       C.  $X = \frac{5}{7}$

b.  $\frac{2}{9} \times X = \frac{3}{9}$

A.  $X = \frac{5}{2}$                       B.  $X = \frac{4}{5}$                       C.  $X = \frac{3}{2}$

**Phần II: Tự luận (4 điểm)**

**Bài 1: (2 điểm) Tính:**

$2004 \times 21$                        $12604 : 23$                        $\frac{35}{45} + \frac{2}{9}$                        $\frac{15}{35} - \frac{1}{7}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2: (2 điểm)**

Hai kho chứa 1560 tấn mì khô. Tìm số tấn mì của mỗi kho, biết rằng số mì của kho thứ hai bằng  $\frac{5}{7}$  số mì của kho thứ nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 047

I. TRẮC NGHIỆM

- 1) a) B    b) A    c)  $\frac{43}{35}$   
2) Cạnh hình vuông : 8 cm                      Chu vi hình vuông: 32 cm  
3) a) Đ            b) S                      c) S                      d) S  
4) Ngày thứ nhất: 36 m vải;            ngày thứ hai : 24 m vải  
5) a) A                      b) C

II. TỰ LUẬN

- 1) Tính:  
 $2004 \times 21 = 42084$                        $12604 : 23 = 548$   
 $\frac{35}{45} + \frac{2}{9} = \frac{7}{9} + \frac{2}{9} = \frac{9}{9} = 1$                        $\frac{15}{35} - \frac{1}{7} = \frac{3}{7} - \frac{1}{7} = \frac{2}{7}$   
2) Tổng số phần bằng nhau:  $5 + 7 = 12$  (phần)  
Số tấn mì kho thứ nhất có là :  $1560 : 12 \times 5 = 650$  (tấn mì)  
Số tấn mì kho thứ hai có là:  $1560 - 650 = 910$  (tấn mì)  
Đáp số: Kho I: 650 tấn mì                      Kho II: 910 tấn mì

ĐỀ SỐ 048

Bài 1. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

- a) Giá trị chữ số 6 trong số 456701 là:  
A. 60  
B. 600  
C. 6000  
D. 60000  
b) Dãy phân số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:  
A.  $\frac{3}{4}; \frac{5}{6}; \frac{1}{2}; \frac{4}{3}$                       B.  $\frac{1}{2}; \frac{5}{6}; \frac{4}{3}; \frac{3}{4}$                       C.  $\frac{4}{3}; \frac{1}{2}; \frac{3}{4}; \frac{5}{6}$                       D.  $\frac{1}{2}; \frac{3}{4}; \frac{5}{6}; \frac{4}{3}$   
c) Phân số bằng phân số  $\frac{5}{6}$  là:  
A.  $\frac{24}{20}$                       B.  $\frac{20}{18}$                       C.  $\frac{20}{24}$                       D.  $\frac{18}{20}$   
d)  $15\text{dm}^2 4\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$ . Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:  
A. 154  
B. 1540

C.1504

D.15040

e) Số thích hợp điền vào chỗ chấm để phút  $\frac{1}{4} = \dots\dots\dots$  giây là:

A. 20      B. 15      C. 15 giây      D. 10

g) Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 16 cm và 12 cm. Diện tích của hình thoi là:

A. 56      B.192      C. 86      D. 96

**Bài 2. Tính :**

a)  $1 + \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

b)  $\frac{5}{9} : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

c)  $(\frac{3}{2} - \frac{3}{8}) : \frac{1}{2} = \dots\dots\dots$

d)  $\frac{4}{3} - \frac{1}{3} \times \frac{5}{2} = \dots\dots\dots$

**Bài 3. Tìm y:**

a)  $124 \times y = 4829 - 365$

b)  $2652 : y = 26$

**Bài 4.** Một lớp có 35 học sinh, trong đó số học sinh trai bằng  $\frac{3}{4}$  số học sinh gái. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh trai, bao nhiêu học sinh gái?

**Bài 5:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 30 m và chiều rộng bằng  $\frac{2}{5}$  chiều dài. Trung bình cứ  $1\text{m}^2$  thu hoạch được  $\frac{3}{5}$  kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

**Bài 6:** Hiện nay tuổi cháu kém tổng số tuổi của ông và bố là 86 tuổi, tuổi ông hơn tuổi bố 28 tuổi. Tính tuổi của mỗi người hiện nay, biết tổng số tuổi của ông, bố và cháu là 98 tuổi.

### **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 048**

1)a)C    b)D    c)C    d)C    e)C    g)D

2)a)  $1 + \frac{3}{4} = \frac{4}{4} + \frac{3}{4} = \frac{7}{4}$       b)  $\frac{5}{9} : \frac{2}{3} = \frac{5}{9} \times \frac{3}{2} = \frac{15}{18} = \frac{5}{6}$

c)  $(\frac{3}{2} - \frac{3}{8}) : \frac{1}{2} = (\frac{12}{8} - \frac{3}{8}) \times \frac{2}{1} = \frac{9}{8} \times \frac{2}{1} = \frac{18}{8} = \frac{9}{4}$

d)  $\frac{4}{3} - \frac{1}{3} \times \frac{5}{2} = \frac{4}{3} - \frac{5}{6} = \frac{8}{6} - \frac{5}{6} = \frac{3}{6} = \frac{1}{2}$

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

3) a)  $124 \times y = 4829 - 365$

$$124 \times y = 4464$$

$$y = 4464 : 124$$

$$y = 36$$

b)  $2652 : y = 26$

$$y = 2652 : 26$$

$$y = 102$$

4) Tổng số phần bằng nhau là :  $3+4=7$  (phần)

Số học sinh trai là :  $35:7 \times 3=15$ (em)

Số học sinh gái là :  $35-15=20$ (em)

Đáp số: Trai : 15 em                      Gái: 20 em

5) Hiệu số phần bằng nhau là :  $5-2=3$ (phần)

Chiều dài thửa ruộng là :  $30:3 \times 5=50$ (m)

Chiều rộng thửa ruộng là :  $50-30=20$ (m)

Diện tích thửa ruộng là :  $50 \times 20=1000$ (m<sup>2</sup>)

Số kilogram thóc thu hoạch được là :  $1000 \times \frac{3}{5} = 600$ (kg thóc)

$$600 \text{ kg} = 6 \text{ tạ}$$

Đáp số : 6 tạ

6) Tuổi cháu là :  $(98-86):2=6$ (tuổi)

Tổng số tuổi của bố và ông :  $98-6=92$ (tuổi)

Tuổi bố là :  $(92-28):2=32$ (tuổi)

Tuổi ông là :  $92-32=60$ (tuổi)

Đáp số: ông : 60 tuổi                      bố: 32 tuổi                      cháu: 6 tuổi

**ĐỀ SỐ 049**

**A- PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)**

*Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng và hoàn thành các bài tập sau:*

**Câu 1.** Giá trị của chữ số 7 trong số 9 873 624 là:

A . 700

B. 7 000

C. 70 000

D. 700 000

**Câu 2.** Số thích hợp điền vào chỗ chấm để  $2\text{km } 8\text{m} = \dots\dots\dots \text{ m}$  là:

A. 2800

B. 280

C. 20800

D. 2008

**Câu 3.** Phân số bằng phân số  $\frac{3}{9}$  là:

A.  $\frac{4}{12}$

B.  $\frac{6}{9}$

C.  $\frac{18}{12}$

D.  $\frac{6}{12}$

**Câu 4.** Kết quả của phép cộng  $\frac{6}{7} + \frac{5}{14}$  là:

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

- A.  $\frac{11}{21}$                       B.  $\frac{11}{14}$                       C.  $\frac{17}{14}$                       D.  $\frac{11}{7}$

**Câu 5.** Phân số nào lớn hơn 1?

- A.  $\frac{1}{2}$                       B.  $\frac{4}{3}$                       C.  $\frac{3}{4}$                       D.  $\frac{4}{5}$

**Câu 6.** Diện tích hình bình hành có độ dài đáy 3dm, chiều cao 23cm là:

- A. 690cm                      B. 690cm<sup>2</sup>                      C. 69dm<sup>2</sup>                      D. 69cm<sup>2</sup>

**B. PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)**

**Câu 7.** a, Tính (2 điểm)

$\frac{7}{12} + \frac{1}{4}$                        $\frac{15}{7} : \frac{5}{8}$                       123 x 54                      3968 : 32

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b, Tính (1 điểm)

$13 \times 25 + 75 \times 13 =$                        $\frac{11}{10} - \frac{2}{5} : \frac{2}{3} =$

**Câu 8.** a, Tìm X (1 điểm)

$X + \frac{1}{4} = \frac{9}{16}$                        $X \times \frac{3}{7} = \frac{6}{21}$

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|  |  |
|  |  |

b, Điền số? (0.5điểm)

1 giờ 15 phút = ..... phút                       $2m^2 3dm^2 = \dots\dots\dots dm^2$

**Câu 9.** (1,5 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 80m, chiều rộng bằng  $\frac{1}{2}$  chiều dài. Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó.

Bài giải

|  |
|--|
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Câu 10.** (1 điểm) Tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 35 tuổi. Biết tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi con. Hỏi hiện nay con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

|  |
|--|
|  |
|  |
|  |
|  |

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 049**

**A. TRẮC NGHIỆM**

1C 2D 3A 4C 5B 6B

**B. TỰ LUẬN**

$$7) a) \frac{7}{12} + \frac{1}{4} = \frac{7}{12} + \frac{3}{12} = \frac{10}{12} = \frac{5}{6} \qquad \frac{15}{7} : \frac{5}{8} = \frac{15}{7} \times \frac{8}{5} = \frac{120}{35} = \frac{24}{7}$$

$$123 \times 54 = 6642 \qquad ; \quad 3968 : 32 = 124$$

$$b) 13 \times 25 + 75 \times 13 = 13 \times (25 + 75) = 13 \times 100 = 1300$$

$$\frac{11}{10} - \frac{2}{5} : \frac{2}{3} = \frac{11}{10} - \frac{2}{5} \times \frac{3}{2} = \frac{11}{10} - \frac{6}{10} = \frac{5}{10} = \frac{1}{2}$$

Câu 8

$$\begin{aligned} a) x + \frac{1}{4} &= \frac{9}{16} & x \times \frac{3}{7} &= \frac{6}{21} \\ x &= \frac{9}{16} - \frac{1}{4} & x &= \frac{6}{21} : \frac{3}{7} \\ x &= \frac{9}{16} - \frac{4}{16} & x &= \frac{2}{7} \times \frac{7}{3} = \frac{2}{3} \\ x &= \frac{5}{16} \end{aligned}$$

$$b) \text{ điền số : } 1 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 75 \text{ phút} \qquad 2m^2 3dm^2 = 203dm^2$$

$$9) \text{ Chiều rộng hình chữ nhật là : } 80 \times \frac{1}{2} = 40(m)$$

$$\text{Diện tích thửa ruộng là : } 80 \times 40 = 3200(m^2) \qquad \text{Đáp số: } 3200 m^2$$

$$10) \text{ Tổng số phần bằng nhau là : } 6 + 1 = 7(\text{phần})$$

$$\text{Tuổi mẹ là : } 35 : 7 \times 6 = 30(\text{tuổi})$$

$$\text{Tuổi con là : } 35 - 30 = 5(\text{tuổi})$$

$$\text{Đáp số: Mẹ : } 30 \text{ tuổi} \qquad \text{Con : } 5 \text{ tuổi}$$

**ĐỀ SỐ 050**

I. TRẮC NGHIỆM: ( 4 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 1 :**(1điểm) Mức1

a. Số thích hợp để điền vào ô trống  $\frac{1}{2} = \frac{4}{\quad}$  là :

A. 8

B. 5

C. 6

D. 7

b. Trong các phân số sau:  $\frac{6}{6}; \frac{18}{7}; \frac{9}{13}; \frac{11}{2}$  phân số bé hơn 1 là:

A.  $\frac{6}{6}$

B.  $\frac{18}{7}$

C.  $\frac{9}{13}$

D.  $\frac{11}{2}$

c. Một mảnh đất trồng hoa hình bình hành có độ dài đáy là 40dm, chiều cao là 25dm. Diện tích của mảnh đất đó là:

A. 65dm<sup>2</sup>

B. 15dm<sup>2</sup>

C. 1 000dm<sup>2</sup>

D. 500dm<sup>2</sup>

d. Một miếng kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 14cm và 10cm. Diện tích miếng kính đó là:

A. 48cm<sup>2</sup>

B. 12cm<sup>2</sup>

C. 70m<sup>2</sup>

D. 70cm<sup>2</sup>

**Câu 2:** (1 điểm) Mức2 Số thích hợp để điền vào chỗ chấm (...) là:

a. 33kg 58g = ..... g

A. 330058

B. 33058

C. 33058

D. 3358

b. 2 phút 83 giây = ..... giây

A. 203

B. 2003

C. 20003

D. 120

c. 12 m<sup>2</sup> 37 mm<sup>2</sup> = ..... mm<sup>2</sup>

A. 12000037

B. 1200037

C. 1237

D. 120037

d. 2 thế kỉ 50 năm = ..... năm

A. 2050

B. 250

C. 200

D. 2500

**Câu 3:**(0,5điểm) Mức2 Có 10 túi gạo nếp và 12 túi gạo tẻ cân nặng tất cả là 220kg. Biết rằng số gạo trong mỗi túi đều cân nặng như nhau. Có số ki-lô-gam gạo mỗi loại là:

A. 22kg và 11kg

B. 100kg và 120kg

C. 110kg và 140kg

D. 1100kg và 1200kg

**Câu 4:** (0,5điểm) Mức4 Hiệu của hai số là số lớn nhất có hai chữ số. Tìm hai số đó biết rằng thêm chữ số 0 vào số bé thì được số lớn. Hai số đó là :

A. 90 và 9

B. 100 và 10

C. 110 và 11

D. 120 và 12

**Câu 5:** Đúng ghi Đ, sai ghi S (1điểm) Mức1 và 2

a.  $\frac{1}{5}$  của 3 giờ là  $\frac{3}{5}$  giờ. ☐

b. 25 cm<sup>2</sup> =  $\frac{25}{1000}$  m<sup>2</sup> ☐

c. Bố hơn con 30 tuổi. Tuổi của con bằng  $\frac{1}{6}$  tuổi bố. Tuổi của bố là 36 tuổi. ☐

d. Bản đồ sân vận động quận Nam Từ Liêm vẽ theo tỉ lệ 1: 100000; Độ dài 1cm trên bản đồ này ứng với độ dài thật là 100 ki-lô-mét. ☐

**II. TỰ LUẬN :** (6điểm)

**Câu 6 :** Tính (1điểm) Mức1

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

a.  $\frac{19}{17} + \frac{13}{51}$

b.  $\frac{26}{30} - \frac{7}{15}$

Câu 7: Tìm y, biết: (1điểm) Mức1

a.  $Y \times 47 = 24064$

b.  $Y \times \frac{2}{7} = \frac{3}{4} \times \frac{4}{15}$

Câu 8:(2điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 350m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài.Trên thửa ruộng đó người ta trồng khoai. Cứ 10mét vuông thì người ta thu được 50kg khoai.  
a. Tính diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật đó.(Mức2)  
b. Tính số tấn khoai mà người ta thu hoạch được? (Mức3)(0,5điểm)

Câu 9: (1điểm) Mức 2 Một ô tô trong 4 giờ đi được 280 km, một xe máy trong 3 giờ đi được 105km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô đi được nhanh gấp mấy lần xe máy?

Câu10: (1điểm)Mức3(a) và mức 4(b)

Không qui đồng mẫu số,không qui đồng tử số,hãy so sánh các phân số sau:

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

b.  $\frac{16}{51}v\hat{a}\frac{31}{90}$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 050

| Câu | Đáp án                                                                                                                                                                                                     | Điểm                         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | a. A.8<br>b. C. 9/13<br>c. C.1000dm <sup>2</sup><br>d. D.70cm <sup>2</sup>                                                                                                                                 | 0.25<br>0.25<br>0.25<br>0.25 |
| 2   | a. B.33058<br>b. A.203<br>c. A.12000037<br>d. B.250                                                                                                                                                        | 0.25<br>0.25<br>0.25<br>0.25 |
| 3   | B. 100kg và 120kg                                                                                                                                                                                          | 0.5                          |
| 4   | C.110 và 11                                                                                                                                                                                                | 0.5                          |
| 5   | a. Đ                                  c. Đ<br>b. S                                  d. S                                                                                                                   | Mỗi câu<br>0.25              |
| 6   | Tính:<br>a. $\frac{19}{17} + \frac{13}{51} = \frac{57}{51} + \frac{13}{51} = \frac{70}{51}$<br>b. $\frac{26}{30} - \frac{7}{15} = \frac{13}{15} - \frac{7}{15} = \frac{6}{15} = \frac{2}{5}$               | 0.5<br><br>0.5               |
| 7   | y x 47 = 24064<br>y = 24064 : 47<br>y = 512<br><br>$y x \frac{2}{7} = \frac{3}{4} x \frac{4}{15}$<br>$y x \frac{2}{7} = \frac{1}{5}$<br>$y = \frac{1}{5} : \frac{2}{7}$<br>$y = \frac{1}{5} x \frac{7}{2}$ | Mỗi câu<br>0.5               |

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

|   | $y = \frac{7}{10}$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                       |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 8 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ sơ đồ (tổng tỉ)</li> <li>- Tổng số phần bằng nhau là <math>3 + 4 = 7</math> (phần)</li> <li>- Chiều rộng hình chữ nhật đó là <math>350:7 \times 3 = 150(m)</math></li> <li>- Chiều dài hình chữ nhật đó là <math>350 - 150 = 200(m)</math></li> <li>- Diện tích hình chữ nhật đó là <math>200 \times 150 = 30000(m^2)</math></li> <li>- Thừa ruộng hình chữ nhật đó thu được số ki – lô- gam khoai là <math>30000:10 \times 50 = 150000 \text{ kg}</math></li> <li>- Đổi <math>150000 \text{ kg} = 150 \text{ tấn}</math>.</li> <li>- Đáp số: a. <math>30000m^2</math>; b. <math>150 \text{ tấn}</math></li> </ul> | <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p> |

|    |                                                                                                     |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9  | Trung bình một giờ ô tô đi được số km là<br>$280:4 = 70 \text{ (km)}$                               | 0.25 |
|    | Trung bình một giờ xe máy đi được số km là<br>$105:3 = 35 \text{ (km)}$                             | 0.25 |
|    | Trung bình một giờ ô tô đi nhanh gấp xe máy số lần là<br>$70 : 35 = 2 \text{ (lần)}$                | 0.25 |
|    | Đáp số: 2 lần.                                                                                      | 0.25 |
| 10 | $a. Ta có \frac{12}{18} < \frac{12}{17} < \frac{13}{17} \text{ nên } \frac{12}{18} < \frac{13}{17}$ | 0.5  |
|    | $b. Ta thấy \frac{16}{51} < \frac{17}{51} = \frac{1}{3} \text{ vậy } \frac{16}{51} < \frac{1}{3}$   | 0.5  |
|    | Mặt khác $\frac{31}{90} > \frac{30}{90} = \frac{1}{3} \text{ vậy } \frac{31}{90} > \frac{1}{3}$     |      |
|    | Do đó $\frac{16}{51} < \frac{1}{3} < \frac{31}{90} \text{ suy ra } \frac{16}{51} < \frac{31}{90}$   |      |

**ĐỀ SỐ 051**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

Hãy khoanh vào mỗi chữ cái trước ý trả lời đúng nhất hoặc viết vào chỗ chấm kết quả chính xác nhất trong mỗi yêu cầu dưới đây:

Câu 1. Số “Hai trăm tám mươi một nghìn bảy trăm tám mươi” được viết là:

A. 281 870    B. 281 780    C. 218 780    D. 128 780

Câu 2. Rút gọn phân số  $\frac{12}{28}$  ta được kết quả là:

A.  $\frac{6}{12}$

B.  $\frac{2}{8}$

C.  $\frac{3}{7}$

D.  $\frac{4}{8}$

Câu 3. Phép chia  $43\,659 : 63$  có thương là:

A. 596    B. 639    C. 693    D. 722

Câu 4. Số thích hợp lần lượt điền vào chỗ chấm của  $73\,038\text{ g} = \dots\text{kg} \dots\text{g}$  là:

A. 73; 38

B. 7; 3038

C. 73; 83

D. 7303; 8

Câu 5. Trong khoảng thời gian sau, khoảng thời gian nào dài nhất:

A. 85 phút

B. 2 giờ 5 phút

C. 1 giờ 5 phút

D. 128 phút

Câu 6. Nửa chu vi của một hình chữ nhật là 24 cm. Nếu chiều dài là 15 cm thì diện tích của hình chữ nhật là:

A.  $24\text{ cm}^2$

B.  $126\text{ cm}^2$

C.  $135\text{ cm}^2$

D.  $720\text{ cm}^2$

Câu 7. Viết tiếp vào chỗ chấm để có câu trả lời đúng nhất:

Để lát nền một phòng học hình chữ nhật, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 20 cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín phòng học đó, biết rằng nền phòng học có chiều rộng 5m, chiều dài 8m và phần mạch vữa không đáng kể?

Trả lời: Người ta phải dùng .....viên gạch để lát kín phòng học trên.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

Câu 8. (1 điểm)

Một trường học có tất cả 405 học sinh. Biết số học sinh nữ của trường đó bằng  $\frac{2}{3}$  số học sinh nam. Tính số học sinh nữ, số học sinh nam của trường học đó?

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Câu 9 (1 điểm):

Thửa ruộng thứ nhất thu hoạch được 1070 ki-lô gam thóc. Thửa ruộng thứ hai thu hoạch được nhiều hơn thửa ruộng thứ nhất 386 ki – lô gam thóc. Hỏi trung bình mỗi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki – lô – gam thóc?

Câu 10: (1 điểm) Tìm X biết:

$$X \times 2 + X \times 3 + X \times 4 + X = 2130$$

### **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 051**

#### **I. TRẮC NGHIỆM** 1B 2C 3C 4A 5D 6C

7. 1000 viên gạch

#### **II. TỰ LUẬN**

**Câu 8.** Tổng số phần bằng nhau là :  $2+3=5$ (phần)

Số học sinh nữ là :  $405:5 \times 2 = 162$  (em)

Số học sinh nam là :  $405 - 162 = 243$ (em)

Đáp số: Nữ : 162 em Nam : 243em

9) Số kilogam thóc thửa ruộng thứ hai thu hoạch là :  $1070 + 386 = 1456$  (kg thóc)

Số kilogam thóc trung bình mỗi thửa thu hoạch là :  $(1456 + 1070):2 = 1263$ (kg thóc)

Đáp số: 1263kg thóc

10)

$$x \times 2 + x \times 3 + x \times 4 + x = 2130$$

$$x \times (2 + 3 + 4 + 1) = 2130$$

$$x \times 10 = 2130$$

$$x = 2130:10 = 213$$

### **ĐỀ SỐ 052**

**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a)  $2756 : 26$  c)  $1807 \times 34$

b)  $39275 - 306$  d)  $5437 + 1009$

**Bài 2.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$1/2$  giờ = ..... phút  $60\text{kg } 7\text{g} = \dots\dots\dots\text{g}$

$300$  phút = ..... giờ  $4$  yên  $8\text{kg} = \dots\dots\dots\text{kg}$

$4000$  năm = ..... thế kỷ  $3/4$  tạ = .....kg

**Bài 3.** Viết số thích hợp vào ô trống:

|             |     |      |      |     |
|-------------|-----|------|------|-----|
| Tổng hai số | 654 | 5161 | 2945 | 400 |
| Hiệu hai số | 80  | 983  | 77   | 52  |
| Số lớn      |     |      |      |     |
| Số bé       |     |      |      |     |

**Bài 4.** Một đàn vịt có 126 con, trong đó số vịt mái gấp 6 lần số vịt trống. Tính số vịt mái, số vịt trống.

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Bài 5.** Điền dấu thích hợp vào ô trống

|                                                                                                                                                 |   |                                                                                         |                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"> <math>&gt;</math><br/> <math>&lt;</math><br/> <math>=</math> </div> | ? | $2m^2 7m^2$ <span style="border: 1px solid black; padding: 0 10px;"> </span> $27dm^2$   | $4dm^2 99cm^2$ <span style="border: 1px solid black; padding: 0 10px;"> </span> $5dm^2$  |
|                                                                                                                                                 |   | $63m^2$ <span style="border: 1px solid black; padding: 0 10px;"> </span> $630\ 000cm^2$ | $503cm^2$ <span style="border: 1px solid black; padding: 0 10px;"> </span> $5dm^2 3cm^2$ |
|                                                                                                                                                 |   |                                                                                         |                                                                                          |

**Bài 6.** Quảng đường từ A đến B dài 14km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100 000, quãng đường đó dài mấy xăng-ti-mét?

**Bài 7.** Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

Số trung bình cộng của các số 4514; 6300 và 5875 là:

A. 5536      B. 5563      C. 5356      D. 5635

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 052**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

a)  $2756 : 26 = 106$                       c)  $1807 \times 34 = 61438$

b)  $39275 - 306 = 38969$                       d)  $5437 + 1009 = 6446$

2)  $\frac{1}{2}$  giờ = 30 phút

$600kg\ 7g = 600007g$

$4\text{ yến } 8\text{ kg} = 48\text{ kg}$

$300\text{ phút} = 5\text{ giờ}$

$\frac{3}{4}\text{ tạ} = 75\text{ kg}$

$4\ 000\text{ năm} = 4\text{ thế kỷ}$

3)

|             |     |      |      |     |
|-------------|-----|------|------|-----|
| Tổng hai số | 654 | 5161 | 2945 | 400 |
| Hiệu hai số | 80  | 983  | 77   | 52  |
| Số lớn      | 367 | 3072 | 1511 | 226 |
| Số bé       | 287 | 2089 | 1434 | 174 |

4) Tổng số phần bằng nhau :  $6+1=7$  (phần)

Số vịt trống là :  $126 : 7 = 18$  (con)

Số vịt mái là :  $18 \times 6 = 108$  (con)

Đáp số: Trống : 18 con

Mái: 108 con

5)  $2m^2 7dm^2 > 27dm^2$

$4dm^2 99cm^2 < 5dm^2$

$63m^2 = 630\ 000cm^2$

$503cm^2 = 5dm^2 3cm^2$

6)  $14km = 1400\ 000cm$

Độ dài quãng đường trên bản đồ :  $1400\ 000 : 100\ 000 = 14(cm)$

Đáp số: 14 cm

7.B

**ĐỀ SỐ 053**

**Bài 1.** Tính giá trị biểu thức:

a)  $481 : (21 + 16) \times 23$

b)  $39\ 150 : 54 + 9906 : 26$

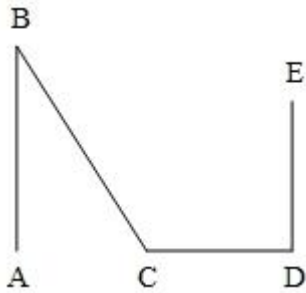
**Bài 2.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$$\frac{56}{84} = \frac{\dots\dots\dots}{3}; \frac{18}{\dots\dots\dots} = \frac{2}{5}; \frac{12}{21} = \frac{4}{\dots\dots\dots}; \frac{36}{\dots\dots\dots} = \frac{4}{10}$$

**Bài 3.** Trên hình vẽ sau:



- a) Đoạn thẳng nào song song với AB?  
 b) Đoạn thẳng nào vuông góc với ED?

**Bài 4.** Bố hơn con 30 tuổi. Tính tuổi của mỗi người, biết rằng tuổi bố gấp 4 lần tuổi con.

**Bài 5.** Viết tỉ số vào ô trống:

|                  |    |     |      |        |                 |
|------------------|----|-----|------|--------|-----------------|
| a                | 7  | 2dm | 9kg  | 14 giờ | 3m <sup>2</sup> |
| b                | 10 | 7dm | 15kg | 21 giờ | 8m <sup>2</sup> |
| Tỉ số của a và b |    |     |      |        |                 |
| Tỉ số của b và a |    |     |      |        |                 |

**Bài 6.** Đánh dấu (X) vào ô [...] trước câu trả lời đúng:

Khoảng cách giữa hai điểm trên bản đồ đo được 8cm. Bản đồ ghi tỉ lệ 1 : 10000. Khoảng cách của hai điểm đó trên mặt đất là:

- [A] 8m  
 [B] 800m  
 [C] 80000cm  
 [D] 8000cm

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 053

1) a)  $481 : (21 + 16) \times 23$   
 $= 481 : 37 \times 23$   
 $= 13 \times 23 = 299$

b)  $39150 : 54 + 9906 : 26$   
 $= 725 + 381$   
 $= 1106$

2)  $\frac{56}{84} = \frac{2}{3}$  ;  $\frac{18}{45} = \frac{2}{5}$  ;  $\frac{12}{21} = \frac{4}{7}$  ;  $\frac{36}{90} = \frac{4}{10}$

3) Đoạn song song với AB : ED ; đoạn vuông góc với ED : CD

4) Hiệu số phần bằng nhau :  $4 - 1 = 3$  (phần)

Số tuổi con là :  $30 : 3 = 10$  (tuổi)

Số tuổi bố là :  $10 \times 4 = 40$  (tuổi)

Đáp số : Bố: 40 tuổi, con: 10 tuổi

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Bài 5**

|                      |        |       |       |        |        |
|----------------------|--------|-------|-------|--------|--------|
| $a$                  | 7      | 2 dm  | 9 kg  | 14 giờ | $3m^2$ |
| $b$                  | 10     | 7 dm  | 15 kg | 21 giờ | $8m^2$ |
| Tỉ số của $a$ và $b$ | $7/10$ | $2/7$ | $3/5$ | $2/3$  | $3/8$  |
| Tỉ số của $b$ và $a$ | $10/7$ | $7/2$ | $5/3$ | $3/2$  | $8/3$  |

**6. B**

**ĐỀ SỐ 054**

**Bài 1.** Tìm  $x$ , biết:

a)  $x : 6 = 245$  (dư 3)      b)  $X \times 56 = 21504$

**Bài 2.** Viết chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

$9 + a = \dots + 9$        $m \times 1 = 1 \times \dots$

$(c + d) + 4 = c + (d + \dots)$        $n - n = \dots$

$0 + a = a + \dots = \dots$        $b - 0 = \dots$

**Bài 3.** Điền dấu thích hợp vào chỗ trống

|                                                                                                                                                 |   |                                           |                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"> <math>&gt;</math><br/> <math>&lt;</math><br/> <math>=</math> </div> | ? | $27 \times 11$ <input type="text"/> 297   | $63 \times 91$ <input type="text"/> $91 \times 63$ |
|                                                                                                                                                 |   | $100 \times 18$ <input type="text"/> 1900 | $1357 \times 0$ <input type="text"/> 310           |
|                                                                                                                                                 |   | $2400 : 10$ <input type="text"/> 204      | $83$ <input type="text"/> $83\,000 : 1000$         |

**Bài 4.** Hiệu của hai số là 42. Tỉ số của hai số đó là  $5/3$ . Tìm hai số đó.

**Bài 5.** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Số 80 604 có thể viết thành:

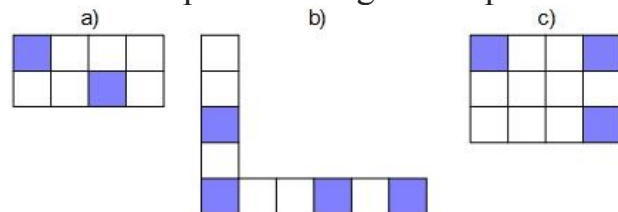
A.  $80\,000 + 600 + 60 + 4$

B.  $80\,000 + 60 + 4$

C.  $80\,000 + 600 + 4$

D.  $8000 + 600 + 4$

**Bài 6.** Viết phân số tối giản chỉ phần đã tô màu của mỗi hình sau:



**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 054**

1) a)  $x : 6 = 245 (du\ 3)$

$$x = 245 \times 6 + 3$$

$$x = 1473$$

2)  $9 + a = a + 9$

$$(c + d) + 4 = c + (d + 4)$$

$$0 + a = a + 0 = a$$

$$27 \times 11 = 297$$

$$100 \times 18 < 1900$$

$$2400 : 10 > 204$$

4) Hiệu số phần bằng nhau là :  $5 - 3 = 2$  (phần)

Số bé:  $42 : 2 \times 3 = 63$

Số lớn:  $63 + 42 = 105$

Đáp số: Số bé: 63

Số lớn: 105

5) C

6) a)  $\frac{1}{4}$  ; b)  $\frac{2}{5}$  ; c)  $\frac{1}{4}$

b)  $x \times 56 = 21504$

$$x = 21504 : 56$$

$$x = 384$$

$$m \times 1 = 1 \times m$$

$$n - n = 0$$

$$b - 0 = b$$

$$63 \times 91 = 91 \times 63$$

$$1357 \times 0 < 310$$

$$83 = 8300 : 100$$

**ĐỀ SỐ 055**

**Phần I: Trắc nghiệm (4 điểm)**

Mỗi bài tập dưới đây có kèm theo một số câu trả lời A, B, C, D (là đáp số, kết quả tính....).

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để  $15/21 = .../7$  là:

A. 21                      B. 15                      C. 7                      D. 5

2. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm để  $5m^2 8dm^2 = .....cm^2$  là:

A.  $58\ cm^2$               B.  $50800\ cm^2$               C.  $580\ cm^2$               D.  $5008\ cm^2$

3. Hình bình hành có diện tích là  $3/8m^2$ , chiều cao  $3/8m$ . Độ dài đáy của hình đó là:

A.  $3/8\ m$               B.  $9/4\ m$               C.  $1m$                       D.  $10m$

4. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 100 000, quãng đường từ A đến B đo được 1cm. Độ dài thật của quãng đường từ A đến B là:

A. 100 000m              B. 10 000m              C. 1000m                      D. 10m

5. Số chẵn lớn nhất có ba chữ số

A. 998                      B. 900                      C. 999                      D. 901

6. Số có bốn chữ số chia hết cho cả 3 và 5

A. 4000                      B. 3120                      C. 5675                      D. 5005

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

7. Trong các khoảng thời gian dưới đây, khoảng thời gian ngắn nhất là:

A. 900 giây    B. 2 phút    C. 2/5 phút .    D. 10 phút

8. Một hình thoi có độ dài hai đường chéo là 7cm và 16 cm. Hình thoi đó có diện tích là:

A. 23 cm<sup>2</sup>    B. 56 cm<sup>2</sup>    C. 112 cm<sup>2</sup>    D. 46 cm<sup>2</sup>

## **Phần II: Tự luận (6 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm): Đặt tính rồi tính**

A. 571200 - 289186

B. 428 x 275

C. 13498 : 32

**Câu 2 (2 điểm): Tìm x**

A.  $\frac{2}{9} + x = 1$

B.  $x + \frac{1}{2} = \frac{4}{5}$

**Câu 3 (2,5 điểm):** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 18m và chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài. Tính diện tích của mảnh vườn.

## **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 055**

### **I. TRẮC NGHIỆM**

1D    2B    3C    4C    5A    6B    7C    8B

### **II. TỰ LUẬN**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5 đ

A.  $571200 - 289186 = 282014$

B.  $428 \times 275 = 117700$

C.  $13498 : 32 = 421(\text{du } 26)$

2. A.  $\frac{2}{9} + x = 1$

$$x = 1 - \frac{2}{9}$$

$$x = \frac{9}{9} - \frac{2}{9} = \frac{7}{9}$$

$$B. x + \frac{1}{2} = \frac{4}{5}$$

$$x = \frac{4}{5} - \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{8}{10} - \frac{5}{10}$$

$$x = \frac{3}{10}$$

3) Hiệu số phần bằng nhau là :  $3 - 2 = 1(\text{phần})$

Chiều dài mảnh vườn:  $18 : 1 \times 3 = 54(m)$

Chiều rộng mảnh vườn:  $54 - 18 = 36(m)$

Diện tích mảnh vườn là :  $36 \times 54 = 1944(m^2)$

Đáp số:  $1944 m^2$

## **ĐỀ SỐ 056**

**Câu 1: (1 điểm).**

a) Phân số có giá trị bằng 1 là:

A.  $\frac{3}{3}$

B.  $\frac{3}{2}$

C.  $\frac{3}{4}$

D.  $\frac{7}{2}$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

b) Phân số có giá trị bé hơn 1 là:

- A.  $\frac{9}{8}$                       B.  $\frac{9}{9}$                       **C.  $\frac{8}{9}$**                       D.  $\frac{8}{8}$

**Câu 2: (1 điểm).**

a) Phân số  $\frac{25}{100}$  rút gọn được phân số:

- A.  $\frac{5}{10}$                       B.  $\frac{10}{20}$                       C.  $\frac{2}{8}$                       **D.  $\frac{1}{4}$**

b) Phân số gấp 4 lần phân số  $\frac{3}{8}$  là:

- A.  $\frac{12}{32}$                       **B.  $\frac{12}{8}$**                       C.  $\frac{3}{32}$                       D.  $\frac{7}{8}$

**Câu 3: (1 điểm).**

a) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của  $15\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$  là:

- A. 150                      **B. 150 000**                      C. 15 000                      D. 1500

b) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 3 tấn 5 tạ = ..... kg là:

- A. 3500**                      B. 3005                      C. 350                      D. 305

**Câu 4: (1 điểm)** Một tổ có 12 bạn, trong đó có 5 bạn nữ. Tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ của tổ đó là:

- A.  $\frac{5}{12}$                       B.  $\frac{7}{12}$                       **C.  $\frac{7}{5}$**                       D.  $\frac{5}{7}$

**Câu 5: (1 điểm)** Giá trị của biểu thức  $36576 : (4 \times 2) - 3708$  là :

- A. 863                      **B. 864**                      C. 846                      D. 854

**Câu 6 : (1 điểm)** Giá trị của biểu thức  $\frac{9}{16} - \frac{3}{16} : \frac{3}{8}$  là:

- A.  $\frac{15}{16}$                       B. 1                      C.  $\frac{5}{16}$                       **D.  $\frac{1}{16}$**

**Câu 7 : (1 điểm)** Một tấm kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 18cm và 30cm. Tính diện tích tấm kính đó.

- A. 270cm<sup>2</sup>**                      B. 270 cm                      C. 540cm<sup>2</sup>                      D. 54cm<sup>2</sup>

**Câu 8: (1 điểm)** Tìm x, biết:

b)  $\frac{3}{5} : x = 3$

b)  $x : 52 = 113$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

[illegible]

**Câu 9: (1 điểm) Tính:**

b)  $\frac{1}{5} + \frac{4}{11} + \frac{4}{5} + \frac{7}{11}$

b)  $\frac{5}{6} + (\frac{5}{9} - \frac{1}{4})$

[illegible]

**Câu 10:** (1 điểm). Tổng hai số bằng số nhỏ nhất có ba chữ số, số bé bằng  $\frac{2}{3}$  số lớn. Tìm hai số đó.

**Bài giải.**

[illegible]

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

[illegible]

Hết

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 056

|               |           |           |           |           |           |           |          |          |          |          |
|---------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|----------|----------|----------|
| <b>Câu</b>    | <b>1a</b> | <b>1b</b> | <b>2a</b> | <b>2b</b> | <b>3a</b> | <b>3b</b> | <b>4</b> | <b>5</b> | <b>6</b> | <b>7</b> |
| <b>Đáp án</b> | A         | C         | D         | B         | B         | A         | C        | B        | D        | A        |
| <b>Điểm</b>   | 0,5       | 0,5       | 0,5       | 0,5       | 0,5       | 0,5       | 1,0      | 1,0      | 1,0      | 1,0      |

**Câu 8:** (1 điểm) Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

a)  $\frac{3}{5} : x = 3$

b)  $x : 52 = 113$

$$x = \frac{3}{5} : 3$$

$$x = 113 \times 52$$

$$x = \frac{1}{5}$$

$$x = 5876$$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 9:** ( 1 điểm) Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

$$\text{a) } \frac{1}{5} + \frac{4}{11} + \frac{4}{5} + \frac{7}{11} = \left(\frac{1}{5} + \frac{4}{5}\right) + \left(\frac{4}{11} + \frac{7}{11}\right) = 1 + 1 = 2$$

$$\text{b) } \frac{5}{6} + (\frac{5}{9} - \frac{1}{4}) = \frac{5}{6} + (\frac{20}{36} - \frac{9}{36}) = \frac{5}{6} + \frac{11}{36} = \frac{30}{36} + \frac{11}{36} = \frac{41}{36}$$

**Câu 10** (1 điểm).

**Bài giải.**

Số nhỏ nhất có ba chữ số là 100. Vậy tổng hai số là 100. ( 0,2 điểm)  
Ta có sơ đồ:

Số bé:  100  
 Số lớn:   
 Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:  0,2 điểm  
 $2 + 3 = 5$  (phần)  
 Số bé là:  0,25 điểm  
 $100 : 5 \times 2 = 40$   
 Số lớn là:  0,25 điểm  
 $100 - 40 = 60$   
 Đáp số: số bé: 40  0,1 điểm  
 Số lớn: 60

***\*Lưu ý: Học sinh có thể vẽ sơ đồ hoặc không vẽ. HS làm cách khác hoặc lập luận, làm gộp mà đúng vẫn cho điểm tối đa.***

VD: Tìm số bé 100 :  $(2 + 3) \times 2 = 40$

**ĐỀ SỐ 057**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: ( 4 điểm)**

**1. (3đ)** Khoanh tròn chữ đặt trước câu trả lời đúng:

$$\frac{4}{7} = \frac{8}{\dots\dots\dots}$$

**a) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm để**

A. 7

B.14

C. 17

**b) Số thích hợp để điền vào chỗ chấm để 3 thế kỉ = ..... năm:**

A. 3

B . 30

C. 300

c) Chọn số thích hợp điền vào chỗ chấm:  $3\text{m}^2 4\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A. 304  
C.3.400

B. 340

**d)** Số thích hợp để điền vào chỗ chấm để  $\frac{1}{4}$  giờ = .... phút

A. 15

B. 20

C.25

**e)** Cho hình thoi có chiều dài hai đường chéo lần lượt là 15 cm và 2 dm thì diện tích của hình thoi đó là:

A.  $200 \text{ cm}^2$

B.  $150 \text{ cm}^2$

C.  $300 \text{ cm}^2$

**2. (1đ)** Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a)  $\frac{3}{4} \times \frac{3}{4} \times \frac{3}{4} \times \frac{3}{4} = \frac{3}{4} \times 5$  ☐

b)  $\frac{5}{8} = \frac{5 \times 6}{8 \times 6} = \frac{30}{48}$  ☐

**PHẦN TỰ LUẬN: ( 6 điểm ).**

**3. Tính (2đ)**

a)  $\frac{2}{7} + \frac{4}{3} =$

b)  $\frac{23}{15} - \frac{3}{5} =$

c)  $\frac{9}{4} \times \frac{5}{7} =$

d)  $\frac{4}{9} : \frac{2}{5} =$

**4. (1đ) a)** Tìm x :

$$x \times \frac{2}{5} = \frac{6}{7}$$

**b)** Tính giá trị biểu thức:

$$\frac{7}{6} + \frac{3}{2} + \frac{11}{6}$$

**5.(1Đ)** Cho hình bình hành với độ dài cạnh đáy là 7cm và chiều cao 9cm. Tính diện tích hình bình hành đó.

**6. (2đ)** Một trường tiểu học có 567 học sinh, số học sinh nam bằng  $\frac{4}{5}$  số học sinh nữ. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**ĐỀ SỐ 057**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1. a) B   b) C   c) A   d) A   e) B

2. a) S   b) Đ

**PHẦN TỰ LUẬN**

3) a)  $\frac{2}{7} + \frac{4}{3} = \frac{6}{21} + \frac{28}{21} = \frac{34}{21}$

b)  $\frac{23}{15} - \frac{3}{5} = \frac{23}{15} - \frac{9}{15} = \frac{14}{15}$

c)  $\frac{9}{4} \times \frac{5}{7} = \frac{45}{28}$

d)  $\frac{4}{9} : \frac{2}{5} = \frac{4}{9} \times \frac{5}{2} = \frac{20}{18} = \frac{10}{9}$

4) a)  $x \times \frac{2}{5} = \frac{6}{7}$

$x = \frac{6}{7} : \frac{2}{5}$

$x = \frac{6}{7} \times \frac{5}{2}$

$x = \frac{15}{7}$

b)  $\frac{7}{6} + \frac{3}{2} + \frac{11}{6}$

$= \frac{7}{6} + \frac{9}{6} + \frac{11}{6}$

$= \frac{27}{6} = \frac{9}{2}$

5) Diện tích hình bình hành :  $9 \times 7 = 63(cm^2)$     Đáp số:  $63cm^2$

6) Tổng số phần bằng nhau là :  $4 + 5 = 9$  (phần)

Số học sinh nữ là :  $567 : 9 \times 5 = 315$  (em)

Số học sinh nam là :  $567 - 315 = 252$  (em)

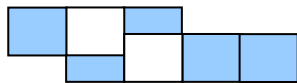
Đáp số: Nam : 252 em                      Nữ : 315 em

**ĐỀ SỐ 058**

**I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

**Câu 1:** Phân số chỉ phần đã tô màu trong hình dưới đây là:



A.  $\frac{2}{7}$

B.  $\frac{5}{7}$

C.  $\frac{6}{7}$

**Câu 2:** Phân số  $\frac{4}{3}$  bằng phân số:

A.  $\frac{10}{15}$

B.  $\frac{16}{12}$

C.  $\frac{8}{21}$

**Câu 3:** Kết quả của phép tính  $\frac{20}{11} - \frac{8}{11}$  là:

A.  $\frac{28}{11}$

B.  $\frac{12}{22}$

C.  $\frac{12}{11}$

**Câu 4:** Kết quả của phép tính  $\frac{5}{3} + \frac{1}{6}$  là:

A.  $\frac{6}{9}$

B.  $\frac{14}{9}$

C.  $\frac{11}{6}$

**Câu 5:** Thứ tự từ bé đến lớn trong các phân số  $\frac{5}{8}$ ;  $\frac{2}{8}$ ;  $\frac{9}{8}$  là:

A.  $\frac{2}{8}$ ;  $\frac{5}{8}$ ;  $\frac{9}{8}$

B.  $\frac{2}{8}$ ;  $\frac{9}{8}$ ;  $\frac{5}{8}$

C.  $\frac{5}{8}$ ;  $\frac{2}{8}$ ;  $\frac{9}{8}$

**Câu 6:** Số thích hợp để điền vào chỗ chấm 2 ngày = ... giờ là:

A. 48

B. 24

C. 120

**Câu 7:** Số thích hợp điền vào ô trống để  $5\text{m } 3\text{ cm} = \dots\text{cm}$  là:

A. 530

B. 503

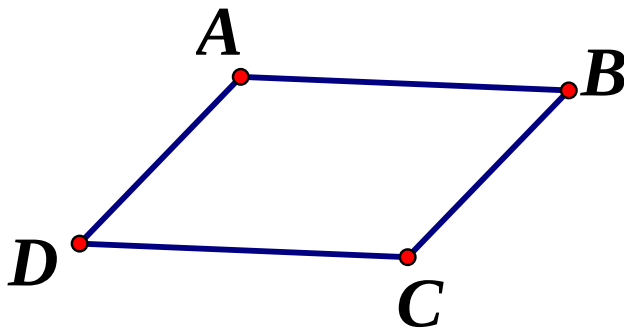
C. 53

**Câu 8:** Cho hình bình hành ABCD ( như hình vẽ bên), cạnh AD song song với cạnh:

A. AB

B. DC

C. BC



**Câu 9:** Một hình thoi có độ dài các đường chéo là 20 cm và 8cm. Diện tích hình thoi là:

A.  $140\text{cm}^2$

B.  $160\text{cm}^2$

C.  $80\text{cm}^2$

**Câu 10:** Tuổi ông và cháu cộng lại bằng 86 tuổi. Cháu kém ông 76 tuổi. Tuổi cháu là:

A. 5 tuổi

B. 10 tuổi

C. 20 tuổi

## II. PHẦN TỰ LUẬN:

**Bài 1:** Tính.

a)  $\frac{5}{3} : \frac{4}{5}$  .....

b)  $\frac{4}{5} + \frac{2}{7}$  .....

**Bài 2:** Tìm y

a)  $y : \frac{5}{7} = \frac{4}{9}$

b)  $\frac{7}{9} - y = \frac{5}{9}$

.....  
.....  
.....  
.....  
**Bài 3:** Có hai ô tô chở gạo, ô tô thứ nhất chở được 820 kg gạo. Ô tô thứ hai chở được nhiều hơn ô tô thứ nhất 130 kg gạo. Hỏi trung bình mỗi ô tô chở được bao nhiêu kg gạo ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
**Bài 4:** Viết tất cả các giá trị của x biết  $68 < x < 88$  và x chia hết cho 2 và 5.

TRƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 058

#### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Câu 1: Khoanh vào ý B ( 0,5 điểm )

Câu 2: Khoanh vào ý B ( 0,5 điểm )

Câu 3: Khoanh vào ý C ( 0,5 điểm )

Câu 4: Khoanh vào ý C ( 0,5 điểm )

Câu 5: Khoanh vào ý A ( 0,5 điểm )

Câu 6: Khoanh vào ý A ( 0,5 điểm )

Câu 7: Khoanh vào ý B ( 0,5 điểm )

Câu 8: Khoanh vào ý C ( 0,5 điểm )

Câu 9: Khoanh vào ý C ( 0,5 điểm )

Câu 10: Khoanh vào ý A ( 0,5 điểm )

#### II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Bài 1: Tính ( 1 điểm)**

a)  $\frac{5}{3} : \frac{4}{5} = \frac{25}{12}$  ( 0, 5 điểm )

b)  $\frac{4}{5} + \frac{2}{7} = \frac{28}{35} + \frac{10}{35} = \frac{38}{35}$  ( 0, 5 điểm )

**Bài 2:( 1 điểm) Tìm y**

- Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

a)  $y : \frac{5}{7} = \frac{4}{9}$

$$y = \frac{4}{9} \times \frac{5}{7}$$

$$y = \frac{20}{63}$$

b)  $\frac{7}{9} - y = \frac{5}{9}$

$$y = \frac{7}{9} - \frac{5}{9}$$

$$y = \frac{2}{9}$$

**Bài 2: ( 2,5 điểm )**

Bài giải:

Ô tô thứ hai chở được số kg gạo là:

$$820 + 130 = 690 \text{ ( kg )}$$

Trung bình mỗi ô tô chở được số kg gạo là:

$$(820 + 690) : 2 = 755 \text{ ( kg )}$$

Đáp số: 755 kg

} 0,75 điểm

} 1,5 điểm

} 0, 25 điểm

**Bài 3: ( 0,5 điểm )**

- HS tìm mỗi số đúng được 0,25 điểm

$$x = 70; 80$$

**ĐỀ SỐ 059**

**Câu 1: ( 1 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước ý có câu trả lời đúng nhất.**

a. Phân số nào sau đây lớn hơn 1 ?

A.  $\frac{6}{10}$

B.  $\frac{7}{7}$

C.  $\frac{3}{2}$

D.  $\frac{99}{100}$

b. Một lớp học có 3 học sinh nam và 7 học sinh nữ. Vậy phân số chỉ số học sinh nam so với tổng số học sinh cả lớp là:

A.  $\frac{3}{10}$

B.  $\frac{7}{10}$

C.  $\frac{3}{7}$

D.  $\frac{7}{3}$

c. Phân số nào sau đây bằng phân số  $\frac{3}{5}$  ?

A.  $\frac{3}{10}$

B.  $\frac{3}{2}$

C.  $\frac{9}{15}$

D.  $\frac{12}{20}$

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

d. Một đàn gà có tất cả 1200 con.  $\frac{4}{5}$  số gà là bao nhiêu con?

A. 450

B. 800

C. 900

D.960

**Câu 2: (1 điểm) Điền vào chỗ chấm:**

a.  $24 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

c.  $180 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{giờ}$

b.  $5 \text{ tạ } 20 \text{ yến} = \dots\dots\dots \text{kg}$

d.  $\frac{2}{3} \text{ ngày} = \dots\dots\dots \text{giờ}$

**Câu 3: (2 điểm) Tính:**

a.  $\frac{4}{7} + \frac{8}{7} \dots\dots\dots$

b.  $\frac{8}{9} - \frac{5}{7} \dots\dots\dots$

c.  $\frac{8}{15} \times \frac{5}{4} \dots\dots\dots$

d.  $\frac{86}{17} : \frac{43}{34} \dots\dots\dots$

**Câu 4: (1 điểm) Tìm X:**

a.  $X \times \frac{3}{8} = \frac{31}{3} - 4$

b.  $X : 5 = \frac{8}{7} + 2$

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**Câu 5: (1 điểm)**

a. Điền vào chỗ chấm  $\frac{4}{5} < \dots\dots < \frac{5}{6}$

b. Viết các số hoặc phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn  $1; \frac{5}{8}; \frac{3}{2}; \frac{5}{9} \dots\dots\dots$

**Câu 6: (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống sau:**

a. Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau. ☐

b. Phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì phân số đó bé hơn 1. ☐

**Câu 7: (1 điểm)**

Một hình thoi có kích thước hai đường chéo lần lượt là 100 cm và 120 cm. Tính diện tích hình thoi đó.

Bài giải.

.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Câu 8: (2 điểm)

Năm nay mẹ hơn con 20 tuổi. Tuổi con bằng  $\frac{1}{6}$  tuổi mẹ. Tính tuổi của mỗi người.

**Bài giải.**

Câu 9: Cho các số : 7435 ; 4568 ; 66811 ; 2229 ; 35766.

- a). Số nào chia hết cho 2 ? .....
- b). Số nào chia hết cho 5 ? .....
- c). Số nào chia hết cho 3 ? .....
- d). Số nào chia hết cho 9 ? .....

Câu 10: Một cửa hàng mua 30 kg gạo nếp và gạo tẻ, trong đó số gạo nếp bằng  $\frac{2}{3}$  số gạo của cả cửa hàng. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu ki-lô-gam? ( 2Đ)

Câu 11: Đổi

2 tấn 56 kg  2560 kg

3 m<sup>2</sup> 3 dm  303 dm<sup>2</sup>

1m<sup>2</sup> 27 cm<sup>2</sup>  1027 cm<sup>2</sup>

3giờ 30 phút  210 phút

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 059.**

**Câu 1: (1 điểm) HS khoanh đúng mỗi ý được 0,25 điểm.**

a. C.  $\frac{3}{2}$

c. C.  $\frac{9}{15}$

b. A.  $\frac{3}{10}$

d. D.960

Câu 2: :( 1điểm) Học sinh điền đúng mỗi ý được 0,25 điểm

a.  $24 \text{ km}^2 = \underline{24\,000\,000} \text{ m}^2$

c. 180 phút = 3 giây

b. 5 tạ 20 yến = 700 kg

d.  $\frac{2}{3}$  ngày = 16 giờ

Câu 3: (2điểm) HS tính đúng mỗi ý được 0,5 điểm

a.  $\frac{4}{7} + \frac{8}{7} = \frac{12}{7}$

b.  $\frac{8}{9} - \frac{5}{7} = \frac{56}{63} - \frac{45}{63} = \frac{11}{63}$

c.  $\frac{8}{15} \times \frac{5}{4} = \frac{40}{60} = \frac{2}{3}$

d.  $\frac{86}{17} : \frac{43}{34} = \frac{86}{17} \times \frac{34}{43} = 4$

Câu 4: (1 điểm) HS tính đúng mỗi ý được 0,5 điểm.

a.  $X \times \frac{3}{8} = \frac{31}{3}$

b.  $X : 5 = \frac{8}{7}$

$X = \frac{31}{3} : \frac{3}{8} \quad (0,25 \text{ đ})$

$X = \frac{8}{7} \times 5 \quad (0,25 \text{ đ})$

$X = \frac{248}{9} \quad (0,25 \text{ đ})$

$X = \frac{40}{7} \quad (0,25 \text{ đ})$

Câu 5: (1 điểm) Học sinh điền kết quả đạt yêu cầu mỗi ý được 0,5 điểm

a. Gồm một trong các phân số :  $\frac{49}{60} ; \frac{73}{90} ; \frac{74}{90} \dots$

b.  $\frac{5}{9} ; \frac{5}{8} ; 1 ; \frac{3}{2}$

Câu 6: (1 điểm) HS điền đúng mỗi chỗ trống được 0,5 điểm.

a.  $\boxed{\text{Đ}}$

b.  $\boxed{\text{S}}$

Câu 7: (1 điểm)

Bài giải

Diện tích hình thoi đó là:  $(0,25 \text{ đ})$

$(100 \times 120) : 2 = 6\,000 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ đ})$

Đáp số:  $6\,000 \text{ cm}^2 \quad (0,25 \text{ đ})$

Câu 8: (2 điểm)

Bài giải

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là: **(0,25 điểm)**

$$6-1=5 \text{ (Phần)} \quad \textbf{(0,25 điểm)}$$

Tuổi của con là: **(0,25 điểm)**

$$20 : 5 = 4 \text{ (tuổi)} \quad \textbf{(0,25 điểm)}$$

Tuổi của cha là: **(0,25 điểm)**

$$20 + 4 = 24 \text{ (tuổi)} \quad \textbf{(0,25 điểm)}$$

Hoặc  $(20 : 5) \times 6 = 24 \text{ (tuổi)}$

Đáp số : Con 4 tuổi

Mẹ 24 tuổi

**ĐỀ SỐ 060**

Câu I: ( 1 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước ý có câu trả lời đúng nhất.

1. Phân số nào sau đây không bằng phân số  $\frac{3}{5}$ ?

A.  $\frac{6}{10}$

B.  $\frac{4}{6}$

C.  $\frac{9}{15}$

D.  $\frac{12}{20}$

2. Phân số nào sau đây lớn hơn 1 ?

A.  $\frac{6}{10}$

B.  $\frac{7}{7}$

C.  $\frac{3}{2}$

D.  $\frac{99}{100}$

3. Có 3 viên bi màu xanh và 7 viên bi màu đỏ vậy phân số chỉ số viên bi màu xanh so với tổng số viên bi là:

A.  $\frac{3}{10}$

B.  $\frac{7}{10}$

C.  $\frac{3}{7}$

D.  $\frac{7}{3}$

4. Một đàn gà có tất cả 1200 con.  $\frac{4}{5}$  số gà là bao nhiêu con?

A. 450

B. 800

C. 900

D. 960

Câu II( 1đ)

Điền vào chỗ chấm:

a.  $15 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

b. 3 giờ 5 phút =  $\dots\dots\dots$  phút

c. 2 tấn 20 yến =  $\dots\dots\dots$  tạ

d.  $\frac{2}{3}$  ngày =  $\dots\dots\dots$  giờ

Câu III ( 1 đ)

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

Trên bản đồ tỉ lệ 1:1000000 nếu

a. Đoạn thẳng trên bản đồ dài 5 cm thì độ dài thật là 5 km ☐ ☐

. Độ dài thật là 20 km thì trên bản đồ đoạn thẳng dài 2 cm ☐ ☐

Câu IV ( 1 đ)

Tìm X biết:

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

a.  $X \times \frac{3}{8} = \frac{31}{3}$

b.  $X: 5 = \frac{8}{7}$

Câu V( 1 đ)

Một ô cửa sổ hình thoi có kích thước hai đường chéo lần lượt là 117 cm và 172 cm. Tính diện tích ô cửa sổ đó.

Câu VI(2 đ)

Tính:( Thực hiện các bước tính)

a.  $\frac{4}{7} + \frac{8}{7}$

b.  $\frac{8}{9} - \frac{5}{7}$

c.  $\frac{8}{15} \times \frac{5}{4}$

d.  $\frac{86}{17} : \frac{43}{34}$

Câu VII.(2 đ)

Năm nay cha hơn con 26 tuổi. Tuổi con bằng tuổi  $\frac{3}{16}$  cha.Tính tuổi mỗi người.

Câu VIII( 1 đ)

a. Viết các số hoặc phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn  $1; \frac{5}{8}; \frac{3}{2}; \frac{5}{9}$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

b. Điền vào chỗ chấm  $\frac{4}{5} < \dots < \frac{5}{6}$

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 060**

Câu I

Hs khoanh đúng mỗi ý được 0,5 điểm.

a. Ý B.  $\frac{4}{6}$

c. A.  $\frac{3}{10}$

b. C.  $\frac{3}{2}$

d. D. 960

Câu II

Học sinh điền đúng mỗi ý được 0,25 điểm

a.  $15 \text{ km}^2 = \dots \underline{15000} \text{ m}^2$

b. 3 giờ 5 phút =  $\dots \underline{185} \dots$  phút

c. 2 tấn 20 yến =  $\underline{22}$  tạ

d.  $\frac{2}{3}$  ngày =  $\dots \underline{16} \dots$  giờ

Câu III

Học sinh ghi đúng mỗi ý được 0,5 điểm

a.

b.

Câu IV

a.  $X \times \frac{3}{8} = \frac{31}{3}$

b.  $X : 5 = \frac{8}{7}$

$X = \frac{31}{3} : \frac{3}{8} \quad (0,25 \text{ đ})$

$X = \frac{8}{7} \times 5 \quad (0,25 \text{ đ})$

$X = \frac{248}{9} \quad (0,25 \text{ đ})$

$X = \frac{40}{7} \quad (0,25 \text{ đ})$

Câu V

Bài giải

Diện tích ô cửa đó là:  $(0,25 \text{ đ})$

$(117 \times 172) = 10062 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ đ})$

Đáp số:  $10062 \text{ cm}^2 \quad (0,25 \text{ đ})$

Câu VI Làm đúng mỗi ý được 0,5 điểm

a.  $\frac{4}{7} + \frac{8}{7} = \frac{12}{7}$

b.  $\frac{8}{9} - \frac{5}{7} = \frac{56}{63} - \frac{45}{63} = \frac{11}{63}$

c.  $\frac{8}{15} \times \frac{5}{4} = \frac{40}{60} = \frac{2}{3}$

d.  $\frac{86}{17} : \frac{43}{34} = \frac{86}{17} \times \frac{34}{43} = 4$

(không bắt buộc rút gọn)

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

Câu VII

Bài giải

Hiệu số phần bằng nhau là: (0,25 điểm)

$16 - 3 = 13$  (Phần) (0,5 điểm)

Tuổi con là: (0,25 điểm)

$(26 : 13) \times 3 = 6$  (tuổi) (0,5 điểm)

Tuổi của cha là: (0,25 điểm)

$26 + 6 = 32$  (tuổi) (0,25 điểm)

Hoặc  $(26 : 13) \times 16 = 32$  (tuổi)

Đáp số : Con 6 tuổi

Cha 32 tuổi

Câu VIII

Học sinh điền kết quả đạt yêu cầu mỗi ý được 0,5 điểm

a.  $\frac{5}{9}$ ;  $\frac{5}{8}$ ; 1;  $\frac{3}{2}$

b. Gồm một trong các phân số :  $\frac{49}{60}$ ;  $\frac{73}{90}$ ;  $\frac{74}{90}$  ...

# TUYỂN TẬP

60 ĐỀ THI HỌC KỲ II LỚP 5 – MÔN TOÁN

Tập 02: 031-060

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sdt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**



*hokhaulu*

**Tam Kỳ-Quảng Nam, tháng 02-2019**

**ĐỀ SỐ 031**

Mỗi bài tập sau có các câu trả lời A; B; C; D. Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

**Câu 1(0,5đ):** Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng nào? **M1**

A. Hàng nghìn

B. Hàng phần mười

C. Hàng phần trăm

D. Hàng phần nghìn

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 2(1đ):** Phân số  $\frac{4}{5}$  viết dưới dạng số thập phân là? **M2**

- A. 4,5                      B. 8,0                      C. 0,8                      D. 0,4

**Câu 3(0,5đ):**  $0,5\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$ . Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là: **M1**

- A. 5,000                      B. 50                      C. 500                      D. 5000

**Câu 4(1đ):** Kết quả của phép tính: 10 giờ 15 phút - 5 giờ 30 phút là: **M2**

- A. 5 giờ 15 phút                      B. 5 giờ 45 phút  
C. 4 giờ 45 phút                      D. 4 giờ 15 phút

**Câu 5(1đ):** Một đội bóng thi đấu 20 trận, thắng 19 trận. Như thế tỉ số phần trăm của các trận thắng của đội bóng là: **M2**

- A. 19%                      B. 85%                      C. 90%                      D. 95%

**Câu 6(1đ):** Một cái hộp giấy hình hộp chữ nhật không nắp có chiều dài 25cm, chiều rộng 15cm, chiều cao 10cm. Diện tích giấy làm hộp đó là (mép dán không đáng kể): **M3**

- A.  $3750\text{cm}^2$                       B.  $800\text{cm}^2$                       C.  $1170\text{cm}^2$                       D.  $1175\text{cm}^2$

**Câu 7(1đ):** Một hồ nước hình lập phương có cạnh 1,5m và đổ đầy nước thì có bao nhiêu lít nước? ( $1\text{dm}^3 = 1\text{lít}$ ) **M3**

- A. 3,375 lít                      B. 337,5 lít                      C. 3375 lít                      D. 33750 lít

**Câu 8(1đ):** Đặt tính và tính: **M2**

- a.  $74,625 - 8,39$                       b.  $8,216 : 5,2$

.....

.....

.....

.....

.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 9 (2đ):** Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 7 giờ và đến tỉnh B lúc 11 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 56 km/giờ và nghỉ ở dọc đường mất 15 phút. Tính quãng đường AB.

M3.....

**Câu 10 (1đ):** Một đất hình mảnh đất hình tam giác có cạnh đáy 35m. Nếu kéo dài cạnh đáy thêm 5m thì diện tích sẽ tăng thêm  $41\text{m}^2$ . Tính diện tích đám đất lúc chưa kéo dài cạnh đáy. **M4**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 31**

Câu 1: 0,5 điểm. Khoanh vào D

Câu 2: 1 điểm. Khoanh vào C

Câu 3: 0,5 điểm. Khoanh vào D

Câu 4: 1 điểm. Khoanh vào C

Câu 5: 1 điểm. Khoanh vào D

Câu 6: 1 điểm. Khoanh vào D

Câu 7: 1 điểm. Khoanh vào C

Câu 8: 1 điểm.

Đặt đúng và tính đúng kết quả mỗi câu 0,5 điểm.

KQ: a. 66,235 ; b. 1,58.

Câu 9: 2 điểm.

- Tính được thời gian đi từ A đến B được 1 điểm.

- Tính được quãng đường AB được 1 điểm.

*Thời gian người đó đi từ A đến B không kể nghỉ là:*

$11 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 7 \text{ giờ} - 15 \text{ phút} = 4 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 4,5 \text{ giờ}.$

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Quãng đường AB là:  $56 \times 4,5 = 252 \text{ (km)}$

Đáp số: 252km

Câu 10: Tính được chiều cao mảnh đất được 0,5 điểm.

Tính được diện tích mảnh đất ban đầu được 0,5 điểm

Chiều cao mảnh đất ban đầu là:  $41 \times 2 : 5 = 16,4 \text{ (m)}$

Diện tích mảnh đất ban đầu là:  $35 \times 16,4 : 2 = 287 \text{ (m}^2\text{)}$

Đáp số:  $287 \text{m}^2$

### ĐỀ SỐ 032

**I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM:** *Hãy khoanh vào chữ cái trước ý đúng:*

**Câu 1:** Chữ số 3 trong số 382,53 có giá trị là:

- A. 3 đơn vị.      B. 3 phần trăm.      C. 3 chục      D. 3 phần mười

**Câu 2:** Hỗn số  $4 \frac{3}{5}$  được viết dưới dạng phân số là:

- A.  $\frac{23}{5}$ .      B.  $\frac{25}{3}$ .      C.  $\frac{13}{10}$ .      D.  $\frac{13}{5}$

**Câu 3:**  $5840 \text{g} = \dots \text{Kg}$  ? Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 58,4kg .      B. 5,84kg .      C. 0,584kg      D. 0,0584kg

**Câu 4:** 25% của một số là 75 vậy số đó là:

- A. 18,75      B. 25,100      C. 300      D. 75

**Câu 5:** Khoảng thời gian từ lúc 8 giờ kém 15 phút đến 8 giờ 30 phút là:

- A. 15 phút.      B. 20 phút.      C. 35 phút.      D. 45 phút.

**Câu 6:** Một trường tiểu học có 260 học sinh nam và 320 học sinh nữ. Hỏi số học sinh nam bằng bao nhiêu phần trăm số học sinh nữ ?

- A. 0,81%;      B. 81,25%;      C. 8125%;      D. 12,30%.

**Câu 7:** Hình lập phương có cạnh là 4m. Vậy thể tích hình đó là:

- A.  $64 \text{ m}^3$ ;      B.  $16 \text{ m}^3$ ;      C.  $12 \text{ m}^3$ ;      D.  $96 \text{ m}^3$ .

**Câu 8:** (0,5 điểm) Kết quả của phép trừ:  $35,2 - 30,12$  là:

- A. 0,12      B. 5,80      C. 5,08      D. 0,08

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Câu 9:** Viết các số 4,5 ; 4,25 ; 4,52 ; 4,205 theo thứ tự từ bé đến lớn:

- A. 4,5 ; 4,25 ; 4,52 ; 4,205                      B. 4,5 ; 4,205 ; 4,25 ; 4,52;  
C. 4,25 ; 4,205; 4,52; 4,5                      D. 4,205; 4,25 ; 4,5 ; 4,52

**Câu 10:** Cho hình tam giác có cạnh đáy dài 4cm, chiều cao 2,5 cm.

Diện tích hình tam giác đó là:

- A. 5 cm<sup>2</sup> ;      B. 10 cm<sup>2</sup> ;      C. 13cm<sup>2</sup> ;      D. 6,5 cm<sup>2</sup>.

**Câu 11:** số thập phân gồm 3 đơn vị và 7 phần mười đơn vị được viết là:

- A. 3,07 ;      B. 3,7 ;      C. 37,10 ;      D. 30,7

**Câu 12:**  $237,5 \text{ m}^2 = \dots\dots \text{ dm}^2$ :

- A. 23,75m<sup>2</sup> ;      B. 2,0375 m<sup>2</sup> ;      C. 2,375 m<sup>2</sup> ;      D. 23750 m<sup>2</sup>

**Câu 13:** 6 giờ 30 phút – 4 giờ 45 phút = .... ?:

- A. 1 giờ 45 phút ;      B. 2 giờ 45 phút ;      C. 1 giờ 15 phút;      D. 1 giờ 75 phút.

**Câu 14:**  $21 \text{ m}^3 = \dots \text{ dm}^3$ :

- A. 210m<sup>3</sup> ;      B. 2100 m<sup>3</sup> ;      C. 21 000 m<sup>3</sup> ;      D. 2,100 m<sup>3</sup>.

## II/ PHẦN TỰ LUẬN

**Câu 15:** Tìm x, biết:    a)  $34,8 : x = 7,2 + 2,8$                       b)  $\frac{1}{2} \times x = 12$

**Câu 16:** Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48 km/giờ và nghỉ dọc đường mất 15 phút. Tính độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B.

**Câu 17:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng 90m.

a) Tính diện tích thửa ruộng.

b) Người ta trồng lúa trên thửa ruộng, trung bình cứ 100m<sup>2</sup> thu được 15kg thóc.

Hỏi trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc?

### **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 032**

Môn: Toán

| Câu    | 1   | 2   | 3   | 4   | 5   | 6   | 7   | 8   | 9   | 10  | 11  | 12  | 13  | 14  |
|--------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Ý đúng | B   | A   | B   | C   | D   | B   | A   | C   | D   | A   | B   | D   | A   | C   |
| Điểm   | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |

**Câu 15:** Tìm y, biết: (1 điểm)

a)  $34,8 : x = 7,2 + 2,8$

b)  $\frac{1}{2} x x = 12$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

|                                                  |                                    |
|--------------------------------------------------|------------------------------------|
| $34,8 : y = 10$<br>$x = 34,8 : 10$<br>$x = 3,48$ | $x = 12 : \frac{1}{2}$<br>$x = 24$ |
|--------------------------------------------------|------------------------------------|

**Câu 16:** (1,0 điểm)

Bài giải

Thời gian ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B là: (0,25đ)

10 giờ 45 phút – 6 giờ = 4 giờ 45 phút

Thời gian ô tô thực đi : (0,25đ)

4 giờ 45 phút – 15 phút = 4 giờ 30 phút

*Đổi : 4 giờ 30 phút = 4,5 giờ*

Quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B là: (0,25đ)

$48 \times 4,5 = 216 \text{ (km)}$

Đáp số : 216 km (0,25đ)

**Câu 17:** (1,0 điểm)

Bài giải

a ) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là : (0,25 đ)

$120 \times 90 = 10800 \text{ (m}^2\text{)}$

b) Cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được số tấn thóc là: (0,25đ)

$10800 : 100 \times 15 = 1620 \text{ (kg)}$

$1620 \text{ (kg)} = 1,62 \text{ ( tấn)}$  (0,25đ)

Đáp số: a)  $10800\text{m}^2$ ; b) 1,62 tấn (0,25đ)

**ĐỀ SỐ 033**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 1:** Tìm phân số  $\frac{a}{b}$  thỏa mãn  $\frac{3}{7} < \frac{a}{b} < \frac{4}{7}$  :

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 2:** Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 6m, chiều rộng 5m, chiều cao 4m :

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 3:** Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé :  $\frac{8}{9}, \frac{8}{11}, \frac{9}{8}$

.....

.....

.....

**Câu 4 :** Xe máy đi quãng đường 1250m hết 2 phút. Tính vận tốc xe máy với đơn vị km/ giờ ?

.....

.....

.....

.....

**Câu 5 :** Viết số thập phân đúng vào chỗ trống

a. 18 ha 45 dam<sup>2</sup> =..... m<sup>2</sup>

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

b.  $777,1 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

c.  $712 \text{ yến} = \dots\dots\dots \text{kg}$

d.  $912 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{tấn}$

**Câu 6 :** Tìm x biết :  $x + 21,7 - 15,5 = 418,2 : 17$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 7 .** Một người đi xe máy từ A đến B lúc 6 giờ 45 phút với vận tốc 35 km/giờ. Sau đó vào lúc 8 giờ 15 phút một người đi ô tô cũng từ A đến B với vận tốc 50 km/giờ.

- a. Hỏi đến thời điểm mấy giờ thì ô tô đuổi kịp xe máy?
- b. Vị trí ô tô đuổi kịp xe máy cách A bao nhiêu km ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 8.** Một ô tô và một xe máy khởi hành cùng lúc và đi ngược chiều nhau. Ô tô đi từ A với vận tốc 48,5km/h. Xe máy đi từ B với vận tốc 33,5 km/h. Sau 1 giờ 30 phút ô tô và xe máy gặp nhau tại địa điểm C. Hỏi quãng đường AB dài bao nhiêu km ?

.....  
.....  
.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Câu 9. Một cửa hàng bán trái cây thu được 1800000 đồng. Tính ra số tiền lãi bằng 20% số tiền vốn bỏ ra. Hỏi tiền vốn để mua trái cây là bao nhiêu đồng?

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 033

1) Ta có  $\frac{3}{7} < \frac{a}{b} < \frac{4}{7}$  hay  $\frac{6}{14} < \frac{a}{b} < \frac{8}{14} \Rightarrow \frac{a}{b} = \frac{7}{14} = \frac{1}{2}$

2) Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật:  $[(6+5) \times 2] \times 4 = 88(m^2)$  Đáp số:  $88m^2$

Câu 3) Từ lớn đến bé:  $\frac{9}{8}; \frac{8}{9}; \frac{8}{11}$

Câu 4)  $1250m = 1,25km$   $2 \text{ phut} = \frac{1}{30}h$

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Vận tốc của xe máy là:  $1,25 : \frac{1}{30} = 37,5 (km / h)$

Đáp số: 37,5 km/h

Câu 5)

a)  $18ha\ 45dam = 184500m^2$

b)  $777,1m^3 = 777100dm^3$

c)  $712 yến = 7120kg$

d)  $912 kg = 0,912 tấn$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Câu 6

$$x + 21,7 - 15,5 = 418,2 : 17$$

$$x + 21,7 - 15,5 = 24,6$$

$$x = 24,6 + 15,5 - 21,7$$

$$x = 18,4$$

Câu 7.

a) Thời gian xe máy đi hơn ô tô là : 8 giờ 15 phút - 6 giờ 45 phút = 1 giờ 30 phút = 1,5h

Quãng đường xe máy đi trước ô tô là:  $35 \times 1,5 = 52,5(km)$

Thời gian ô tô đuổi kịp xe máy là:  $52,5 : (50 - 35) = 3,5$  (giờ)

Thời điểm lúc ô tô đuổi kịp xe máy là: 8 giờ 15 phút + 3,5 giờ = 11 giờ 45 phút

b) Lúc đó ô tô cách A:  $50 \times 3,5 = 175(km)$

Đáp số:      a) 11 giờ 45 phút                                      b) 175km

Câu 8

Số kilomet 1 giờ cả 2 xe đi là:  $48,5 + 33,5 = 82(km)$

1 giờ 30 phút = 1,5 giờ

Quãng đường AB dài là :  $82 \times 1,5 = 123(km)$

Đáp số: 123km

Câu 9.

Số % tiền cả vốn lẫn lãi:  $100\% + 20\% = 120\%$

Số tiền vốn mua trái cây là:  $1800000 : 120\% = 1\ 500\ 000$  (đồng)

Đáp số: 1500000 đồng

**ĐỀ SỐ 034**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 1:** (1 điểm)  $\frac{3}{4}$  được viết thành số thập phân là:

- A. 7,5      B. 0,075      C. 0,75      D. 7,50

**Câu 2:** (1 điểm) Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy  $\frac{1}{4}$  số viên bi có màu:.....

**Câu 3:** (1 điểm) 3 giờ 15 phút = .....,.....giờ

- A. 3,05 giờ      B. 3,15 giờ      C. 3,5 giờ      D. 3,25 giờ

**Câu 4:** Tính : (1 điểm)

a) 36 giờ 18 phút : 6 + 18 phút

b) 2 giờ 15 phút x 4 - 2 giờ 30 phút

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 5:** Tính: (1 điểm)

a.  $34,56 + 19,45$       b.  $67,6 - 40,9$       c.  $40,6 \times 6,7$       d.  $76,05 : 4,5$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
....

**Câu 6:** (1 điểm) Hình lập phương có cạnh là 6 cm. Vậy thể tích hình đó là: (1 điểm) M2

- A.  $216 \text{ m}^3$       B.  $36 \text{ cm}^3$       C.  $216 \text{ cm}^3$       D.  $144 \text{ cm}^3$

**Câu 7:** (1 điểm) Một hình vuông có chu vi là 48 cm. Tính diện tích hình vuông ấy ?

.....  
.....  
.....  
.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....  
...

**Câu 8:** (1 điểm) Lớp em có 14 học sinh nữ và 21 học sinh nam. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 9:** (1 điểm) Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng bể là : chiều dài 2,5 m , chiều rộng 2m, chiều cao 1,5 m. Khi bể không có nước người ta mở vòi nước cho chảy vào bể mỗi giờ được  $1,5 \text{ m}^3$  . Hỏi sau mấy giờ bể nước sẽ đầy ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 10:** (1 điểm) Một xe máy đi từ Quế Phong đến Nghi Lộc với vận tốc 35 km/giờ. Cùng lúc đó có một xe ô tô đi từ Nghi Lộc về Quế Phong với vận tốc 45 km/giờ. Biết khoảng cách giữa hai thành phố là 160 km. Hỏi:

- a) Sau mấy giờ xe máy và ô tô gặp nhau ?
- b) Khi hai xe gặp nhau, điểm gặp nhau cách huyện Quế Phong bao nhiêu ki-lô-mét ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

### **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 034**

- 1.  $C = 0,75$  (1đ)

2. Đỏ : (1đ)

3.  $D = 3,25$  giờ (1đ)

4. 6 giờ 21 phút (0,5 đ)

6 giờ 30 phút (0,5 đ)

5. a. **54,01**   b. **26,7**   c. **272,02**   d. **16,9** (mỗi kết quả đúng 0,25 đ)

6.  $C = 216 \text{ cm}^3$  (1 đ)

7. Cạnh hình vuông là :  $48 : 4 = 12 \text{ (cm)}$  (0,5 đ)

Diện tích hình vuông là:  $12 \times 12 = 144 \text{ (cm}^2\text{)}$  (0,25 đ)

Đáp số:  $144 \text{ cm}^2$  (0,25 đ)

8. Tổng số học sinh của lớp em là:  $14 + 21 = 35$  (học sinh) (0,25 đ)

Số học sinh nữ chiếm là :  $14 : 35 \times 100 = 40\%$  (0,5 đ)

Đáp số: 40% (0,25 đ)

9. Thể tích bể nước là :  $2,5 \times 2 \times 1,5 = 7,5 \text{ (m}^3\text{)}$  (0,25đ)

Bể đầy nước sau thời gian là:  $7,5 : 1,5 = 5 \text{ (giờ)}$  (0,5 đ)

Đáp số: 5 giờ (0,25 đ)

10. Tổng vận tốc hai xe là :  $35 + 45 = 80 \text{ (km)}$  (0,25đ)

Hai xe gặp nhau sau một thời gian là :  $160 : 80 = 2 \text{ (giờ)}$  (0,25đ)

Khi hai xe gặp nhau thì cách huyện Quế Phong là:  $35 \times 2 = 70 \text{ (km)}$  (0,25 đ)

Đáp số: 2 giờ; 70 km (0,25 đ)

### **ĐỀ SỐ 035**

**Câu 1.( 1 điểm).**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

a) Phân số  $\frac{3}{4}$  viết dưới dạng số thập phân là :

- A. 0,34                                      B. 3,4                                      C. 0,75                                      D. 7,5

b) Chữ số 2 trong số thập phân 196,724 có giá trị là:

- A.  $\frac{2}{1000}$                                       B.  $\frac{2}{100}$                                       C.  $\frac{2}{10}$                                       D. 2

**Câu 2. ( 1 điểm).**

a) Hỗn số  $4\frac{5}{100}$  viết thành số thập phân là:

- A. 4,05                                      B. 4,005                                      C. 4,5                                      D. 45

b) Số thập phân 0,85 được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

- A. 8,5%                                      B. 850%                                      C. 0,85%                                      D. 85%

**Câu 3. ( 1 điểm)**

a) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của  $4\text{m}^3\ 21\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{m}^3$

- A. 4,0021 $\text{m}^3$                                       B. 4,021  $\text{m}^3$                                       C. 4,210 $\text{m}^3$                                       D. 4,0210 $\text{m}^3$

b) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 6 ngày 13 giờ = ..... giờ

- A. 154 giờ                                      B. 150 giờ                                      C. 144 giờ                                      D. 157 giờ

**Câu 4. ( 1 điểm )** Thể tích hình lập phương có cạnh 18cm là :

- A. 5832 $\text{cm}^3$                                       B. 5832 $\text{cm}^2$                                       C. 324  $\text{cm}^3$                                       D. 54 $\text{cm}^3$

**Câu 5. ( 1 điểm)** Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 8,5m; chiều rộng 6,5m; chiều cao 3,8m là:

- A. 114 $\text{m}^3$                                       B. 114 $\text{m}^2$                                       C. 18,5 $\text{m}^2$                                       D. 209,95 $\text{m}^2$

**Câu 6. ( 1 điểm )** Kết quả của phép tính  $15,36 : 6,4$  là :

- A. 2,49                                      B. 2,9                                      C. 2,4                                      D. 2,39

**Câu 7. ( 1 điểm )** Kết quả của biểu thức  $16,27 + 10 : 8$  là :

- A. 17,52                                      B. 18,27                                      C. 16,29                                      D. 17,25

**Câu 8. (1 điểm).** Tính giá trị của biểu thức.

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

a.  $101 - 0,36 : 3,6 \times 1,8 + 8,96$

b.  $4,5 : (3,58 + 4,42)$

Câu 9. (1 điểm). Tìm x:

a)  $3,75 : x = 15 : 10$

b)  $3,2 \times x = 22,4 \times 8$

Câu  
10. (1 điểm). Một mô tô đi từ A đến B hết 3 giờ với vận tốc 25km/ giờ. Hỏi cũng quãng đường AB, một ô tô chạy mất 1,5 giờ thì vận tốc của ô tô là bao nhiêu ?

Bài giải

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 035

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

| Câu        | 1a  | 1b  | 2a  | 2b  | 3a  | 3b  | 4   | 5   | 6   | 7   |
|------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Đáp án     | C   | B   | A   | D   | B   | D   | A   | B   | C   | A   |
| Thang điểm | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 1,0 |

**Câu 8. (1 điểm)** Mỗi ý đúng 0,5 điểm.

$$\begin{aligned}
 \text{a)} \quad & 101 - 0,36 : 3,6 \times 1,8 + 8,96 \\
 & = 101 - 2,6 \times 1,8 + 8,98 \\
 & = 101 - 4,68 + 8,96 \\
 & = 96,32 - 8,96 = 87,36
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{b)} \quad & 4,5 : (3,58 + 4,42) \\
 & = 4,5 : 8 \\
 & = 0,5625
 \end{aligned}$$

**Câu 9 (1 điểm).** Đúng mỗi ý được 0,5 điểm

$$\begin{aligned}
 \text{a)} \quad & 3,75 : x = 15 : 10 \\
 & 3,75 : x = 1,5 \\
 & x = 3,75 : 1,5 \\
 & x = 2,5
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{b)} \quad & 3,2 \times x = 22,4 \times 8 \\
 & 3,2 \times x = 179,2 \\
 & x = 179,2 : 3,2 \\
 & x = 56
 \end{aligned}$$

**Câu 10. (1 điểm)**

Bài giải

Quãng đường AB dài là:

$$25 \times 3 = 75 \text{ ( km )} \quad ( 0,25 \text{ điểm} )$$

Vận tốc của ô tô là:

$$75 : 1,5 = 50 \text{ ( km/giờ )} \quad ( 0,5 \text{ điểm } )$$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Đáp số : 50 km/ giờ ( 0,25 điểm)**

**ĐỀ SỐ 036**

Câu 1: Số 65,982 đọc là: (0,5 điểm)

- A. Sáu mươi lăm phẩy chín trăm hai tám.
- B. Sáu trăm năm mươi chín phẩy tám mươi hai.
- C. Sáu chục hai đơn vị phẩy chín trăm tám mươi lăm.
- D. Sáu mươi lăm phẩy chín trăm tám mươi hai.

Câu 2: Số Một nghìn không trăm linh ba phẩy sáu mươi bảy viết là: (0,5 điểm)

- A. 1103,67
- B. 1300,67
- C. 1003,67
- D. 1030,67

Câu 3: Phần thập phân của số thập phân 23,567 là: (0,5 điểm)

- A. 23
- B. 567
- C. 67
- D. 23,567

Câu 4: Trong số thập phân 34,2653 chữ số có giá trị ở hàng phần mười là số: (0,5 điểm)

- A. 2
- B. 3
- C. 6
- D. 5

Câu 5: Bốn bạn Bắc, Trung, Nam, Tây khi chuyển từ phân số thập phân ra số thập phân  $\frac{5}{10} = 0,5$  bạn nào thực hiện đúng cách: (0,5 điểm)

- A. Tây.  $5 : 10$
- B. Nam.  $5 \times 10$
- C. Trung.  $5 + 10$
- D. Bắc.  $5 - 10$

Câu 6: Trong các số thập phân sau, số nào lớn hơn số 12,014: (0,5 điểm)

- A. 12,012
- B. 12,015
- C. 012,013
- D. 12,006

Câu 7: Kết quả đúng của phép tính  $12,876 \times 10 =$  là: (0,5 điểm)

- A. 1287,6
- B. 1,2876
- C. 128,76
- D. 12876

Câu 8: Khi tính tỉ số phần trăm của 13 với 26 thì bạn nào thực hiện cách tính đúng: (0,5 điểm)

- A. Xuân làm:  $26 \times 13 : 100$ .
- B. Đông làm:  $13 - 26 : 100$ .
- C. Thu làm:  $13 : 26 : 100$ .
- D. Hạ làm:  $13 : 26 \times 100$ .

Câu 9: 45 phút bằng bao nhiêu giờ ? (0,5 điểm)

- A. 0,75 giờ.
- B. 750 giờ.
- C. 0,075 giờ.
- D. 0,57 giờ.

Câu 10: Diện tích hình chữ nhật có chiều dài  $a = 4\text{cm}$ , chiều rộng  $b = 1,2\text{cm}$  là: (0,5 điểm)

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

A.  $4,08 \text{ cm}^2$

B.  $4,8 \text{ cm}^2$

C.  $48 \text{ cm}^2$

D.  $8,4 \text{ cm}^2$

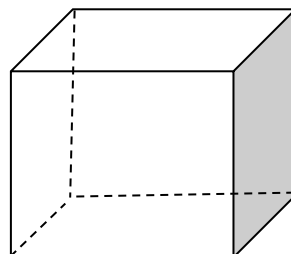
Câu 11: Thể tích hình lập phương có kích thước như hình sau là: (0,5 điểm)

A.  $110 \text{ cm}^2$

B.  $115 \text{ cm}^2$

C.  $125 \text{ cm}^2$

D.  $130 \text{ cm}^2$



$a = 5\text{cm}$

Câu 12: Trên một thửa ruộng hình chữ nhật có diện tích là  $120\text{m}^2$ . Người ta sử dụng một nửa diện tích đó để trồng lúa, phần còn lại trồng ngô.

a. Diện tích đất trồng lúa là bao nhiêu mét vuông ?.

b. Nếu cứ  $1\text{m}^2$  thì thu hoạch được  $10\text{kg}$  lúa, thì với diện tích trồng lúa như trên thì người ta thu được bao nhiêu ki-lô-gam lúa ?. (1,5 điểm)

Câu 13: Bạn Tuấn đi học từ nhà lúc 6 giờ và đi với vận tốc là  $15 \text{ km/giờ}$  thì đến trường lúc 6 giờ 45 phút. Hỏi đoạn đường từ nhà bạn Tuấn đến trường dài bao nhiêu ki-lô-mét ?. (2 điểm)

**Câu 14:** Mẹ hái được 30 quả cam, con hái được 15 quả cam. Hỏi số cam con hái được bằng bao nhiêu phần trăm số cam mẹ hái được ?. (1 điểm)

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 036**

**Môn: Toán**

|        |             |             |             |             |             |             |             |             |             |             |             |
|--------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Câu    | 1           | 2           | 3           | 4           | 5           | 6           | 7           | 8           | 9           | 10          | 11          |
| Ý đúng | D           | C           | B           | A           | A           | B           | C           | D           | A           | B           | C           |
| Điểm   | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm |

**Câu 12:** Trên một thửa ruộng hình chữ nhật có diện tích là  $120m^2$ . Người ta sử dụng một nửa diện tích đó để trồng lúa, phần còn lại trồng ngô.

a. Diện tích đất trồng lúa là bao nhiêu mét vuông?.

b. Nếu cứ  $1m^2$  thì thu hoạch được 10kg lúa, thì với diện tích trồng lúa như trên thì người ta thu được bao nhiêu ki-lô-gam lúa ?. (1,5 điểm)

Bài giải

Diện tích đất trồng lúa là: (0,5 điểm)

$$120 : 2 = 60 (m^2)$$

Người ta thu được số ki-lô-gam lúa là: (1 điểm)

$$60 \times 10 = 600 (kg)$$

Đáp số: 600 kg

**Câu 13:** *Bạn Tuấn đi học từ nhà lúc 6 giờ và đi với vận tốc là 15 km/giờ thì đến trường lúc 6 giờ 45 phút. Hỏi đoạn đường từ nhà bạn Tuấn đến trường dài bao nhiêu ki-lô-mét ?. (2 điểm)*

Bài giải

Thời gian Tuấn đi hết quãng đường là :

$$6 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 6 \text{ giờ} = 45 \text{ (phút)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

$$\text{Đổi } 45 \text{ phút} = 0,75 \text{ giờ} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Tuấn đến trường đoạn đường dài là:

$$15 \times 0,75 = 11,25(km) \quad (1 \text{ điểm})$$

Đáp số: 11,25 km

**Câu 14:** *Mẹ hái được 30 quả cam, con hái được 15 quả cam. Hỏi số cam con hái được bằng bao nhiêu phần trăm số cam mẹ hái được ?. (1 điểm)*

Bài giải

Số phần trăm cam con hái được là :

$$15 : 30 = 50\%$$

Đáp số: 50%

**ĐỀ SỐ 037**

**Câu 1:** Chữ số 5 trong số 162,57 chỉ: (0,5điểm)

- A. 5 đơn vị    B. 5 phần trăm    C. 5 chục    D. 5 phần mười

**Câu 2:** Số 2 được viết dưới dạng phân số là: (1 điểm)

- A.  $1/2$       B.  $2/2$       C.  $3/2$       D.  $4/2$

**Câu 3:**  $5840g = .... kg$  (0,5điểm)

- A. 58,4kg    B. 5,84kg    C. 0,584kg    D. 0,0584kg

**Câu 4:**                      5% của 120 là:

- A. 0,06                      B. 0,6                      C. 60                      D. 6

**Câu 5:** Khoảng thời gian từ lúc 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút là: (1 điểm)

- A. 10 phút    B. 20 phút    C. 30 phút    D. 40 phút

**Câu 6:** Một huyện có 320ha đất trồng cây cà phê và 480ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cây cao su bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng cây cà phê?: (1 điểm)

- A. 150%      B. 15%      C. 1500%      D. 105%

**Câu 7: Hình lập phương có cạnh là 5m. Vậy thể tích hình đó là: (2 điểm)**

- A.  $150 \text{ m}^3$     B.  $125 \text{ m}^3$     C.  $100 \text{ m}^3$     D.  $25 \text{ m}^3$

**Câu 8: Tìm y, biết: (1 điểm)**

a)  $34,8 : y = 7,2 + 2,8$

b)  $21,22 + 9,072 + 24,72 : 12 = y : 2$

[illegible]



|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### **ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 37**

Môn: Toán

| Câu    | 1           | 2         | 3           | 4         | 5         | 6         | 7         |
|--------|-------------|-----------|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Ý đúng | D           | D         | B           | D         | A         | B         | A         |
| Điểm   | 0,5<br>điểm | 1<br>điểm | 0,5<br>điểm | 1<br>điểm | 1<br>điểm | 1<br>điểm | 2<br>điểm |

**Câu 8:** Tìm y, biết: (1 điểm)

|                                                                               |                                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a) $34,8 : y = 7,2 + 2,8$<br>$34,8 : y = 10$<br>$y = 34,8 : 10$<br>$y = 3,48$ | b) $21,22 + 9,072 + 24,72 : 12 = y : 2$<br>$21,22 + 90,72 + 2,06 = y : 2$<br>$114 = y : 2$<br>$y = 114 \times 2$<br>$y = 228$ |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Câu 9:** Một người đi xe máy khởi hành từ A lúc 8 giờ 30 phút và đến B lúc 9 giờ 30 phút. Quãng đường AB dài 60km. Hãy tính vận tốc trung bình của xe máy với đơn vị đo là km/giờ ? (1điểm)

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Bài giải

Thời gian xe máy đi hết quãng đường AB là:

$$9 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 8 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 1 \text{ (giờ)}$$

Vận tốc trung bình của xe máy là:

$$60 : 1 = 60 \text{ (km/giờ)}$$

Đáp số: 60 km/giờ

**Câu 10:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có dài 120m, chiều rộng bằng 90m. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100m<sup>2</sup> thu được 15kg thóc. Tính:

a) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó ?

b) Trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ? (1 điểm)

a ) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là :

$$120 \cdot 90 = 10800 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được số tạ thóc là:  $10800 : 100 \cdot 15 = 1620 \text{ (kg)} = 1,62 \text{ (tấn)}$

**ĐỀ SỐ 038**

Đáp số: a) 10800m<sup>2</sup>; b) 1,62 tấn

**Khoanh tròn vào**

**chữ cái**

**trước ý trả lời đúng từ câu 1 đến câu 7.**

**Câu 1.(1 điểm).**

a) Phân số  $\frac{3}{4}$  viết dưới dạng số thập phân là :

A. 0,34

B. 3,4

**C. 0,75**

D. 7,5

b) Chữ số 2 trong số thập phân 196,724 có giá trị là:

- A.  $\frac{2}{1000}$                       B.  $\frac{2}{100}$                       C.  $\frac{2}{10}$                       D. 2

**Câu 2. (1 điểm).**

a) Hỗn số  $4\frac{5}{100}$  viết thành số thập phân là:

- A. 4,05                      B. 4,005                      C. 4,5                      D. 45

b) Số thập phân 0,85 được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

- A. 8,5%                      B. 850%                      C. 0,85%                      D. 85%

**Câu 3. (1 điểm)**

a) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của  $4\text{m}^3\ 21\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{m}^3$

- A.  $4,0021\text{m}^3$                       B.  $4,021\text{ m}^3$                       C.  $4,210\text{m}^3$                       D.  $4,0210\text{m}^3$

b) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 6 ngày 13 giờ =  $\dots\dots\dots$  giờ

- A. 154 giờ                      B. 150 giờ                      C. 144 giờ                      D. 157 giờ

**Câu 4. (1 điểm)** Thể tích hình lập phương có cạnh 18cm là :

- A.  $5832\text{cm}^3$                       B.  $5832\text{cm}^2$                       C.  $324\text{ cm}^3$                       D.  $54\text{cm}^3$

**Câu 5. (1 điểm)** Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 8,5m; chiều rộng 6,5m; chiều cao 3,8m là:

- A.  $114\text{m}^3$                       B.  $114\text{m}^2$                       C.  $18,5\text{m}^2$                       D.  $209,95\text{m}^2$

**Câu 6. (1 điểm)** Kết quả của phép tính  $15,36 : 6,4$  là :

- A. 2,49                      B. 2,9                      C. 2,4                      D. 2,39

**Câu 7. (1 điểm)** Kết quả của biểu thức  $16,27 + 10 : 8$  là :

- A. 17,52                      B. 18,27                      C. 16,29                      D. 17,25

**Câu 8. (1 điểm).** Tính giá trị của biểu thức.

a.  $101 - 0,36 : 3,6 \times 1,8 + 8,96$

b.  $4,5 : (3,58 + 4,42)$

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 9. (1 điểm).** Tìm x:

a)  $3,75 : x = 15 : 10$

b)  $3,2 \times x = 22,4 \times 8$

.....  
.....

..... **Câu**  
**10. (1 điểm).** Một mô tô đi từ A đến B hết 3 giờ với vận tốc 25km/ giờ. Hỏi cũng quãng đường AB, một ô tô chạy mất 1,5 giờ thì vận tốc của ô tô là bao nhiêu ?

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 38**

PHÒNG GD&ĐT

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KT CUỐI HKII**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

| Câu        | 1a  | 1b  | 2a  | 2b  | 3a  | 3b  | 4   | 5   | 6   | 7   |
|------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Đáp án     | C   | B   | A   | D   | B   | D   | A   | B   | C   | A   |
| Thang điểm | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 1,0 |

**Câu 8. (1 điểm)** Mỗi ý đúng 0,5 điểm.

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & 101 - 0,36 : 3,6 \times 1,8 + 8,96 \\ & = 101 - 2,6 \times 1,8 + 8,96 \\ & = 101 - 4,68 + 8,96 \\ & = 96,32 - 8,96 = 87,36 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b)} \quad & 4,5 : (3,58 + 4,42) \\ & = 4,5 : 8 \\ & = 0,5625 \end{aligned}$$

**Câu 9 (1 điểm).** Đúng mỗi ý được 0,5 điểm

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & 3,75 : x = 15 : 10 \\ & 3,75 : x = 1,5 \\ & x = 3,75 : 1,5 \\ & x = 2,5 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b)} \quad & 3,2 \times x = 22,4 \times 8 \\ & 3,2 \times x = 179,2 \\ & x = 179,2 : 3,2 \\ & x = 56 \end{aligned}$$

**Câu 10. (1 điểm)**

Bài giải

Quãng đường AB dài là:

$$25 \times 3 = 75 \text{ ( km ) } \quad ( 0,25 \text{ điểm} )$$

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Vận tốc của ô tô là:

$$75 : 1,5 = 50 \text{ ( km/giờ) } \quad ( 0,5 \text{ điểm } )$$

**Đáp số : 50 km/ giờ** ( 0,25 điểm)

### ĐỀ SỐ 039

#### Phần I: Trắc nghiệm (4 điểm)

*Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

**Câu 1:** Số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống  $2\text{m}^265\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$  là.

- A.  $20,65 \text{ m}^2$                       B.  $2,065\text{m}^2$                       C.  $2,0065\text{m}^2$                       D.  $2865\text{m}^2$

**Câu 2:** Cho biết  $9,7 \times 2 < 9,712$  vậy  $x$  là:

- A. 1                                      B. 2                                      C. 0                                      D. 3

**Câu 3:** Một hình lập phương có cạnh 5cm thể tích của hình lập phương đó là.

- A.  $125\text{cm}^3$                       B.  $105\text{cm}^3$                       C.  $115\text{cm}^3$                       D.  $135\text{cm}^3$

**Câu 4:** Số dư trong phép chia  $7,3 : 6$  (thương lấy đến hai chữ số) là.

- A. 4                      B. 0,4                      C. 0,004                      D. 0,04

**Câu 5:** Tìm số mà 20% của nó bằng 112

- A. 560                      B. 460                      C. 580                      D. 350

**Câu 6:** 7% của 250 là:

- A. 17                      B. 17,5                      C. 18                      D. 18,5

**Câu 7:**  $3\frac{3}{4}$  giờ = .... Phút?

- A. 235 phút                      B. 195 phút                      C. 215 phút                      D. 225 phút

**Câu 8:**  $18,5 \text{ ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$

- A.  $18500 \text{ m}^2$                       B.  $185000 \text{ m}^2$                       C.  $1850 \text{ m}^2$                       D.  $185\text{m}^2$

#### Phần II. Tự luận.(6 điểm)

**Câu 1:** Tìm X:

a)  $X - \frac{7}{12} = \frac{1}{3}$

b)  $X + \frac{31}{10} = 14,5 + \frac{12}{10}$

.....

.....

.....

**Câu 2:** Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a)  $1,47 \times 3,6 + 1,47 \times 6,4$

b)  $25,8 \times 1,02 - 25,8 \times 1,01$

.....

.....

.....

**Câu 3:**

Một người đi bộ từ A lúc 6 giờ với vận tốc 5km/giờ. Đến 8 giờ 30 phút, một người đi xe đạp cũng xuất phát từ A đuổi theo với vận tốc gấp 3 lần người đi bộ. Hỏi:

- a) Hai người gặp nhau lúc mấy giờ?  
b) Quãng đường từ điểm khởi hành đến chỗ gặp nhau dài mấy ki lô mét?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 039.**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Phần I: Trắc nghiệm. (4 điểm) Khoanh vào đúng mỗi câu ghi 0,5 điểm.**

Câu 1: Khoanh vào C

Câu 5: Khoanh vào A

Câu 2: Khoanh vào A

Câu 6: Khoanh vào B

Câu 3: Khoanh vào A

Câu 7: Khoanh vào D

Câu 4: Khoanh vào D

Câu 8: Khoanh vào B

**Phần II: Tự luận. ( 6 điểm)**

**Câu 1:** (2 điểm) Tính đúng mỗi câu ghi 1 điểm

$$a) X - \frac{7}{12} = \frac{1}{3}$$

$$X = \frac{1}{3} + \frac{7}{12}$$

$$X = \frac{11}{12}$$

$$b) X + \frac{31}{10} = 14,5 + \frac{12}{10}$$

$$X + 3,1 = 14,5 + 1,2$$

$$X + 3,1 = 15,7$$

$$X = 15,7 - 3,1$$

$$X = 12,6$$

**Câu 2:** ( 1 điểm) Tính đúng mỗi câu ghi 0,5 điểm.

$$a. 1,47 \times 3,6 + 1,47 \times 6,4 = 1,47 \times (3,6 + 6,4) \\ = 1,47 \times 10 = 14,7$$

$$b. 25,8 \times 1,02 - 25,8 \times 1,01 = 25,8 \times (1,02 - 1,01) \\ = 25,8 \times 0,01 = 0,258$$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 3:** (2 điểm ) Nêu đúng lời giải và làm đúng mỗi phép tính ghi 0,25 điểm. Ghi đúng đáp số ghi 0,5 điểm.

Giải.

Thời gian người đi bộ đi trước xe đạp là:

$$8 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 6 \text{ giờ} = 2 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 2,5 \text{ giờ}$$

Vận tốc của người đi xe đạp là:

$$5 \times 3 = 15 \text{ ( km/giờ)}$$

Quãng đường người đi bộ đi trong 2,5 giờ là:

$$5 \times 2,5 = 12,5 \text{ ( km)}$$

Thời gian để hai người gặp nhau là:

$$12,5 : (15-10) = 1,25 \text{ ( giờ)}$$

Hai người gặp nhau lúc:

$$6 \text{ giờ} + 2,5 \text{ giờ} + 1,25 \text{ giờ} = 9,75 \text{ ( giờ)} = 9 \text{ giờ } 45 \text{ phút.}$$

Quãng đường từ điểm khởi hành đến chỗ gặp nhau là:

$$15 \times 1,25 = 18,75 \text{ ( km)}$$

Đáp số: a) 9 giờ 45 phút.

b) 18,75 km.

**Câu 4:** (1 điểm)

Xe máy đi với vận tốc là.

$$15 : \frac{1}{2} = 30 \text{ (km/giờ)}$$

Đáp số: 30km/giờ

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

ĐỀ SỐ 040

Phần I: Trắc nghiệm

**Câu 1: ( 5,5 điểm ):** Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước các câu trả lời đúng:

- a. (0,5 điểm) Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng nào?  
A. Hàng nghìn      B. Hàng phần mười      C. Hàng phần trăm      D. hàng phần nghìn
- b. (0,5 điểm)  $24\text{m}^2 6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$   
A.  $240,6\text{m}^2$       B.  $24,06\text{m}^2$       C.  $24,006\text{m}^2$       D.  $24,6\text{m}^2$
- c. (0,5 điểm) Số thích hợp điền vào chỗ chấm của  $3\text{ m}^3 76\text{ dm}^3 = \dots\dots\dots\text{ m}^3$  là:  
A.  $3,76\text{ m}^3$       B.  $3,760\text{ m}^3$       C.  $37,6\text{ m}^3$       D.  $3,076\text{ m}^3$
- d. (0,5 điểm) Thể tích hình lập phương có cạnh 2,1 cm là:  
A.  $4,41\text{ cm}^3$       B.  $44,1\text{ cm}^3$       C.  $9,261\text{ cm}^3$       D.  $92,61\text{ cm}^3$
- e. (0,5 điểm) Một hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 64cm và 26, chiều cao 30 cm. Diện tích hình thang đó là:  
A. 2700cm      B.  $2700\text{cm}^2$       C. 1350cm      D.  $1350\text{cm}^2$
- g. (0,5 điểm) 25% của 240 là:  
A. 0,6      B. 60      C. 600      D. 6
- h. (1,0 điểm) Một lớp học có 18 nữ và 12 nam. Học sinh nam chiếm số phần trăm học sinh cả lớp là?  
A. 40%      B. 150%      C. 66%      D. 60
- i. (0,5 điểm) Một xe đạp đi được quãng đường dài 60 km hết 1,5 giờ. Vận tốc của xe đó là:  
A. 54 km/ giờ      B. 45 km/ giờ      C. 36 km/ giờ      D. 40 km/ giờ
- k. (1,0 điểm) Cho một số, nếu lấy số đó cộng với 0,75 rồi cộng với 0,25 được bao nhiêu đem cộng với 1, cuối cùng giảm đi 4 lần thì được kết quả bằng 12,5. Vậy số đó là:  
A. 48      B. 11,25      C. 1,175      D. 52

**Câu 2: (1,5 điểm)** Đúng ghi Đ, sai ghi S

- ☐ a. Kết quả phép tính  $605,26 + 217,3 = 822,56$
- ☐ b. Kết quả phép tính  $800,56 - 384,48 = 416,18$
- ☐ c. Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 5 dm, chiều rộng 4 dm, chiều cao 3 dm là:  $54\text{ dm}^2$

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

## Phần II. Tự luận (3điểm):

**Câu 1:** (1,0 điểm) Đặt tính rồi tính

a.  $45,06 \times 2,4$

b.  $88,02 : 5,4$

[illegible]

**Câu 2: (2 điểm)** Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 7 giờ 30 phút và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48km/giờ và nghỉ dọc đường 15 phút. Tính quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B.

## Bài giải

[illegible]

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 040

## Phần I: Trắc nghiệm

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 1:** (5,5 điểm)

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| a | b | c | d | e | g | h | i | k |
| D | B | A | C | D | B | A | D | B |

**Câu 2:** (1,5 điểm) thứ tự Đ; S; Đ

**Phần II. Tự luận** (3điểm):

**Câu 1:** (1,0 điểm)

Kết quả a. 108,144

b. 16,3

**Câu 2:** (2,0 điểm)

Bài giải

Thời gian ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B là:

$$10 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 7 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 15 \text{ phút} = 3 \text{ giờ}$$

Quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B là:

$$48 \times 3 = 144 \text{ (km)}$$

Đáp số: 144 km

**ĐỀ SỐ 041**

***Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng (từ Câu 1 đến Câu 4):***

**Câu 1.** (1đ) Biết 95% của một số là 475. Vậy  $\frac{1}{5}$  của số đó là :

A. 19

B. 95

C. 100

D. 500

**Câu 2.** (0,5đ) Số trung bình cộng của 2,4 ; 2,7 ; 3,5 và 3,8 là :

A. 12,4

B. 6,2

C. 3,1

D. 3,5

**Câu 3.** (0,5đ) **2kg 50g = ... .. g.** Số thích hợp điền vào chỗ chấm là :

A. 2500

B. 2050

C. 2005

D. 25000

**Câu 4.** (1đ) Một sân bóng được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000 là một hình chữ nhật có chiều dài 11cm, chiều rộng 9cm. Diện tích của sân bóng đó là :

A. 990m<sup>2</sup>

B. 9900m<sup>2</sup>

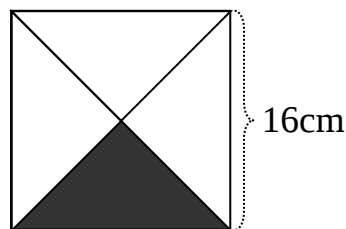
C. 99000m<sup>2</sup>

D. 9009m<sup>2</sup>

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

*Viết kết quả phù hợp vào chỗ chấm cho Câu 5 và Câu 6*

**Câu 5. (1đ)** Diện tích phần tô đậm trong hình vuông bên là :



**Câu 6. (1đ)** Một hình thang có đáy lớn 12cm, đáy bé 8cm và diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 10cm. Chiều cao của hình thang là : .....

**Câu 7. (1đ)** Tính :

|                                           |                                  |
|-------------------------------------------|----------------------------------|
| a) $7,14m^2 + 7,14m^2 + 7,14m^2 \times 3$ | b) $11,125 - 2,076 \times 3 : 2$ |
|                                           |                                  |
|                                           |                                  |
|                                           |                                  |
|                                           |                                  |
|                                           |                                  |

**Câu 8. (2đ)** Một xe máy đi từ A lúc 8 giờ 37 phút với vận tốc 36km/giờ. Đến 11 giờ 7 phút một ô tô cũng đi từ A đuổi theo xe máy với vận tốc 54km/giờ. Hỏi sau bao lâu thì ô tô đuổi kịp xe máy ?

Bài giải

---

---

---

---

---

---

---

**Câu 9. (1,5đ)** Một cái thùng không nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,5m, chiều rộng 0,6m và chiều cao 8dm. Người ta sơn mặt ngoài của thùng. Hỏi diện tích quét sơn là bao nhiêu mét vuông ?

Bài giải

**Câu 10. (0,5đ)** Rút gọn phân số  $\frac{505050}{606060}$

---

---

---

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 041**

1.D                  2.C                  3.B                  4.B                  5. $4cm^2$                   6.5cm

Câu 7

a)  $7,14m^2 + 7,14m^2 + 7,14m^2 \times 3 = 7,14m^2 \times 5 = 35,7m^2$

b)  $11.125 - 2,076 \times 3 : 2 = 11,125 - 6,228 : 2 = 11,125 - 3,114 = 8,011$

Câu 8

Số giờ xe máy đi trước ô tô là :  $11 \text{ giờ } 7 \text{ phút} - 8 \text{ giờ } 37 \text{ phút} = 2,5 \text{ (giờ)}$

Số kilomet xe máy đi trước ô tô là :  $36 \times 2,5 = 90(km)$

Thời gian ô tô đuổi kịp xe máy :  $90 : (54 - 36) = 5 \text{ (giờ)}$

Đáp số : 5 giờ

Câu 9)  $8dm = 0,8m$

Diện tích quét sơn là :  $(1,5 + 0,6) \times 2 \times 0,8 + 1,5 \times 0,6 = 4,26(m^2)$

Đáp số :  $4,26m^2$

Câu 10:  $\frac{505050}{606060} = \frac{50 \times 10101}{60 \times 10101} = \frac{50}{60} = \frac{5}{6}$

**ĐỀ SỐ 042**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

\* Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

**Câu 1: a) Giá trị của chữ số 8 trong số thập phân 123,789 thuộc hàng nào?**

A. Hàng nghìn;

C. Hàng phần trăm;

B. Hàng phần mười;

D. Hàng phần nghìn;

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

b) Phân số  $\frac{1}{4}$  được viết dưới dạng số thập phân là :

- A. 0,25                      B. 25                      C. 2,5                      D. 1,4

Câu 2: a) Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm :  $5m^2 25dm^2 = \dots\dots\dots m^2$

- A. 525                      B. 5,25                      C. 52,5                      D. 0,525

b)  $7816 \text{ kg} = \dots\dots\dots$  tấn. Số cần điền vào chỗ chấm là :

- A. 78,16                      B. 7816                      C. 7,816                      D. 781,6

Câu 3 : Hình tròn có đường kính là 8dm :

a) Bán kính hình tròn là :

- A. 4dm                      B.  $16dm^2$                       C.  $4dm^2$                       D.  $16dm^2$

b) Diện tích hình tròn là:

- A. 50,24dm                      B.  $5024dm^2$                       C.  $50,24dm^2$                       D. 50,24m

Câu 4: a) Số thập phân 0,75 được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là :

- A. 75%                      B. 750%                      C. 7,5%                      D. 0,75%

b) Lớp 5A có 30 học sinh trong đó có 9 học sinh giỏi. Hỏi số học sinh giỏi chiếm bao nhiêu phần trăm so với tổng số học sinh cả lớp ?

- A. 0,3%                      B. 30%                      C. 300%                      D. 33,33%

Câu 5: a) Một hình thang có tổng số đo của hai đáy là 8,6 m, chiều cao là 4m. Vậy hình thang có diện tích là :

- A.  $4,3 m^2$                       B.  $6,3m^2$                       C.  $17,2m^2$                       D.  $34,4m^2$

b) Một hình lập phương có diện tích toàn phần là  $150cm^2$ . Vậy hình lập phương đó có thể tích là :

- A.  $125 m^3$                       B.  $12,5cm^3$                       C. 125m                      D.  $125cm^3$

**B. PHẦN TỰ LUẬN:**

**Bài 1:** Đặt tính rồi tính:

a.  $245,25 + 675,39$

.....  
.....  
.....  
.....

b.  $72,5 - 46,37$

.....  
.....  
.....  
.....

c.  $126,5 \times 3,4$

.....  
.....  
.....  
.....

d.  $22,95 : 4,25$

.....  
.....  
.....  
.....

**Bài 2 :** Tìm x :

a.  $6 : x = 0,5$

.....  
.....

b.  $x - 36,2 = 72,9$

.....  
.....

**Bài 3:** Một ô tô đã đi từ tỉnh A lúc 7 giờ và đến tỉnh B lúc 11 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 46 km/ giờ và nghỉ dọc đường mất 15 phút. Tính độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B ?

**Bài giải:**

.....  
.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Bài 4: Tính nhanh

$$\frac{12,48 : 0,5 \times 6,25 \times 4 \times 2}{2 \times 3,12 \times 1,25 : 0,25 \times 10} =$$

Bài 5: Tính nhanh

a)  $18,85 \times 2010 - 65 \times 18,85 - 18,85 \times 945$

b)  $2,1 + 4,3 + 6,5 + 8,7 + \dots + 19,7 + 21,9$

----- Hết -----

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 42**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 5 điểm)**

**Khoanh vào mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm.**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

| Câu                | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    |
|--------------------|------|------|------|------|------|
| Khoanh vào chữ cái | a) C | a) B | a) A | a) A | a) C |
|                    | b) A | b) C | b) C | b) B | b) D |

**B. PHẦN TỰ LUẬN ( 5 điểm )**

**Bài 1:** ( 2 điểm): Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm

- a. 920,64                      b. 26,13  
c. 430,10                      d. 5,4

**Bài 2:** ( 1 điểm). Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm:

- a.  $x = 12$                       b.  $x = 109,1$

**Bài 3: ( 1 điểm)**

## Bài giải

Thời gian ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B kể cả thời gian nghỉ là :

11 giờ 45 phút – 7 giờ = 4 giờ 45 phút (0,25 điểm)

Thời gian ô tô thực đi là:

$$4 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 15 \text{ phút} = 4 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 4,5 \text{ giờ} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B là:

$$46 \times 4,5 = 207(\text{km}) \quad (0,5 \text{ điểm})$$

**Đáp số : 207 km**

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Bài 5: Tính nhanh (1điểm)**

$$\frac{12,48:0,5 \times 6,25 \times 4 \times 2}{2 \times 3,12 \times 1,25:0,25 \times 10} = \frac{12,48 \times 2 \times 6,25 \times 4 \times 2}{2 \times 3,12 \times 1,25 \times 4 \times 10} = \frac{4 \times 1 \times 5 \times 1 \times 1}{1 \times 1 \times 1 \times 1 \times 2} = \frac{2 \times 1 \times 5 \times 1 \times 1}{1 \times 1 \times 1 \times 1 \times 1} = 10$$

**ĐỀ SỐ 043**

Trắc nghiệm: (4 điểm)

Em hãy khoanh vào chữ cái trước ý đúng :

Câu 1: Chữ số 5 trong số 254.836 chỉ: (0,5điểm)

- A. 50 000                      B. 500 000                      C. 5 000                      D. 50 000 000

Câu 2: Phép trừ  $712,54 - 48,9$  có kết quả đúng là: (0,5điểm)

- A. 70,765                      B. 663,64                      C. 223,54                      D. 707,65

Câu 3: Lớp học có 32 học sinh số học nữ 12 . Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp (0,5điểm)

- A. 34,5                      B. 35,4                      C. 37,4                      D. 37,5

Câu 4: Giá trị của biểu thức:  $15 : 1,5 + 2,5 \times 0,2$  là: (0,5điểm)

- A. 1,05                      B. 15                      C. 10,05                      D. 10,5

Câu 5: 1 thế kỷ = .....năm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (0,5điểm)

- A. 100                      B. 300                      C. 250                      D. 200

Câu 6: Số thích hợp điền vào chỗ chấm để  $3\text{m}^2 5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$  là: (0,5điểm)

- A. 3,5                      B. 3,05                      C. 30,5                      D. 3,005

Câu 7: Số thích hợp điền vào chỗ chấm để  $3\text{tấn} 5\text{kg} = \dots\dots\dots$  tấn là: (1điểm)

- A. 30,5                      B. 30,05                      C. 3,005                      D. 3,05

Tự luận: (6 điểm)

Câu 8: Tìm x: (2 điểm)

a.)  $x + 15,5 = 35,5$

b.)  $x \times 1,8 = 72$

Câu 9: Tính: (2 điểm)

a) 6 giờ 32 phút + 3 giờ 5 phút

b) 33 phút 35 giây - 25 phút 22 giây

c) 5 phút 6 giây  $\times 5$

d) 30 phút 15 giây : 5

Câu 10: (2 điểm)

Một hình thang có đáy lớn 120dm, đáy bé 80dm, chiều cao 40dm. Tính diện tích hình thang đó.

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Bài giải:

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 043

### I. TRẮC NGHIỆM

1.A    2.B    3.D    4.D    5.A    6.B    7.C

### II. TỰ LUẬN

8) a)  $x + 15,5 = 35,5$

$$x = 35,5 - 15,5$$

$$x = 20$$

b)  $x \times 1,8 = 72$

$$x = 72 : 1,8$$

$$x = 40$$

9)

a) 6 giờ 32 phút + 3 giờ 5 phút = 9 giờ 37 phút

b) 33 giờ 35 phút – 25 phút 22 giây = 8 phút 13 giây

c) 5 phút 6 giây  $\times 5 = 25$  phút 30 giây

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

d) 30 phút 15 giây : 5 = 6 phút 3 giây

Câu 10.  $120\text{ dm} = 12\text{ m}$        $80\text{ dm} = 8\text{ m}$        $40\text{ dm} = 4\text{ m}$

Diện tích hình thang đó là:  $(12+8) \times 4 : 2 = 40(\text{m}^2)$

Đáp số:  $40\text{ m}^2$

### **ĐỀ SỐ 044**

**Câu 1: Chữ số 5 trong số 162,57 chỉ: (0,5 điểm)**

A. 5 đơn vị    B. 5 phần trăm    C. 5 chục    D. 5 phần mười

**Câu 2: Hỗn số  $2\frac{3}{5}$  được viết dưới dạng phân số là: (1 điểm)**

A.  $\frac{21}{5}$       B.  $\frac{25}{3}$       C.  $\frac{13}{10}$       D.  $\frac{13}{5}$

**Câu 3:  $5840\text{ g} = \dots \text{ kg}$  (0,5 điểm)**

A. 58,4kg    B. 5,84kg    C. 0,584kg    D. 0,0584kg

**Câu 4: Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy  $\frac{1}{5}$  số viên bi có màu: (1 điểm)**

A. Nâu      B. Đỏ      C. Xanh      D. Trắng

**Câu 5: Khoảng thời gian từ lúc 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút là: (1 điểm)**

A. 10 phút    B. 20 phút    C. 30 phút    D. 40 phút

**Câu 6: Một huyện có 320ha đất trồng cây cà phê và 480ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cây cao su bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng cây cà phê?: (1 điểm)**

A. 150%    B. 15%    C. 1500%    D. 105%

**Câu 7: Hình lập phương có cạnh là 5m. Vậy thể tích hình đó là: (1 điểm)**

A.  $150\text{ m}^3$     B.  $125\text{ m}^3$     C.  $100\text{ m}^3$     D.  $25\text{ m}^3$

**Câu 8: Tìm y, biết: (2 điểm)**

$34,8 : y = 7,2 + 2,8$

$21,22 + 9,072 \times 10 + 24,72 : 12$

---

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Câu 9:** Một người đi xe máy khởi hành từ A lúc 8 giờ 30 phút và đến B lúc 9 giờ 30 phút. Quãng đường AB dài 60km. Hãy tính vận tốc trung bình của xe máy với đơn vị đo là km/giờ? (1 điểm)

**Câu 10:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có dài 120m, chiều rộng bằng 90m. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100m<sup>2</sup> thu được 15kg thóc. Tính:

- a) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó?  
b) Trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc? (1 điểm)

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features multiple sets of horizontal lines designed for handwriting practice. Each set consists of three lines: two dashed outer lines and one solid middle line. These sets are repeated vertically down the entire page, providing ample space for practicing letter formation and alignment. The paper is otherwise completely blank, with no text or other markings.

|        |                     |                   |                     |                   |                   |                   |                   |
|--------|---------------------|-------------------|---------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Câu    | 1                   | 2                 | 3                   | 4                 | 5                 | 6                 | 7                 |
| Ý đúng | <i>D</i>            | <i>D</i>          | <i>B</i>            | <i>B</i>          | <i>D</i>          | <i>A</i>          | <i>B</i>          |
| Điểm   | <i>0,5<br/>điểm</i> | <i>1<br/>điểm</i> | <i>0,5<br/>điểm</i> | <i>1<br/>điểm</i> | <i>1<br/>điểm</i> | <i>1<br/>điểm</i> | <i>1<br/>điểm</i> |

|                                                                                                                 |                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>a) <math>34,8 : y = 7,2 + 2,8</math></p> <p><math>34,8 : y = 10</math></p> <p><math>y = 34,8 : 10</math></p> | <p>b) <math>21,22 + \underbrace{9,072 \times 10}_{90,72} + \underbrace{24,72}_{2,06} : 12</math></p> <p><math>21,22 + 90,72 + 2,06 = 114</math></p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

|            |  |
|------------|--|
| $y = 3,48$ |  |
|------------|--|

**Câu 9:** Một người đi xe máy khởi hành từ A lúc 8 giờ 30 phút và đến B lúc 9 giờ 30 phút. Quãng đường AB dài 60km. Hãy tính vận tốc trung bình của xe máy với đơn vị đo là km/giờ ? (1 điểm)

Bài giải

Thời gian xe máy đi hết quãng đường AB là:

$$9 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 8 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 1 \text{ (giờ)}$$

Vận tốc trung bình của xe máy là:

$$60 : 1 = 60 \text{ (km/giờ)}$$

Đáp số: 60 km/giờ

**Câu 10:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có dài 120m, chiều rộng bằng 90m. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100m<sup>2</sup> thu được 15kg thóc. Tính:

a) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó ?

b) Trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ? (1 điểm)

Bài giải

a) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là :

$$120 \times 90 = 10800 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được số tạ

$$\text{thóc là: } 10800 : 100 \times 15 = 1620 \text{ (kg)} = 1,62$$

( tấn )

Đáp số: a) 10800m<sup>2</sup>; b) 1,62 tấn

### ĐỀ SỐ 045

**Câu 1: ( 5,5 điểm ):** Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước các câu trả lời đúng:

a. (0,5 điểm) Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng nào?

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

- A. Hàng nghìn      B. Hàng phần mười      C. Hàng phần trăm      D. hàng phần nghìn
- b. (0,5 điểm)  $24\text{m}^2 6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$   
 A.  $240,6\text{m}^2$       B.  $24,06\text{m}^2$       C.  $24,006\text{m}^2$       D.  $24,6\text{m}^2$
- c. (0,5 điểm) Số thích hợp điền vào chỗ chấm của  $3\text{ m}^3 76\text{ dm}^3 = \dots\dots\dots\text{ m}^3$  là:  
 A.  $3,76\text{ m}^3$       B.  $3,760\text{ m}^3$       C.  $37,6\text{ m}^3$       D.  $3,076\text{ m}^3$
- d. (0,5 điểm) Thể tích hình lập phương có cạnh 2,1 cm là:  
 A.  $4,41\text{ cm}^3$       B.  $44,1\text{ cm}^3$       C.  $9,261\text{ cm}^3$       D.  $92,61\text{ cm}^3$
- e. (0,5 điểm) Một hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 64cm và 26, chiều cao 30 cm. Diện tích hình thang đó là:  
 A.  $2700\text{cm}$       B.  $2700\text{cm}^2$       C.  $1350\text{cm}$       D.  $1350\text{cm}^2$
- g. (0,5 điểm) 25% của 240 là:  
 A. 0,6      B. 60      C. 600      D. 6
- h. (1,0 điểm) Một lớp học có 18 nữ và 12 nam. Học sinh nam chiếm số phần trăm học sinh cả lớp là?  
 A. 40%      B. 150%      C. 66%      D. 60
- i. (0,5 điểm) Một xe đạp đi được quãng đường dài 60 km hết 1,5 giờ. Vận tốc của xe đó là:  
 A. 54 km/ giờ      B. 45 km/ giờ      C. 36 km/ giờ      D. 40 km/ giờ
- k. (1,0 điểm) Cho một số, nếu lấy số đó cộng với 0,75 rồi cộng với 0,25 được bao nhiêu đem cộng với 1, cuối cùng giảm đi 4 lần thì được kết quả bằng 12,5. Vậy số đó là:  
 A. 48      B. 11,25      C. 1,175      D. 52

**Câu 2: (1,5 điểm)** Đúng ghi Đ, sai ghi S

- ☐ a. Kết quả phép tính  $605,26 + 217,3 = 822,56$
- ☐ b. Kết quả phép tính  $800,56 - 384,48 = 416,18$
- ☐ c. Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 5 dm, chiều rộng 4 dm, chiều cao 3 dm là:  $54\text{ dm}^2$

**Phần II. Tự luận (3điểm):**

**Câu 1: (1,0 điểm)** Đặt tính rồi tính

a.  $45,06 \times 2,4$

b.  $88,02 : 5,4$

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 2:(2 điểm )** Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 7 giờ 30 phút và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48km/giờ và nghỉ dọc đường 15 phút. Tính quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B.

**Bài giải**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 45**

**Phần I: Trắc nghiệm**

**Câu 1:** (5,5 điểm)

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| a | b | c | d | e | g | h | i | k |
| D | B | A | C | D | B | A | D | B |

**Câu 2:** (1,5 điểm) thứ tự Đ; S; Đ

**Phần II. Tự luận (3điểm):**

**Câu 1:** (1,0 điểm)

Kết quả a. 108,144

b. 16,3

**Câu 2:** (2,0 điểm)

Bài giải

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Thời gian ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B là:  
 $10 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 7 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 15 \text{ phút} = 3 \text{ giờ}$

Quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B là:

$$48 \times 3 = 144 \text{ (km)}$$

Đáp số: 144 km

### ĐỀ SỐ 046

**Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1: a)** Chữ số 3 trong số thập phân 98,235 có giá trị là:

- A.  $\frac{3}{10}$                       B.  $\frac{3}{100}$                       C.  $\frac{3}{1000}$                       D. 3

**b)** Số thập phân 718,45 giảm đi bao nhiêu lần nếu ta dịch chuyển dấu phẩy sang trái một chữ số:

- A. Không thay đổi              B. 2 lần                      C. 10 lần                      D. 100 lần

**Câu 2: a)** Số thích hợp để điền vào  trong phép tính  $\frac{28}{32} = \frac{7}{\text{}}$  là:

- A. 7                      B. 6                      C. 9                      D. 8

**b)** Phân số  $\frac{3}{4}$  viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

- A. 34%                      B. 25%                      C. 75%                      D. 85%

**Câu 3:** Khoảng thời gian từ 7 giờ kém 15 phút đến 7 giờ 15 phút là:

- A. 15 phút                      B. 30 phút                      C. 45 phút                      D. 1 giờ

**Câu 4:** Biểu thức  $6,72 + 3,4 \times 2,5$  có giá trị là:

- A. 25,3                      B. 16,32                      C. 20,4                      D. 15,22

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

Câu 5: Số dư của phép chia  $27,16 : 25 = 1,08$  là:

- A. 0,16                                      B. 1,6                                      C. 16                                      D. 0,016

Câu 6: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- a.  $5\text{km } 2\text{m} = \dots \dots \dots \text{ km}$                                       c.  $7635 \text{ kg} = \dots \dots \text{ tấn } \dots \dots \text{ kg.}$   
b.  $3,6 \text{ giờ} = \dots \dots \text{ giờ } \dots \dots \text{ phút}$                                       d.  $6\text{m}^2 \text{ } 3\text{dm}^2 = \dots \dots \text{ m}^2$

Câu 7: Thùng to có 36,6l dầu, thùng bé có 20,4l dầu. Số dầu đó được chứa vào các chai như nhau, mỗi chai chứa 0,75l. Hỏi có tất cả bao nhiêu chai dầu.

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Câu 8: Cho biết  $\frac{3}{5}$  của một số là 375. Vậy 80% của số đó là bao nhiêu?

- A. 180                                      B. 625                                      C. 500                                      D. 550

Câu 9: Trên quãng đường từ Bình Dương đến Vũng Tàu, một xe máy đi với vận tốc 40km/giờ trong 3 giờ. Hỏi cũng quãng đường đó, một ô tô đi với vận tốc 60km/giờ mất bao lâu?

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

## Bài giải

[illegible]

**Câu 1 – 5, 8:** Mỗi câu đúng được 1 điểm

| Câu    | 1 |   | 2 |   | 3 | 4 | 5 | 8 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|
|        | a | b | a | b |   |   |   |   |
| Đáp án | B | C | D | C | B | D | A | A |

a. 5km 2m = **5,002** km                      c. 7635 kg = **7** tấn **635** kg.

b. 3,6 giờ = **3** giờ **36** phút                d. 6m<sup>2</sup> 3dm<sup>2</sup> = **6,03** m<sup>2</sup>

## Bài giải

$$36,6 + 20,4 = 57 \text{ (lít)} \quad (0,25\text{đ})$$

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$$57 : 0,75 = 76 \text{ (chai)} \quad (0,5đ)$$

Đáp số: 76 chai (0,25đ)

**Câu 9: 1 điểm**

**Bài giải**

Quãng đường từ Bình Dương đến Vũng Tàu là:

$$40 \times 3 = 120 \text{ (km)} \quad (0,25đ)$$

Thời gian ô tô đã đi là:

$$120 : 60 = 2 \text{ giờ} \quad (0,5đ)$$

Đáp số: 2 giờ (0,25đ)

**Câu 10: 1 điểm**

**Bài giải**

Chiều cao của thửa ruộng là:

$$(36 + 28) : 2 = 32 \text{ (m)} \quad (0,25đ)$$

Diện tích của thửa ruộng là:

$$(36 + 28) \times 32 : 2 = 1024 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,25đ)$$

Số kg ngô thu hoạch được trên thửa ruộng đó là:

$$1024 : 10 \times 60 = 6144 \text{ (kg)} \quad (0,25đ)$$

Đổi: 6144 kg = 6,144 tấn

Đáp số: 6,144 tấn (0,25đ)

### **ĐỀ SỐ 047**

***Em hãy khoanh vào chữ cái trước ý đúng:***

***Bài 1: Câu 1: Chữ số thuộc hàng phần trăm trong số 123,456 là: (1 điểm)***

- A. 1                      B. 2                      C. 5                      D. 6

***Câu 2: Lớp 5A có tất cả 30 học sinh, trong đó số học sinh nữ là 12 em. Tỷ số phần trăm của số học sinh nữ so với số học sinh cả lớp là : (1 điểm)***

- A. 2,5%                      B. 250%                      C. 0,4%                      D. 40%

***Câu 3: Hình thang ABCD có độ dài hai đáy lần lượt là 6cm và 4cm, chiều cao 3cm. Diện tích hình thang ABCD là : (1 điểm)***

- A. 30cm<sup>2</sup>                      B. 15cm<sup>2</sup>                      C. 72cm<sup>2</sup>                      D. 36cm<sup>2</sup>

***Câu 4: Diện tích hình tròn có bán kính 3 cm là:.....cm<sup>2</sup>. (1 điểm)***

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

- A. 9,42                      B. 18,84                      C. 14,13                      D. 28,26

**Câu 5:** Diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh 1,5 dm là: (1 điểm)

- A.  $13,5\text{dm}^2$       B.  $9\text{dm}^2$       C.  $33,75\text{dm}^2$       D.  $2,25\text{dm}^2$

**Câu 6:** Số thích hợp điền vào chỗ chấm để 3,5 giờ = ..... phút là: (0,5điểm)

- A. 35                      B. 210                      C. 350                      D. 84

**Câu 7:** Điền số thích hợp điền vào chỗ chấm để  $2m^3 18dm^3 = .....dm^3$  là: (0,5điểm)

- A. 2018                      B. 2,18                      C. 2,018                      D. 218

**Câu 8:** Cho:  $x \times 3,8 = 1,2 + 2,6$  . Vậy  $x = \dots$  (1 điểm)

- A. 1                      B. 0                      C. 14,44                      D. 7,6

## **II. Phần tự luận: (3đ) :**

**Trình bày cách làm các bài toán sau:**

**Câu 9: Tính: (2điểm)**

- a) 4 giờ 13 phút + 5 giờ 36 phút**

- b) 54 phút 39 giây - 26 phút 24 giây**

[illegible]

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

c)  $23,4 \times 4,2$

d)  $196,08 : 43$

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 10: (1 điểm)** Một người làm một cái bể cá hình hộp chữ nhật bằng kính (không có nắp), chiều dài 1,2m; chiều rộng 0,8m; chiều cao 0,6m.

a/ Tính diện tích kính để làm bể?

b/ Tính thể tích của bể

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 047

#### I. Phần trắc nghiệm: (7đ) :

| Câu    | 1      | 2      | 3      | 4      | 5      | 6        | 7        | 8      |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|----------|----------|--------|
| Ý đúng | C      | D      | B      | D      | A      | B        | A        | A      |
| Điểm   | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm |

#### II. Phần tự luận: (3đ) : Trình bày cách làm các bài toán sau:

**Câu 9: Tính: (2điểm)**

a)  $4 \text{ giờ } 13 \text{ phút} + 5 \text{ giờ } 36 \text{ phút}$

b)  $54 \text{ phút } 39 \text{ giây} - 26 \text{ phút } 24 \text{ giây}$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

= 9 giờ 49 phút

c)  $23,4 \times 4,2$

= 98,28

= 28 phút 15 giây

d)  $196,08 : 43$

= 4,56

**Câu 2:** (10 điểm) Một người làm một cái bể cá hình hộp chữ nhật bằng kính (không có nắp), chiều dài 1,2m; chiều rộng 0,8m; chiều cao 0,6m.

a/ Tính diện tích kính để làm bể?

b/ Tính thể tích của bể

**Bài giải:**

Diện tích xung quanh của bể cá là:  $(1,2 + 0,8) \times 2 \times 0,6 = 2,4 \text{ (m}^2\text{)}$  (0,25 đ)

Diện tích đáy bể là:  $1,2 \times 0,8 = 0,96 \text{ (m}^2\text{)}$  (0,25 đ)

Diện tích kính để làm bể cá là:  $2,4 + 0,96 = 3,36 \text{ (m}^2\text{)}$ . (0,25 đ)

Thể tích của bể cá đó là:  $1,2 \times 0,8 \times 0,6 = 0,576 \text{ (m}^3\text{)}$ .

Đáp số: a/  $3,36 \text{ m}^2$  (0,25 đ)

b/  $0,576 \text{ m}^3$ .

**Lưu ý:** HS làm bằng cách khác hoặc tính gộp phép tính vẫn được điểm tối đa.

### ĐỀ SỐ 048

**Câu 1:** a) Số thập phân gồm hai mươi bốn đơn vị, năm phần mười, tám phần trăm, hai phần nghìn viết là: (0,5đ)

a. 24,582

b. 24,508

c. 24,528

d. 24,825

b)  $4\frac{5}{25}$  viết thành số thập phân là: (0,5đ)

a. 4,2

b. 4

c. 4,1

d. 4,3

**Câu 2:** a) Kết quả của phép tính  $86,21 - x = 47,09$  (0,5đ)

a. 39,02

b. 39,12

c. 38,12

d. 39,102

b) Kết quả của phép tính  $\frac{2}{9} + \frac{2}{3}$  (0,5đ)

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

- a.  $\frac{3}{2}$                       b.  $\frac{2}{3}$                       c.  $\frac{1}{2}$                       d.  $\frac{8}{9}$

**Câu 3:** Điền vào chỗ chấm 2 tấn 3kg = .....tấn? (1đ)

- a. 2,300 tấn              b. 2,03 tấn              c. 2,003 tấn              d. 2003 tấn

**Câu 4:** Đúng ghi Đ, sai ghi S (1đ)

47,25 > 4,725              ☐               $\frac{1}{4} = 0,025$               ☐

250,35 < 250,320              ☐               $2\frac{6}{4} = \frac{7}{2}$               ☐

**Câu 5:** Kết quả của phép tính: 98,156 : 4,63 là: (1đ)

- a. 21,2                      b. 21,02                      c. 21,002                      d. 2,12

**Câu 6:** Kết quả của phép tính: 48 phút 15 giây : 5 là: (1đ)

- a. 9 phút 29 giây      b. 9 phút 39 giây      c. 9 phút 3 giây      d. 9 phút 93 giây

**Câu 7:** Một xưởng may đã dùng hết 350m vải để may quần áo, trong đó số vải may quần chiếm 60%.  
Hỏi số vải may áo là bao nhiêu mét? (1đ)

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 8:** Lãi suất tiết kiệm là 0,75% trên một tháng. Một người gửi tiết kiệm 20.000.000 đồng thì sau một tháng số tiền cả gốc và lãi là..... đồng. (1đ)

- a. 20.150.000 đồng                      b. 20.050.000 đồng  
c. 20.510.000 đồng                      d. 20.051.000 đồng

**Câu 9:** Người ta dùng một loại gạch men hình vuông để lát nền căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 8m và chiều rộng 6dm. Hỏi phải cần bao nhiêu tiền mua gạch để lát kín căn phòng đó, biết rằng 1m<sup>2</sup> gạch là 195.000 đồng ? (Phần mạch vữa không đáng kể) (1đ)

Bài giải

.....  
.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Câu 10:** Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước đo trong lòng bể là: chiều dài 8m, chiều rộng 4m, chiều cao 3m. Biết rằng  $\frac{4}{5}$  thể tích bể có chứa nước. Tính thể tích nước chứa trong bể?  
**(1đ)**

Bài giải

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 48

**Môn: Toán – Lớp 5**

### I. TRẮC NGHIỆM

| Câu           | 1 |   | 2 |   | 3 | 5 | 6 | 8 |
|---------------|---|---|---|---|---|---|---|---|
|               | a | b | a | b |   |   |   |   |
| <b>Đáp án</b> | A | A | B | D | C | A | B | A |

**Câu 4:**

$$47,25 > 4,725$$

**Đ**

$$\frac{1}{4} = 0,025$$

**S**

$$250,35 < 250,320$$

**S**

$$2\frac{6}{4} = \frac{7}{2}$$

**Đ**

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Câu 7:**

**Bài giải**

Số mét vải may quần:

$$60 \times 350 : 100 = 210 \text{ (m)}$$

Số mét vải may áo:

$$350 - 210 = 140 \text{ (m)}$$

Đáp số: 140 m

**Câu 9:**

**Bài giải:**

$$6 \text{ dm} = 0,6 \text{ m}$$

Diện tích căn phòng:

$$8 \times 0,6 = 4,8 \text{ (m}^2\text{)}$$

Số tiền mua gạch để lát kín căn phòng:

$$4,8 : 1 \times 195000 = 936.000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 936.000 đồng

**Câu 10:**

**Bài giải**

Thể tích bể nước:

$$8 \times 4 \times 5 = 160 \text{ (m}^3\text{)}$$

Thể tích nước chứa trong bể:

$$\frac{4}{5} \times \frac{5}{4} \times 160 = 128 \text{ (m}^3\text{)}$$

Đáp số: 128 m<sup>3</sup>

**ĐỀ SỐ 049**

*Em hãy khoanh vào chữ cái trước ý đúng :*

**Câu 1:** Chữ số 5 trong số 199, 95 chỉ là: (0,5điểm)

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

- A. 5 Phần mười      B. 5 Phần trăm      C. 5 Chục      D. 5 Đơn vị

**Câu 2:** Hỗn số  $5\frac{3}{5}$  được viết dưới dạng phân số là: (0,5 điểm)

- A.  $\frac{21}{5}$       B.  $\frac{25}{3}$       C.  $\frac{13}{10}$       D.  $\frac{28}{5}$

**Câu 3:**  $0,08 \text{ tấn} = \dots \text{ kg}$  (0,5 điểm)

- A. 8kg      B. 80kg      C. 800kg      D. 8000kg

**Câu 4:** Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy  $\frac{1}{4}$  số viên bi có màu: (0,5 điểm)

- A. Nâu      B. Đỏ      C. Xanh      D. Trắng

**Câu 5:** Khoảng thời gian từ lúc 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút là: (0,5 điểm)

- A. 10 Phút      B. 20 Phút      C. 30 Phút      D. 40 Phút

**Câu 6:** Một huyện có 320ha đất trồng cây cà phê và 480ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cây cao su bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng cây cà phê?: (0,5 điểm)

- A. 150%      B. 15%      C. 1500%      D. 105%

**Câu 7:** Hình lập phương có cạnh là 5m. Vậy thể tích hình đó là: (0,5 điểm)

- A.  $150 \text{ m}^3$       B.  $125 \text{ m}^3$       C.  $100 \text{ m}^3$       D.  $25 \text{ m}^3$

**Câu 8: a) Tìm x, biết:** (0,5 điểm)

$$x + 5,84 = 9,16$$

**b) Tính bằng cách thuận nhất:** (0,5 điểm)

$$69,78 + 35,97 + 30,22$$

**Câu 9:** Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”

a) 12 giờ 24 phút + 3 giờ 18 phút

b) 14 giờ 26 phút - 5 giờ 12 phút

c) 8 giờ 5 phút  $\times$  2

d) 36 giờ 18 phút : 6

**Câu 10:** Một người đi xe đạp một quãng đường 18km với vận tốc 10 km/giờ. Hỏi người đi xe đạp đó đã đi hết bao nhiêu thời gian ? (1,5 điểm)

**Câu 11:** Trên một thửa ruộng hình chữ nhật có diện tích là  $1200m^2$ . Người ta sử dụng một nửa diện tích đó để trồng lúa, phần còn lại trồng ngô.

a. Diện tích đất trồng lúa là bao nhiêu mét vuông ?.

b. Nếu cứ  $1m^2$  thì thu hoạch được 10kg lúa, thì với diện tích trồng lúa như trên thì người ta thu được bao nhiêu ki-lô-gam lúa ?. (2 điểm)

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Hết

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 49**

**Môn: Toán**

| Câu    | 1           | 2           | 3           | 4           | 5           | 6           | 7           |
|--------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Ý đúng | B           | D           | B           | B           | D           | A           | B           |
| Điểm   | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm | 0,5<br>điểm |

**Câu 8:**

**a) Tìm  $y$ , biết: (0,5 điểm)**

$$x + 5,84 = 9,16$$

$$x = 9,16 - 5,84$$

$$x = 3,32$$

**b) Tính bằng cách thuận nhất: (0,5 điểm)**

$$69,78 + 35,97 + 30,22$$

$$= 69,78 + 30,22 + 35,97$$

$$= 100 + 35,97 = 135,97$$

**Câu 9: Tính: (2 điểm)**

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

a)  $12 \text{ giờ } 24 \text{ phút} + 3 \text{ giờ } 18 \text{ phút}$

$= 15 \text{ giờ } 42 \text{ phút}$

c)  $8 \text{ giờ } 5 \text{ phút} \times 2$

$= 16 \text{ giờ } 10 \text{ phút}$

b)  $14 \text{ giờ } 26 \text{ phút} - 5 \text{ giờ } 12 \text{ phút}$

$= 9 \text{ giờ } 14 \text{ phút}$

d)  $36 \text{ giờ } 18 \text{ phút} : 6$

$= 6 \text{ giờ } 3 \text{ phút}$

**Câu 10: Một người đi xe đạp một quãng đường 18km với vận tốc 10 km/giờ. Hỏi người đi xe đạp đó đã đi hết bao nhiêu thời gian ? (1,5 điểm)**

Bài giải

Thời gian người đi xe đạp đã đi là: (1 điểm)

$$18 : 10 = 1,8 \text{ giờ}$$

Đổi 1,8 giờ = 1 giờ 48 phút (0,5 điểm)

Đáp số: 1 giờ 48 phút

**Câu 11: Trên một thửa ruộng hình chữ nhật có diện tích là  $1200\text{m}^2$ . Người ta sử dụng một nửa diện tích đó để trồng lúa, phần còn lại trồng ngô.**

**a. Diện tích đất trồng lúa là bao nhiêu mét vuông?.**

**b. Nếu cứ  $1\text{m}^2$  thì thu hoạch được 10kg lúa, thì với diện tích trồng lúa như trên thì người ta thu được bao nhiêu ki-lô-gam lúa ?. (2 điểm)**

Bài giải

Diện tích đất trồng lúa là:

$$1200 : 2 = 600 (\text{m}^2) \quad (1 \text{ điểm})$$

Người ta thu được số ki-lô-gam lúa là:

$$600 \times 10 = 6000 (\text{kg}) \quad (1 \text{ điểm})$$

Đáp số: 6000 kg

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

ĐỀ SỐ 050

**Bài 1: (0,5 điểm)** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Chữ số 5 trong số thập phân 63,257 có giá trị là:

A.  $\frac{5}{10}$

B.  $\frac{5}{100}$

C.  $\frac{5}{1000}$

D. 50

**Bài 2: (0,5 điểm)** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Phân số  $\frac{3}{4}$  được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 3,4

B. 0,75

C. 4,3

D. 0,57

**Bài 3: (0,5 điểm)** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 2,4m; chiều rộng 1,5m; chiều cao 1,2m. Thể tích hình hộp chữ nhật là:

A.  $4,32\text{m}^3$

B.  $4,68\text{m}^3$

C.  $4,68\text{m}^2$

D.  $4,32\text{m}^2$

**Bài 4: (0,5 điểm)** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Từ 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút có:

A. 10 phút

B. 20 phút

C. 30 phút

D. 40 phút

**Bài 5: (2,0 điểm)** Đặt tính rồi tính:

a.  $68,72 + 7,986$

b.  $324,08 - 96,275$

c.  $16,25 \times 6,7$

d.  $98,156 : 4,63$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 6: (1,0 điểm)** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm: (1,0 điểm )

- a)  $609\text{m} = \dots\dots\dots \text{km}$                       b)  $8 \text{ m}^3 9 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$                       c)
- $1,2\text{ha} = \dots\dots\dots \text{m}^2$                       d)  $248 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{phút} \dots\dots\dots \text{giây}$

**Bài 7: (1,0 điểm)** Tìm x:

- a)  $x - 2,5 = 6,216 : 1,2$                       b)  $x \times 2 = 12,56 : 3,14$
- .....
- .....
- .....

**Bài 8: (1,0 điểm)**

Giá trị của biểu thức:  $2 \text{ giờ } 6\text{phút} + 19\text{giờ } 30 \text{ phút} : 5$  là .....

**Bài 9: (2,0 điểm)** Quãng đường AB dài 114 km. Lúc 8 giờ 20 phút một người đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12 km/giờ. Cùng lúc đó một người đi xe máy đi từ B đến A với vận tốc 45 km/giờ. Hỏi lúc mấy giờ hai xe gặp nhau?

***Bài giải***

.....

.....

.....

.....

**Bài 10: (1,0 điểm)** Một cửa hàng định bán một chiếc cặp là 65000 đồng. Nhân dịp khai giảng năm học mới, cửa hàng hạ giá 12%. Hỏi sau khi giảm giá, giá của chiếc cặp là bao nhiêu tiền?

**Bài giải**

.....

.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 050**

Bài 1. B

Bài 2. B

Bài 3. A

Bài 4. D

Bài 5. Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5 đ

a)  $68,72 + 7,986 = 76,706$

b)  $324,08 - 96,275 = 227,805$

c)  $16,25 \times 6,7 = 108,875$

d)  $98,156 : 4,63 = 21,2$

Bài 6

a)  $609m = 0,609km$

b)  $8m^3 9dm^3 = 8,009m^3$

c)  $1,2ha = 12000m^2$

d)  $248 \text{ giây} = 4 \text{ phút } 8 \text{ giây}$

7)

a)  $x - 2,5 = 6,216 : 1,2$

b)  $x \times 2 = 12,56 : 3,14$

$x - 2,5 = 5,18$

$x \times 2 = 4$

$x = 5,18 + 2,5$

$x = 4 : 2 = 2$

$x = 7,68$

8)  $2 \text{ giờ } 6 \text{ phút} + 19 \text{ giờ } 30 \text{ phút} : 5 \text{ là } 6 \text{ giờ}$

9) Số kilomet 1 giờ 2 xe đi là :  $12 + 45 = 57 (km)$

Thời gian 2 xe đi đến lúc gặp nhau là :  $114 : 57 = 2 (\text{giờ})$

Hai xe gặp nhau lúc :  $8 \text{ giờ } 20 \text{ phút} + 2 \text{ giờ} = 10 \text{ giờ } 20 \text{ phút}$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
"Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi"

Đáp số: 10 giờ 20 phút

10) Giá chiếc cặp sau khi giảm giá là :  $65000 \times (100\% - 12\%) = 57200$  (đồng)

Đáp số: 57 200 đồng

### ĐỀ SỐ 051

#### A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

\* Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:

**Câu 1: Chữ số 6 trong số thập phân 512,436 thuộc hàng nào?**

- C. Hàng nghìn; C. Hàng phần trăm;  
B. Hàng phần mười; D. Hàng phần nghìn;

**Câu 2: Hình lập phương cạnh 4cm có thể tích là:**

- A.  $16\text{cm}^3$  B.  $24\text{cm}^3$  C.  $64\text{cm}^3$  D.  $96\text{cm}^3$

**Câu 3: Dãy số nào dưới đây có 3 phân số đều bằng nhau?**

- A.  $\frac{1}{2}$  ;  $\frac{2}{4}$  ;  $\frac{3}{4}$  B.  $\frac{2}{4}$  ;  $\frac{4}{8}$  ;  $\frac{8}{16}$  C.  $\frac{3}{4}$  ;  $\frac{6}{8}$  ;  $\frac{6}{16}$

#### D. PHẦN TỰ LUẬN:

**Bài 1:** Đặt tính rồi tính:

a.  $3176,25 + 565,37$

.....  
.....  
.....  
.....

b.  $576,21 - 284,13$

.....  
.....  
.....  
.....

c.  $429,02 \times 3,9$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

d.  $74,76 : 2,1$

.....  
.....  
.....  
.....

**Bài 2 :** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a.  $8\text{kg } 12\text{dag} = \dots\dots\dots\text{kg}$

b.  $32\text{m}^2 5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$

**Bài 3 :** Tính bằng cách thuận tiện nhất

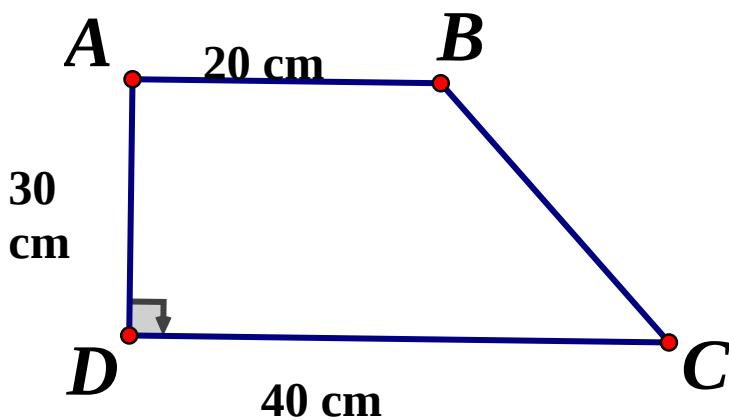
a.  $2,5 \times 189 \times 4 =$

b.  $19,75 \times 98 + 19,75 \times 2 =$

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....  
 .....  
 .....

**Bài 4:** Cho hình thang vuông ABCD. Có các kích thước như hình vẽ. Nối A với C được hai hình tam giác là: ABC và ADC. Tính:  
 a. Diện tích hình thang ABCD.  
 b. Diện tích hình tam giác ADC.



**Bài giải:**

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

Bài 5. Tính nhanh

$$\frac{(16 - 8 : 0,5) \times 177}{199 \times 2001}$$

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 051**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 3 điểm)**

Mỗi bài trả lời đúng được 1 điểm.

| Bài                | 1 | 2 | 3 |
|--------------------|---|---|---|
| Khoanh vào chữ cái | D | C | B |

**B. PHẦN TỰ LUẬN ( 7 điểm )**

**Bài 1:** ( 2 điểm): ( Mỗi phép tính đúng đạt 0,5 điểm)

a. 3741,62

b. 292,08

c. 1673,178

d. 35,6

**Bài 2:** ( 1 điểm). Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm:

a. 8,12 kg

b. 32,05 m<sup>2</sup>

**Bài 3:** ( 1 điểm): Tính bằng cách thuận tiện nhất (nếu HS không làm cách thuận tiện nhất thì được nửa số điểm).

a.  $2,5 \times 189 \times 4$

b.  $19,75 \times 98 + 19,75 \times 2$

$= (2,5 \times 4) \times 189$

$= 19,75 \times (98 + 2)$

$= 10 \times 189$

$= 19,75 \times 100$

$= 1890$

$= 1975$

**Bài 4:** ( 2 điểm)

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Bài giải**

a. Diện tích hình thang ABCD là:

$$\frac{(20 + 40) \times 30}{2} = 900 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,75 \text{ điểm})$$

b. Diện tích hình tam giác ADC là:

$$40 \times 30 : 2 = 600 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,75 \text{ điểm})$$

**Đáp số:** a.  $900 \text{ cm}^2$  (0,5 điểm)

b.  $600 \text{ cm}^2$

**Bài 5:** Tính nhanh (1 điểm)

$$\frac{(16 - 8 : 0,5) \times 177}{199 \times 2001} = \frac{(16 - 8 \times 2) \times 177}{199 \times 2001} = \frac{0 \times 177}{199 \times 2001} = 0$$

**ĐỀ SỐ 052**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM** Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

1. Giá trị của chữ số 9 trong số : 28,953 là:

A.  $\frac{9}{10}$                       B.  $\frac{9}{100}$                       C.  $\frac{9}{1000}$                       D. 9 đơn vị

2.  $1\frac{2}{3}$  giờ = .....phút

A. 62 phút                      B. 90 phút                      C. 100 phút                      D. 120 phút

3. 8 tấn 77 kg = ..... tấn

A. 8,077 tấn                      B. 8,77 tấn                      C. 87,7 tấn                      D. 8,770 tấn

4. 21 giờ 10 phút còn gọi là mấy giờ?

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

A. 7 giờ 10 phút      B. 8 giờ 10 phút tối      C. 9 giờ 10 phút tối      D. 10 giờ 10 phút tối

5. 5% của 120 là:

A. 0,06      B. 0,6      C. 6      D. 60

6. Một hình chữ nhật có chiều dài  $\frac{3}{2}$  m, chiều rộng  $\frac{4}{3}$  m, chiều cao  $\frac{2}{3}$  m. Diện tích xung quanh của hình hộp đó là:

A.  $\frac{52}{9} \text{ m}^2$       B.  $\frac{34}{9} \text{ m}^2$       C.  $\frac{17}{9} \text{ m}^2$       D.  $\frac{70}{9} \text{ m}^2$

## PHẦN II: TỰ LUẬN

**Bài 1:** Đặt tính rồi tính:

$$702,84 + 85,69$$

$$868,32 - 205,09$$

$$25,56 \times 3,7$$

$$91,08 : 3,6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2:** Tìm X.

$$12,5 - X = 4,27$$

$$18,2 : X = 5,6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

3.Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a)  $135\text{phút} = 13,5 \text{ giờ}$  ☐

b)  $2\text{dm}^3 35\text{cm}^3 = 2,035 \text{ dm}^3$  ☐

c)  $3\text{ngày } 15 \text{ giờ} + 2 \text{ ngày } 12 \text{ giờ} = 6 \text{ ngày } 3 \text{ giờ.}$  ☐

**Bài 4:** Một người đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12 km/ giờ. Sau 3 giờ một xe máy cũng đi từ A đến B với vận tốc 36 km/ giờ. Hỏi kể từ lúc xe máy bắt đầu đi thì sau bao lâu xe máy đuổi kịp xe đạp ?

Bài giải:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Bài 5. Tỉnh A và tỉnh B cách nhau 180 km. Cùng một lúc có hai ô tô xuất phát từ hai tỉnh và đi ngược chiều nhau, sau 2 giờ chúng gặp nhau

- a) Hỏi sau một giờ của hai ô tô đi được bao nhiêu ki lô mét  
b) Tính vận tốc của mỗi ô tô, biết vận tốc ô tô đi từ A bằng 2 lần vận tốc ô tô đi từ B

Bài giải

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 052

I. TRẮC NGHIỆM

1.A                  2.C                  3.A                  4.C                  5.C                  6.B

II. TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$$\begin{array}{ll} 702,84 + 85,69 = 788,53 & 868,32 - 205,09 = 663,23 \\ 25,56 \times 3,7 = 94,572 & 91,08 : 3,6 = 25,3 \end{array}$$

$$\begin{array}{ll} 2) 12,5 - x = 4,27 & 18,2 : x = 5,6 \\ x = 12,5 - 4,27 & x = 18,2 : 5,6 \\ x = 8,23 & x = 3,25 \end{array}$$

Câu 3.                  a) S                  b) Đ                  c) Đ

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Câu 4. Số kilomet xe đạp đi trước xe máy là :  $12 \times 3 = 36(km)$

Thời gian để xe máy đuổi kịp xe đạp là :  $36 : (36 - 12) = 1,5(\text{giờ})$

Đáp số: 1,5 giờ

Câu 5: a) Sau 1 giờ 2 ô tô đi được là :  $180 : 2 = 90(km)$

b) Vận tốc ô tô đi từ A :  $90 : (2 + 1) \times 2 = 60(km/h)$

Vận tốc ô tô đi từ B:  $90 - 60 = 30(km/h)$

Đáp số: a) 90 km

b) Xe A:  $60km/h$

Xe B:  $30km/h$

### ĐỀ SỐ 053

#### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng:

**Câu 1:** Một hình thang có diện tích  $150cm^2$ , đáy lớn 8cm, đáy bé 7cm thì chiều cao là :

a. 5 cm

b. 10cm

c. 20 cm

**Câu 2:** Lớp 5A có 25 học sinh, trong đó có 15 học sinh nữ. Tỷ số phần trăm của học sinh nữ và số học sinh cả lớp là.

A 0,6 %

B 10 %

C 60%

**Câu 3:** 2  giờ = ..... phút

a. 165

b. 170

c. 180

**Câu 4:** Kết quả của phép tính nhân  $3,47 \times 0,6$  là

A 20,82

B 18,82

C 2,082

**Câu 5:** 25 % của 36 là :

a. 4

b. 9

c. 18

**Câu 6:** Số cần điền vào chỗ chấm của  $6m^3 17 dm^3 = .....m^3$  là :

a. 6,17

b. 6,017

c. 6,170

#### II. PHẦN TỰ LUẬN

**Bài 1** (2 điểm). Đặt tính rồi tính :

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam  
"Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi"

a)  $23 \text{ phút } 15 \text{ giây} - 8 \text{ phút } 40 \text{ giây}$

b)  $13 \text{ giờ } 28 \text{ phút} + 15 \text{ giờ } 36 \text{ phút}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c)  $29 \text{ phút } 37 \text{ giây} \times 5$

d)  $65 \text{ giờ } 52 \text{ phút} : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 2:** Tìm x

a)  $108,19 : x = 84,4 - 68,9$

b)  $35,5 \times 3 + 35,5 \times 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Bài 3:** Một phòng học dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m và chiều cao 5 m. Người ta quét vôi các bức tường xung quanh và trần của căn phòng đó (chỉ quét phía trong).

Tính diện tích cần quét vôi, biết biết rằng phòng có 4 cửa sổ và 2 cửa ra vào cửa sổ hình vuông mỗi cạnh 1,5 m cửa ra vào hình chữ nhật rộng 1,6 m cao 2,2m.

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Bài 4:** Một ô tô đi từ thành phố A lúc 9 giờ và đến thành phố B lúc 12 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48km/giờ và nghỉ dọc đường mất 15 phút. Tính độ dài quãng đường từ thành phố A đến thành phố B.

Bài giải

.....  
.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 053

I. TRẮC NGHIỆM

1.A      2.C      3.A      4.C      5.B      6.B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. a) 23 phút 15 giây – 8 phút 40 giây = 14 phút 35 giây

b) 13 giờ 28 phút + 15 giờ 36 phút = 29 giờ 4 phút

c) 29 phút 37 giây  $\times 5 = 2$  giờ 28 phút 5 giây

d) 65 giờ 52 phút : 4 = 16 giờ 28 phút

Câu 2. Tìm x

$$a) 108,19 : x = 84,4 - 68,9$$

$$108,19 : x = 15,5$$

$$x = 108,19 : 15,5$$

$$x = 6,98$$

$$b) 35,5 \times 3 + 35,5 \times 7$$

$$= 35,5 \times (3 + 7)$$

$$= 35,5 \times 10 = 355$$

Bài 3. Diện tích căn phòng quét chưa tính các cửa:

$$(9 + 6) \times 2 \times 5 + 9 \times 6 = 204(m^2)$$

Diện tích quét sơn của căn phòng:  $204 - 4 \times 1,5 \times 1,5 - (1,6 \times 2,2) = 191,48(m^2)$

Bài 4.

Thời gian đi quãng đường AB : 12 giờ 45 phút – 9 giờ - 15 phút = 3,5 (giờ)

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

Quãng đường AB dài là :  $48 \times 3,5 = 168(km)$

**ĐỀ SỐ 054**

Em hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi bài tập dưới đây

1.1. Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng nào

- A. Hàng nghìn                      B. Hàng phần trăm                      C. Hàng phần nghìn.

1.2. Phân số  $\frac{4}{5}$  viết dưới dạng số thập phân là :

- A. 4,5                                      B. 0,8                                      C. 0,5

1.3. Tỷ số phần trăm của hai số 2,8 và 80 là :

- A. 3,5 %                                      B. 80%                                      C. 2,8%

1.4. Kết quả của biểu thức  $(\frac{2}{5} + \frac{1}{3}) \times \frac{3}{4}$  là:

- A.  $\frac{11}{20}$                                       B.  $\frac{13}{20}$                                       C.  $\frac{25}{60}$

1.5. Hà đi ở nhà lúc 7 giờ 15 phút, Hà đến nơi lúc 10 giờ 5 phút, giữa đường Hà nghỉ 20 phút. Vậy thời gian đi của Hà là

- A. 2 giờ 50 phút                      B. 2 giờ 30 phút                      C. 3 giờ 20 phút

1.6. Hình lập phương có cạnh 6 cm, thể tích của hình lập phương là

- A.  $36cm^3$                                       B.  $216cm^3$                                       C.  $316cm^3$

**II/PHẦN 2:**

Bài 1 Đặt tính rồi tính :

a.  $3,57 \times 41$

b.  $21,352 : 6,28$

.....  
.....  
.....  
.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

c.  $12 \times \frac{9}{22}$

d.  $\frac{4}{7} : \frac{3}{11}$

Bài 2: Tìm x

a.  $2,8 \times X = 76,58 + 58,38$

b.  $X + 73,7 = 83,5 \times 2,4$

Bài 3. Lúc 6 giờ, một xe đạp đi từ A với vận tốc 12 km/giờ. Đến 9 giờ, một xe máy cũng đi từ A với vận tốc 36 km/giờ và đi cùng chiều với xe đạp. Hỏi kể từ lúc xe máy bắt đầu đi, sau bao lâu xe máy đuổi kịp xe đạp

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 054

#### I. TRẮC NGHIỆM

1.1C

1.2B

1.3A

1.4A

1.5B

1.6B

#### PHẦN II

*Success has only one destination, but has a lot of ways to go*

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

1) a)  $3,57 \times 41 = 146,37$

b)  $21,352 : 6,28 = 3,4$

c)  $12 \times \frac{9}{22} = \frac{54}{11}$

d)  $\frac{4}{7} : \frac{3}{11} = \frac{4}{7} \times \frac{11}{3} = \frac{44}{21}$

2) a)  $2,8 \times x = 76,58 + 58,38$

$2,8 \times x = 134,96$

$x = 134,96 : 2,8$

$x = 48,2$

b)  $x + 73,7 = 83,5 \times 2,4$

$x + 73,7 = 200,4$

$x = 200,4 - 73,7$

$x = 126,7$

3) Số kilomet xe đạp đi trước xe máy :  $12 \times (9 - 6) = 36(km)$

Số giờ để xe máy đuổi kịp xe đạp là:  $36 : (36 - 12) = 1,5(giờ)$

Đáp số: 1,5 giờ

**ĐỀ SỐ 055**

**I. Trắc nghiệm:** ( 3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: ( 1 điểm) Phân số nào dưới đây lớn hơn  $\frac{1}{2}$  ?

A.  $\frac{3}{6}$

B.  $\frac{3}{8}$

C.  $\frac{6}{11}$

D.  $\frac{2}{5}$

Câu 2: ( 1 điểm) Trong dãy số: 31,146 ; 41,147 ; 51,148 ; 61,149 ; .....

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của dãy số là:

A. 71,160

B. 61,160

C. 51,150

D. 71,150

Câu 3: ( 1 điểm) Một hình hộp chữ nhật có thể tích là  $270 \text{ cm}^3$  ; chiều dài 6 cm; chiều cao 9 cm. Chiều rộng của hình hộp chữ nhật đó là:

A. 5 cm

B. 9 cm

C. 15 cm

D. 30 cm

**II. Tự luận:** ( 7 điểm)

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

Bài 1: Đặt tính rồi tính ( 2 điểm)

a)  $889972 + 96308$

.....

.....

.....

.....

b)  $7,284 - 5,596$

.....

.....

.....

.....

c)  $4802 \times 324$

.....

.....

.....

.....

d)  $75,95 : 3,5$

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tìm x: ( 1 điểm)

a)  $x + 5,84 = 9,16$

.....

.....

.....

b)  $x - 0,35 = 2,55$

.....

.....

.....

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất: ( 1 điểm)

a)  $0,5 \times 9,6 \times 2$

.....

.....

b)  $7,9 \times 8,3 + 7,9 \times 1,7$

.....

.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

.....  
.....  
Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm ( 1 điểm)

a)  $0,5\text{ m} = \dots\dots\dots\text{cm}$

b)  $0,08\text{ tấn} = \dots\dots\dots\text{kg}$

c)  $7,268\text{ m}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

d)  $3\text{ phút } 40\text{ giây} = \dots\dots\dots\text{giây}$

Bài 5: ( 2 điểm) Một ô tô đi trong 0,75 giờ với vận tốc 60 km/ giờ. Tính quãng đường đi được của ô tô.

Bài giải:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 055**

**I.TRẮC NGHIỆM**

1.C

2.D

3.A

**II.TỰ LUẬN**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a)  $889972 + 96308 = 986280$

b)  $7,284 - 5,596 = 1,688$

c)  $4802 \times 324 = 1555848$

d)  $75,95 : 3,5 = 21,7$

Bài 2.

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

a)  $x + 5,84 = 9,16$

$x = 9,16 - 5,84$

$x = 3,32$

b)  $x - 0,35 = 2,55$

$x = 2,55 + 0,35$

$x = 2,9$

**Bài 3**

a)  $0,5 \times 9,6 \times 2$

$= 9,6 \times (0,5 \times 2)$

$= 9,6 \times 1 = 9,6$

b)  $7,9 \times 8,3 + 7,9 \times 1,7$

$= 7,9 \times (8,3 + 1,7)$

$= 7,9 \times 10 = 79$

**Bài 4.** a)  $0,5m = 50cm$

b)  $0,08 \text{ tấn} = 80 \text{ kg}$

c)  $7,268m^2 = 726,8dm^2$

d)  $3 \text{ phút } 40 \text{ giây} = 220 \text{ giây}$

Bài 5. Quãng đường đi của ô tô là:  $60 \times 0,75 = 45(km)$

Đáp số: 45 km

**ĐỀ SỐ 056**

**1/ Thực hiện các phép tính sau (có đặt tính)**

$245,58 + 7,492$

$59,64 + 38$

$104 - 36,85$

$2,49 - 0,8745$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$28,52 \times 4,9$

$12,75 \times 38$

$26 : 2,5$

$20,88 : 3,6$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

2/ Tìm y, biết :

$$13,104 : y - 8,72 = 6,88$$

$$(312 - y) : 12,6 = 24,5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3/ Điền số hoặc tên đơn vị vào chỗ chấm :

$$0,49 \text{ km} = 490 \text{ .....}$$

$$2\text{km } 50\text{m} = \text{..... m}$$

$$16\text{tạ } 40\text{kg} = \text{..... tấn}$$

$$1280\text{g} = 1,28 \text{ .....}$$

$$5\text{m}^2 \text{ } 8\text{dm}^2 = 508 \text{ .....}$$

$$0,364\text{m}^2 = \text{..... dm}^2$$

$$7,084\text{m}^3 = \text{..... m}^3 \text{ ..... dm}^3 \text{ } 9\text{m}^3 \text{ } 15\text{dm}^3 = 9,015 \text{ .....}$$

$$2 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = \text{..... giờ}$$

$$150 \text{ giây} = \text{..... phút ..... giây}$$

4/ Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài và kém chiều dài 15m. Tính chu vi và diện tích.

Giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5/ Lúc 6giờ, một xe đạp khởi hành từ A với vận tốc 12km/giờ. Đến 7giờ 30phút, một xe máy có vận tốc 30km/giờ cũng khởi hành từ A đuổi theo. Hỏi hai xe gặp nhau lúc mấy giờ.

Giải

.....

.....

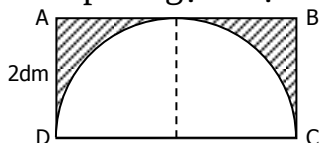
.....

.....

.....

.....

6/ Tính diện tích phần gạch sọc trong hình vẽ sau



Giải

.....

.....

.....

.....

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 056

Câu 1. Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

$$245,58 + 7,492 = 253,072$$

$$59,64 + 38 = 97,64$$

$$104 - 36,85 = 67,15$$

$$2,49 - 0,8745 = 1,6155$$

$$28,52 \times 4,9 = 139,748$$

$$12,75 \times 38 = 484,5$$

$$26 : 2,5 = 10,4$$

$$20,88 : 3,6 = 5,8$$

Câu 2

$$13,104 : y - 8,72 = 6,88$$

$$(312 - y) : 12,6 = 24,5$$

$$13,104 : y = 6,88 + 8,72$$

$$312 - y = 24,5 \times 12,6$$

$$13,104 : y = 15,6$$

$$312 - y = 308,7$$

$$y = 13,104 : 15,6$$

$$y = 312 - 308,7$$

$$y = 0,84$$

$$y = 3,3$$

Câu 3.  $0,49 \text{ km} = 490 \text{ m}$

$$2 \text{ km } 50 \text{ m} = 2050 \text{ m}$$

$$16 \text{ tạ } 40 \text{ kg} = 1,64 \text{ tấn}$$

$$1280 \text{ g} = 1,28 \text{ kg}$$

$$5 \text{ m}^2 8 \text{ dm}^2 = 508 \text{ dm}^2$$

$$0,364 \text{ m}^2 = 36,4 \text{ dm}^2$$

$$7,084 \text{ m}^3 = 7 \text{ m}^3 84 \text{ dm}^3$$

$$9 \text{ m}^3 15 \text{ dm}^3 = 9,015 \text{ m}^3$$

$$2 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 2,25 \text{ giờ}$$

$$150 \text{ giây} = 2 \text{ phút } 30 \text{ giây}$$

4) Hiệu số phần bằng nhau là:  $5 - 3 = 2$  (phần)

Chiều dài là  $15 : 2 \times 5 = 37,5 \text{ (m)}$  Chiều rộng là:  $15 : 2 \times 3 = 22,5 \text{ (m)}$

Chu vi hình chữ nhật là:  $(37,5 + 22,5) \times 2 = 120 \text{ (m)}$

Diện tích hình chữ nhật là:  $37,5 \times 22,5 = 843,75 \text{ (m}^2\text{)}$

Đáp số: Chu vi: 120 m

Diện tích :  $843,75 \text{ m}^2$

Bài 5) Số kilomet xe máy đi trước xe đạp là:  $12 \times (7 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 6 \text{ giờ}) = 18 \text{ (km)}$

Thời gian xe máy đuổi kịp xe đạp là :  $18 : (30 - 12) = 1 \text{ (giờ)}$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Hai xe gặp nhau lúc: 7 giờ 30 phút +1 giờ = 8 giờ 30 phút

Đáp số: 8 giờ 30 phút

Bài 6) Diện tích hình chữ nhật là:  $2 \times (2 + 2) = 8(dm^2)$

Diện tích nửa hình tròn:  $2 \times 2 \times 3,14 : 2 = 6,28(dm^2)$

Diện tích phần gạch sọc là:  $8 - 6,28 = 1,72(dm^2)$

Đáp số:  $1,72 dm^2$

### **ĐỀ SỐ 057**

**Câu 1:** (1 điểm)  $\frac{3}{4}$  được viết thành số thập phân là:

A. 7,5      B. 0,075      C. 0,75      D. 7,50

**Câu 2:** (1 điểm) Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy  $\frac{1}{4}$  số viên bi có màu:.....

**Câu 3:** (1 điểm) 3 giờ 15 phút = .....,.....giờ

A. 3,05 giờ      B. 3,15 giờ      C. 3,5 giờ      D. 3,25 giờ

**Câu 4:** Tính : (1 điểm)

a) 36 giờ 18 phút : 6 + 18 phút

b) 2 giờ 15 phút x 4 - 2 giờ 30 phút

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 5:** Tính: (1 điểm)

b.  $34,56 + 19,45$       b.  $67,6 - 40,9$       c.  $40,6 \times 6,7$       d.  $76,05 : 4,5$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

.....  
....

**Câu 6:** (1 điểm) Hình lập phương có cạnh là 6 cm.

Vậy thể tích hình đó là: (1 điểm) M2

- A.  $216\text{ m}^3$       B.  $36\text{ cm}^3$       C.  $216\text{ cm}^3$       D.  $144\text{ cm}^3$

**Câu 7:** (1 điểm) Một hình vuông có chu vi là 48 cm. Tính diện tích hình vuông ấy ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
...

**Câu 8:** (1 điểm) Lớp em có 14 học sinh nữ và 21 học sinh nam. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 9:** (1 điểm) Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng bể là : chiều dài 2,5 m , chiều rộng 2m, chiều cao 1,5 m. Khi bể không có nước người ta mở vòi nước cho chảy vào bể mỗi giờ được  $1,5\text{ m}^3$  . Hỏi sau mấy giờ bể nước sẽ đầy ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 10:** (1 điểm) Một xe máy đi từ Quế Phong đến Nghi Lộc với vận tốc 35 km/giờ. Cùng lúc đó có một xe ô tô đi từ Nghi Lộc về Quế Phong với vận tốc 45 km/giờ. Biết khoảng cách giữa hai thành phố là 160 km. Hỏi:

- c) Sau mấy giờ xe máy và ô tô gặp nhau ?

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

d) Khi hai xe gặp nhau, điểm gặp nhau cách huyện Quế Phong bao nhiêu ki-lô-mét ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 057**

1.  $C = 0,75$  (1đ)

2. Đỏ : (1đ)

3.  $D = 3,25$  giờ (1đ)

4. 6 giờ 21 phút (0,5 đ)

6 giờ 30 phút (0,5 đ)

5. a. **54,01**   b. **26,7**   c. **272,02**   d. **16,9** (mỗi kết quả đúng 0,25 đ)

6.  $C = 216 \text{ cm}^3$  (1 đ)

7. Cạnh hình vuông là :  $48 : 4 = 12 \text{ (cm)}$  (0,5 đ)

Diện tích hình vuông là:  $12 \times 12 = 144 \text{ (cm}^2\text{)}$  (0,25 đ)

Đáp số:  $144 \text{ cm}^2$  (0,25 đ)

8. Tổng số học sinh của lớp em là:  $14 + 21 = 35$  (học sinh) (0,25 đ)

Số học sinh nữ chiếm là :  $14 : 35 \times 100 = 40\%$  (0,5 đ)

Đáp số: 40% (0,25 đ)

9. Thể tích bể nước là :  $2,5 \times 2 \times 1,5 = 7,5 \text{ (m}^3\text{)}$  (0,25đ)

Bể đầy nước sau thời gian là:  $7,5 : 1,5 = 5 \text{ (giờ)}$  (0,5 đ)

Đáp số: 5 giờ (0,25 đ)

10. Tổng vận tốc hai xe là :  $35 + 45 = 80 \text{ (km)}$  (0,25đ)

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. SĐT: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Hai xe gặp nhau sau một thời gian là :  $160 : 80 = 2$  (giờ) (0,25đ)

Khi hai xe gặp nhau thì cách huyện Quế Phong là:  $35 \times 2 = 70$  (km) (0,25 đ)

Đáp số: 2 giờ; 70 km (0,25 đ)

### ĐỀ SỐ 058

**1/.Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :**

a/ Chữ số 8 trong số thập phân 95,824 có giá trị là :

A.  $\frac{8}{1000}$

B.  $\frac{8}{100}$

C.  $\frac{8}{10}$

D. 8

b/Hỗn số  $5\frac{8}{1000}$  viết dưới dạng số thập phân là :

A. 5,0008

B. 5,008

C. 5,08

D. 5,8

c/Tìm số thích hợp để viết vào chỗ chấm để :  $7\text{kg } 5\text{g} = \dots \text{kg}$

A. 7,5

B. 7,05

C. 7,005

D. 750

d/ Một lớp học có 25 học sinh , trong đó có 12 học sinh nữ .Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh của lớp học đó ?

A. 48 %

B. 32 %

C. 40 %

D. 60 %

e/ Diện tích hình tròn có bán kính  $r = 6\text{cm}$  là :

A. 113,04

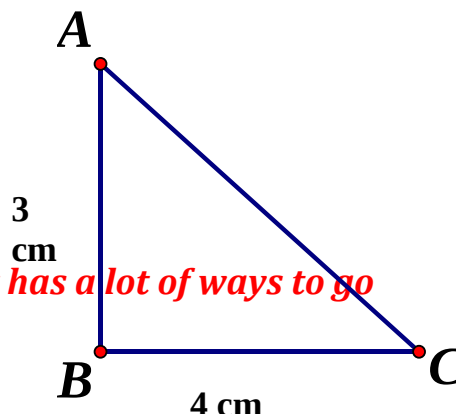
B. 11,304

C. 1130,4

D. 11304

g/Diện tích hình tam giác vuông ABC là :

A.  $4 \text{ cm}^2$



**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

B.  $5 \text{ cm}^2$

C.  $6 \text{ cm}^2$

D.  $7 \text{ cm}^2$

**2/Đặt tính rồi tính.**

a)  $658,3 + 96,28$       b)  $93,813 - 46,47$

c)  $37,2 \times 1,2$                       d)  $52 : 1,6$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Một ca nô đi từ A đến B với vận tốc 12km/giờ. Ca nô khởi hành lúc 7 giờ 30 phút đến B lúc 11 giờ 15 phút . Tính độ dài quãng đường AB.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

4. a/.Tìm X

$$0,8 \times X = 1,2 \times 10$$

b/. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

$$2,5 \times 7,8 \times 4$$

5. Một khu vườn cây trồng cây ăn quả hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài .

a/.Tính chu vi khu vườn đó.

b/.Tính diện tích khu vườn đó với đơn vị đo là mét vuông , là hec ta.

Bài giải

6 : Một bếp ăn dự trữ gạo đủ cho 120 người ăn trong 20 ngày. Nhưng thực tế có một số người phải chuyển đi nơi khác nên số gạo đó ăn được trong 25 ngày thì mới hết. Hỏi có bao nhiêu người chuyển đi?

7: Một thùng dầu nặng 16 kg, vỏ thùng nặng bằng  lượng dầu trong thùng. Hỏi số dầu trong thùng nặng bao nhiêu ki - lô - gam?

### ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 058

1) a)C      b)B      c)C      d)A      e)A      g)C

2) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

a)  $658,3 + 96,28 = 754,58$       b)  $93,813 - 46,47 = 47,348$   
c)  $37,2 \times 1,2 = 44,64$       d)  $52 : 1,6 = 32,5$

3) Thời gian đi của ca nô:  $11 \text{ giờ } 15 \text{ phút} - 7 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 3,75 \text{ (giờ)}$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Độ dài quãng đường AB là :  $12 \times 3,75 = 45(km)$

Đáp số: 45 km

4) a)  $0,8 \times x = 1,2 \times 10$

$$0,8 \times x = 12$$

$$x = 12 : 0,8$$

$$x = 15$$

b)  $2,5 \times 7,8 \times 4$

$$= (2,5 \times 4) \times 7,8$$

$$= 10 \times 7,8 = 78$$

Câu 5) a) Chiều rộng khu vườn là :  $120 \times \frac{2}{3} = 80(m)$

Chu vi khu vườn là:  $(120 + 80) \times 2 = 400(m)$

b) Diện tích khu vườn là:  $120 \times 80 = 9600(m^2) = 0,96 ha$

Đáp số : a) 400m      b) 9600m<sup>2</sup> ; 0,96 ha

Câu 6) Số ngày 1 người ăn hết số gạo là:  $120 \times 20 = 2400$  (ngày)

Số người mà ăn hết số gạo trong 25 ngày:  $2400 : 25 = 96$  (người)

Số người chuyển đi là:  $120 - 96 = 24$  (người)

Đáp số: 24 người

Câu 7) Tổng số phần bằng nhau:  $1 + 7 = 8$  (phần)

Số kilogram số dầu có là:  $(16 : 8) \times 7 = 14(kg)$

Đáp số: 14 kg.

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

ĐỀ SỐ 059

PHẦN I: khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng.

1. Số thập phân gồm năm mươi đơn vị, 1 phần mười, 3 phần nghìn được viết là:

- A. 50,13                      B. 5, 103                      C. 50, 013                      D. 50, 103

2.  $3\text{m}^3 5\text{dm}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

- A. 3005                      B. 350                      C. 3500                      D. 305

3. Hiệu của hai số là 27, số thứ nhất bằng  $\frac{2}{5}$  số thứ hai. Số thứ nhất là:

- A. 63                      B. 18                      C. 27                      D. 45

4. Một đội bóng đã thi đấu 20 trận, thắng 12 trận. Như vậy, tỉ số phần trăm các trận thắng của đội là :

- A. 12 %                      B. 32 %                      C. 40 %                      D. 60 %

5. Phân số  $\frac{5}{8}$  được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

- A. 0,625 %                      B. 6,25 %                      C. 62,5 %                      D. 625 %

6. Người ta muốn làm một chiếc hộp hình lập phương có cạnh 12m thì cần bao nhiêu giấy?

- A. 8m64cm                      B. 864m<sup>2</sup>                      C. 72dm<sup>2</sup>                      D. 72m<sup>2</sup>

PHẦN II

**Bài 1 :** Đặt tính rồi tính:

a )  $358,45 + 69,159$     b)  $357,25 - 147,9$

c)  $35,89 \times 2,8$                       d )  $9,52 : 6,8$

.....  
.....  
.....

**Success has only one destination, but has a lot of ways to go**

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Bài 2 : Tìm y :**     a)  $0,09 \times y = 0,36$

b)  $y : 31,8 = 5,17$

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

c)  $9 : y = 4,5$

d)  $94,2 + y = 321,6 - 19,25$

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Bài 3:** Một đàn gà, vịt có 150 con. Trong đó số gà chiếm 60% cả đàn. Hỏi có bao nhiêu con vịt ?

|  |
|--|
|  |
|  |
|  |
|  |

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

|  |
|--|
|  |
|  |

**Bài 4.** Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 7 giờ và đến tỉnh B lúc 10 giờ 50 phút. Ô tô đi với vận tốc 44 km/ giờ và nghỉ dọc đường 20 phút. Tính quãng đường AB.

|  |
|--|
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 5.** Trung bình cộng của 4,5 ; 5,7 và a là 5,3. Tìm a.

|  |
|--|
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 6.** Cả ba người thợ làm công được 270.000 đồng. Người thứ nhất được  $\frac{1}{3}$  số tiền. Người thứ hai được  $\frac{2}{5}$  số tiền. Tính số tiền của người thứ ba

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 059

I. TRẮC NGHIỆM

1.D      2.D      3.B      4.D      5.C      6.B

II. TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

a)  $358,45 + 69,159 = 427,609$

b)  $357,25 - 147,9 = 209,35$

c)  $35,89 \times 2,8 = 100,492$

d)  $9,52 : 6,8 = 1,4$

Bài 2) Tìm y

a)  $0,09 \times y = 0,36$

$y = 0,36 : 0,09$

$y = 4$

b)  $y : 31,8 = 5,17$

$y = 5,17 \times 31,8$

$y = 164,406$

c)  $9 : y = 4,5$

$y = 9 : 4,5$

$y = 2$

d)  $94,2 + y = 321,6 - 19,25$

$y = 321,6 - 19,25 - 94,2$

$y = 208,15$

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

**Bài 3)** Số con gà đàn đó có là:  $150 \times 60\% = 90$  (con)

Số con vịt đàn đó có là:  $150 - 90 = 60$  (con)

Đáp số: 60 con

**Bài 4)** Thời gian ô tô đi từ A đến B là :  $10 \text{ giờ } 50 \text{ phút} - 7 \text{ giờ} - 20 \text{ phút} = 3,5 \text{ giờ}$

Quãng đường AB dài là:  $44 \times 3,5 = 154(km)$

Đáp số : 154 km

5) Tổng của 3 số là :  $5,3 \times 3 = 15,9$

Số a là :  $15,9 - (4,5 + 5,7) = 5,7$

Đáp số: 5,7

6) Phần số chỉ số tiền người thứ ba :  $1 - \left(\frac{1}{3} + \frac{2}{5}\right) = \frac{4}{15}$

Số tiền của người thứ ba :  $270\,000 \times \frac{4}{15} = 72\,000$  (đồng)

Đáp số: 72000 đồng

## **ĐỀ SỐ 060**

### **PHẦN I. TRẮC NGHIỆM**

**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng**

**Câu 1.** Trong số thập phân 12,653 chữ số 5 có giá trị là:

- A.  $\frac{5}{10}$                       B.  $\frac{5}{100}$                       C.  $\frac{5}{1000}$                       D. 50

**Câu 2.** 12% của 345 kg là:

- A. 414 kg                      B. 41,4 kg                      C. 4,14 kg                      D. 34,5 kg

**Câu 3.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

a)  $2m^3 40dm^2 = \dots\dots\dots dm^3$

b)  $2345,6cm^3 = \dots\dots\dots dm^3$

c) 2 giờ 30 phút =  $\dots\dots\dots$  giờ

d) 1 ngày 12 giờ =  $\dots\dots\dots$  giờ

**Câu 4.** Hình lập phương có cạnh là 7 cm. Vậy thể tích của hình lập phương là

A.  $343cm^3$

B.  $28cm^3$

C.  $21cm^3$

D.  $294cm^3$

**Câu 5.** Tỷ số phần trăm của hai số 18 và 32 là:

A. 56,25%

B. 52,56%

C. 62,25%

D. 65,52%

**Câu 6.** Đúng ghi Đ, sai ghi S

Công thức tính diện tích hình thang là :

A.  $S = \frac{a+b \times h}{2}$  ☐

C.  $S = \frac{h \times (a+b)}{2}$  ☐

B.  $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$  ☐

D.  $S = (a+b) \times h : 2$  ☐

## II. TỰ LUẬN

**Câu 1.**

a) 12 giờ 24 phút + 3 giờ 18 phút =

b) 14 giờ 26 phút – 5 giờ 12 phút

**Câu 2.** Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 25 dm, chiều rộng 1,4 m chiều cao 1,2 m

**Câu 3.** Một hình tròn có chu vi 31,4 cm. Tính diện tích hình tròn đó

**Câu 4.** Một mảnh đất hình thang có đáy bé 26 m, đáy lớn là 34 m, chiều cao kém đáy bé 6m. Người ta dành 35% diện tích đất để trồng hoa. Tính diện tích đất trồng hoa

## ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 60

### I. TRẮC NGHIỆM

1.B

2.B

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

3

a)  $2m^3 40dm^3 = 2040 dm^3$

b) 2 giờ 30 phút = 2,5 giờ

c)  $2345,6cm^3 = 2,3456 dm^3$

d) 1 ngày 12 giờ = 36 giờ

Câu 4) A

Câu 5)A

Câu 6)

A. S

B. Đ

C. Đ

D. Đ

## II. TỰ LUẬN

Bài 1.

a)  $12 \text{ giờ } 24 \text{ phút} + 3 \text{ giờ } 18 \text{ phút} = 15 \text{ giờ } 42 \text{ phút}$

b)  $14 \text{ giờ } 26 \text{ phút} - 5 \text{ giờ } 12 \text{ phút} = 9 \text{ giờ } 14 \text{ phút}$

Câu 2.  $25 dm = 2,5 m$

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:

$$(2,5 + 1,4) \times 2 \times 1,2 = 9,36(m^2)$$

Đáp số:  $9,36m^2$

Câu 3. Bán kính hình tròn là:  $31,4 : 2 : 3,14 = 5(cm)$

Diện tích hình tròn là :  $5 \times 5 \times 3,14 = 78,5(m^2)$

Đáp số:  $78,5m^2$

Câu 4. Chiều cao của hình thang là:  $26 - 6 = 20 (cm)$

Diện tích hình thang là :  $(26 + 34) \times 20 : 2 = 600(m^2)$

Diện tích trồng hoa là:  $600 \times 35\% = 210(m^2)$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***

**Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam**  
**“Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi”**

Đáp số:  $210\text{ m}^2$

***Success has only one destination, but has a lot of ways to go***